

E.P. Prôkhôp

CƠ SỞ LÝ LUẬN của báo chí

(Tập 1)



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

E.P.Prôkhôrốp

Cơ sở lý luận CỦA BÁO CHÍ

(Tập 1)

(Sách tham khảo nghiệp vụ)
Người dịch: Đào Tấn Anh
Đới Thị Kim Thoa

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tháng 6-2003, nhân dịp Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam, Nhà xuất bản Thông Tấn đã ấn hành Bộ sách tham khảo nghiệp vụ báo chí gồm 14 cuốn, đáp ứng một phần nhu cầu tìm hiểu, học hỏi của báo giới trong nước và độc giả nói chung.

Sau hơn một năm kể từ ngày Bộ sách ra mắt bạn đọc, Nhà xuất bản đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu. Trong lần biên soạn, xuất bản này, chúng tôi mong tiếp tục gửi tới bạn đọc những hiểu biết thêm về lý luận và thực tiễn, kỹ năng và kinh nghiệm trong hoạt động báo chí, hy vọng giúp ích phần nào cho các nhà báo, sinh viên báo chí, và những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

Cuốn **“Cơ sở lý luận của báo chí”** của tác giả E.P.Prôkhôrop ấn hành năm 2001 hiện đang được dùng làm giáo trình giảng dạy cho sinh viên ngành báo chí của các trường đại học và cao đẳng ở Nga. Sách đã được tái bản lần thứ tư có chỉnh lý và bổ sung. Đây là tài liệu nhập môn báo chí, cung cấp cho độc giả những kiến thức cơ bản và hệ thống về lĩnh vực báo chí.

Trong nội dung cuốn sách, tác giả trình bày những vấn đề chung nhất, khái quát nhất về lý luận nghiệp vụ báo chí và những đặc thù của hoạt

* Chúng tôi chia cuốn sách làm 2 tập (B.T).

động báo chí với tư cách là một lĩnh vực hoạt động sáng tạo.

Ở tập 1, tác giả đi sâu giới thiệu quá trình xuất hiện và phát triển của báo chí; bản chất của thông tin đại chúng; vị trí, vai trò và chức năng của báo chí trong xã hội và mối quan hệ với xã hội; các quan điểm và nguyên tắc hoạt động báo chí nói chung và đối với nhà báo nói riêng; tự do báo chí và trách nhiệm của nhà báo; phương diện pháp lý của tự do báo chí, v.v..

Nội dung cuốn sách là những vấn đề lý luận cơ bản của hoạt động báo chí. Tuy nhiên, sách do tác giả người Nga viết, luận giải trên cơ sở thực tế của báo chí Nga và một số nước khác, nên chỉ mang ý nghĩa tham khảo đối với độc giả nước ta.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách và hy vọng bạn đọc, nhất là những người hoạt động trong lĩnh vực báo chí, những học viên, nhà nghiên cứu sẽ tiếp nhận được những điều hữu ích và cần thiết cho công tác và học tập, đồng thời rất mong nhận được ý kiến góp ý giúp cho chất lượng ấn phẩm được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

CHƯƠNG I

BÁO CHÍ - MỘT LĨNH VỰC CỦA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Việc nghiên cứu các quy luật của báo chí như một hệ thống hoạt động lôgic và tất nhiên là bắt đầu từ khái niệm trung tâm của khoa học báo chí - “Thông tin đại chúng” và đứng đằng sau nó là các hiện tượng của đời sống xã hội. Nắm vững vấn đề phức tạp và đa nghĩa này, ta có cơ sở cho việc tiếp tục thâm nhập vào các quy luật của báo chí.

Hoạt động thông tin đại chúng trong phạm vi hiện nay, khi mà hệ thống liên lạc toàn cầu đã hình thành và khi mà hàng triệu (đôi khi cả hàng tỷ) con người cùng được biết đến những sự kiện vào thời điểm diễn ra của chúng và nhận được những lời bình luận nóng hổi, mà hàng trăm năm trước đây không thể có, là một thành

tự của thế kỷ XX. Các phong trào đại chúng, sản xuất đại chúng, giao tiếp đại chúng, các tiến trình cũng như hiện tượng đại chúng khác là đặc trưng của thế kỷ XX. Trong những thập niên vừa qua đã hình thành cả thuật ngữ “thông tin đại chúng”.

Các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm báo chí, phát thanh và truyền hình đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển khá dài. Những tờ báo đầu tiên đã xuất hiện vào đầu thế kỷ XVII, còn các tạp chí - vào nửa sau của thế kỷ XX. Kể từ đó bắt đầu quá trình hình thành ngành báo chí như là một hiện tượng xã hội quan trọng. Tuy nhiên sự ra đời của hoạt động thông tin đại chúng đã được bắt đầu từ rất lâu. Và cho dù đó chỉ là những hiện tượng tiền báo chí, nhưng cũng cần phải chú ý tới để hiểu được chúng đã xuất hiện như thế nào và từ đâu có những hiện tượng đó mà hiện nay đã phát triển thành nhiều hình thức khác nhau và gây ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội như vậy.

CÁC HIỆN TƯỢNG TIỀN BÁO CHÍ. SỰ XUẤT HIỆN CỦA NGÀNH BÁO CHÍ

Các hình thức trao đổi thông tin đã xuất hiện ngay từ thời kỳ bình minh của nhân loại. Đó là bước tiến cần thiết khi chuyển từ “bầy đàn nguyên thủy” đến việc hình thành các cộng đồng người. Trong đó đóng vai trò chủ yếu là các hình

thức lao động đầu tiên của những con người đang được hình thành, trong quá trình tổ chức lao động đã xuất hiện sự cần thiết trao đổi “các thông báo”. Thoạt đầu đó là những ký hiệu (trong đó có cả ký hiệu âm thanh), và sau đó bắt đầu xuất hiện ngôn ngữ cấu âm. Do nhu cầu trao đổi thông tin đã dẫn đến sự phát triển các hình thức giao tiếp ký hiệu. Sự giao tiếp bằng ký hiệu đã góp phần tập hợp mọi người khi tổ chức hành động trong các lĩnh vực hoạt động rất đặc trưng của chế độ công xã nguyên thủy. Đồng thời sự giao tiếp bằng ký hiệu mang nhiều thông tin hơn là bằng ngôn ngữ, một bộ phận cấu thành của toàn bộ đời sống con người.

Giao tiếp thông tin, còn có hoạt động của thị giác và thính giác, là những yếu tố tác động mạnh đến con người và điều đặc biệt quan trọng là tác động đến lĩnh vực công luận, mà khi đó nó hoàn toàn chưa phải là một lực lượng tinh thần, có tổ chức trong hoạt động đời sống của các cộng đồng người.

Như vậy, ngay từ những thời kỳ đầu của lịch sử nhân loại đã xuất hiện các nguồn thông tin, một phần có định hướng đến việc hình thành, duy trì và đẩy mạnh công luận. Ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ đã trở thành yếu tố hình thành các quan niệm về thế giới xung quanh và biện pháp tác động đến hành vi của con người như là các thành viên của các cộng đồng ngay từ chế độ

nguyên thủy. Mỗi dây liên hệ “thông tin - công luận” chứng tỏ rằng những dấu hiệu của các quá trình thông tin đại chúng phát triển cho đến ngày nay đã bắt đầu sản sinh từ thời xa xưa.

Cùng với sự xuất hiện của nhà nước, các hình thức của đời sống xã hội trở nên phức tạp, các quá trình phân công lao động diễn ra, hình thành các thể chế chính trị và xuất hiện các chính sách nghiệp vụ. Cùng lúc đó các nhà diễn thuyết đóng vai trò đặc biệt tích cực trong việc truyền bá các thông tin đại chúng. Hoạt động chính của các nhà đại hùng biện của thời cổ đại, đặc biệt là Demosthenes (nhà hùng biện Hy Lạp) và Siseron (La Mã) là biểu hiện sáng chói của cái gọi là hoạt động tiền báo chí, - truyền bá có mục đích trong đông đảo dân chúng những tin tức gây tác động chính trị - tư tưởng đối với họ, hình thành dư luận, quan niệm, ham muốn của họ, thôi thúc đến với các hoạt động này hay hoạt động khác.

Từ những thời kỳ cổ xưa cho đến tận ngày nay những bài diễn thuyết bằng lời của các nhà hùng biện đã và vẫn còn là hình thức hoạt động thông tin đại chúng quan trọng nhất. Các đại diện của chính quyền nhà nước đã cử những người đưa tin hỏa tốc là thân dân của mình để truyền tin: thầy mỗ, người tù và sứ giả. Những từ ngữ được sử dụng rộng rãi hiện nay có liên quan với các hình thức truyền tin bằng miệng:

“Forum” (Hội thảo - là quảng trường hội họp ở La Mã), “Tribune” (Diễn đàn - những cương vị được bầu, sau đó là nơi tuyên cáo), “Vetre” (cuộc hội họp của những người Xlavơ, bắt nguồn từ chữ “Sovet” - cố vấn); Duma (cuộc họp của các nhà cố vấn)... Rất nhiều từ vẫn còn được lưu lại làm tên của các báo và tạp chí, điều này chứng tỏ về mối liên hệ bền chặt của báo chí với các hiện tượng tiền báo chí. Có một số từ khác cũng được kế thừa lại như “Vesnik” (“Moscow vesnik”) “Curie - (tùy phái viên)” (“Tùy viên của UNESCO”), “Heraldus - sứ giả” (“International Gerald Tribune”, Duma (“Duma”)... Những tên tuổi của các huyền thoại, danh nhân, đóng vai trò là những người mang tin của Chúa (và vì vậy được vẽ với các đôi cánh trên lưng) và các ông chủ của các thầy mô (Hermes - trong thần thoại Hy Lạp, Mercury - thần thoại La Mã), cũng đi vào từ điển báo chí (“Moscow Mercury”...).

Nhà thờ và các nhà hoạt động tôn giáo đứng đầu các phong trào quần chúng đã áp dụng rộng rãi truyền thống của các bài diễn văn hùng biện (chẳng hạn như nhà truyền đạo T.Miscora đã trở thành hiện tượng vĩ đại của chính luận thời kỳ cải cách). Hùng biện chính trị đã trở thành một bộ phận cấu thành của hoạt động chính trị - xã hội ngay từ thế kỷ XVIII, còn sau này nó trở thành đặc tính quan trọng của nền văn hóa nghị viện (từ “nghị viện” xuất xứ từ tiếng Pháp

“parler” - “nói”) nói chung của các bài diễn thuyết trước đông đảo công chúng, trong đó cả ở các cuộc mít tinh và các cuộc họp.

Đồng thời với các hình thức diễn thuyết bằng lời, các hình thức văn viết của hoạt động thông tin đại chúng cũng đã phát triển: Các thiết chế chính trị, các vị chức sắc của nhà thờ cũng đã gửi đi các tài liệu chữ viết khác nhau - các thông điệp, các tối hậu thư, các đạo luật, các sắc lệnh của Giáo hoàng. Sau này đã xuất hiện truyền đơn, tờ bướm, các hình thức trao đổi thư tín. Dựa trên cơ sở của chúng đã hình thành các thể loại chính luận, được áp dụng rộng rãi vào lĩnh vực báo chí.

Tất cả các hình thức giao tiếp xã hội này, mà hiện đang được sử dụng một cách tích cực, đã xuất hiện từ thời cổ đại như là các hình thức hoạt động tiền thân của báo chí. Khi đó cũng đã xuất hiện cái gì đó tương tự như là báo. Trong các nhà nước cổ đại rộng lớn (trước hết là ở Đế chế La Mã) các hình thức truyền bá thông tin bằng miệng đã trở nên không đủ, cũng giống như việc cử người đưa thư hỏa tốc. Vì vậy đã xuất hiện các hình thức “viết tay” tiền thân của báo chí - giống như là các tờ báo dưới dạng tổng hợp các tư liệu cấp bách thuộc các hình thức và các dạng khác.

Rõ ràng là ở Ai Cập cổ đại, trong cung đình của các vị Pharaông đã “phát hành” “tờ báo”

dưới dạng các cuộn da dê; đối lập với nó còn có cả “án phẩm chống đối”. Nhưng bền vững hơn cả là một công việc tiền thân báo chí đó là: Trong quốc gia La Mã theo chỉ định của Julius Caesar đã bắt đầu “phát hành” và duy trì được trong vòng hàng thế kỷ (thế kỷ I trước CN đến thế kỷ IV sau CN) bản tổng hợp các tin tức khác nhau - “Acta Senatus” và “Acta diurna Populi Romani”. Những thông báo này được viết trên các bảng gỗ phủ thạch cao và được treo ở những nơi dễ nhìn thấy. Các bản sao chữ viết “Acta” được gửi đi các thành phố và các tỉnh lỵ của La Mã, để theo dõi tình hình của các quan lại, thủ lĩnh quân sự, những người thu thuế, các nhà quản lý địa phương, thông báo cho họ về những quyết định của chính quyền trung ương. Ở các nước khác, như Nhật Bản, trước khi xuất hiện kỹ thuật in ấn đã tồn tại các “tờ báo” - các bản in từ các bảng đất sét. Một “tờ báo” cổ nổi tiếng nhất đó là “Iomiu Kavaran” (“đọc và truyền bản in”) từ năm 1615. Ở Anh đã phổ biến các tờ bản thảo viết tay “News Letters”, còn ở Nga trong suốt thế kỷ XVII ở cung đình của Sa hoàng đã phát hành bản viết tay “Courant” (bắt nguồn từ tiếng Pháp Courant là “hiện thời”) mà chúng còn được gọi là “Vesti”, “Stolbsa” (có nghĩa là “tin tức” và “cột báo”).

Trong thời cổ đại để ghi chép văn bản đã dùng các bảng gỗ và các bảng đất sét được bôi

một lớp sáp mỡ, các tấm da dê (cách thức chuẩn bị da dê đã được thể hiện ở Ai Cập, và từ đó nhiều thiên niên kỷ nó đã được “xuất khẩu” trên toàn thế giới cổ đại). Thay thế cho những chiếc bảng gỗ là giấy (tiếng Ý: Bambagia - “bông”) lần đầu tiên xuất hiện ở Trung Quốc ở thế kỷ I sau CN, từ đó nó đến Nhật Bản (thế kỷ VI) và qua các nước Arập đến châu Âu (thế kỷ X). Ở đây bắt đầu sản xuất giấy từ vải vụn, sợi vỏ cây, sợi gai dầu (đến giữa thế kỷ XIX). Ở Nga trước khi xuất hiện giấy, người ta đã viết lên vỏ cây bạch dương. Các cuốn sách được tạo thành từ giấy da cừu - các tấm da còn chưa thuộc với những mảng bông bao phủ (tên gọi xuất phát từ thành phố Pergam ở Tiểu Á, nơi mà các tấm da dê được sản xuất ngay từ thế kỷ I trước CN). Trong khi viết người ta đã sử dụng ngòi bút bằng que sậy (calam), bút lông, các que bằng gỗ (ở La Mã và ở nước Nga cổ), lông ngỗng và các loại lông chim khác.

Cùng với sự phát triển hoạt động tiền báo chí cũng đã xuất hiện nhu cầu về chuyên gia của “dịch vụ thông tin”. Ở châu Âu thời kỳ Trung cổ đã thành lập ra cái đại loại như văn phòng thu thập và truyền bá các thông tin bằng chữ viết - phường hội các nhà viết tin tức (Novellanti ở La Mã, Scrittori d'avviso ở Venice). Khi đó cũng đã xuất hiện từ “báo” là tên gọi của đồng tiền xu “gazzetta”; ở Venice một đồng tiền xu như thế có

thể được trả để đọc tổng hợp các tin tức.

Riêng báo chí như là những ấn phẩm xuất bản định kỳ - có thể đã xuất hiện chỉ sau khi phát minh ra kỹ thuật in ấn sách. Ở Trung Quốc, việc in sách đã xuất hiện sớm hơn so với ở châu Âu (vào thế kỷ VII - khắc trên gỗ, vào thế kỷ XI - in sắp chữ). Ở châu Âu những tiền đề kỹ thuật xuất bản sách bắt đầu hình thành từ những năm 30-40 của thế kỷ XV (phát minh của I.Gutenberg: in sách nhờ bộ chữ từ các chữ riêng biệt). Ngay trong năm 1510 ở Pari đã có đến 10 xưởng in. Ở châu Âu đã in các lịch, các tập tin tức, các tờ tin - là dạng tồn tại ngay trước khi có báo, tạp chí, các almanach. Ở Nga cuốn sách đầu tiên ghi ngày tháng ("Apostol") được xuất bản vào năm 1564. Nhưng cùng với thời gian, những phát minh về in ấn sách còn phải trải qua nửa thế kỷ, trước khi kỹ thuật ấn loát bắt đầu được đưa vào sử dụng để in ấn các ấn phẩm báo chí định kỳ.

Những nguyên nhân kinh tế - xã hội là yếu tố quyết định xuất hiện ngành báo chí. Thời kỳ chuyển giao của thế kỷ XVI và thế kỷ XVII là thời kỳ hình thành nhanh chóng các mối quan hệ thị trường, tăng cường buôn bán quốc tế. Trong thời gian đó đã xuất hiện các nhà nước tập quyền lớn (Pháp, sau đó là Nga), khoa học và văn hóa phát triển, trình độ biết đọc biết viết đang được phổ biến, lớp người có trình độ

học vấn ngày càng tăng, giới độc giả đang được mở rộng, xuất hiện dịch vụ bưu điện.

Toàn bộ các yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội là động cơ thôi thúc việc truyền bá rộng rãi và thường xuyên các thông tin văn hóa, khoa học, thương mại, cũng như thông tin chính trị về tình hình trong nước và quốc tế. Những khả năng kỹ thuật xuất bản thông tin đã thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển nhanh chóng các mối quan hệ toàn diện giữa các nước. Đó chính là thời kỳ bước lên vũ đài lịch sử của giai cấp tư sản cùng với những lợi ích kinh tế của mình, còn sau đó những kỳ vọng chính trị đã kéo theo sự hình thành và phát triển báo chí. Ngoài ra, giới tầng lớp - phong kiến đã bắt đầu ủng hộ sự phát triển của ấn loát, khi hiểu được ý nghĩa của nó đối với cuộc đấu tranh chính trị và tư tưởng.

Các tờ báo in đã xuất hiện vào đầu thế kỷ XVII thoát đầu là ở Đức ("Avvizo Relation oder Zeitung" - 1609) sau đó là ở Anh ("Weekly News" - 1622) và ở Pháp ("La Gazette" - 1631).

Những tờ báo đầu tiên, trước hết dành cho các thương gia và các thị dân, hàm chứa các tin tức về các con đường buôn bán, giá cả, tiến trình buôn bán, vận chuyển hàng hóa, đời sống nội tại của đất nước, mối quan hệ giữa các quốc gia và các thông tin khác rất quan trọng đối với những con người công vụ thời kỳ đó. Nhưng ngay từ

“Gazette” của Pháp được xuất bản có sự tham gia của Hồng y giáo chủ Richelieu, đã bắt đầu đăng tải cả những tin tức chính trị hướng tới các quyền lợi nhà nước của Pháp.

Vào nửa sau thế kỷ XVII đã xuất hiện các tạp chí và bắt đầu xuất hiện báo ngày. Ngay từ đầu, vũ khí chủ yếu của cuộc đấu tranh chính trị là các ấn phẩm kiểu sách mỏng - văn đả kích. Chính các bài văn đả kích đã trở thành vũ khí tư tưởng chủ đạo vào thời kỳ cách mạng tư sản Anh. Còn trước cuộc cách mạng vĩ đại Pháp đã xuất hiện báo chính trị dân chủ - tư sản theo hình thức báo. Vào thời kỳ Cách mạng đã xuất bản các báo nổi tiếng: “Người bạn dân” của Marat, “Perry Dussel” của Ebera, “Người bảo vệ Hiến pháp” của Robesperry.

Ở Nga tờ báo đầu tiên “Vedomosti” (bản ghi) bắt đầu được xuất bản vào năm 1702 theo lệnh của Pie Đệ nhất, trong đó có sự tham gia của ông. Đó là ấn phẩm chính trị nhà nước đầu tiên tuyên truyền về những cải cách của Pie.

Trong thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX báo chí phát triển chủ yếu dưới các hình thức gọi là “báo chí cá nhân”, khi người sáng lập và người lãnh đạo là chủ bút và đôi khi còn là tác giả duy nhất (như A.Krulóp trong “Bưu điện tinh thần”), ông còn kiêm cả việc in ấn và phát hành. Thời bấy giờ chủ yếu là xuất bản các tạp chí, còn báo chỉ đứng hàng thứ hai. Số lượng bản in không lớn,

ảnh hưởng của báo chí chỉ hạn chế trong một nhóm người nhỏ. Ở Nga vào giữa thế kỷ XIX, số lượng bản in trong khoảng 5-6 ngàn bản đã được coi là rất lớn.

Vào thế kỷ XIX báo chí châu Âu đã trở thành một lĩnh vực quan trọng và phát triển năng động của đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội. Nó đã đáp ứng quyền lợi và nhu cầu của độc giả trong một phạm vi lớn, bao gồm cả các lớp nữ công, các công việc yêu thích và mốt. Các phe nhóm chính trị, các cơ quan chính phủ, các hội văn hóa, khoa học và các hiệp hội khác cố gắng tạo ra được những ấn phẩm của mình để thông qua các phương tiện thông tin đại chúng làm cho đông đảo giới công luận làm quen với lĩnh vực công việc của họ, gây ảnh hưởng đến dư luận xã hội và ý thức con người. Từ đó báo chí đã hình thành theo nhiều định hướng khác nhau.

Cùng với sự tăng nhanh ý nghĩa của báo chí, thì các phương tiện kỹ thuật khác nhau để tái hiện và truyền tin cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi (kỹ thuật chạm khắc để minh họa, điện tín để truyền tin, đường sắt để vận chuyển). Vào nửa sau thế kỷ XIX đã phát minh ra phương thức tái hiện các bức ảnh chụp nhờ bản kẽm, máy rôtiatiô, máy đúc chữ linotip. Các tờ báo và tạp chí đã thu hút được đông đảo độc giả, nhờ đó mà số lượng bản in và doanh thu cũng đã tăng lên. Nhóm biên tập và đội ngũ nhà báo chuyên

ngành đã hình thành. Vào cuối thế kỷ XIX đã nổi rõ hai thể loại báo chí: báo chí đại chúng (dành cho độc giả thuộc tầng lớp dưới) và báo chí chất lượng (dành cho những người khá giả, giới cầm quyền, trí thức).

Ảnh hưởng của báo chí ngày một tăng nhanh. Nó đã bắt đầu tích cực can thiệp vào cuộc đấu tranh chính trị nội bộ và các mối quan hệ quốc tế, nó còn có khả năng không chỉ ảnh hưởng đến việc thông qua các giải pháp chính trị, xóa bỏ uy danh của các đại chính trị gia, mà còn lật đổ cả chính phủ. Báo ngày đã được đưa lên vị trí hàng đầu, người ta gọi những ông chủ của chúng là huân tước (hoặc nam tước) của báo chí, họ được liệt vào giới cầm quyền của xã hội.

Vào thời kỳ chuyển giao giữa thế kỷ XIX và XX đã phát minh ra phát thanh và truyền hình. Phát thanh đã trở thành một phương tiện thông tin đại chúng quan trọng trong những năm 1920, còn truyền hình - vào cuối những năm 1940. Đến những năm 1980 sự phát triển cả ba loại hình của các kênh thông tin đại chúng nhờ những thành tựu của vô tuyến điện tử đã dẫn đến việc tạo ra một hệ thống báo chí thống nhất, dẫn đến sự "bình đẳng" giữa chúng (trong một vài mối quan hệ thì truyền hình vẫn giữ vị trí thống lĩnh). Đã bắt đầu hình thành một không gian thông tin thế giới thống nhất, khi đó đường biên giới giữa các quốc gia không còn là

vật cản để truyền bá thông tin đại chúng. Sau thời kỳ “Chiến tranh lạnh”, bắt đầu giải trừ quân bị, và sau đó là thời kỳ hòa bình trong sự phát triển nhân loại đã đem lại cho ngành báo chí một vai trò quan trọng hơn trong tiến trình phát triển nền văn minh trái đất. Nếu như trước đây trong các điều kiện đối đầu về tư tưởng - chính trị, báo chí được gọi là “cường quốc vĩ đại thứ năm” hay là “lực lượng thứ ba” thì ngày nay người ta càng thường xuyên hơn, gọi nó là “quyền lực thứ tư” (sau lập pháp, hành pháp và tư pháp), nhờ có vai trò đáng kể trong xã hội thông qua việc hình thành ý thức đại chúng trên phạm vi thế giới.

Sức mạnh này của báo chí có được là do ý nghĩa thông tin trong đời sống xã hội hiện đại. Và vai trò của nó sẽ tăng theo mức độ tiến lên của nhân loại để đạt đến một xã hội thông tin phát triển, nơi mà yếu tố quyết định sự phát triển là “công nghệ thông tin”. Khai thác được thông tin và biết cách xử lý nó sẽ có ý nghĩa quyết định.

Trong xã hội thông tin hậu công nghiệp đang hình thành, hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng đã có những thay đổi sâu sắc về kỹ thuật. Sau ba giai đoạn phát triển đầu tiên (ngôn ngữ nói, các hình thức văn viết, các phương tiện kỹ thuật sao chép văn bản và thể hiện, các chất liệu ghi âm và ghi hình) đã bắt

đầu giai đoạn thứ tư dựa trên sự thống trị của các phương tiện vi tính - điện tử - ghi âm kỹ thuật số và truyền thông tin bằng việc sử dụng cáp quang và liên lạc vệ tinh. Đang bắt đầu đến thời của thông tin đa phương tiện (Multimedia), khi mà “người tiêu dùng” thông tin sẽ được quyền sử dụng thiết bị giao tiếp thống nhất dựa trên cơ sở vi tính, kết hợp các tính chất của tivi, đài phát thanh, điện thoại, bưu điện điện tử, fax, máy ảnh, máy ghi hình, ngoài ra còn vô số sách báo. Mỗi liên hệ qua lại (hai chiều) với các ngân hàng dữ liệu cho phép thông qua máy in báo chí, ấn phẩm được xuất bản có tính đến quyền lợi và sở thích của người tiêu dùng và với sự trợ giúp của máy vi tính “nhận biết” được sự ưa chuộng của “thượng đế” và thực hiện các đơn đặt hàng của họ. Thế nên “broadcasting” biến thành “broadcast”: xuất hiện hiện tượng nghịch lý - thông tin đại chúng cá thể hóa (hay phi đại chúng).

Mạng Internet toàn cầu dành cho những người có máy tính và có khả năng nối với hệ thống liên lạc điện thoại (cũng như được nhận dịch vụ cung cấp và trong một vài trường hợp - là đăng ký được nhận thông tin theo mạng này) đã tạo ra khả năng nhận tin đa dạng nhất, trong đó có các bản tóm lược và tổng thuật báo điện tử, thực ra là các báo và tạp chí trên mạng, các chương trình phát thanh và truyền hình, qua Internet có thể “tham gia” vào các “cuộc hội thảo” khác nhau,

làm quen với các tư liệu được phổ biến thông qua các “trang web” (Website) của riêng từng nhà báo, cũng như của các “cá nhân” khác. Những khả năng vô cùng rộng lớn của Internet (và chúng sẽ ngày càng mở rộng hơn) có thể sử dụng theo nhiều cách khác nhau.

Kết quả của việc sắp xếp các “đăng ký” đối với các “menu” thông tin đại chúng đã sinh ra nguy cơ cá thể hóa việc tiếp nhận thông tin của những người tiêu dùng, nên hình ảnh thế giới trong ý thức của con người sẽ rất khác nhau (đôi khi là căn bản). Chính vì thế mà thế giới hiện thực duy nhất trở thành vô số “hình tượng” đủ kiểu không đồng nhất. Trong những điều kiện đó ý nghĩa của nguồn thông tin đại chúng đang tăng mạnh, nó được các nhà báo chuẩn bị như một mô hình liên kết của thời đại, trong chừng mực nào đó tạo ra toàn cảnh cơ sở của nhận thức thế giới và hệ biến thái của việc cảm nhận toàn bộ các thông tin khác. Điều đó cực kỳ quan trọng đối với thế giới thống nhất, phụ thuộc lẫn nhau của nền văn minh thông tin thế kỷ XXI.

BẢN CHẤT THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Trong lý luận báo chí khái niệm “thông tin đại chúng” (tiếng Latinh - Information là “thông tin, bày tỏ, thông báo”) là khái niệm cơ sở (chẳng hạn trong lý luận nghệ thuật, đóng vai

trò này là khái niệm “hình tượng”, trong kinh tế chính trị là “hàng hóa”...). Chính thông qua nét đặc trưng của hoạt động báo chí về thu thập, xử lý, sắp xếp, truyền bá thông tin đại chúng đã bộc lộ bản chất của báo chí như là một lĩnh vực hoạt động xã hội đặc biệt. Ngành báo chí không sử dụng các phương tiện nào khác để thực hiện vai trò xã hội của mình, ngoài thông tin. Khi trở thành cầu nối trung gian giữa báo chí và độc giả, thông tin cũng là một công cụ mà nhờ sự trợ giúp của nó sẽ giải quyết được những nhiệm vụ đa dạng đang đặt ra trước toàn bộ hệ thống báo chí như một thiết chế xã hội đặc thù. Điều này giải thích cho việc lựa chọn thuật ngữ “các phương tiện thông tin đại chúng”, đối với ngành báo chí, là một tổng thể vô số các kênh: báo chí, phát thanh và truyền hình.

Khi xem xét bản chất phương tiện thông tin đại chúng của ngành báo chí đã xuất hiện những khó khăn, một trong số những khó khăn đó là tính phức tạp trong việc khai thác nội dung khái niệm “thông tin đại chúng”, như phạm trù khởi điểm của toàn bộ hệ thống kiến thức báo chí. Trước hết, khi làm việc với cái “đơn giản nhất” (cái đơn giản nhất của thông tin là thông báo!), rất khó khăn cả về mặt lôgic lẫn tâm lý để tìm thấy bản chất phức tạp của hiện tượng. Ví dụ, cảm giác rằng trong một bản tin lớn sẽ nhiều thông tin hơn là trong bản tin nhỏ. Nhưng trên

thực tế thường thấy rằng, trong bản ghi chép thông tin ngắn dành cho độc giả hàm chứa nhiều thông tin hơn là trong các bài viết dài. Hoặç: để chuyển tải được tư tưởng một cách chính xác hơn, người ta tưởng rằng có thể sử dụng rộng hơn những khả năng từ vựng của ngôn ngữ, nhưng điều đó thường dẫn đến việc làm cho một bộ phận độc giả khó hiểu được ý nghĩa của thông báo (hoặç là để mất thông tin).

Như vậy, đằng sau nội dung bề ngoài có vẻ đơn giản của phạm trù “thông tin” còn tiềm ẩn một loạt tri thức bên trong khi mà chúng ta lại cố dừng lại một cách vô ý thức ở các đặc điểm đơn thuần quen thuộc. Trong thực tiễn khi nghiên cứu cái “đơn giản” như các tế bào chứa đựng tất cả sự phong phú của hiện tượng phức tạp đã phát triển, cần phải chú ý đến những tính chất cụ thể của sự vật, chứ không nên đi theo chiều ngược lại.

Khó khăn thứ hai, có liên quan trực tiếp đến khó khăn thứ nhất - đó là tính chất đa nghĩa của việc sử dụng các từ “đại chúng” và “thông tin” trong cuộc sống thường nhật. Việc định nghĩa “đại chúng”, ngoài ý nghĩa cơ bản (“lớn về số lượng, dành cho nhiều người, kết quả của sản xuất dây chuyền”) đôi khi còn được sử dụng để biểu thị chất lượng thấp (“sản phẩm đại chúng”) hoặç, như trong tập hợp từ “văn hóa đại chúng” - sản phẩm của sản xuất tinh thần

chất lượng không cao, dành cho thứ sở thích mộc mạc.

Tính từ “đại chúng” được sử dụng trong tập hợp từ “các phương tiện thông tin đại chúng” đang mất dần sắc thái tiêu cực (dù điều đó không có nghĩa là những ấn phẩm hay những chương trình này hoặc những chương trình khác không thể trở nên tầm thường, kém chất lượng, cấp thấp đối với công chúng, và chủ yếu mang những ý nghĩa sau đây:

- Hướng tới quần chúng (xã hội, dân tộc, giai cấp, đẳng cấp, khu vực, nghề nghiệp...).
- Thích ứng với nhu cầu của công chúng, giúp hiểu được những vấn đề và những hiện tượng xã hội quan trọng, đề cập trên phạm vi rộng lớn những vấn đề về quyền lợi kinh tế, xã hội, tinh thần của quần chúng, và đáp ứng những tin tức mà họ có thể sử dụng như của chính mình trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống.
- Cố gắng tạo lập quan điểm thống nhất của đại chúng và những vấn đề liên quan tới nó, liên kết nó với cộng đồng xã hội và vạch ra quan điểm tích cực thống nhất trên phạm vi của những vấn đề đó, cùng với sự tiếp cận những chuẩn mực của nhân loại.
- Tính dễ tiếp cận của thông tin đối với đại chúng (cung cấp thông tin miễn phí hoặc trả khoản cước phí nhỏ, chế độ sử dụng thuận lợi - tại nhà, trên đường, bên cạnh những nơi thường

xuyên có người...), hình thức đơn giản, dễ sử dụng.

- Công chúng có khả năng tiếp nhận thông tin cùng lúc, liên tục, cung cấp ổn định (phát hành theo định kỳ).

- Khả năng rộng mở đối với tất cả những ai muốn tham gia vào công việc của các phương tiện thông tin đại chúng dưới các dạng thức khác nhau (thư, cộng tác, làm việc tại các cơ sở đầu mối của xã hội).

Thông tin đại chúng, bên cạnh tính *chuyên môn* (phù hợp với công việc chuyên môn, hoạt động xã hội và các môn giải trí yêu thích) và *phẩm chất cá nhân* (bao gồm kinh nghiệm cá nhân, kiến thức, quan niệm) trong sự kết hợp độc đáo với mỗi con người và mối quan hệ qua lại của chúng, tạo nên cơ sở thế giới tinh thần của cá nhân, đó cũng là “cơ sở thông tin” của hệ thống các mối quan hệ và hoạt động của nó.

Từ “thông tin” trong ngành báo chí cũng được sử dụng theo nhiều nghĩa, từ lâu nó đã được dùng trong ba nghĩa có quan hệ mật thiết với nhau: Đó là các thông báo ngắn không bình chú về các tin tức nóng hổi của đời sống trong nước và quốc tế; là danh mục nhóm các thể loại tin tức (các loại hình thông tin: tin ngắn, báo cáo, tường thuật, phỏng vấn); cuối cùng “thông tin” đôi khi được hiểu là thể loại tin ngắn. Đó là những nghĩa hẹp của từ này, và nếu sử dụng nó trong chính những ý nghĩa đó, thì cảm tưởng

như, hoàn toàn không phải tất cả các tư liệu của một số báo hay một chương trình đều là *thông tin* (chẳng hạn như, bài báo hay bài văn đả kích, ký sự truyền hình, hay phim tài liệu).

Bất kể tác phẩm nào cũng đóng vai trò thông tin (hoặc có thể có - về điều này sẽ nhắc đến ở phần sau): các bài báo và các bài phóng sự, các phim truyền hình và các kịch truyền thanh, videoclip quảng cáo và minh họa ca nhạc. Ngoài ra, cả tính chất của tiêu đề, cả vị trí tác phẩm trên các trang báo hay trong chương trình, cả ngữ điệu của người dẫn chương trình hoặc người đọc, cả sự phân biệt kiểu chữ (tít chữ), dòng, ngắt chữ... cũng có ý nghĩa thông tin - chúng dường như bổ sung lời văn cho chính tác phẩm, nhấn mạnh ý nghĩa của nó đối với độc giả hoặc vai trò mà các nhà báo gán cho nó.

Tóm lại, thuật ngữ “thông tin” thời nay cần phải sử dụng theo nghĩa rộng - đó là *toàn bộ các tin tức* (bằng ngôn từ và cả hình thức được ghi lại không bằng ngôn từ) mà *báo chí đem lại cho công chúng*. Còn cái mà trong ngành báo chí lâu nay vẫn gọi là “thông tin” - đó chỉ là một phần của thông tin trong nghĩa rộng của từ này, chủ yếu là *thông tin thời sự*, các tin tức về các sự kiện mới. Bên cạnh thông tin thời sự trong nguồn thông tin của báo chí còn có thông tin *cơ bản* và *bình luận*, thông tin *nghệ thuật* và *chính luận*. Điều đó về nguyên tắc cần phải biết để

hiều ngành báo chí như là hoạt động thông tin đại chúng: Các phương tiện thông tin đại chúng nhất quyết không thể hạn chế hoạt động của mình chỉ bằng việc thông báo tin tức - thông tin thời sự.

Tuy nhiên cả cách hiểu thông tin theo nghĩa rộng cũng chưa đủ. Cần phải đào sâu vào chất lượng nội dung của khái niệm và sẽ là không đủ khi sử dụng thuật ngữ này chỉ với tư cách là từ đồng nghĩa của các khái niệm “toàn bộ các tác phẩm”, “hệ thống các tin tức”... Đặc thù của thuật ngữ “thông tin” rất dễ cảm nhận theo cảm tính, dựa trên những kinh nghiệm thường nhật. Khi đã đọc xong một bài báo hay nghe xong một chương trình dài, mà từ đó công chúng thực sự không rút ra được điều gì cả, người ta thường nói: “tác phẩm nghèo thông tin” hay “trong bài viết chẳng có thông tin”. Những lời nhận xét đó dường như là nghịch lý. Trong thực tế, nếu trong bài viết có chứa đựng những tin tức nào đó, thì vì sao độc giả hoặc khán giả lại không tìm thấy thông tin?

Câu hỏi và câu trả lời cho nó có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động báo chí như là một hoạt động thông tin. Nhưng sẽ không tìm được câu trả lời đúng khi xem văn bản chỉ như là vật truyền tin - mà cần phải xem xét nó (bài báo, bài phát thanh hoặc phỏng vấn) trong hệ thống các mối quan hệ “nhà báo - công chúng thường

thức". Văn bản (trong lý luận thông tin sử dụng thuật ngữ "thông báo") chỉ như là vật trung gian trong hệ thống D-B-T-A. (hiện thực - nhà báo - văn bản - công chúng thưởng thức).

Nhà báo, khi thu thập và nhận thức *hiện thực*, tạo ra *tác phẩm* của mình và ghi thành *văn bản* trên một loại vật liệu nào đó (giấy, băng từ hoặc băng hình...). Sau đó, nó được biên tập và sắp xếp cùng với các văn bản khác để đưa vào số báo hoặc chương trình phát thanh (hoặc truyền hình) chuyển tới *công chúng*. Văn bản trong hệ thống D-B-T-A chỉ có thể được xem như là *vật mang tin tiềm năng*, bởi vì dù nó được dự tính đưa tới cho công chúng nhưng trước khi "gặp gỡ" với công chúng còn chưa rõ nó sẽ được "sử dụng" hay không.

Trên thực tế, nội dung của tác phẩm chỉ nằm trên vật liệu trung gian trong suốt quá trình thông tin, thì những tin tức hàm chứa trong nó "không đến được" với độc giả (không đăng ký mua báo, không bật ti vi, bởi vì không coi chương trình phát thanh là thú vị, khi đọc phát hiện thấy nhiều từ khó hiểu, hoặc độc giả quên không xem phim ảnh...) sẽ hủy hoại hiệu quả của toàn bộ hệ thống D-B-T-A. Nếu công chúng không nhận được thông tin hoặc văn bản đến với mình đã bị bóp méo, thì có thể nói đó là những vi phạm nghiêm trọng trong suốt quá trình thông tin hoặc có sự gián đoạn của nó. Vì

vậy, thông tin *tiềm năng* sẽ được sử dụng chỉ trong trường hợp nó “đến được” với độc giả. Cũng có nghĩa là bản thân thông tin trong văn bản chỉ là *cái được công chúng tiếp thu và hấp thụ*.

Không phải ngẫu nhiên trong khoa học về thông tin, quan niệm đó được coi là xuất phát điểm, còn sự phân tách *thông báo và thông tin* là nguyên tắc. Tin tức chưa phải là thông tin, chỉ khi tiếp xúc với người “tiêu dùng” nó mới xuất hiện (tách ra, sinh ra) thông tin; thông tin là những gì đã được *phối hợp* trong thông báo, được công chúng *sử dụng*.

Trong tác động của văn bản với độc giả (T-A) được tách ra một cách khách quan hai khía cạnh. Thứ nhất - lựa chọn trong số báo (chương trình truyền hình) những văn bản cần thiết cho độc giả (thông báo), và tiếp theo - lựa chọn trong văn bản đó cái thú vị, dễ hiểu, có ích và quan trọng đối với độc giả. Một phần văn bản, mà độc giả “nắm bắt được” - đó là *thông tin đã được thừa nhận*. Thông tin được thừa nhận luôn bao gồm một phần nào đó của khối lượng *thông tin tiềm năng*.

Khía cạnh thứ hai - đó là chỉnh lý thông tin đã được tiếp nhận, cải tổ ý thức và hành vi của công chúng dưới tác động của nó. Những quan niệm, cách nhìn nhận, đánh giá... hình thành dưới tác động của thông tin, được thừa nhận ở mức độ khác nhau sẽ được biến đổi, được hệ

thông hóa, phát triển, đào sâu, làm sáng tỏ hoặc ngược lại, bị hủy bỏ, mất giá trị, không được quan tâm và bị thoái hóa. Quá trình này không còn được tính bằng định lượng, như ở khía cạnh thứ nhất, mà bằng chất lượng, tính chất và cấp độ thay đổi trạng thái ý thức của công chúng dưới ảnh hưởng của thông tin đã được thừa nhận. Những “chuyển biến” trong nhận thức của công chúng dưới tác động của thông tin được thừa nhận là *thông tin hiện thực*.

Do sự chuyển đổi văn bản trên con đường đến với công chúng yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với các nhà báo là phải hiểu biết được các quy luật của những biến đổi này và cân nhắc tới chúng trong khi làm việc với văn bản. Nhà báo cần phải hiểu rằng không phải tất cả những gì *truyền đi* đều được *thừa nhận* và đồng thời được *tiếp thu* như ý muốn. Bởi vậy, xuất phát từ việc hiểu biết độc giả, nhà báo có trách nhiệm phải dàn xếp những mối quan hệ qua lại đó với công chúng, trong đó thông tin tiềm năng sẽ trở thành thông tin được thừa nhận một cách tối đa, và sau đó thành thông tin hiện thực.

Như vậy không chỉ là vấn đề tương xứng giữa nhận thức về hiện thực của nhà báo với việc ghi chép nó sáng rõ trong văn bản, mà còn cả vấn đề hiệu quả tác động của văn bản đó khi đến với độc giả. Tương ứng với khái niệm thông tin đó một mặt, là *tính hàm súc thông*

tin của văn bản, có nghĩa là hiện thực hóa tối đa tiềm năng của nó khi “tiếp xúc” với độc giả, tạo nên hiệu quả thực tế cao; mặt khác tính hiện thực thông tin cũng phụ thuộc vào chính mức độ hàm súc thông tin của văn bản - cấp độ của bước chuyển thông tin tiềm năng thành thông tin được thừa nhận và tiếp theo là chỉnh lý nó thành thông tin hiện thực.

Như vậy, việc nâng cao độ hàm súc thông tin của văn bản là mối quan tâm thường xuyên của nhà báo. Và điều đó đòi hỏi phải rèn luyện theo các quy tắc của thực tiễn, mà khi tuân thủ chúng, nhà báo trong từng trường hợp cụ thể, có thể đạt được mức độ súc tích thông tin cao.

Những quy tắc thực tiễn được hình thành phù hợp với ba phương diện của tiến trình hoạt động thông tin đại chúng là: 1) Phản ánh hiện thực, 2) Xây dựng văn bản của tác phẩm, 3) Việc nắm bắt văn bản từ phía độc giả. Và việc xử lý “văn bản” của nhà báo được thực hiện qua ngữ nghĩa, cú pháp, và tính thực dụng. *Ngữ nghĩa* (tiếng Hy Lạp - *sematikos* là giải nghĩa, ý nghĩa) của văn bản - đó là đặc trưng của mối quan hệ giữa văn bản với hiện thực (phản ánh cái gì và như thế nào); *Cú pháp* (tiếng Hy Lạp - *sintaktikos* là “cấu thành”) - đó là đặc trưng cơ cấu bên trong của văn bản. *Tính thực dụng* (tiếng Hy Lạp - *pragma* là “ích lợi”) của văn bản - đó là đặc điểm quan hệ giữa nó với độc giả (nó đem lại

điều gì cho quyền lợi độc giả). Sự cân xứng giữa ngữ nghĩa, cú pháp và tính thực dụng phải là đặc điểm tối cần thiết của văn bản báo chí (tiếng Hy Lạp - *adequatos* là tương xứng, cân xứng) - đó là tính chân thực của phản ánh hiện thực, tính chính xác của việc xây dựng bài viết, và tính giá trị đối với độc giả.

Việc tuân thủ nghiêm ngặt những yêu cầu này của sự cân xứng ngữ nghĩa, cú pháp và thực dụng là điều kiện cơ bản thực hiện nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của hoạt động thông tin đại chúng - có nhiều thông tin hữu ích đến được với độc giả. Tính phổ cập thông tin - đó là trạng thái ý thức, mà trong đó mỗi chủ thể - đại diện giai cấp, sắc tộc, khu vực, nghề nghiệp, lứa tuổi... có quyền sử dụng toàn bộ những thông tin "đầy đủ và thiết yếu", cho phép họ có được định hướng đúng đắn trong nhận thức thực tiễn và tiếp nhận những giải pháp cần thiết đáp ứng những nhu cầu, quyền lợi chính đáng của mình trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó bao gồm cả quyền lựa chọn.

Để đạt được tính phổ cập thông tin tương ứng trên tất cả các vấn đề quan trọng đối với độc giả cụ thể là rất khó. Trở ngại chính là kiến thức không đầy đủ của nhà báo, khả năng tiếp cận của họ khi phản ánh cuộc sống, cộng với những khó khăn khác trong chuyển tải thông tin đến độc giả và nhiều cái khác. Cách khắc phục trở

ngại này là mở rộng tầm nhìn, nâng cao trình độ, kỹ năng sáng tạo, củng cố tính định hướng nhân văn trong quan điểm xã hội của mình, mong muốn giúp đỡ độc giả của mình am hiểu cuộc sống...

Khi xây dựng văn bản tác phẩm cần cân nhắc đến việc nâng cao tính phổ cập thông tin cho độc giả - đó là cơ sở hoạt động của nhà báo. Thêm vào đó, làm việc với văn bản, đó không phải là các động tác sáng tạo kế tiếp nhau, cái nọ nối theo cái kia (thoạt đầu tích lũy kiến thức cuộc sống, sau đó là trình bày chúng, và cuối cùng là hoàn thiện văn bản cùng với việc hướng về độc giả), mà là một quá trình thống nhất, trong đó các vấn đề ngữ nghĩa, cú pháp và tính thực dụng được giải quyết đồng bộ, và liên quan mật thiết với nhau. Trong quá trình này tính thực dụng của sáng tạo (mối quan tâm đến độc giả, đến tính hữu ích thông tin) là khía cạnh trung tâm.

Để đạt được tính phổ cập thông tin cao đòi hỏi nhà báo phải hiểu biết những điều kiện và yếu tố tạo nên hiệu lực trong quan hệ “văn bản - công chúng”, ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp với độc giả, thính giả, khán giả (công chúng thưởng thức), và có khả năng xác định trước tính hữu dụng thông tin cao của văn bản. Khi đó, đối với các tầng lớp công chúng khác nhau, nhà báo có trách nhiệm chuẩn bị thông tin theo

những lối riêng, mới mẻ, đồng thời tính đến những nhu cầu, mối quan tâm, trình độ và quan điểm xã hội của họ.

Chỉ có thể đạt được tính phổ cập tương ứng khi tuân thủ *ba điều kiện cần thiết của thông tin*.

Thứ nhất - *tính cuốn hút* (không nhầm chán) (tiếng Pháp - banal là “nhầm chán”), tính độc đáo của những tin tức đưa đến cho độc giả. Biểu hiện đơn giản nhất của tính không nhầm chán là sự mới lạ của thông tin, hàm chứa những yếu tố (sự kiện, quan sát, đánh giá, tư tưởng...) mà độc giả, thính giả hay khán giả còn chưa được biết đến. Tuy nhiên, cái mới lạ không phải là biểu hiện duy nhất của sự không nhầm chán. Thông tin có chất lượng, không nhầm chán còn là những thông tin có thể làm sống dậy trong tâm trí độc giả những tin tức, sự kiện, những kết luận, tư tưởng mà họ đã từng biết đến, giúp họ nhớ được nội dung và ý nghĩa của chúng; làm sống động tin tức đã biết, giúp cho việc sử dụng những tin tức trước đây đã nhận được, để suy xét những sự kiện và những vấn đề đang diễn ra, để trả lời cho những câu hỏi mới. Tính không nhầm chán còn thuộc về những thông tin được hệ thống một cách đầy đủ, thận trọng và rõ ràng hơn những tin tức đã nhận được từ trước, kết nối các ý nghĩa lẻ tẻ thành một hệ thống thông tin trọn vẹn. Và cuối cùng, thông tin không nhầm chán là thông tin chinh đốn lại cho

đúng dẫn những quan niệm đã đưa ra trước đây, đồng thời đưa ra cách luận giải mới, tin cậy hơn về những sự kiện và nhân vật nổi tiếng.

Điều cực kỳ quan trọng là phải làm việc một cách sáng tạo đối với những thông tin mà công chúng đã biết rõ (nhớ lại, làm cho nó trở nên cấp thiết, hệ thống hóa, thay đổi cách nghĩ với tin tức hiện có) tạo nên sức cuốn hút công chúng. Trong trường hợp nhắc lại, cần chú ý biến thể, ngay cả đối với những điều mà công chúng đã biết rõ - phải trình bày trong những mối quan hệ mới, hàm chứa nó trong một chất liệu mới, dưới một hình thức mới... Để gây được ấn tượng mới cho thông tin cần phải tính đến sự dôi dào cần thiết của nó, đặc biệt không vội vã trình bày, dựa vào những gì đã được khai thác. Tuy nhiên, cũng có sự dôi dào thông tin mà không mang lại kết quả, ngược lại gây tai hại, khi mà những tin tức nguyên bản, đã từng được “thực hiện” một cách tích cực thì lại bị chìm ngấm trong những nguồn tin mới. Đó còn là trường hợp, cái đã biết rõ làm khó khăn thêm, ngăn cản việc cảm nhận cái mới.

Ngay cả những thông tin tuyệt đối độc đáo cũng không có hiệu quả và hoàn toàn vô bổ, khi nghệ thuật thể hiện của nhà báo tuân thủ biện pháp định hướng chính xác đến độc giả cụ thể.

Điều kiện thứ hai của tính phổ cập thông tin - là giải mã thông tin, điều mà công chúng

hiểu được phù hợp với ý định đưa đến của nhà báo, có nghĩa là công chúng hiểu được ý nghĩa cơ bản của thông tin mà nhà báo đã trình bày (ý tại ngôn ngoại).

Nhà báo trước hết phải sử dụng ngôn ngữ mà công chúng dễ hiểu - lời, chữ, hình ảnh minh họa... Cần phải đàm thoại bằng ngôn ngữ của công chúng. Để làm được điều đó nhà báo cần phải biết thứ ngôn ngữ này, cái gọi là từ điển (tiếng Hy Lạp - thesauros là “kho tàng quý báu”) của công chúng, hiểu rõ đầy đủ nghĩa của các từ cấu thành cú pháp, tạo nên mỗi câu trong văn bản. Khi cần, phải đưa ra các từ mới đối với công chúng, cần giải thích nhiều lần ý nghĩa của chúng, giúp họ lĩnh hội chúng nhanh chóng.

Mặt khác, nhà báo cần phải chú ý tới những kinh nghiệm biểu cảm của công chúng và ngôn ngữ hình tượng tương ứng của họ (những ví von so sánh gắn với hoa, động vật, đá quý, cỏ cây...). Đối với các dân tộc khác nhau ngôn ngữ hình tượng có những ý nghĩa khác nhau. Và không được xem thường ngôn ngữ hình tượng này để không gây nên phản cảm không mong muốn.

Thứ nữa, khi giải mã dữ liệu thông tin đòi hỏi nhà báo trong công việc sáng tạo của mình phải chú ý đến trình độ hiểu biết của công chúng, phải làm quen với “mã số văn hóa” của công chúng. Nếu nhà báo sử dụng những luận điểm khoa học, những sự kiện lịch sử, những hình

tượng và các cốt truyện nghệ thuật, những từ ngữ “khó hiểu” và những cách thể hiện “bay bổng” mà những người đối thoại không quen biết thì không thể nói đến giải mã dữ liệu.

Cuối cùng, để thông báo được ý tưởng của mình một cách tương xứng đòi hỏi nhà báo phải xác định được quan điểm xã hội, hiểu được nếp nghĩ, “tâm tư” của độc giả. Trong trường hợp này, nhà báo phải biết phát triển ý tưởng, trong trường hợp khác - cần tiến hành hội thảo, trường hợp khác nữa - phải tổ chức tranh luận với cách nhìn nhận phổ biến nhất.

Vi phạm quy tắc dễ hiểu sẽ không chỉ dẫn đến việc làm khó hiểu văn bản nhà báo đã làm ra, mà còn dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng hơn thế nữa. Nếu như văn bản làm cho độc giả “không hiểu nổi”, xuất hiện phản cảm sẽ dẫn tới thái độ tiêu cực đối với nguồn thông tin. Sự diễn giải thiếu tương xứng của văn bản (về các sự kiện, hiện tượng và các vấn đề) sẽ dẫn tới sự bất đồng ý kiến với người đưa tin, hình thành quan niệm méo mó về hiện thực. Trong trường hợp này tạo ra tình huống nhà báo “làm việc” chống lại chính mình.

Điều kiện thứ ba của tính phổ cập thông tin - *tính liên đới* (tiếng Anh - relevant là “thích đáng, liên quan đến công việc”), tính giá trị, có ý nghĩa của những tin tức liên quan đến công chúng. Những tác phẩm hợp thời là những tác

phẩm phù hợp với *nhu cầu* và *sự quan tâm* của công chúng. Tính hợp thời là tiêu chuẩn quan trọng của tính phổ cập thông tin và là mối quan tâm chính của nhà báo khi xác định và thực hiện công việc thông tin đối với công chúng. Đồng thời, tác phẩm của nhà báo phải đáp ứng mối quan tâm của công chúng, trong “mối quan hệ” này, đòi hỏi nhà báo phải có những nỗ lực sáng tạo nghiêm túc. Điều này là động lực kích thích sự chú ý của độc giả đối với thông tin, là sự phù hợp của tin tức mới đối với sự quan tâm của độc giả. Chính sự quan tâm của chủ thể (tiếng Latinh - *interesse* là “có ý nghĩa”) sẽ hướng đến sự tìm kiếm thông tin. Nhu cầu về mặt nào đó, cũng là sự thiếu khách quan của thông tin (thường là không nhận thức thấy) - được bộc lộ không mạnh mẽ như là mối quan tâm. Nhưng trước hết, cần phải quan tâm đến chính là việc thỏa mãn nhu cầu của việc chuyển tải thông tin, nhờ đó mà tạo dựng cơ sở của tính hữu ích thông tin, định hướng đúng cho công chúng trong nhận thức và hành vi tương xứng trước hiện thực; đó là nhu cầu thực tế của công chúng, từ việc lựa chọn hàng hóa đến việc bầu cử tổng thống.

Sự quan tâm và nhu cầu thông tin của công chúng có thể tách rời nhau - độc giả có thể quan tâm đến một thứ (chẳng hạn các tình huống xung đột, các vấn đề đạo đức, các tai nạn

xảy ra thường nhật, cuộc sống của “các ngôi sao”...) còn những nhu cầu của cuộc sống lại buộc họ (và tất nhiên là cả các nhà báo) phải lưu ý đến những vấn đề kinh tế, các quy định pháp luật, các quy luật phát triển của xã hội... có nghĩa là, nhà báo cần phải học cách kết hợp điều này, với điều kia, khi đáp ứng những sự quan tâm của công chúng, đồng thời hướng sự chú ý của họ đến các phương diện khác quan trọng của đời sống xã hội. Trong đó yêu cầu sáng tạo thường xuyên được đặt ra trước nhà báo. Nhiệm vụ này được thực hiện dựa vào sự hiểu biết của nhà báo về công chúng (không chỉ nhu cầu và sự quan tâm của họ, mà còn cả sở thích, nguyên cơ quan tâm đến phương tiện thông tin đại chúng và nhiều điều khác), và việc nắm vững những cách thức kết hợp mối quan tâm và nhu cầu trong tác phẩm.

Như vậy, *tính phổ cập thông tin* cao của một văn bản báo chí phụ thuộc trực tiếp vào toàn bộ chất lượng của nó như: tính hợp thời, sự mã hóa dữ liệu, tính không nhàm chán, *tính hàm súc thông tin* của văn bản. Không tuân thủ dù chỉ một trong số những yêu cầu nêu trên (thậm chí ngay cả khi đã thực hiện được hai yêu cầu ở mức cao) cũng làm cho văn bản mất khả năng trở thành có tính phổ cập thông tin.

Như vậy, *tính thực dụng* - là khía cạnh đầu tiên để xem xét tính đầy đủ của thông tin. Việc

thực hiện các yêu cầu của tính thực dụng được thể hiện từ phương diện ngữ nghĩa và cú pháp của nó, có nghĩa là, thông qua việc phản ánh từng phần của hiện thực trong mỗi lời văn tác phẩm.

Đầy đủ ngữ nghĩa đòi hỏi sự tương xứng của văn bản với thực tiễn mà nhà báo đang phản ánh. Mỗi một tác phẩm, đáp ứng yêu cầu này, đòi hỏi phải nêu ra những tin tức sự thật về cuộc sống, còn toàn bộ các tác phẩm trong số báo hay trong chương trình, cho thấy một bức tranh hiện thực đầy đủ và khách quan. Về mặt lý luận, rõ ràng là chính sách thông tin của các phương tiện thông tin đại chúng cần phải có mục tiêu hoạt động rõ ràng khi thành lập các mô hình thông tin của thực tiễn, làm sao cho phép công chúng định hướng được chính xác, sâu sắc, toàn diện trong các hiện tượng, quá trình, xu hướng và quy luật của đời sống xã hội. Đồng thời hệ thống các văn bản báo chí từ phía ngữ nghĩa cần phải đạt mức tối ưu khi thu thập, sắp xếp và truyền bá thông tin, theo cách nào đó để thực hiện được tính đa dạng cần thiết và dồi dào của nó. Chính tầng lớp công chúng, khi lựa chọn thông tin phù hợp với mình, cần nhận được tất cả những tin tức cần thiết, có nghĩa là những tin tức phản ánh hiện thực một cách đầy đủ và khách quan.

Vậy từ góc độ ngữ nghĩa thì nguồn thông tin cần phải như thế nào!

Trước hết đó là *thông tin mô tả* (descriptio -

“mô tả”) và giới thiệu cho công chúng tất cả sự phong phú của các sự kiện thuộc về thế giới chung quanh, các hiện tượng, quy luật, các tiến trình và các mối quan hệ, các tính chất, số phận của con người. Những tin tức mô tả có mặt trong văn bản, là điểm tựa cho tất cả các hoạt động tiếp theo của nhà báo, bởi vì đó là nền tảng, cơ sở cho việc định hướng, sự hiểu biết “cái đang có”. Dựa vào các sự kiện, là một trong những quy định quan trọng của hoạt động báo chí.

Tuy nhiên cùng một sự kiện nhưng mỗi nhà báo có cách trình bày khác nhau, chưa kể đến sự đánh giá và các kết luận mà họ rút ra từ sự kiện đó. Sở dĩ xảy ra điều này là vì quan điểm về các tin tức được mô tả, các sự kiện, và hơn nữa là suy nghĩ của nhà báo diễn ra dưới ánh sáng của lý tưởng xã hội mà họ phải tuân thủ. Lý tưởng này (dưới dạng trực tiếp hoặc ẩn giấu, như cơ sở đánh giá và kiến nghị) đóng vai trò như là thông tin *án định trước* (tiếng Latinh - *prescriptio* là “viết trước”) và như là một sự hình dung về “tương lai đang chờ đón” mà nhà báo tán thành.

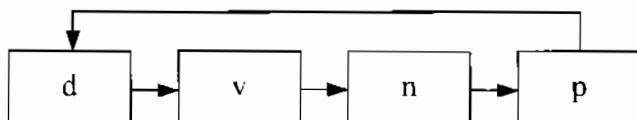
Việc đặt thông tin “án định” trước lên thông tin mô tả, so sánh những dữ kiện đã có với “lý tưởng”, phân tích sự kiện dưới ánh sáng của “tương lai mong đợi” sẽ giúp cho nhà báo đưa ra đánh giá của mình về sự kiện đang diễn ra, nhận định xu hướng hay các quy luật được khám phá. Và từ đó xuất hiện *thông tin* đánh giá

(tiếng Latinh - valeo, tiếng Ý valuta nghĩa là “giá trị”, “đáng giá”).

Việc đánh giá có thể được trình bày trực tiếp hoặc chứa đựng trong tính chất của việc cung cấp tư liệu; nhà báo có thể hướng vào việc thể hiện quan điểm của mình đối với cái đang diễn ra, hoặc ngược lại, có thể “nêu” sự kiện một cách vô tư hơn. Tuy nhiên trong cả hai trường hợp, nhà báo đều không thể rời bỏ cách nhìn nhận, đánh giá của mình.

Cuối cùng, để tiến tới việc biến đổi tình hình thực tiễn (“cái hiện có”) hướng tới “cái tương lai mong đợi”, cần phải đưa ra những ý kiến cụ thể về các biện pháp nhằm đạt được tương lai này. Vì vậy xuất hiện thông tin *chuẩn mực* (tiếng Latinh - norma), sẽ đem lại câu trả lời cho câu hỏi “làm gì?” trong mối liên quan với các sự kiện đã được đánh giá của cuộc sống.

Tóm lại, văn bản báo chí theo quan điểm đầy đủ thông tin ngữ nghĩa (nếu cấu trúc của nó hoàn toàn mở rộng) sẽ mang đến cho công chúng các thông tin mô tả, ấn định, đánh giá và thông tin chuẩn. Trong đó quá trình hình thành và mối quan hệ qua lại của chúng có thể hình dung theo sơ đồ sau:



Văn bản của tác phẩm cần phải được xem như một hệ thống tượng trưng của các ký hiệu (s); hàm chứa các thông tin mô tả (d); đánh giá (v); chuẩn mực (n); ấn định (p) và cấu thành: S (d, p, v, n). Cách tiếp cận thông tin nói chung này, tạo nên sự đa dạng, phong phú chất liệu thực tế của nội dung tác phẩm báo chí trong tổng thể bốn thành tố cấu thành cơ bản, là rất cần thiết để hiểu đúng bản chất của hoạt động thông tin trong ngành báo chí. Trong lý luận sáng tác cũng như khi đề cập các tác phẩm hiện thực thì “bộ” sườn này dường như được bao bọc bởi rất nhiều những yếu tố cấu thành cụ thể, sinh động của nội dung và hình thức. Nhưng khi nói đến toàn bộ tác phẩm cần phải nhận thấy cái sườn, và “cấu trúc chuyển tải” thông tin.

Khía cạnh thứ ba trong việc xem xét thông tin, đó là cú pháp, nhờ đó mà văn bản của tác phẩm nổi bật nét đặc trưng từ phía cấu trúc của nó. Toàn bộ sự đa dạng trong việc tổ chức văn bản báo chí; “thu thập” từ những thành tố đó, xác định cho phù hợp với những nhiệm vụ mà nhà báo đang giải quyết, các thành tố của chúng, cường độ xuất hiện của các thành tố, trật tự sắp xếp trong văn bản.

Hệ thống các thành tố có thể là đầy đủ - S (d,p,v,n) cũng có thể là giản lược - S (d) và hơn nữa, trong thực tế tồn tại rất nhiều những phương án trung gian của thành phần bài viết.

Cường độ xuất hiện của các thành tố trong văn bản cũng có thể khác nhau: từ kiểu cân đối như S (p,d,v,n) đến kiểu nhấn mạnh S (d,d,d,p)...

Trình tự, lôgic phát triển của việc kể lại cũng có rất nhiều phương án: S (d->p->v->n); S (p->d->v); S (d->v); ...

Cơ sở để hình thành cấu trúc văn bản thể này hay thể khác là việc giải quyết các vấn đề ngữ nghĩa và cú pháp có liên quan đến luận chứng của tính hữu dụng được tìm thấy trong văn bản. Tất cả phụ thuộc vào nhu cầu thực tế của công chúng đối với thông tin, và vào khả năng của “người tiêu dùng” đối với việc chủ động cảm nhận và xử lý thông tin một cách sáng tạo.

Chúng ta biết rằng thông tin không chỉ được “cất giữ” trong nhận thức, mà còn cần được xử lý trên cơ sở tin tưởng vào công chúng và chuyển tải cho họ thông tin với một số lượng và tính chất sao cho không bị dư thừa một cách tai hại. Trong điều kiện công chúng tích cực tìm hiểu thông tin, qua tác phẩm mô tả, trong đó đề cập thông tin đã được tích lũy, lại có thể là nguyên nhân khai thác các loại thông tin khác (thông tin đánh giá, thông tin tiêu chuẩn). Và ngược lại, khi nhà báo không tính đến khả năng xử lý của công chúng đối với những thông tin mới, bổ sung, “thêm thắt”, sẽ có khả năng tạo ra những kết quả không mong đợi, chẳng hạn, như gây ra sự băn khoăn và khó chịu do dư thừa thông tin

một cách có hại, sự nghi ngờ về trình độ chuyên môn của nhà báo...

Việc khám phá bản chất của hoạt động báo chí như là một hoạt động thông tin đại chúng, nêu ra các khái niệm “độ hàm súc thông tin” “tính hữu ích thông tin”, “tính thông tin”, cũng như việc mô tả những điều kiện và các yếu tố xác định hiệu quả tác động của nhà báo khi công chúng trao vào tay nhà báo những kiến thức, giúp họ làm việc một cách chủ động, có chủ đích và hiệu quả. Nhưng đó chỉ mới là kiến thức, nếu có dụng ý xấu hoặc do không hiểu biết mà sử dụng không đúng, sẽ dẫn đến kết quả *phi thông tin*.

NGÀNH BÁO CHÍ LÀ MỘT THÀNH TỐ CỦA QUẢN LÝ XÃ HỘI

Bên cạnh các khía cạnh mô tả và đánh giá thông tin còn có cả khía cạnh ấn định và chuẩn mực, vì vậy hoạt động thông tin đại chúng, bằng kết quả của mình cũng có tác động về mặt quản lý đối với hệ thống các cách nhìn và các quan niệm, đến định hướng hành vi của người nhận thông tin. Chính nhờ có thông tin mà người “tiêu thụ” nó có thể tạo lập nên bức tranh thế giới, tạo nên hình tượng cấu trúc mở rộng của thực tiễn (mô hình bên trong của thế giới bên ngoài, bao gồm cả những hình dung về “tương lai mong đợi” và con đường đạt tới đó) đồng thời nó

điều tiết mối quan hệ của những người đại diện cho mô hình này đối với thực tiễn. Có nghĩa là ngành báo chí có tác động chỉ đường: khi đưa tin, nó làm nhiệm vụ “chỉ đường” đối với cả người “tiêu dùng” thông tin.

Quản lý là tác động dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu, trạng thái và hoạt động của đối tượng mà nó tác động vào. Sự quản lý có thể được thực hiện cùng với mục đích đã định sẵn, thậm chí trong trường hợp mục đích chính đã được hình thành rõ nét hoặc hành vi của nhà báo được thực hiện, bề ngoài có vẻ không có chủ đích, nhưng tác động quản lý vẫn diễn ra do các quy luật nội tại của hoạt động thông tin.

Toàn bộ phạm vi của những nhiệm vụ đề ra, ngành báo chí thực hiện trong suốt một thời gian dài, và do khi thực hiện nhiệm vụ này nhất thiết sẽ xuất hiện những nhiệm vụ khác, quá trình quản lý là người bạn đồng hành vô tận của sự vận động xã hội.

Tất nhiên, tác động quản lý của ngành báo chí không hoàn toàn giống nhau (còn có các lực lượng khác hoạt động) không phải do nhà báo thiếu sức lực hay không đủ kiến thức, sự hiểu biết về nhu cầu của xã hội hay khả năng sáng tạo. Có nhiều yếu tố phụ thuộc vào tính chủ động tiếp nhận thông tin từ phía công chúng. Cần phải tính đến khả năng thực tế của mỗi con người hay các nhóm người có thể tự mình hình

thành hệ thống các quan điểm về thực tiễn chung quanh, trong đó có cả việc tư duy lại (đôi khi là bác bỏ) nguồn thông tin do nhà báo cung cấp (đáng chú ý nữa là các phương tiện thông tin đại chúng thuộc các định hướng khác nhau, đưa ra các phương án đánh giá và kiến nghị khác nhau). Tác động quản lý này không mang tính chất bắt buộc một cách khắt khe (như trong trường hợp quan hệ “con người - máy móc”). Nhưng nếu các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động có hiệu quả cao (có nghĩa là tính đến những nhu cầu thực tiễn và mối quan tâm của độc giả) đồng thời lại đoàn kết và nhất trí, thì sức mạnh ảnh hưởng của chúng có thể sẽ rất đáng kể.

Do khả năng quản lý của ngành báo chí là rất cao, nên nhà báo cần phải đặc biệt nhận thức được trách nhiệm cá nhân của mình đối với việc hình thành ý thức công chúng, ý nghĩa dẫn đường đối với công chúng của những thông tin do các phương tiện thông tin đại chúng phát hành đang được truyền bá trong xã hội.

Việc tham gia quản lý của ngành báo chí trong đời sống chính trị - xã hội mang tính chất tác động đến việc thông qua các quyết định của các *thiết chế xã hội*, cũng như tác động đến thế giới quan và định hướng hành vi của công chúng. Cả hai hướng tác động này xác định vị trí của ngành báo chí trong đời sống xã

hội, vai trò “quyền lực thứ tư” của nó.

Vai trò to lớn và ngày càng phát triển của báo chí trong đời sống xã hội đòi hỏi phải thực hiện ngày càng đầy đủ hơn và củng cố về mặt luật pháp đối với thông tin (cũng như đối với các nhà báo, và đối với độc giả). Từ đó xuất hiện yêu cầu tính trong sáng (transparant), và tính công khai trong hoạt động của các thiết chế xã hội và tính thẳng thắn của các nhà chức trách, mở rộng sự tiếp cận của nhà báo đối với các nguồn tin (tất nhiên là họ phải tuân thủ theo những chuẩn mực đạo đức và pháp luật). Điều này rất cần thiết đối với việc thực hiện những yêu cầu của tính hữu ích thông tin đối với xã hội, là một trong những điều kiện quan trọng của hoạt động thông tin.

Ảnh hưởng của báo chí đến các tiến trình xã hội, đến hoạt động của các thiết chế xã hội và tính chủ động của công chúng là rất khác nhau, tùy thuộc vào việc báo chí mang quan điểm xã hội nào và bảo vệ quyền lợi của các lực lượng xã hội nào. Đó có thể là *quan điểm bảo thủ*, hướng vào việc giải quyết nhiệm vụ duy trì trạng thái, củng cố trật tự vật chất hiện hành và ủng hộ *trạng thái ý thức đại chúng hiện có* (dựa trên cơ sở cung cấp và luận giải những hiện tượng tương ứng của đời sống xã hội đang diễn ra). Đó có thể là *quan điểm phản động*, mà tương ứng với nó thì nhiệm vụ của báo chí là phải hướng vào việc

thúc đẩy sự vận động thụt lùi của các cơ cấu xã hội và của nhận thức xã hội. Cuối cùng, đó có thể là *quan điểm tiến bộ* của báo chí, mà buộc nó phải đấu tranh vì những chuyển biến trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và tinh thần của đời sống, mà những chuyển biến này xác định trước sự vận động tiến lên, ngày càng giúp cho việc tự do thể hiện những khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân nói riêng và của nhân loại nói chung, thúc đẩy tiến bộ kinh tế, xã hội và văn hóa. Và lại các lực lượng xã hội khác nhau có thể đưa ra các phương án phát triển tiến bộ xã hội - với vô số phương án là kết quả của sự nhìn nhận khác nhau về “tương lai mong đợi”. Vì thế ngay cả trong trường hợp này, nhà báo cũng phải lựa chọn đường lối tác động thông tin của mình đến xã hội.

Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, thông tin đại chúng đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo sự thành công trong hoạt động của các thể lực chính trị - xã hội. *Cuộc chiến thông tin* luôn đã và sẽ mãi mãi là bạn đồng hành của tất cả các hình thức đụng độ giữa các thể lực xã hội. Mặt khác “chiến tranh thông tin” - là tham vọng “chiến thắng đối phương”. Hiện nay, “các cuộc chiến tranh thông tin” thường xuyên được tiến hành giữa các thể lực xã hội khác nhau, hơn thế thường được tiến hành với việc áp dụng các phương tiện không

đăng tin cậy. Trong lúc diễn ra các cuộc xung đột quân sự giữa các thế lực đối đầu, người ta áp dụng chế độ kiểm duyệt quân sự, cấm không được sử dụng radiô, tiếp âm các chương trình phát thanh của đối phương, tăng cường phản tuyên truyền, và để tác động đến dân chúng của đối phương, người ta sử dụng rộng rãi *phi thông tin*.

Phi thông tin - đó không phải là sự thiếu vắng thông tin. Đó là một loại hình thông tin, mà bản chất của nó thể hiện ở chỗ là do tính bất tương xứng của các văn bản (ngữ nghĩa, cú pháp, thực dụng), nó tạo ra cho công chúng một hệ thống các định hướng lệch lạc, hình thành bức tranh hiện thực không đúng đắn, những giá trị và những mục đích bị bóp méo. Các phương tiện phi thông tin là sự bịa đặt trắng trợn, cũng như là sự “nửa vơi”, loan tin đồn nhảm (những tin đồn, hơn nữa, không phải lúc nào cũng là sự bịa đặt), che giấu tin tức, những nhấn mạnh không đúng trong thông báo, bình luận không đầy đủ, những lời hứa hẹn mị dân, sự bợ đỡ công chúng... Vào thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, Bộ Tuyên truyền của nước Đức phát xít dưới sự chỉ đạo của Hebbels đã truyền bá phi thông tin cho cả “quân mình”, cũng như cho cả công chúng “ngoại bang”. Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai là thời kỳ “chiến tranh lạnh” trong đó một bộ phận quan trọng của nó

là “Chiến tranh thông tin” - đó là cuộc chiến vì “trí tuệ và lương tri” con người cùng với sự trợ giúp thông tin “có chủ đích” mà cả các phương tiện thông tin cũng được áp dụng.

Cùng với sự tan rã của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, các mối quan hệ thông tin trong nước và giữa các nước với nhau càng trở nên phức tạp và ngày càng được mở rộng hơn.

Hoạt động của các thế lực chính trị theo các định hướng khác nhau, tính không điều chỉnh được các giao tiếp thông tin giữa các dân tộc, tính vô trật tự trong hoạt động của các mạng vi tính kiểu “Internet” đã sinh ra nhiều vấn đề trong lĩnh vực trao đổi thông tin, đòi hỏi chế định hóa pháp luật và tự điều chỉnh đạo đức của các thành viên tham gia hoạt động thông tin. Các cuộc chiến tranh thông tin đang bị đảo lộn và hiện nay không chỉ trên trường quốc tế, mà ngay tại không gian thông tin của nước Nga, tới mức bất kỳ các phương tiện thông tin nào cũng có thể đạt được “thắng lợi” (thường là các phương tiện không được phép từ góc độ luật pháp và đạo đức). Điều đó diễn ra trong những thời kỳ nhậy cảm của các mối quan hệ xã hội, trong đó thường là vào thời kỳ bầu cử các cơ quan quyền lực.

Do đó, xuất hiện vấn đề về *an ninh thông tin* đối với hoạt động của các phương tiện thông tin

đại chúng. Điều kiện và nhân tố an ninh thông tin là việc đảm bảo tính hữu ích thông tin có thực đối với “người tiêu dùng” và bảo vệ họ khỏi bị ảnh hưởng của tác động xúi giục và phi thông tin. Và những ảnh hưởng như vậy có nguyên nhân của những quan điểm bảo thủ hoặc thậm chí là phản động của các phương tiện thông tin đại chúng thuộc các thể lực xã hội nhất định, và việc xem nhẹ an ninh thông tin của công chúng vì những lợi lộc khi tuyên truyền thông tin “vàng” và không hiểu biết những nhu cầu chính đáng của công chúng... Bởi vậy, nhận thức các định hướng nhân văn của các nhà báo và sự phản kháng của họ đối với những ai có thái độ xem thường tính hữu ích thông tin chân chính của công chúng, và cũng chính là đối với an ninh thông tin, là cực kỳ quan trọng.

Hoạt động thông tin đại chúng là bản chất của ngành báo chí. Nhưng ngay từ bây giờ cần phải hiểu rằng khái niệm “thông tin đại chúng” là khái niệm trung tâm, cơ bản, vì vậy nhất thiết phải quan tâm đến các phạm trù khác có liên quan tới nó. Chỉ có hoàn tất chương trình hoạt động thông tin đại chúng như là đối tượng nghiên cứu thì mới có thể hiểu được đầy đủ, và chỉ có nắm vững hệ thống kiến thức hoàn chỉnh về ngành báo chí như một lĩnh vực hoạt động thông tin đại chúng mới đảm bảo sự hiểu biết trọn vẹn.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG CỦA BÁO CHÍ

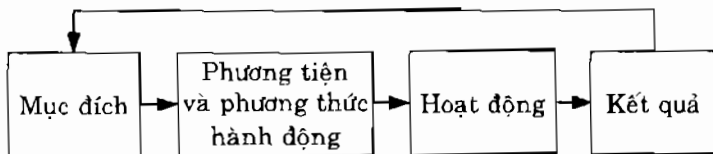
Trong khi trình bày những khái niệm căn bản về phạm trù trung tâm của khoa học báo chí - “thông tin đại chúng” - cũng đã có đề cập sơ qua đến các chức năng của thông tin đại chúng, trình bày dưới dạng chung nhất về mục đích, nhiệm vụ, vai trò của nó trong đời sống xã hội.

Định hướng xã hội, quản lý ý thức và hành vi của người tiếp nhận thông tin đại chúng, hình thành bức tranh hiện thực tương ứng, cũng như cả những quan niệm về “tương lai mong đợi” và các con đường đạt tới đó, xác định quan điểm sống của công dân, chỉ rõ thái độ đối với các hiện tượng khác nhau của đời sống... tất cả những vấn đề nêu trên là những nhiệm vụ mang tính chức năng của báo chí trong thời kỳ hiện nay. Và điều đó hiển nhiên là: từ bản chất thông tin của báo chí chính là con đường trực

tiếp dẫn tới chức năng của báo chí, bởi vì chính thông qua tính định hướng hoạt động mà nêu bật được vị trí và vai trò của báo chí trong cuộc sống của bất kể sự vật, hiện tượng hay của một loại hoạt động nào. Không thể mô tả ý nghĩa sự vật, thậm chí của một sự vật rất đơn giản, như một chiếc bàn, nếu như không rõ nó tồn tại làm gì và phục vụ cái gì. Những sự vật có thể thực hiện những vai trò khác nhau. Chiếc bàn, chẳng hạn, có thể đóng vai trò của “bàn viết”, “bàn ăn”, “bàn bếp”, “bàn trang điểm”... trong một vài tình huống nó có thể đơn giản chỉ là để trang trí, là vật liệu để làm chướng ngại vật, chất đốt... Báo chí cũng vốn có tính chất đa chức năng như vậy, chúng ta cần phải phân tách những vai trò xã hội căn bản của nó.

KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CHỨC NĂNG BÁO CHÍ

Chức năng (tiếng Latinh – Functio có nghĩa là “nhiệm vụ, chức năng, tính chất hoạt động, việc thực hiện nhiệm vụ”) của báo chí là toàn bộ các trách nhiệm và các nhiệm vụ nó thực hiện, là khả năng hoạt động sống trong xã hội. Và vì bất kể hoạt động nào của con người cũng luôn có chủ đích, còn để đạt được các mục đích cần phải có các phương tiện tương ứng, báo chí như là một loại hình hoạt động, xét từ phương diện chức năng của nó, có thể hình dung như sau:



Thế nên, *mục đích* là *kết quả* mong muốn đã tiên định trước, mà khi đạt được điều đó phải thông qua việc sử dụng có hiệu quả các *phương tiện* có liên quan. Do hành động có mục đích được xác định bằng kết quả mong đợi, nên trước khi tiến hành thực hiện nó cần phải hình dung được kết quả mong đợi đó. Vậy mục đích và những kết quả tiên định của hành động báo chí là như thế nào?

Bước vào lĩnh vực báo chí có thể, xuất phát từ việc muốn đầu tư vốn của mình để thu lợi nhuận, từ tham vọng tiền công hoặc thực hiện tiềm năng sáng tác của mình, từ mong muốn có được công việc có uy tín hoặc trở thành người có ảnh hưởng... Những mục đích như thế có thể có rất nhiều và không một mục đích nào lại mang trong mình điều gì đáng trách cả. Nhưng tất cả những điều đó, dường như là mục đích thứ yếu, nó chỉ có ý nghĩa trong trường hợp những mục đích cốt tử, sâu sắc thực hiện được.

Mục đích cốt tử nằm trong lĩnh vực dịch vụ thông tin đại chúng và của các thiết chế xã hội. Nếu báo chí “không đến được” với người tiếp

nhân của mình, nó không thể thực hiện được bất cứ mục đích thứ yếu nào mà việc thực hiện những mục đích này gắn trực tiếp với việc đạt được những mục đích hàng đầu. Vì vậy câu giải đáp cho những vấn đề cốt tử của hoạt động báo chí: “cho ai?” và “để làm gì?” là rất có ý nghĩa.

Nếu câu trả lời cho câu hỏi “cho ai?” được rút ra từ quan niệm về báo chí như là một hệ thống chức năng, nơi mà các nguồn tin đặt tiêu điểm là độc giả đại chúng và các thiết chế xã hội, thì việc nhận được câu trả lời “để làm gì?” đòi hỏi phải được phân tích rộng hơn.

Khi tính đến *vận mệnh xã hội của báo chí như một hệ thống nhiệm vụ bảo đảm thông tin tương xứng cho hoạt động sống của công chúng* và các thiết chế xã hội phù hợp với những nhu cầu thông tin của họ, cần thiết phải xem xét một cách cụ thể tất cả “không gian chức năng” trong toàn bộ sự đa dạng và sự tác động lẫn nhau của chúng. Chỉ trong trường hợp này nhà báo mới có khả năng nhận thức rõ được vai trò của báo chí trong xã hội, xác định vị trí của nó trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, mới tự hoàn thiện được lĩnh vực hoạt động mà mình đã lựa chọn. Và chỉ sau khi nắm được hệ thống các chức năng “hàng đầu” và hình thành kiến thức, đồng thời biết cách thực hiện chúng, mới có thể giải quyết được vấn đề “của các chức năng” thứ yếu quan trọng đối với mỗi

nhà báo, có liên quan đến việc thực hiện những nhiệm vụ quan trọng mang tính cá nhân.

“Không gian chức năng” này rất rộng lớn và còn tiếp tục được mở rộng, do gắn với việc nâng cao vai trò thông tin trong đời sống xã hội đang bước vào “kỷ nguyên thông tin” và sự tăng nhanh ý nghĩa của thông tin đại chúng.

Theo ý kiến của các chuyên gia nghiên cứu báo chí, thì vai trò của nó, như một loại hình hoạt động của con người, là rất khác nhau. Người ta nói về vai trò của báo chí trong nhận thức thế giới chung quanh, trong khám phá những định hướng giá trị, xã hội hóa nhân cách, giáo dục và đào tạo, truyền bá văn hóa, cũng như nó có thể tham gia điều tiết và kiểm soát trong quản lý các tiến trình xã hội, bảo vệ xã hội, con người và cung cấp cho mỗi người những tin tức có lợi. Người ta còn chỉ ra ý nghĩa giải trí của báo chí, sự tham gia của nó vào việc điều tiết tâm lý, có tác động điều hòa hoạt động căng thẳng (giải trí, làm dịu bớt sự căng thẳng)...

Trong bản liệt kê chức năng này đã phản ánh thực tế những nhiệm vụ mà báo chí thực hiện. Nhưng trong đó, rõ ràng sự liệt kê còn thiếu tính hệ thống. Đó là do chưa nghiên cứu đầy đủ vấn đề “người kết ước” với thông tin đại chúng, đó là độc giả đại chúng và các thiết chế xã hội - những “người tiêu dùng” thông tin đại chúng.

Điều kiện tiên quyết của tác động thông tin

đại chúng trong lĩnh vực báo chí là thiết lập sự giao tiếp với “người kết ước” có nghĩa là tổ chức các mối dây liên hệ với công chúng và các thiết chế xã hội. Mọi người đều biết rằng, chức năng *khởi đầu* của báo chí là chức năng *giao tiếp* (tiếng Latinh - *communicatio* là “con đường thông tin, hình thức liên lạc”) - chức năng giao tiếp, tổ chức sự giao tiếp không phải ngẫu nhiên mà báo chí thường được gọi là “phương tiện thông tin đại chúng” hay mass media. Tuy nhiên, chức năng giao tiếp tưởng chừng như là chỉ mang tính “kỹ thuật”, nhưng chỉ được thực hiện một cách có hiệu quả khi hàm chứa đầy đủ và rõ nét chức năng của mình. Nó thể hiện ở chỗ, không chỉ thiết lập mối giao tiếp giữa nhà báo với công chúng hoặc nhà báo với các thiết chế xã hội, mà còn phải thực hiện việc làm quen của độc giả, các thiết chế xã hội với nhà báo như là với đại diện của giới thông tin đại chúng, hiểu biết những quan điểm đã được xác định và mong muốn tiến hành chính sách thông tin phù hợp đối với “người tiêu dùng” (hoặc không phù hợp).

Sự giao tiếp bền vững với nhà báo được thiết lập khi mà công chúng cảm thấy *tin tưởng* vào cơ quan báo chí, coi nó là “của mình”, còn các thiết chế xã hội cảm thấy *uy tín* của nó, nhận thấy sức mạnh ảnh hưởng của báo chí được sự ủng hộ của công chúng và sự tác động của luật pháp. Hơn nữa, việc thông qua báo chí thiết lập

các mối giao tiếp, tiến hành việc làm quen của “người tiêu dùng” thông tin với thế giới hiện thực là vấn đề đang nằm trong tầm quan sát của các phương tiện thông tin đại chúng. Nhờ khả năng và sự trợ giúp của báo chí để hội nhập vào sự giao tiếp, tìm kiếm sự cần thiết đối với “người tiêu dùng” và thiết lập mối dây liên hệ bền chặt giữa nhà báo với độc giả và giữa nhà báo với các thiết chế xã hội. Đó là quan hệ rất quan trọng và có ý nghĩa chung cho cả hai bên. Và báo chí, khi tổ thái độ ân cần đối với tình hình, đòi hỏi “người kết ước” của mình, phải thường xuyên điều chỉnh tính chất của các mối liên hệ này với thế giới - tăng cường và mở rộng, hoặc ngược lại, thu hẹp và giảm bớt chúng. Bởi vậy, hệ thống báo chí đã thể hiện gương mặt *của mình* trên mỗi ấn phẩm, mỗi chương trình. Điều đó được phân biệt bởi “mẫu hình thế giới” *của nó*, trong khi đáp ứng nhu cầu của “người kết ước” trong thông tin.

Thứ hai - *quan trọng hơn cả* là các chức năng của thông tin đại chúng, xác định vai trò của báo chí trong thực hiện các nhu cầu trọng yếu của những “người kết ước” với nó - đó là các thiết chế xã hội và công chúng.

Để có mối quan hệ qua lại với các thiết chế xã hội, khi đưa ra ý kiến và đánh giá do tổ chức báo chí này soạn thảo về mức độ thực hiện các trách nhiệm xã hội của các thiết chế xã hội và

của các nhà chức trách. Trong đó những hoạt động giám sát và gắn bó với nó là thể hiện sự điều tiết của phương tiện thông tin đại chúng đối với các thiết chế xã hội. Ở đây vai trò của báo chí như là “quyền lực thứ tư” trong xã hội càng trở nên rõ ràng. Những công bố của các phương tiện thông tin đại chúng có uy tín cao sẽ có khả năng gây ảnh hưởng mạnh đến thiết chế xã hội, đạt tới những thay đổi căn bản trong hoạt động của chúng, kể cả việc chuyển các nhà chức trách (đến cả việc từ chức). Nói chung nhóm chức năng này của báo chí có thể gọi là *tổ chức - trực tiếp*.

Đối với các mối quan hệ qua lại với công chúng, việc phục vụ thông tin đại chúng và trước hết là dư luận xã hội, có ý nghĩa hàng đầu. Còn phạm vi các mối quan hệ qua lại trải ra từ việc đơn thuần thông báo các sự kiện đến tham vọng gây ảnh hưởng sâu sắc đến những cơ sở của thế giới quan và các định hướng giá trị của công chúng, tác động đến tự nhận thức của con người, những lý tưởng và mong muốn của họ, bao gồm cả việc tạo nguyên cơ cho những hành vi thường nhật, nói cách khác, là tác động gây ảnh hưởng đến tính chất và mức độ của thông tin hữu ích về những vấn đề xã hội. Nhóm chức năng này có thể gọi là định hướng xã hội, hay còn gọi là chức năng *tư tưởng*.

Bên cạnh chức năng tư tưởng còn có *chức năng*

trau dồi văn hóa của các phương tiện thông tin đại chúng. Hơn nữa, nếu những nhiệm vụ, như hình thành văn hóa chính trị, tạo dựng kinh tế, giáo dục đạo đức và mỹ thuật... liên quan trực tiếp đến hoạt động tư tưởng của các phương tiện thông tin đại chúng, thì việc hình thành văn hóa ứng xử (trong đó có cả nghi lễ), phổ biến các kiến thức y học, thể dục, văn hóa, thư giãn... ít liên quan hơn tới hoạt động tư tưởng.

Ngoài phạm vi hệ thống chức năng còn có những lĩnh vực hoạt động khác nhau như *hỏi đáp - quảng cáo*, đáp ứng những nhu cầu thực dụng có liên quan đến sở thích của các tầng lớp khác nhau của công chúng (làm vườn, rau quả, du lịch, sưu tập, cờ vua...).

Cuối cùng cần phải nói đến chức năng “xuyên suốt” của báo chí là *giải trí* (giải trí, thư giãn, hưởng thụ). Chức năng này là “xuyên suốt”, bởi vì chỉ có thể thực hiện có hiệu quả tất cả những chức năng khác trong trường hợp nếu như các tư liệu mà báo chí thực hiện, được đọc, được xem, được nghe với sự “hài lòng”, đem lại sự khoan khoái trí óc, vui vẻ tiếp nhận cái mới, cái thú vị... Nhưng còn có cả những trường hợp mà các phương tiện thông tin đại chúng chỉ thực hiện độc chức năng này. Thường người ta gọi là “giải trí” (cho dù trong một vài chương trình ca nhạc hay các cuộc thi, không loại trừ có tính chất tư tưởng).

Trình tự thực hiện chính sách thông tin của xuất bản phẩm và các chương trình đòi hỏi có sự thống nhất hữu cơ tương hỗ với khả năng thực hiện tất cả các chức năng, đòi hỏi có *sự tác động qua lại* của chúng (trong phạm vi ấn phẩm hoặc chương trình, trong hoạt động của mỗi nhà báo) trên quan điểm thống nhất.

Trách nhiệm xã hội của báo chí cũng như vai trò *khách quan* của các phương tiện thông tin đại chúng trong xã hội, không phụ thuộc vào quan điểm của các phương tiện thông tin và cách nhìn nhận của nhà báo. Nó được hình thành dựa trên nhu cầu của các thiết chế xã hội và công chúng đối với tính hữu ích thông tin lợi ích. Tuy nhiên, trong báo chí còn có những người làm theo quan điểm của mình - tiến bộ, bảo thủ hay phản động - và vì thế họ cố gắng gây ảnh hưởng đến công chúng sao cho phù hợp với những quan niệm của mình về nhu cầu của công chúng. Bởi vậy, trong xã hội Nga và trên thế giới còn có những quan niệm khác nhau và những cách lý giải khác nhau về nội dung chức năng của báo chí cũng là một điều tất yếu. Những cách lý giải này gắn liền với những quan điểm riêng vốn có của mỗi nhà báo về những con đường phát triển lịch sử và tương ứng với những nhu cầu thông tin của công chúng (độc giả và các thiết chế xã hội).

Như vậy, tất cả các phương tiện thông tin

đại chúng đều có những chức năng thống nhất, có trách nhiệm thực hiện trách nhiệm khách quan của báo chí, nhưng chúng được thực hiện theo nội dung tùy thuộc vào quan điểm xã hội của phương tiện thông tin đại chúng và của các nhà báo.

Mức độ và tính chất của tính hữu ích thông tin phụ thuộc trước hết vào việc các nhà báo nhận thức và thực hiện chức năng tư tưởng của các phương tiện thông tin đại chúng như thế nào thì việc thực hiện nội dung các chức năng còn lại của báo chí cũng phụ thuộc vào điều đó.

CHỨC NĂNG TƯ TƯỞNG

Vào đầu thế kỷ XIX thuật ngữ “hệ tư tưởng” đã được đưa vào sử dụng, kể từ đó chung quanh thuật ngữ này và những hiện tượng ẩn giấu sau nó diễn ra cuộc tranh luận không ngừng, thường là kéo theo việc nhận thức lại bản chất của nó. Tự thân thuật ngữ “hệ tư tưởng” (tiếng Hy Lạp *idea*, “tư tưởng, khái niệm” + *logos* “học thuyết”) có nghĩa là tri thức về các dòng tư tưởng. Như vậy xét về bản chất nó không bao hàm ý nghĩa tiêu cực hay tích cực. Tuy nhiên cần phải lưu ý rằng khái niệm “tư tưởng” dần được nhận định lại và cuối cùng có ý nghĩa là tri thức về một sự vật hay hiện tượng nào đó (theo cấu trúc ngữ nghĩa của thông tin $d + v$), kết hợp với ý muốn *hành động* (có nghĩa là bao gồm $n + p$). Không

phải ngẫu nhiên mà thốt ra câu “ý tưởng đây rồi!” nói về việc người phát ngôn không chỉ biết mà còn mong muốn thực hiện suy nghĩ của mình. Và khi nhận định ai đó là “người của những ý tưởng”, ngầm hiểu ông ta ham muốn thực hiện những hình dung của mình về cuộc sống. Rõ ràng là trong điều kiện tồn tại nhiều nhóm xã hội cùng với những vị thế đặc biệt của họ trong xã hội, những nhu cầu quyền lợi và tham vọng nhất định của họ, xuất hiện nhiều dòng tư tưởng, hình thành các hệ tư tưởng khác nhau. Và giữa đại diện của các hệ tư tưởng khác nhau xuất hiện cuộc đấu tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Ngoài ra còn xuất hiện cuộc chiến chung quanh thuật ngữ “hệ tư tưởng” và về vị trí của hệ tư tưởng trong cuộc sống, mối quan hệ của nó với khoa học...

Vấn đề hệ tư tưởng hết sức phức tạp bởi vì tư tưởng có thể đúng, cũng có thể sai (hoặc có phần đúng và có phần sai). Ngoài ra, để phù hợp với những quyền lợi của con người, tư tưởng có thể bị coi là không đúng và ngược lại. Vì vậy ngày nay người ta thường nói về *phi tư tưởng hóa* (trong trường hợp khi các cách tiếp cận tư tưởng được phổ biến ở lĩnh vực, mà xét một cách khách quan chúng không cần được áp dụng); *về tái tư tưởng hóa* (có nghĩa là khi mà quá trình phi tư tưởng hóa đã đi quá xa và để thiết lập lại nhận thức đúng đắn các hiện tượng của đời sống

đòi hỏi phải đưa quan điểm tư tưởng “trở lại” dưới hình thức khác đã có sự biến đổi và cải tiến tốt hơn); về việc *chuyển hóa tư tưởng* (tức là trong trường hợp từ bỏ những quan điểm tư tưởng này và chuyển sang quan điểm tư tưởng khác). Theo ý kiến của một số người nào đó còn cho rằng hệ tư tưởng nói chung là “không cần” và nên thay thế nó bằng “lương tri” và “khoa học khách quan”. Nhưng nói chung “đoạn tuyệt” với hệ tư tưởng là không thể, hơn nữa, đối với xã hội nói chung và cũng như đối với các nhóm và những con người nói riêng, rất cần những định hướng tư tưởng rõ ràng.

Hệ tư tưởng là *hệ thống những quan điểm, trong đó nhận thức và đánh giá các mối quan hệ của con người với hiện thực và giữa con người với con người về các vấn đề xã hội và những khả năng giải quyết chúng, cũng như xác định các mục đích và phương tiện (chương trình) hoạt động xã hội của các tổ chức nhà nước và của các hiệp hội xã hội để duy trì hiện trạng hay cải tiến các mối quan hệ xã hội cho phù hợp với quyền lợi và nhu cầu của các đại diện tư tưởng này*. Hệ tư tưởng có thể là khoa học hoặc phi khoa học, tôn giáo hoặc phi tôn giáo, phản động hoặc tiến bộ... Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào hạt nhân của nó vẫn là mối quan hệ đối với thực tiễn từ góc nhìn của các tập đoàn xã hội này hay tập đoàn xã hội khác

(giai cấp, dân tộc, khu vực...) và thể hiện những quyền lợi của các chính đảng, hiệp hội, phe phái, liên đoàn... Đồng thời trong cơ cấu tư tưởng và quan niệm về thế giới, tất cả các hình thức nhận thức hiện thực đều có vị trí của mình: cả mô tả, và ấn định, cả đánh giá và tiêu chuẩn. Mức độ tương xứng của các quan niệm này càng cao (có nghĩa là kiến thức về hiện thực thời đại của chúng ta càng chính xác, những đánh giá của nó càng công bằng và sự tiên đoán tương lai càng đúng đắn) thì hệ thống tư tưởng đó càng mang tính chất chung của toàn nhân loại nhiều hơn, càng phản ánh thành công hơn tiến trình phát triển xã hội, và ngược lại.

Các quan điểm tư tưởng (chính trị, kinh tế, luật pháp, đạo đức, mỹ học, triết học, tôn giáo và vô thần) đóng vai trò “hướng đạo” đại diện cho các tập đoàn xã hội trong cuộc sống, xác định những cách tiếp cận đến nhận thức và đánh giá thế giới xung quanh, và từ đó hình thành cả thái độ đối với những hiện tượng khác nhau của cuộc sống, những tham vọng và hành vi ứng xử. Đặc biệt, phản ứng của con người đối với các chương trình kinh tế và chính trị (cả tính chất hoạt động) của các thế lực xã hội này hay xã hội khác phụ thuộc vào sự hiểu biết về giá trị và sự “công bằng”. Sự nhất trí đối với các quan điểm này sẽ luôn tạo ra sự

đoàn kết trong cộng đồng xã hội và quan điểm ủng hộ các thế lực xã hội nhất định, còn ngược lại, không chấp nhận chúng sẽ là sự chống đối trong ý thức và trong hành vi của những người “không đồng ý”. Sự khác nhau về tư tưởng, dẫn đến đụng độ về các quan điểm, và khi không có khả năng giải quyết sự bất đồng bằng con đường hòa bình sẽ là cuộc đấu tranh chính trị, trong những điều kiện nhất định sẽ dẫn đến các cuộc xung đột vũ trang.

Các quan điểm tư tưởng đóng vai trò rất quan trọng trong ý thức quần chúng nên từ lâu nay đã buộc người ta phải can thiệp vào quá trình hình thành chúng một cách tự phát. Vì vậy xuất hiện các hiện tượng tiền báo chí và báo chí, đã xác định nhu cầu xã hội trong việc thành lập “địa bàn” cho hoạt động tư tưởng. Đồng thời dựa vào mức độ mở rộng sự tham gia của quần chúng vào đời sống chính trị mà vai trò của nó ngày càng tăng, phạm vi hoạt động của báo chí trong lĩnh vực tư tưởng cũng đã được mở rộng.

Báo chí của các định hướng xã hội khác nhau đều mong muốn bằng những phương pháp tư tưởng của mình tạo dựng và củng cố trong công chúng một kiểu mẫu *giác ngộ* giống như sự *thống nhất của nhận thức và tự nhận thức*. Nhận thức, như là “mẫu hình nội tại” về thế giới bên ngoài chính là tổng thể các quan niệm về thế giới chung quanh trong sự biểu hiện đa dạng

của nó, từ những sự kiện đơn nhất đến các quy luật toàn cầu, từ nhận xét về con người riêng biệt đến bản chất của con người và số phận nhân loại. Tự nhận thức trước hết là nhận thức về bản thân, vị trí của mình trong thế giới và trong hệ thống các mối quan hệ, sự hiểu biết về mục đích và ý nghĩa cuộc sống của chính mình, những quyền lợi của bản thân và những con đường để đạt được chúng. Sự giác ngộ, là nhận thức về thế giới và vai trò của mình, trong đó, những nhu cầu, quyền lợi và mục đích, vị trí của cá nhân trong hệ thống các mối quan hệ với con người, là một lực lượng định hướng hành động, là yếu tố xác định tính tích cực xã hội.

Việc hình thành ý thức giác ngộ, trau dồi những quan điểm tư tưởng được thực hiện trong quá trình *tự định hướng* của con người; cũng như dưới ảnh hưởng hoạt động của các thiết chế xã hội khác nhau, các thể chế này để ra mục đích của mình chính là *định hướng về mặt xã hội* cho những nhóm người đông đảo. Trong tiến trình này báo chí đóng vai trò quan trọng nhất, bởi vì nó có khả năng hoạt động thường xuyên, có hệ thống, tính đến những thay đổi trong cuộc sống, chỉ ra tất cả sự đa dạng của nó thông qua toàn bộ những tác phẩm khác nhau về tính chất. Chính báo chí có khả năng bất kịp được tình hình đang thay đổi từng ngày và chính vì vậy trong trường hợp cần thiết có khả

năng thay đổi định hướng của công chúng.

Định hướng xã hội đó là chỉ ra cách nhận định tình hình chung quanh, hiểu và đánh giá được những hiện tượng xã hội, phát hiện ra ý nghĩa của nó đối với riêng mình cũng như ảnh hưởng của nó đến tiến trình đang diễn ra. Ứng với điều đó là xác định thái độ của bản thân đối với chúng, để đề ra quan điểm, mục đích, phương hướng và tính chất của hoạt động. Quá trình định hướng là hai mặt của một tiến trình, đó là định hướng của con người đối với thế giới chung quanh và định hướng của họ nhằm đạt tới những mục đích đã xác định, phù hợp với những lý tưởng và cách đánh giá hiện thực của mình.

Do đó, tính định hướng bao gồm, thứ nhất là sự nhận thức cái gì đang diễn ra trong cuộc sống hiện thực. Trong chức năng này, báo chí, khi sử dụng tất cả các kênh công khai, đã đem đến cho công chúng một bức tranh toàn cảnh về hiện thực. Đồng thời nó có nhiệm vụ đưa ra quan điểm có giá trị, chứ không phải là những sự kiện đơn lẻ và những tin tức tản mạn về những hiện tượng rời rạc của cuộc sống. Điều cực kỳ quan trọng khi thu thập sự kiện là phải ghi nhận tất cả những gì cốt yếu, đặc trưng, không cho phép những điều nhỏ nhặt và những tình tiết che lấp cái có ý nghĩa đối với việc đưa ra một bức tranh thế giới tương xứng.

Thứ hai, tính định hướng trong viễn cảnh lịch

sử đòi hỏi phải tạo dựng quan điểm về những mục đích gần và xa, xuất phát từ hệ thống các giá trị và lý tưởng. Do đó luôn tồn tại một vấn đề bức xúc là nên và cần phải đạt được điều gì trong tình cảnh này. Hơn nữa, chính việc lựa chọn và cung cấp tư liệu về “cái hiện có” bằng cách này hay cách khác sẽ liên quan đến quan niệm về “tương lai mong đợi”. Và các đại biểu của những thế lực xã hội khác nhau hình dung ra “tương lai mong đợi” khác nhau, tất nhiên không tránh khỏi xuất hiện sự khác nhau trong cách nhìn nhận. Nếu sự đụng độ của chúng diễn ra dưới hình thức đối thoại mang tính chất xây dựng thì có thể đoàn kết được các quan điểm và các nỗ lực. Trong trường hợp ngược lại sẽ diễn ra sự phân định ranh giới và cuộc đấu tranh giành và bảo vệ các quan điểm sẽ diễn ra.

Thứ ba, trong quá trình định hướng khi so sánh các quan niệm về “tương lai mong đợi” với thực tiễn cuộc sống hiện tại sẽ xuất hiện những nhận định có giá trị về “cái hiện có”. Và do những đánh giá được hình thành khi xem xét các hiện tượng của đời sống hiện thực trên nền của “tương lai mong đợi”, nên trong các ấn phẩm cũng như các chương trình của định hướng tư tưởng tất yếu khác nhau cả về tính chất của sự đánh giá.

Thứ tư, định hướng đòi hỏi phải hiểu biết về toàn bộ các chuẩn mực - những khả năng, biện

pháp, phương tiện, mà việc áp dụng chúng sẽ góp phần đạt được những mục đích gần và mục đích tương lai, tiến gần đến “tương lai mong đợi”. Tất nhiên, cả sự hiểu biết về những chuẩn mực ứng xử để đạt được mục đích cũng sẽ khác nhau, tùy thuộc vào những quan điểm khởi đầu của ấn phẩm hay chương trình, vào tính chất của những nhận định, đánh giá và cả về phương tiện cần thiết để đạt mục đích.

Tóm lại, việc định hướng được tiến hành trong suốt dòng chảy của quá trình thông tin. Chính quá trình thông tin cũng được tổ chức để đạt được tính định hướng, và điều đó đòi hỏi truyền đi thông tin mô tả, ấn định, đánh giá và chuẩn mực.

Định hướng trong hiện thực chịu ảnh hưởng của các phương tiện thông tin đại chúng và trình tự hoạt động của nó. Mỗi cơ quan, toà soạn báo chí biết hành động một cách có hệ thống xác thực, có tính đến tình trạng của công chúng và tác động của các ấn phẩm và chương trình khác, có thể là đúng đắn, sâu sắc và rộng mở (định hướng đúng) hoặc không rõ nét, không đầy đủ, mâu thuẫn và thiếu chính xác (định hướng không ổn định); rộng mở, nhưng không đúng đắn (phi định hướng). Cấp độ *định hướng khách quan từ phía công chúng độc giả* đạt được dựa vào tính hữu ích thông tin đích thực, sẽ xác định mức độ trách nhiệm của báo chí trước xã hội và

cấp độ thực hiện những khả năng sáng tạo của các tập thể tòa soạn. Trên con đường đi tới có thể sẽ bắt gặp những vấn đề nghiêm trọng trong việc tìm kiếm các quan điểm xã hội và các biện pháp thực hiện sáng tạo. Sự quan tâm của nhà báo đến định hướng khách quan của đông đảo công chúng sẽ góp phần khắc phục được những vấn đề đó.

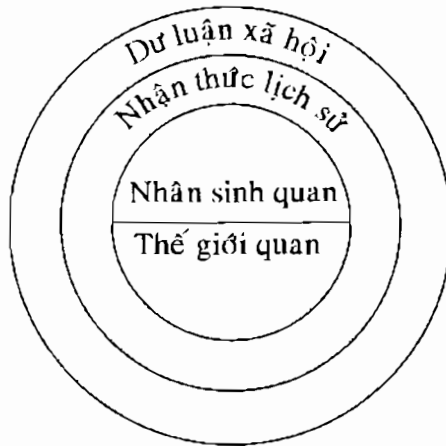
Hoạt động định hướng *tư tưởng* của phương tiện thông tin đại chúng mang *tính chất toàn diện*, có nghĩa là bao trùm nhiều phương diện: thế giới tinh thần của cá nhân, các thành tố của ý thức quần chúng. Nếu như ý thức "*chuyên môn*" của con người được hình thành bởi hệ thống giáo dục chuyên nghiệp (cùng với việc tự học, cần thiết như là cơ sở cho hoạt động *chuyên môn*). Và những nét *cơ bản* của ý thức, một mặt là "tích lũy" cá nhân của chuyên gia, mặt khác - là kết quả kinh nghiệm sống của cá nhân trong nhận thức thế giới chung quanh, thì *ý thức quần chúng* - là toàn bộ những quan niệm của *các nhóm xã hội khác nhau* về thế giới chung quanh (bao gồm những hiện tượng của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa...); những hiện tượng này có đụng chạm đến quyền lợi xã hội và bộc lộ trong tính chất cuộc sống của họ, như của những thành viên xã hội. Ý thức quần chúng của những nhóm người đông đảo (giai cấp, dân tộc, khu vực, giáo phái,

chuyên ngành...) và thường là toàn bộ dân chúng các nước, các châu lục, và thậm chí là của toàn nhân loại (về những vấn đề toàn cầu trên trái đất) đang hợp nhất mọi người, còn ý thức cộng đồng, theo quan điểm và tham vọng của mỗi con người là động cơ rất mạnh đưa đến tính tích cực xã hội. Mức độ đoàn kết các phe nhóm và sự có mặt của các thế lực đứng đầu (những thành viên tích cực, các nhà tổ chức, các đảng phái chính trị) xác định mức độ và tính định hướng của tính tích cực này.

Ý thức quần chúng được hình thành, giống như việc tự định hướng của các nhóm, dưới tác động của các thế lực tư tưởng khác nhau. Các phương tiện *thông tin đại chúng* do bản chất của mình có trách nhiệm phải trở thành một sức mạnh quan trọng tác động cùng với *ý thức quần chúng*. Xét về mặt thuật ngữ, điều này đã quá rõ ràng.

Để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra đối với báo chí, cần phải chỉ rõ chủ đích, phải hình dung ra cơ cấu của ý thức đại chúng và những đặc thù của mỗi thành tố cấu thành, ý nghĩa của chúng trong định hướng xã hội. Đặc thù hoạt động sáng tạo của nhà báo, hướng vào việc tác động lẫn nhau đối với mỗi thành tố trong đó, phụ thuộc phần lớn vào sự hiểu biết những đặc điểm của cơ cấu ý thức đại chúng. Do sự khác nhau của các thành tố mà xác định trước được sự khác nhau trong hoạt động sáng tạo.

Tương tự như mô hình nguyên tử, cấu trúc của ý thức đại chúng có thể được hình dung như là tổng thể bốn thành tố cấu thành đặc biệt có tác động qua lại với nhau: *thế giới quan, nhân sinh quan, nhận thức lịch sử và dư luận xã hội.*



Trong đó có hai thành tố đóng vai trò hạt nhân liên quan đến nhau, bền vững và chậm thay đổi: Thế giới quan và nhân sinh quan; chung quanh hạt nhân đó tập trung hệ thống các quan niệm lịch sử luôn phát triển; vỏ bên ngoài của hạt nhân được cấu thành bằng vòng tròn có thay đổi và biến động của dư luận xã hội. Biểu tượng như thế về cơ cấu ý thức đại chúng cho dù còn mang tính chất sơ lược và công thức, nhưng cũng giúp chúng ta nhìn thấy cái cốt yếu - cơ cấu ý thức đại chúng như một đối

tượng của hoạt động báo chí.

Trong hoạt động tư tưởng của mình, báo chí liên quan tới tất cả các thành tố của ý thức đại chúng, điều đó tạo điều kiện dễ dàng cho việc nghiên cứu tư liệu của các ấn phẩm và các chương trình. Bởi vậy, nhà báo cần phải làm quen với mỗi loại trong số thành tố đó.

Trong cấu trúc ý thức, *thế giới quan* đóng vai trò nền tảng. Tên gọi của thuật ngữ này đã chỉ ra sự đầy đủ về nội dung của nó: thế giới quan - đó là bức tranh thế giới trong ý thức đại chúng, là cách nhìn nhận thế giới (góc nhìn) của tập đoàn xã hội này hay xã hội khác. Thế giới quan là những khái niệm chung về nội dung cơ bản của đời sống xã hội và của thế giới các hiện tượng tự nhiên, về động lực phát triển xã hội, về con người - chủ thể của các mối quan hệ xã hội, về tính tự định đoạt của nó trong xã hội và về ý nghĩa cuộc sống, về tự do và những yếu tố thúc đẩy hành vi, những quan niệm về một tổ chức xã hội công bằng và những con đường để đạt tới đó, về vai trò của các nhóm xã hội, của các tổ chức chính trị, của chính quyền trong tiến trình vận động lịch sử cũng như về những giá trị của các nhóm và của chung toàn nhân loại...

Thế giới quan bao gồm những quan niệm về “ý niệm cuộc sống” của các dân tộc, các nước và các phe nhóm khác nhau, về những cách nhìn nhận của họ đối với thời đại và triển vọng lịch

sử, về những con đường dẫn tới tiến bộ xã hội. Hệ thống tư tưởng thế giới quan ngày càng được mở rộng, được khai thác sâu hơn, phản ánh các quy luật của tự nhiên và xã hội một cách khách quan hơn, thì nó càng thực hiện tốt hơn vai trò sáng tạo - điều tiết - xác định rõ thái độ của những đại diện thế giới quan đối với thế giới chung quanh, góp phần tìm ra những đánh giá đúng đắn các hiện tượng của đời sống, hình thành tham vọng và định hướng xã hội trong hoạt động của con người.

Thế giới quan - đó là lăng kính mà qua đó con người xem xét và đánh giá thế giới chung quanh, tiếp nhận các giải pháp thiết thực, quan trọng, xác định phương hướng hành động trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng của sự tồn tại. Bởi vậy, việc hình thành thế giới quan là nhiệm vụ căn bản của tất cả mọi loại hình công tác tư tưởng. Trong báo chí thường xuyên đăng tải các tác phẩm có dụng ý hình thành thế giới quan. Những ấn phẩm và các chương trình khác nhau dựa trên những cách tiếp cận thế giới quan khác nhau, một số thì xuất phát từ những quan điểm lịch sử - triết học, số khác thì từ những luận giải khác nhau của các học thuyết tôn giáo, số khác nữa (đó là con đường khó khăn nhất, nhưng có ích hơn cả) - tìm kiếm những cách tiếp cận mới và các giải pháp mới phù hợp với tình hình thực tiễn của thời đại, mà chúng còn bao

gồm cả việc duy trì ý nghĩa của những quan điểm và tư tưởng trước đó, cả những quan điểm đã được cải tiến, biến đổi, xuất hiện trên cơ sở của sự tổng hợp mới, đem lại cho cuộc sống xã hội những thay đổi tích cực. Một trong những “hạt nhân” của những quan điểm mới xuất hiện là những *tư tưởng nhân văn* được gây dựng trong suốt hàng thế kỷ trong những học thuyết triết học - xã hội, đạo đức, pháp quyền, kinh tế khác nhau..., trong các quan điểm tôn giáo, thậm chí trong cả những quan niệm thường nhật ở cấp độ “sáng suốt” của những con người bình thường về “cuộc sống tốt đẹp”. Những ý tưởng và giá trị cá nhân, trở thành của chung nhân loại khi nó tương hợp với những quyền lợi của các nhóm “riêng biệt” và trong tương lai của thế kỷ XXI nó sẽ mang ý nghĩa của những đòi hỏi của thực tế cuộc sống, trong điều kiện của nền văn minh mới đang hình thành.

Việc đề ra và áp dụng vào thực tiễn báo chí những tư tưởng thế giới quan mới đang vấp phải những khó khăn lớn, diễn ra trong cuộc đấu tranh tư tưởng, trong các cuộc luận chiến và thảo luận. Tham gia vào các cuộc tranh luận này còn có cả độc giả, nên những tư tưởng mới, mang tính chất thiết thực, có thể được phát triển và thấm nhuần chỉ bằng tranh luận. Hơn nữa, những tư tưởng thế giới quan mới, ban đầu xuất hiện như những kết luận riêng lẻ, đôi khi

là của cá nhân (và còn gây tranh cãi), xuất phát từ việc phân tích những hiện tượng của thực tế đời sống và có khi chưa sát với sự khái quát triết học - xã hội, mang tính chất mở rộng lôgic. Tuy nhiên, cùng với thời gian sẽ diễn ra sự nhập cuộc của những tư tưởng mới tạo nên những quan điểm nhất quán.

Thành tố tiếp theo của “hạt nhân” ý thức đại chúng đó là *nhân sinh quan* - đó cũng là “mô hình hiện thực” đã được khái quát hóa, đem lại những định hướng mang tính nguyên tắc, nhưng mô hình này được xây dựng không phải trên cơ sở các khái niệm hợp lý, mà thông qua các phương tiện hình tượng cảm xúc. Điều đó gần giống như là thế giới quan nghệ thuật, bức tranh thế giới được “tập hợp” từ những hình dung mang tính chất trừu tượng về con người, về các sự kiện và các mối quan hệ. Bức tranh hình tượng thế giới, song trùng với thế giới quan chính là nền tảng tinh thần, bởi vì không thể nhận thức đầy đủ thế giới hiện thực nếu thiếu bức tranh hình tượng này dạng “thứ hai” của việc định hướng khái quát về thế giới (nhờ sự phối hợp chặt chẽ “công việc” giữa cả hai bán cầu não).

Bức tranh hình tượng - cảm xúc thế giới tồn tại khách quan bên cạnh và cùng với bức tranh khái niệm - hợp lý, cùng với sự giúp đỡ của các phương tiện nghệ thuật nó định hướng con người

trong việc thể hiện và biểu thị những quy luật xã hội; khám phá ra các cách thức ứng xử xã hội trong những tình huống nhất định của đời sống. Bức tranh này được hình thành trong ý thức đại chúng và bằng cách tự định hướng, trong quá trình học tập (chẳng hạn, nghiên cứu nghệ thuật), nhưng nhiều hơn cả là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Trong đó truyền hình ngày càng có vai trò lớn (những buổi chiếu phim nghệ thuật - phim truyền hình có hệ thống, bình luận các bảo tàng và các triển lãm, truyền hình các buổi hòa nhạc cổ điển, dân tộc và nhạc nhẹ...). Radio cũng có một ý nghĩa rất quan trọng (đặc biệt là stereophone) - phát những chương trình ca nhạc và các kịch truyền thanh, các buổi biểu diễn của các nghệ sĩ kịch nói, và không nhất thiết phải có hình, cũng như các tạp chí và các báo, in các tác phẩm nghệ thuật, phê bình và bình luận tin tức từ giới nghệ thuật. Như vậy, các phương tiện thông tin đại chúng có khả năng tiến hành những chính sách đã được xác định, đưa ra một cách có hệ thống và theo trình tự thông tin nghệ thuật. Điều bức xúc trong khoảng thời gian này là thông tin phải có khả năng tích cực "làm việc" để xây dựng hình tượng thế giới "song trùng" với thế giới quan.

Trong các ấn phẩm và các chương trình nghệ thuật (văn học, điện ảnh, hội họa, sân khấu, đồ

họa...), các “mô hình hình tượng hiện thực” được sáng tạo phù hợp với quan điểm của ban biên tập, thông qua sự lựa chọn đặc thù và chỉnh sửa cần thiết (trong không ít trường hợp nó được tạo ra không chỉ nhằm giáo dục, mà còn nhằm mục đích hình thành những nhận định về cuộc sống) dùng để (giống như thế giới quan) nhận thức và đánh giá hiện thực hỗn độn đang diễn ra trước công chúng. Khi xem xét các hiện tượng của cuộc sống đương đại xuyên qua lăng kính của những hình tượng tinh anh muôn thuở (Hamlet, vua Lia, Jagger, Petrorin, Oblômov, quận công Muskin, Melekhov, Saricov...) công chúng của các phương tiện thông tin đại chúng có khả năng nhận thức chúng một cách sâu sắc hơn, đánh giá tương xứng và sẽ có thái độ cứng rắn đối với chúng.

Báo chí cũng tham gia vào việc hình thành nhận thức lịch sử của đại chúng - đó là việc hình thành những quan niệm về tiến trình lịch sử xuất hiện, hình thành và phát triển xã hội loài người, của các nền văn minh khác nhau, của các nước và các dân tộc, của kinh tế và văn hóa, khoa học và kỹ thuật..., cũng có nghĩa là về *những hiện tượng khác nhau của quá khứ đời sống, những mối liên hệ của quá khứ với hiện tại và tương lai.*

Con người có sự hiểu biết sâu rộng và có ý thức tự giác luôn cảm nhận được bản thân mình,

đất nước mình, thế giới mình đang sống, trong tiến trình lịch sử hình thành và biến đổi, sự sinh ra của hiện tượng xã hội này và sự mất đi của những hiện tượng xã hội khác, thông qua cuộc đời và hoạt động của những cá nhân xuất chúng ở các thời đại khác nhau. Thế giới cổ đại và trung cổ, thời kỳ Phục hưng và thời kỳ cận đại, thời kỳ diễn ra cuộc đại thiên di dân tộc và thời kỳ Giáo hội, cuộc Cách mạng Pháp vĩ đại và hai cuộc chiến tranh thế giới, những nhân vật huyền thoại và tôn giáo, Pericles và Julius Caesar, Robespierre và Napoleon, Lenin và Xtalin, Roosevelt và Churchill, De Gaulle – tất cả những điều đó và rất nhiều điều khác từ quá khứ, bằng thông qua những sự kiện, hiện tượng và các gương nhân vật cụ thể, cho phép chúng ta nhận thức được kịch tính của sự vận động lịch sử, những trang bi thương và hào hùng. Biết thông qua những tiến trình lịch sử để định hướng là rất quan trọng, bởi quá khứ không đi vào hư vô, nó xác định hiện tại và ảnh hưởng đến tương lai. Bởi vậy cần phải hiểu hiện tại như là kết quả của sự phát triển trước đó và phải nhìn lại quá khứ, khi suy ngẫm về con đường đã trải qua để lĩnh hội và từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm.

Nhận thức lịch sử, đó là sự giáo dục toàn diện và phức tạp. Nhưng nó bao gồm những kiến thức khoa học lịch sử và những quan niệm hình tượng

- cảm xúc được linh hội từ văn học - nghệ thuật. Nhận thức lịch sử tồn tại trong truyền thống, phong tục, tập quán được kế thừa từ những thế hệ trước, và kinh nghiệm cá nhân được tích lũy trong quá trình tiếp xúc với những “đại diện” vật chất, tinh thần, tâm lý của quá khứ. Bởi vậy, quá trình hình thành ý thức lịch sử có sự tác động của nhiều cơ quan văn hóa và các hệ thống giáo dục. Báo chí – chỉ là một trong số các kênh hình thành ý thức lịch sử. Nhưng nó có khả năng làm được rất nhiều việc, nhờ sự trợ giúp của biện pháp đặc thù, vốn thuộc về nó: kỷ niệm những ngày tháng lịch sử, tiến hành các chuyên mục kiểu “Đọc theo năm tháng”, “Quá khứ trong hiện tại”, làm sáng tỏ hoạt động của các cơ quan khoa học - lịch sử, đời sống của những tượng đài kỷ niệm của đất nước trong điều kiện hiện tại, gây tiếng vang cho những cái mới của văn học, của các triển lãm nghệ thuật, “trùng tu” lại những tòa nhà và các công trình kiến trúc, trình bày thực trạng ý thức lịch sử đại chúng và kể về những con người ham mê lịch sử.

Lịch sử, đặc biệt trong những khía cạnh cấp thiết đối với thời đại hiện nay, rất có sức cuốn hút độc giả đại chúng. Tuy nhiên theo xu hướng trình bày, nó có khả năng làm biến dạng những cách nhìn nhận và ứng xử của con người, đẩy họ vào vòng tay của kẻ theo dân tộc chủ nghĩa và sô vanh nước lớn, trở thành công cụ trong tay

những con phe chính trị. Còn cách tiếp cận khoa học cho việc hình thành ý thức lịch sử sẽ tác động đến việc hình thành nhân cách toàn diện và phát triển.

Nếu như thế giới quan và nhân sinh quan - đó là những thành tố của “hạt nhân” ý thức xã hội, thì ý thức lịch sử cấu thành như là một vùng chuyển từ “hạt nhân” đến “lớp vỏ” - tức là công luận (hay còn gọi là dư luận xã hội) như là một hệ thống các định hướng trong hiện tại. Dư luận xã hội về bản chất là phản ứng của ý thức xã hội đối với những hiện tượng, sự kiện, tiến trình, khuynh hướng, các cuộc xung đột, các nhân vật của cuộc sống hiện tại, có nghĩa là đối với tất cả những gì cấu thành mạch sống của lịch sử đang diễn ra trong những biểu hiện cụ thể mang tính đặc trưng. Đồng thời nếu “hạt nhân” (thế giới quan và nhân sinh quan) tương đối ổn định và giữ vững được những quan điểm và tư tưởng đã từng gia nhập vào thành phần của nó, thì “vỏ bọc” (dư luận xã hội) khá biến động, thay đổi và sinh động “thường xuyên trong sự bất thường” do dòng chảy của cuộc sống và những thay đổi đang diễn ra trong thế giới hiện tại.

Một điều cực kỳ quan trọng nữa, đó là hiểu được “lớp mô” dư luận xã hội được hình thành như thế nào trong cuộc sống hiện thực. Đại diện của dư luận xã hội là đông đảo quần chúng,

trong quan niệm lý tưởng - đó là toàn bộ xã hội (có thể nói đến “dư luận xã hội của toàn thế giới”, tuy nhiên, nói một cách hợp lý hơn là dư luận xã hội trong phạm vi của một tầng lớp, một tập đoàn, một tổ chức nhất định, chẳng hạn như dư luận xã hội trong thanh niên, công nhân, trong dân chúng một khu vực...).

Khi tiếp xúc với đủ loại hiện tượng, sự kiện, hành vi, tuyên bố, những tiến trình hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống, mỗi chủ thể của đời sống xã hội đều cố phân tích những hiện tượng cấp thiết của thời đại, sử dụng những thành tố cơ bản của ý thức đại chúng để nhận biết tính chất, ý tưởng và ý nghĩa của chúng - đó là thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức lịch sử và trên cơ sở đó tạo thành kiến thức của mình và đưa ra những nhận định cá nhân đối với tất cả những gì rơi vào tầm nhìn của công chúng. Như vậy, dư luận xuất hiện như là kết quả “va chạm” của những biểu hiện cấp thiết đối với con người trước hiện thực đang diễn ra với cơ cấu chiều sâu của ý thức đại chúng. Và tính chuẩn xác toàn diện của dư luận xã hội luôn phụ thuộc vào tính chất và tình trạng của ý thức đại chúng.

Dư luận quần chúng, đó là sự cấu thành tinh thần đặc biệt trong cơ cấu ý thức đại chúng, đưa ra bức tranh hiện thực của cuộc sống thường nhật, *một bức tranh toàn cảnh đặc biệt của thời*

đại, tựa như được tập hợp từ những phán đoán riêng biệt, tương đối độc lập, theo nguyên lý này hay nguyên lý khác, có quan hệ với sự kiện này hay sự kiện khác. Đồng thời, đối tượng chú ý, phản ánh của dư luận xã hội là tất cả những gì căn bản trong *mọi lĩnh vực của đời sống* - là *toàn bộ những tình huống cụ thể* (với muôn hình vạn trạng những yếu tố cấu thành của chúng) trong đời sống kinh tế và chính trị - xã hội, trong khoa học và văn hóa, trong sinh hoạt và nghỉ ngơi, thương mại và dịch vụ... Nói cách khác, không có một lĩnh vực nào của đời sống lại không được bộc lộ như là mối quan tâm của dư luận xã hội.

Do dư luận xã hội được hình thành như phản ứng của ý thức đại chúng trong sự thống nhất và toàn vẹn đối với những “mảng nhỏ” của đời sống, việc nhận thức và đánh giá những hiện tượng này của thời đại *mang tính chất nguyên vẹn*. Những tình huống của hiện thực được đánh giá theo nhiều phương diện, tùy thuộc vào tính chất và ý nghĩa của chúng đối với công chúng, có sự tham dự của các phương tiện phán đoán khác nhau: chính trị, kinh tế, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ và triết học. Sự đa diện này của sự nhận thức cái đang diễn ra, được phản ánh trong dư luận xã hội, cho phép duy trì cuộc sống đa sắc màu, tính toàn vẹn của sự cảm nhận nó, tính đa thành phần của những phản ứng từ công

chúng đối với thế giới xung quanh.

Thế nên trong việc hình thành dư luận xã hội có sự đồng tham gia dưới những hình thức và định lượng khác nhau) của thế giới quan, nhân sinh quan và ý thức lịch sử, đó là nét đặc thù của những hình thức định vị, nó xác định *tính gắn kết*, sự đan xen giữa các phương tiện khái niệm - hợp lý và hình tượng - cảm xúc. Bởi vậy dư luận xã hội cùng các sự kiện, hiện tượng, hành động, là các thành tố khác nhau “cấu thành” nên mọi tình huống của cuộc sống hiện tại, đã để lại dấu ấn thông qua việc biểu hiện những quy luật xã hội, những xu hướng lịch sử trong tiến trình phát triển, thông qua việc tái tạo những hình tượng đặc thù của các thành viên tham dự vào sự kiện cùng với sự tác động từ những hiện tượng của cuộc sống tới hoàn cảnh, tâm trạng, ấn tượng, tình cảm của họ.

Nói chung dư luận xã hội là hệ thống các tình huống cụ thể của đời sống xã hội thường ngày đã được nhận thức và đánh giá, được phản ánh trong ý thức đại chúng và xuất hiện cùng với nó là tổng thể các quan niệm trả lời cho các câu hỏi: cái gì đã xảy ra, vì sao nó xảy ra và cần phải thay đổi như thế nào trong thực tiễn.

Do sự khác nhau về quan điểm và cách nhìn nhận của những đại diện công luận khác nhau, sự nhận định theo vấn đề này hay vấn đề khác, như chúng ta đã phân tích ở phần trên, nhất định sẽ

dẫn đến sự khác nhau, hơn nữa sự khác nhau đó có thể mang tính chất khác biệt về sắc thái, thậm chí là những bất đồng nghiêm trọng hoặc dẫn tới sự đối lập. Thế nên khi một vấn đề xuất hiện sẽ có vô số “những dư luận xã hội” với diện bất đồng rộng lớn. “*Tinh đa nguyên*” của dư luận xã hội như thế luôn dẫn đến sự xung đột và đấu tranh. Những xung đột đó được phản ánh qua các cuộc tranh cãi thường nhật của con người, trong các cuộc hội họp và các buổi thảo luận, trong tiến trình thực hiện các chiến dịch bầu cử và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong các cuộc tranh luận đó, tất nhiên sẽ xuất hiện những “thủ lĩnh”, đó là những người nhạy bén nắm bắt những mối quan tâm và tâm trạng của ý thức đại chúng.

Chính trong quá trình nhận thức thời đại không chỉ xuất hiện những tình huống ngăn ngại tức thời và sự thay đổi để tạo ra tri thức và gây ấn tượng về thực tiễn, mà còn ra đời cả những quan niệm có ý nghĩa đối với nhận thức lịch sử, những thế giới quan tổng hợp quan trọng, những hình ảnh và những hình tượng con người sống động, góp phần phát triển nhân sinh quan.

Nhưng động thái của dư luận xã hội trong điều kiện hiện đại còn có một xu hướng nữa, nếu đại diện của dư luận xã hội, đặc biệt là những “thủ lĩnh” của nó và các nhà “soạn thảo” ý tưởng, rất phấn kích trong hoạt động của mình

để hình thành dư luận xã hội tuân thủ theo những lý tưởng, giá trị, chuẩn mực chung của toàn nhân loại, thì cuộc chiến dư luận có thể (và cần phải, nếu những thành viên của đời sống xã hội hiểu được tính chất của thời đại, có sự nhất trí của các tập đoàn người khác nhau về địa vị của mình, của các tầng lớp, thậm chí của các nước và các châu lục) dẫn đến việc xích lại gần nhau về những quan điểm, giải pháp, yêu cầu cũng như nhận định. Con đường tiến tới ước muốn này là kiên định đối thoại trong điều kiện hiểu biết lẫn nhau và tất cả mọi người đều bình đẳng đồng thời nhận thức được tính tất yếu của “sự thống nhất chung” của nhân loại. Thế nên, ý thức đại chúng (và thành tố của nó - dư luận xã hội) có thể trở thành chung của toàn nhân loại. Con đường tới đó rất khó khăn và lâu dài, nhưng rõ ràng là không có giải pháp lựa chọn nào khác cho điều đó.

Một vấn đề quan trọng nữa cũng cần nhắc đến là: mối quan hệ giữa báo chí với ý thức đại chúng là một nét đặc thù được xem như là một “người kết ước” của mình. Trong các phương tiện thông tin đại chúng thường có những tác phẩm hướng tới cả thể giới quan, nhân sinh quan, ý thức lịch sử và cả dư luận xã hội. Điều đó chứng tỏ rằng, báo chí có chức năng rất quan trọng đối với tất cả các yếu tố cấu thành của ý thức đại chúng, và rằng nó phục vụ tất cả các

thành tố của ý thức đại chúng. Tuy nhiên, nhìn chung do vị trí đặc biệt của mình trong hệ thống các thiết chế tư tưởng, *nên báo chí chủ yếu hướng vào dư luận xã hội*. Chính vì vậy đã hình thành diện mạo đặc thù của các tờ báo và tạp chí, các chương trình phát thanh và truyền hình. Không phải ngẫu nhiên mà các tài liệu trên báo được phân bố trên một diện tích rộng của trang giấy, cần phải tạo khả năng cho độc giả ngay lập tức quan sát được toàn bộ những thông báo. Trang báo cần phải tạo ra bức tranh toàn cảnh của hiện thực đang diễn ra, nhắc lại tất cả sự đa dạng của các sự kiện, hiện tượng, những vấn đề có phạm vi khác nhau. Sự phân bố các tài liệu trên trang báo, sự khác biệt kiểu chữ, kích cỡ và tính chất của tiêu đề cũng chứng tỏ tầm quan trọng của sự kiện và vấn đề đối với thời điểm lịch sử đó, chỉ ra vị trí của nó trong một loạt những vấn đề khác.

Đối với phát thanh và truyền hình không thể cùng một lúc trình bày tất cả các tiêu mục tin tức (như báo chí thường làm), mà phải chọn về thời gian, thông tin vào đầu buổi phát tin về những nhan đề quan trọng nhất hoặc “tin tức tóm lược”, để thính, khán giả ngay lập tức có thể hình dung được sự đa dạng của chuyên mục - vấn đề. Cũng vì nguyên nhân này mà tạo ra tính đều đặn, định kỳ cao của việc phát hành báo, các chương trình phát thanh và truyền

hình. Trong những trường hợp tối cần thiết việc đưa tin có thể được thực hiện ngay vào thời điểm diễn ra sự kiện, và khán thính giả có thể nhận được thông tin đồng thời vào ngay thời điểm đó.

Những tư liệu hướng tới dư luận xã hội, tạo ra cơ sở trong cơ cấu của một tờ báo, một chương trình phát thanh hoặc truyền hình, nên đôi khi để thông báo những tin tức quan trọng vừa nhận được, thì những bài đưa tin khác phải bị ngừng lại (trước đó đã phát hành những số báo đặc biệt). Hơn nữa, tất cả những tư liệu khác trong các phương tiện thông tin đại chúng không đơn thuần chỉ làm nhiệm vụ lấp đầy không gian còn lại trong số báo hoặc trong các chương trình mà nó còn liên kết tạo nên một sự phối hợp nhịp nhàng với các tư liệu hướng tới dư luận xã hội. Việc hình thành những thành tố sâu xa của ý thức đại chúng có liên quan chặt chẽ với “công tác” dư luận xã hội. Chính những tư tưởng và hình tượng quan trọng phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, nhận thức lịch sử đã được sinh ra trong quá trình hình thành dư luận xã hội, và cũng từ dư luận xã hội sẽ “tạo ra” những thành tố quan trọng của ý thức đại chúng, đồng thời, dư luận xã hội cũng tìm thấy vị trí của mình trong quá trình hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức lịch sử. Như vậy việc hình thành những thành tố này của ý thức đại chúng

(cần nhấn mạnh điều này khi nói đến hoạt động thực tiễn của nhà báo) chính là *thông qua dư luận xã hội*.

Một vấn đề khác không kém phần quan trọng đối với báo chí là việc “móc nối” các tư liệu chuyên về thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức lịch sử, với những vấn đề hiện đang gây xôn xao dư luận xã hội để mở rộng nhãn quan và hình thành cách nhìn nhận thấu đáo về thế giới, nhằm giải quyết vấn đề có hiệu quả hơn.

Như vậy, *bản chất các chức năng tư tưởng của báo chí thể hiện ở chỗ nó thường xuyên thúc đẩy sự tăng cường và phát triển ý thức tự giác của quần chúng bằng định hướng toàn diện trong thực tiễn, được thể hiện trong quá trình hình thành các thành tố của ý thức đại chúng, trong đó đặc biệt chú ý đến những nhiệm vụ phát triển và nâng cao tính tích cực của dư luận xã hội*.

Các hình thức hoạt động sáng tạo trong báo chí phải phù hợp với tính chất và cơ cấu của chức năng tư tưởng. Loại hình sáng tạo chính yếu được sử dụng trong báo chí là *chính luận*. Loại hình chính luận phản ánh thực tiễn và chuyển tải thông tin xã hội được hình thành là do nhu cầu phục vụ dư luận xã hội. Loại hình sáng tạo *khoa học* cũng được áp dụng rộng rãi bởi vì báo chí giải quyết các nhiệm vụ hình thành thế giới quan nên không thể thiếu sự

phân tích khoa học nghiêm túc. Đối với việc hình thành nhân sinh quan thì sử dụng loại hình sáng tạo *nghệ thuật* nhằm tạo ra những hình tượng - cảm xúc về nhân vật và các hoàn cảnh đặc trưng của đời sống xã hội. Do đặc thù và tính chất đa cấu trúc của ý thức lịch sử, để tạo ra những tác phẩm hướng tới dư luận xã hội phải sử dụng các loại hình sáng tác chính luận, khoa học và nghệ thuật.

Nên nhớ rằng việc sử dụng các loại hình sáng tạo khoa học và nghệ thuật trong báo chí mang tính chất đặc thù. Vì rằng báo chí trước hết hướng tới dư luận xã hội, nên loại hình sáng tạo chủ yếu là chính luận, các tác phẩm khoa học và nghệ thuật cũng phải có những đường nét mang tính chất chính luận. Một mặt, đó là kết quả của quá trình hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và ý thức lịch sử hoặc thông qua *dư luận xã hội*, hoặc trong mối quan hệ của báo chí với dư luận xã hội. Mặt khác ngay cả những tác phẩm đơn giản mang tính chất khoa học và nghệ thuật trên mỗi trang báo, chương trình truyền hình và phát thanh cũng đã được phối hợp với những tác phẩm chính luận để tạo ra trên mặt báo hay trong chương trình tính chất của loại hình sáng tạo chính luận, và điều này mang lại tính toàn vẹn về phong cách cho các số báo và các chương trình. (Cụ thể hơn về các loại hình sáng tạo xin

xem trong chương III: “Báo chí với tư cách là một lĩnh vực hoạt động sáng tạo” - tập 2).

CÁC CHỨC NĂNG TRAU ĐỒI VĂN HÓA, HƯỚNG DẪN - QUẢNG CÁO, GIẢI TRÍ

Trong mỗi quan hệ trực tiếp với chức năng tư tưởng, báo chí còn có chức năng trau dồi văn hóa. Và trong một phương diện nào đó, hoạt động tư tưởng của báo chí tạo thành bộ phận trau dồi văn hóa.

Văn hóa (tiếng Latinh - cultura có nghĩa là “giao cấy, giáo dục, đào tạo, phát triển”) là *trình độ phát triển của xã hội và của các tập đoàn người cấu thành xã hội, của những tầng lớp và của từng con người riêng biệt cùng với sức mạnh sáng tạo và khả năng kiến tạo của mình, được thể hiện trong những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, trong tính chất và hình thức các mối quan hệ giữa con người với con người*. Trình độ văn hóa là cấp độ nâng cao của con người và xã hội đối với thực trạng khởi nguồn (bởi vậy người ta nói về văn hóa nguyên thủy, văn hóa cổ đại...). Tuy vậy, không phải tất cả những gì con người tạo ra, không phải tất cả các hình thức của các mối quan hệ và hành vi của con người đều là văn hóa đích thực. Cũng còn tồn tại cả khái niệm như “vô văn hóa” (khi mà do nguyên nhân này hay nguyên nhân khác mà người ta không thể hoặc không muốn sống

theo những “chuẩn mực” được mọi người thừa nhận), cũng như là khái niệm “phản văn hóa” được hình thành trên cơ sở phủ nhận những “chuẩn mực văn hóa”.

Trong khi coi cái cấu thành các giá trị chung của toàn nhân loại và được truyền lại như là tài sản tự nhiên, “quỹ vàng” của toàn nhân loại là văn hóa đích thực (cùng lúc đó liệu có thể coi những thành tựu khoa học quân sự là “văn hóa quân sự”, khi mà nó đạt tới đỉnh cao chưa từng thấy như thế bao giờ trong mỗi giai đoạn phát triển của nhân loại?). Về mặt lịch sử còn tồn tại những hiện tượng đối địch với văn hóa là điều không thể tránh khỏi, (như tòa án giáo hội và sự sẵn lòng tư tưởng tự do, chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo và chính trị, các hình thức khác nhau để hạn chế tự do của con người, các hình thức cai trị phi nhân tính, chế độ nhà nước cực quyền...). Bởi vậy, khi coi những khái niệm “văn hóa” và “văn minh” là những khái niệm gần nghĩa tiếng Latinh “công dân” cần phải xem xét văn hóa như là yếu tố cấu thành của nền văn minh này hay nền văn minh khác, mà nó đã được duy trì trong hàng thế kỷ, như là tài sản của nhân loại.

Chức năng trau dồi văn hóa của báo chí, là phần đầu để trở thành một trong những cơ quan văn hóa của xã hội, tham gia vào việc tuyên truyền, phổ biến những giá trị văn hóa cao trong

xã hội, giáo dục con người những kiểu mẫu văn hóa chung của thế giới, bằng cách đó thúc đẩy *sự phát triển toàn diện của con người*.

Hoạt động tư tưởng của báo chí, hướng vào việc hình thành ý thức đại chúng (trong sự thống nhất của thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức lịch sử và dư luận xã hội), là cùng thúc đẩy sự trau dồi văn hóa của cá nhân, tập đoàn, dân tộc, xã hội nói chung. Nhưng do đặc thù nhiệm vụ của mình, nó mang tính chất *xã hội hóa* rõ ràng, mục đích của nó là hòa nhập con người như là những đơn nguyên tích cực hoạt động của quần chúng, vào thế giới các mối quan hệ xã hội và dù đứng ở phía thế lực này hay thế lực khác cũng là đại diện của một hệ tư tưởng nhất định. Bởi vậy văn hóa được hình thành trong quá trình hoạt động tư tưởng. Văn hóa, trước hết hướng đến việc hình thành mối quan hệ nhất định đối với các hiện tượng hiện tại cũng như tương lai (dựa trên cơ sở đó) và hình thành động cơ kích thích tích cực xã hội. Do đó, trọng tâm trong hoạt động tư tưởng được đặt vào các lĩnh vực văn hóa - chính trị - kinh tế - pháp luật sử dụng tính định hướng hữu dụng của chúng vào việc hình thành tính tích cực của công dân.

Chức năng trau dồi văn hóa của báo chí không có tính định hướng hữu dụng khắt khe cứng nhắc, mục đích của nó là làm giàu thêm thế giới nội tâm của con người như là một nhân

cách đánh giá. Đồng thời mở rộng nguyên tắc tự lựa chọn những giá trị văn hóa của mỗi con người, tôn trọng suy nghĩ và sự linh hoạt của họ cũng có nghĩa là “sự gia nhập” vào thế giới nhân cách. Điều đó buộc nhà báo phải biết tới các lĩnh vực mà công chúng của mình say mê và ham thích để cung cấp cho họ những thông tin phù hợp.

Tất nhiên, hoạt động của nhà báo có thể hướng vào việc mở rộng hoặc biến đổi các mối quan tâm trong đối tượng công chúng của mình, nhưng nhiệm vụ chính của nhà báo vẫn là “việc phục vụ mang tính chuyên môn cao” đối với những sở thích, tham vọng và sự ham mê được hình thành trên cơ sở tự lựa chọn của họ. Nhưng khả năng lựa chọn là vô tận, bởi vì những tài sản mà nhân loại tích lũy được là rất mênh mông, cũng như cả những tài sản do những thành tựu mới nhất của khoa học và văn hóa để lại trong những lĩnh vực rất khác nhau.

Đứng ở vị trí đầu tiên trong số các lĩnh vực văn hóa mà xã hội lựa chọn, thông thường là văn hóa nghệ thuật - văn hóa, nghệ thuật tạo hình, kiến trúc, âm nhạc. Theo sau nó đôi khi còn vượt lên trước là những ngành khác nhau của khoa học cơ bản và ứng dụng, kỹ thuật và công nghệ. Toàn bộ văn hóa nghệ thuật cao và khoa học - kỹ thuật tạo thành đối tượng quan tâm của các chương mục khoa học - thường thức,

giáo dục và đào tạo của các báo và các tạp chí, của các buổi phát thanh và truyền hình. Đối với các phương tiện thông tin đại chúng còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa là hình thành văn hóa sinh hoạt và giải trí, thậm chí cả nghi lễ...

Nhờ sự phát triển rộng rãi của các kênh truyền hình thông tin, mà báo chí đã làm cho văn hóa trở nên dễ hiểu đối với giới công chúng rộng rãi. Hơn nữa khi ở vào vị trí đứng đầu trong lĩnh vực xây dựng văn hóa, nó tạo khả năng dù bất kể ở vùng sâu xa nào cũng nhận được thông tin mang tính chất nghệ thuật, khoa học - thường thức, giáo dục - đào tạo, kỹ thuật và các tính chất khác nữa của văn hoá, một cách trực tiếp, với chất lượng cao và nhanh chóng, không thông qua một khâu trung gian nào. Ví dụ, chính nhờ có truyền hình mà hàng triệu người có thể “vào thăm” Cung điện Mùa đông, còn đài phát thanh cho phép “đến được” Nhà hát Metropolitan.

Khi quan tâm đến sự phát triển tinh thần của cá nhân con người, báo chí có khả năng chống lại những tác động phá hoại của cái gọi là “văn hóa đại chúng”, những hiện tượng phô trương, những chế phẩm nghệ thuật dành cho những sở thích lạc hậu và độn đai. Đồng thời, nhiệm vụ quan trọng nhất của báo chí là hình thành văn hóa đại chúng thực thụ, có nghĩa là sự giao tiếp của đông đảo quần chúng với nền văn hóa đích

thực. Để làm được điều đó đòi hỏi nhà báo không chỉ nhận thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ đã đề ra, mà còn phải có kỹ năng nghề nghiệp. Vì vậy, chẳng hạn như khi dàn nhạc giao hưởng trình diễn vũ nhạc cổ điển chất lượng cao, đòi hỏi một loạt những nỗ lực (trình bày và thể hiện) để trên cái nền đó chứng tỏ rằng, nhạc rock hay nhạc Jazz đích thực khác hẳn với những đồ nhái tầm thường... (mà điều đó khó hơn nhiều so với việc chạy theo sự chi phối của ham thích luôn thay đổi). Nhận thức của các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò của mình trong việc hình thành văn hóa đại chúng và định hướng của chúng trong việc thực hiện, được thể hiện rất rõ trong chính sách văn hóa của các phương tiện thông tin đại chúng này hay phương tiện thông tin đại chúng khác.

Trong khi giáo dục ý thức tôn trọng đối với văn hóa, sự ham mê thâm nhập vào kho tàng văn hóa, cũng như khi phát triển quá trình này với sự trợ giúp của việc “chuyển tải” những giá trị văn hóa (các chương trình nghệ thuật, các tư liệu khoa học thường thức) và các hình thức “giới thiệu, bình luận” khác nhau (từ việc giải nghĩa các thuật ngữ đến việc kêu gọi những khả năng tự nhiên của các nhà sáng tạo, từ việc thông tin chi tiết về tiểu sử của những con người nổi tiếng đến những ý định dự báo tương lai...) báo chí đạt được những kết quả lớn lao trong lĩnh vực nâng

cao trình độ văn hóa chung cho dân chúng, và khơi dậy những tiềm năng văn hóa nói chung cho dân chúng. Đồng thời với việc khuyến khích các tiềm năng nghệ thuật nghiệp dư, ủng hộ việc tham gia vào sự phục hồi, duy trì những di tích văn hóa, thu hút những sáng tạo kỹ thuật, một mẫu, sưu tập, báo chí, với tư cách là một cơ quan văn hóa, cần phải nhận thức rõ vai trò của mình trong việc phát triển những khả năng sáng tạo của con người, tăng cường sử dụng hành trang văn hóa ở các lĩnh vực khác nhau của thực tiễn xã hội. Trong thời kỳ chuyển sang xã hội thông tin hiện nay, một phần đáng kể của sự gia tăng tài sản xã hội (trong số đó thuần túy là vật chất) được diễn ra nhờ việc áp dụng những tri thức, sử dụng những khả năng sáng tạo của trí tuệ. Và xu hướng này sẽ ngày càng phát triển. Tuy nhiên khi công bố khoa học thường thức về những lĩnh vực khác nhau, trong điều kiện tri thức ở dạng “khởi thủy” thường khó hiểu đối với chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác do tính phức tạp của nó (nhưng theo nghịch lý của khoa học – chúng cần thiết phải có những thông tin từ các lĩnh vực khác nhau phụ cận với lĩnh vực tri thức “của mình”), thì người ta cũng có khả năng và sứ mệnh đưa ra những thông tin cực kỳ cần thiết trong hoạt động chuyên ngành.

Như vậy từ tính cấp thiết “thuần túy” của sự phát triển văn hóa của con người, lôgic khách

quan của hoạt động giáo dục tác động trở lại với tư tưởng mang ý nghĩa thực tiễn của “quá trình” phát triển nhờ từ những kho báu văn hóa. Điều đó được thể hiện trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn. Nguồn thông tin lớn nhất rất quan trọng đối với con người (và những nhà báo cần phải trình bày và phổ biến) là những tin tức từ lĩnh vực y học và thể thao và khi sử dụng thỏa đáng chúng có khả năng nâng cao *thể chất* (body-bulding). Đối với lĩnh vực trau dồi văn hóa còn có cả việc “giáo dục” nghi lễ, và tăng cường văn hóa ngôn ngữ...

Rõ ràng, chức năng trau dồi văn hóa còn có *nhiệm vụ hướng dẫn - quảng cáo*. Đó chính là làm thỏa mãn sự quan tâm của công chúng đối với thông tin chỉ dẫn về trau dồi ngôn ngữ và văn hóa âm thực, cũng như những quy tắc vệ sinh phòng bệnh, những biện pháp thư giãn và các công việc thủ công (nghề mộc, nghề nguội...). Tất cả những cái đó đều là sự tham gia vào quá trình phát triển văn hóa ở cấp độ sinh hoạt đời thường. Việc thực hiện các chức năng văn hóa và chức năng hướng dẫn sẽ trùng hợp khi đưa tin thông báo thời tiết và dự báo những hiện tượng khí hậu hoặc thực hiện việc hướng dẫn các công việc khác nhau (của nghề làm vườn, trồng rau quả, các nhà thiết kế mẫu, sưu tầm tem, những người ham mê cờ vua, những người câu cá...).

Trong báo chí, các tài liệu hướng dẫn cũng

tương tự như quảng cáo. Quảng cáo là thông tin về các hàng hóa và dịch vụ, giúp cho việc tạo nên hình ảnh có sức lôi cuốn của chúng. Trong báo chí, truyền hình, phát thanh hiện nay chương trình quảng cáo chiếm vị trí hàng đầu. Báo chí, phát thanh, truyền hình dành cho quảng cáo rất nhiều chỗ. Hơn nữa, quảng cáo lại là nguồn thu rất lớn cho báo chí (nếu thiếu thu nhập từ quảng cáo thì các phương tiện thông tin đại chúng khó có thể tồn tại).

Khi đưa ra thông tin về hàng hóa và dịch vụ, quảng cáo giúp cho người tiêu dùng tiến hành lựa chọn, hình thành văn hóa tiêu dùng. Nhưng nó cũng có thể đem đến tác hại khi cứ ra rả mời chào các hàng hóa và dịch vụ không phù hợp với nhu cầu thực tế của người “tiêu dùng”, hình thành nhu cầu giả tạo và bất thường. Khi kết hợp những tiêu chuẩn hàng tiêu dùng với tính chất của nếp sống, quảng cáo bằng cách đó sẽ thực hiện được chức năng tư tưởng.

Báo chí còn có chức năng *giải trí* (tiếng Latinh - *recreatio* là “khôi phục”, *creation* là “trưởng thành”) người ta còn gọi là chức năng tiêu khiển và khoái cảm hay là chức năng thư giãn. Mục đích của nó – tạo điều kiện nghỉ ngơi, thực hiện việc hưởng thụ lý thú, lấp chỗ trống thời gian một cách dễ chịu, tăng cường sự tĩnh tâm và giữ sự thăng bằng. Các tác phẩm thực hiện chức năng này là các chương trình ca nhạc

nhẹ, các buổi truyền hình sân khấu, các chương trình xiếc, thi đấu thể thao, phim trình thám, các cuộc thi đố, đo tài... Rõ ràng, tất cả những tác phẩm này ít nhiều đều chứa đựng một hàm lượng tư tưởng - văn hóa nhất định và các nhà báo cần đảm bảo sao cho nội dung không mâu thuẫn với tính chất định hướng tư tưởng của phương tiện thông tin đại chúng, đáp ứng yêu cầu chất lượng cao.

Mặt khác, hiển nhiên là thông tin trong lúc thực hiện các chức năng tư tưởng, văn hóa, chỉ dẫn, chỉ có thể hoàn thành đầy đủ những nhiệm vụ của mình khi mà các tác phẩm được trình bày hấp dẫn, có khả năng thu hút và giữ được mối quan tâm chú ý của công chúng.

Mặt khác, giải trí không đơn thuần chỉ là nghỉ ngơi, duy trì sự hưng phấn về mặt tâm lý, sự thăng bằng tinh thần, xóa bỏ căng thẳng, mà giải trí còn thúc đẩy sự phát triển trí tuệ, hoạt động tư duy (với diễn biến của “trò chơi trí tuệ” rất cuốn hút, chẳng hạn giải đáp các câu hỏi thông minh đặt ra trong các truyện trình thám hay hoặc trong các chương trình thi đố). Hơn nữa trình độ trí tuệ, nghệ thuật và định hướng của các tư liệu báo chí cũng có một ý nghĩa đặc biệt. Chỉ có báo chí mang thiên hướng nhân văn mới có khả năng tránh được những áp lực của sự dung tục, sự giải trí suông sã, tầm thường, kích thích dục vọng, bạo lực và các phim kinh dị,

mộng tưởng hảo huyền, sự khiếp đảm, hoặc ngược lại, quá cường điệu tính đa sầu đa cảm, dễ tổn thương đến đời sống tinh thần, tình cảm ủy mị, lãng quên, trốn chạy khỏi hiện thực để đến với thế giới mộng tưởng (tiếng Anh-escape nghĩa là “trốn chạy khỏi hiện thực”).

Và ở đây điều quan trọng là cần phải đề ra chính sách thông tin đúng đắn duy trì và phát triển được những tình cảm tích cực, tâm trạng lạc quan, tác động đến việc hình thành định hướng xác thực cho tính tích cực xã hội. Cũng như trong các lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, tính chất của chính sách thông tin gắn liền với quan điểm xã hội của các ấn phẩm và các chương trình.

Như vậy, cùng với hoạt động tư tưởng hướng vào việc hình thành ý thức đại chúng, báo chí còn thực hiện một loạt những trách nhiệm đối với công chúng về phát triển văn hóa, nâng cao trình độ học vấn, đảm bảo thông tin chỉ dẫn – quảng cáo, đáp ứng nhu cầu giải trí. Tất cả những nhiệm vụ đa năng đó cấu thành một tổng thể thống nhất, còn khi xác định các hình thức tiến hành đòi hỏi nhà báo tập trung sức lực để điều hòa sự tác động đến độc giả. Hơn nữa, trình độ chuyên môn của nhà báo được thể hiện rõ qua việc thực hiện một loạt những chức năng đó cùng một lúc trong một tác phẩm, cho dù có thể có cả những giải pháp khác.

CHỨC NĂNG TỔ CHỨC - TRỰC TIẾP

Báo chí, khi hướng đến công chúng, có tác động đến các thiết chế xã hội, các nhà chức trách, khi đụng đến những vấn đề thuộc lĩnh vực thẩm quyền của các cơ quan và các nhân vật này. Trong khi định hướng cho công chúng trước những sự kiện đang diễn ra, các nhà báo thường phân tích hoạt động của các thiết chế xã hội khác nhau (quản lý, kinh tế, sản xuất, thương mại, khoa học, giáo dục, văn hóa...) tùy thuộc các cấp độ khác nhau (từ cấp nhà nước đến cấp tỉnh), đồng thời đưa ra những kết luận tương ứng, những đánh giá và các kiến nghị. Tất cả những cái đó đều cần thiết để hình thành ý thức đại chúng, mà trước hết là dư luận xã hội. Về phía công chúng (thông qua thư từ, điện thoại hoặc tự liên hệ với ban biên tập) cũng cần thể hiện thái độ của mình đối với hoạt động của các cơ quan, công sở, các tổ chức xí nghiệp, các nhà chức trách. Ban biên tập thông qua việc sử dụng các tư liệu được đăng tải, các chương trình phát thanh và truyền hình, cố gắng tiếp thu và công bố những quan điểm, nhận định của các chuyên gia: các chính trị gia, các nhà khoa học, các kỹ sư, các nhà quản lý, các nhà kinh tế. Tất cả những tư liệu đó hàm chứa những vấn đề cần được giải đáp, kết luận, nhận định, xác nhận, kiến nghị thực tế.

Trước thực tế tư tưởng diễn biến phức tạp,

báo chí cần có đủ bản lĩnh để thực hiện chức năng của mình một khi được dư luận xã hội hưởng ứng, tạo thành một làn sóng phản hồi của dư luận có cả mặt tích cực, tiêu cực, phê phán, đề xuất quyết định... Tất nhiên dư luận xã hội đang được hình thành cùng với những đánh giá phân minh và những kiến nghị rành mạch tự thân cũng đã là một sức mạnh lớn. Hơn nữa xã hội không bị giới hạn bởi những nhận định nào đó và những nhận định đề nghị như vậy được thể hiện qua các bức thư – nhận xét, qua những câu trả lời phỏng vấn, tại các cuộc mít tinh, trong quá trình bầu cử vào các cơ quan quyền lực... Mỗi ban biên tập và mỗi nhà báo cần phải cố gắng đạt được sự biểu lộ tích cực của dư luận xã hội.

Tuy nhiên, việc các nhà báo sử dụng tính muôn màu của thực tiễn tư tưởng gián tiếp qua dư luận xã hội khó có thể hoàn thành những nhiệm vụ của mình một cách đầy đủ. Bởi vì trong quá trình này (từ nhà báo đến dư luận và đến các thiết chế xã hội) có thể sẽ có sự “chậm trễ” và “thất thoát” kha khá, kể cả sự “gián đoạn” của nó. Cần hiểu rằng dư luận xã hội thường hình thành không phải ngay lập tức sau những công bố, mà đòi hỏi phải có một “lượng thông tin phê bình” đối với chuyên đề nêu ra. Nếu chỉ có một bài báo duy nhất, mà lại không có tác động rõ ràng, thì lượng tư tưởng thực tế

có thể bị thất thoát hoàn toàn.

Bởi vậy, cần phải có sự tác động trực tiếp của nhà báo - các thiết chế xã hội, đồng thời không nhờ đến dư luận xã hội. Ngoài áp lực của dư luận đến các thiết chế xã hội, báo chí còn tiến hành tác động trực tiếp đến chúng. Điều đó có nghĩa là báo chí giống như là “quyền lực thứ tư” trong nhà nước đóng vai trò quản lý đối với không chỉ ý thức đại chúng, mà còn cả các thiết chế xã hội.

“Quyền lực thứ tư” được thể hiện trong một loạt các xu hướng hoạt động của các nhà báo.

Thứ nhất đó là sự phân tích của báo chí về thực tiễn, tình hình sự việc ở khu vực này hay khu vực khác của cuộc sống. Kết quả của việc phân tích này được thể hiện bằng các kết luận tích cực, cũng như tiêu cực, kèm theo là những kiến nghị, yêu cầu, và nhận định về những con đường và cách thức tối ưu hóa hoạt động của những thiết chế xã hội, những chi nhánh của chúng và cả các nhà chức trách riêng biệt (có thể là cả những kết luận hàm chứa nội dung vấn đề, được nêu lên và ý đồ giải quyết chúng).

Thứ hai, việc phân tích những quyết định này hay quyết định khác cũng như những tài liệu chính thức của nhà nước, của các tổ chức cá nhân và xã hội, các hiệp hội và các cơ cấu xã hội khác (đảng phái, hội những người lao động và các nhà kinh doanh...). Những đánh giá tích

cực hoặc tiêu cực, sẽ được đưa ra trong quá trình phân tích, cần phải được lập luận chặt chẽ và đề xuất tiến hành những cải cách cần thiết, theo ý kiến của nhà báo (kể cả sự thay thế hoặc thậm chí là hủy bỏ tài liệu).

Thứ ba, những bài báo thực hiện vai trò của báo chí như một cơ quan kiểm soát của xã hội đối với tiến trình sự việc trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, chẳng hạn như việc thực hiện những quy định của Hiến pháp? Việc thi hành luật pháp và cả các quy định khác nhau của nhà nước? Các cấp chính quyền ở Trung ương và địa phương hoạt động như thế nào cho phù hợp với những trọng trách và các quyết định đã đề ra, thực hiện các chương trình và điều lệ của các tổ chức xã hội cũng như các vi phạm tiêu chuẩn đã đề ra cho các tổ chức và cá nhân?

Đối với mỗi vấn đề trên, báo chí cần cố gắng giải đáp thấu tình đạt lý để đạt được những thay đổi thiết thực. Muốn vậy cần sử dụng đầy đủ “quyền lực thứ tư” của mình, can thiệp vào tiến trình xã hội, vào cuộc sống của những thiết chế xã hội, và vào công việc của những người lãnh đạo chúng.

Tuy nhiên “quyền lực” của báo chí không mang tính chất bắt buộc phải thực hiện, mà mang tính chất tư vấn thuyết phục. Những nhận xét và kiến nghị của nhà báo - cũng chỉ là nhận định của công chúng (của chính các nhà báo, các

đại diện của công chúng, của các tác giả - chuyên gia của các lĩnh vực khác nhau), chứ không phải quyết định của cơ quan quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhưng nếu như không chú ý đến những điều đó, có nghĩa là hành động vô lý và thiếu dân chủ. Sự không chú ý và thái độ coi thường của các cơ quan quyền lực đối với những tư liệu của nhà báo sẽ dẫn đến việc mất đi một bộ phận thông tin rất quan trọng đối với họ, việc phân tích và sử dụng thông tin này có thể sẽ tạo xung lực cần thiết cho hoạt động của cơ quan và những tiểu bộ phận của nó đạt được mức hiệu quả tối ưu. Do đó, cần phải làm sao để những phát biểu của các phương tiện thông tin đại chúng về các thiết chế xã hội tạo nên những phản ứng được pháp luật xác nhận. Rất tiếc hiện nay, trong lĩnh vực này, luật pháp còn chưa phát triển, do đó vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng như là “quyền lực thứ tư” đối với các thiết chế xã hội, không thể thực hiện được đầy đủ nếu không có sự đảm bảo của luật pháp.

Các tiểu bộ phận của các thiết chế xã hội đã dùng cả hai yếu tố - chính trị và thực tiễn - để phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng (trung tâm báo chí, ban báo chí, các phòng ban liên hệ với công chúng...), nhằm lập ra dịch vụ thu thập và phân tích các bài phát biểu của báo chí đã đụng chạm đến hoạt động

của thiết chế xã hội này (các bộ, hoặc tòa thị chính, hoặc của tổ chức xã hội). Kết quả của sự phân tích này được đưa thành tin tức của các cơ quan tương ứng và các nhà chức trách, những người đã phản ứng đối với các bài phát biểu của báo chí.

Phản ứng của các cơ quan lãnh đạo đối với những bài viết của các nhà báo có thể được thể hiện dưới hình thức: cảm ơn vì có được thông tin quan trọng, mà qua đó có thể áp dụng những biện pháp cụ thể, dưới dạng trả lời đưa ra lý lẽ không thể chấp nhận lời khuyên hay nhận định nào đó hoặc dưới hình thức phản ứng gay gắt cùng với lời trách móc về sự không hiểu biết hoặc buộc tội vì những tin tức không chuẩn xác, những sai lạc trong phân tích... Tất nhiên, cũng có khi (và cũng không phải hiếm xảy ra) là các ý kiến nêu ra của các nhà báo bị im đi hoặc đơn giản là đưa ra câu trả lời lầy lệ hoặc “bác bỏ” thiếu căn cứ.

Tính chất phản ứng, hoàn toàn phụ thuộc vào sự quan tâm và tính khách quan của nhân vật hoặc cơ quan mà nhà báo hướng tới, nhưng cũng ít nhiều phụ thuộc vào chính các nhà báo, vào uy tín của các phương tiện thông tin đại chúng.

Thẩm quyền (tiếng Latinh - *competentia* là “giới hạn của quyền lực, của lĩnh vực hoạt động của cơ quan hoặc cá nhân”) của báo, tạp chí, của các chương trình phát thanh và truyền hình được xác định bởi chuyên môn và phạm vi hoạt

động. Chẳng hạn, các tư liệu của báo “*Tin tức*” hoặc báo “*Độc lập*” mang tính chất tổng hợp và đụng chạm đến toàn bộ các vấn đề xã hội, còn “*Thế thao - tin nhanh*” được phổ biến rộng rãi nhưng lại hướng vào chỉ có một lĩnh vực mà thôi. Thẩm quyền báo chí chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi địa vị xã hội của nhà sáng lập và mức độ đại diện của nó trong các tài liệu của ấn phẩm và các chương trình.

Đối với các ấn phẩm chính thức (chẳng hạn như “*Báo Nga*”, “*Báo Nghị trường*”) được các nhà chức trách rất quan tâm bởi vì chính quy chế của chúng là do nhà nước đề ra cho các phương tiện thông tin đại chúng.

Tính chất quyền hạn của các ấn phẩm và các chương trình được thể hiện trong nội dung các ý kiến của chúng, trong các phản ứng của các thiết chế xã hội đối với chúng. Âm lượng phản ứng có thể rất rộng: từ việc “chấp nhận” đối với những tư liệu đã được công bố, đến việc “trả lời lấy lệ” và “châm chọc” đối với ấn phẩm hay chương trình không có qui chế chính thức. Nếu như các ấn phẩm báo chí không chỉ có uy tín cao và có ảnh hưởng trong xã hội, mà còn có sự bảo đảm của pháp luật về thẩm quyền của mình, uy tín của ý kiến sẽ được nâng cao một cách đáng kể.

Trong bất kỳ trường hợp nào, các nhà báo cũng cần phải cố tạo ra những tác phẩm tỏ rõ

tính thẩm quyền cao của chúng (tiếng Latinh - *competens* là “biết, có những tin tức đa phương diện và sâu sắc trong lĩnh vực của mình”). Nhận định có uy lực là kết quả của sự phân tích nghiêm túc dựa trên nguồn thông tin tin cậy và rộng rãi, được tiến hành trên cơ sở trình độ phương pháp luận cao. Chỉ có như vậy mới có thể có được những nhận định có cơ sở, những kết luận và những kiến nghị có ý nghĩa về mặt thực tiễn, những hình dung chuẩn xác về những biện pháp cần thiết nhằm đối phó với những cơ quan và các nhân vật, tổ thái độ đối với phát biểu của nhà báo để đem lại những thay đổi có tính chất xây dựng trong thực tiễn hoạt động của mình. Nhưng đồng thời cũng cần tránh sự thái quá, và tránh chủ quan cho rằng giải pháp đề ra là duy nhất đúng và đó là khả năng duy nhất. Khi tin tưởng vào lẽ phải của mình, đòi hỏi nhà báo phải can trọng. Sự can trọng này sẽ giúp cho nhà báo tránh được tình trạng bất khả kháng, cho phép đưa ra khả năng tiếp cận khác đối với việc giải quyết vấn đề và sẵn sàng tiếp tục thảo luận để tìm ra phương án tối ưu, có cân nhắc đến những lý lẽ của các nhà phản biện. Sẵn sàng đối thoại trong các cuộc tìm kiếm giải pháp tốt nhất, đó là một trong những quyền hạn của nhà báo được cho phép như đã nêu, khả năng tìm cách tiếp cận, biểu thị những yếu tố mà anh ta còn

chưa được biết, tìm thấy những biện pháp mới để giải thích và đưa ra những kết luận, những kiến nghị.

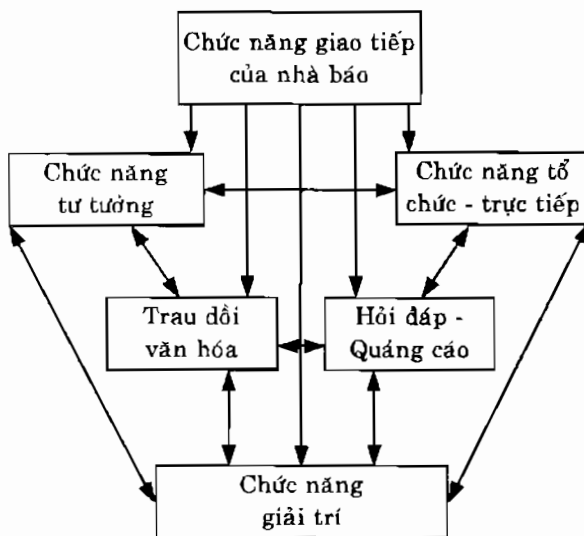
Cuối cùng, thẩm quyền của nhà báo khác với thẩm quyền của một chuyên gia, bởi lẽ, trong báo chí, bất kỳ tình huống nào của các thiết chế xã hội được xem xét trong cuộc sống không phải là ở bình diện hẹp mà là trên bình diện rộng. Bởi vậy cách nhìn nhận của một nhà báo mang tính chất song phương, trong đó kết hợp cả hai cách tiếp cận chuyên môn và xã hội. Điều đó có nghĩa là việc phân tích hoạt động của các thiết chế xã hội do báo chí tiến hành là vì sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của hệ thống các thiết chế xã hội, cải thiện điều kiện hoạt động và thực hiện tối ưu các quyền của cá nhân.

CÁC CHỨC NĂNG CỦA BÁO CHÍ: HỆ THỐNG VÀ SỰ PHỐI HỢP

Sự quan tâm đến con người, đến sự phát triển tư tưởng, tinh thần của nó, đến những điều kiện sống thích đáng, đến sự no đủ vật chất dường như xuyên suốt toàn bộ hệ thống chức năng báo chí. Bởi vậy việc thực hiện chúng được diễn ra thông qua lăng kính “nhân tố con người”. Do đó cần phải xác định mối quan hệ giữa các chức năng của báo chí, tính chất chế ước lẫn nhau và sự phối hợp của chúng.

Về mặt lý luận trong hoạt động báo chí có

thể và cần phải phân chia các chức năng tư tưởng, giáo dục văn hóa, hướng dẫn – quảng cáo, giải trí và chức năng tổ chức trực tiếp, về mặt thực tiễn chúng được thực hiện trong sự thống nhất và đồng bộ. Minh chứng rõ ràng cho điều này là một số báo hay một chương trình truyền hình, trong đó các tác phẩm được sử dụng (hay các tư liệu) đã thể hiện tất cả các chức năng. Bởi vậy hệ thống chức năng có thể hình dung theo sơ đồ sau:



Tất nhiên, từ góc độ chức năng của từng tác phẩm riêng biệt, có thể mang tính chất rất khác nhau. Văn bản có thể là *đơn chức năng*, cho dù trong nó có một vài chức năng khác rất yếu. Còn

đối với những văn bản có vai trò *chủ đạo*, thì chức năng chính vượt trội hơn, còn các chức năng khác cũng có nhận thấy. Dạng thứ ba gồm các văn bản *đa chức năng*, trong đó một vài chức năng (hay thậm chí là toàn bộ) ít nhiều được thực hiện một cách bình đẳng.

Như chúng ta đã biết, trong bất kể văn bản nào, bằng cách này hay bằng cách khác đều thể hiện một vài chức năng, trong đó biểu hiện một quy luật nhất định: hoạt động báo chí đa chức năng về bản chất của mình, dưới các hình thức khác nhau, thực hiện không chỉ trong toàn bộ các tác phẩm, mà còn trong từng văn bản báo chí. Và cho dù khó có thể biết ai ưa thích loại văn bản nào, nhưng nhìn chung văn bản đa chức năng thu hút sự chú ý nhiều hơn cả. Điều đó diễn ra do những mối liên hệ khách quan của cuộc sống, và sự ưa chuộng của độc giả đối với những tác phẩm phong phú về chức năng, có sức lôi cuốn thú vị hơn cả về hình thức cũng như nội dung.

Các chức năng của báo chí là những cơ sở hoạt động chung đối với tất cả các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, chúng được thực hiện một cách độc đáo theo nội dung, phụ thuộc vào quan điểm xã hội mà các nhà báo tiến hành và thực hiện trong các phương tiện thông tin đại chúng thuộc các định hướng chính trị - xã hội khác nhau.

CHƯƠNG III

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI CỦA NHÀ BÁO

Ở nước Nga, cũng như ở nhiều nước khác trên cơ sở thay đổi của pháp luật đã tạo ra những tiền đề để hình thành, bày tỏ và bênh vực những quan điểm xã hội khác nhau trong báo chí.

Tuy nhiên, nếu mỗi nhà báo chỉ bảo vệ “chân lý, cái thiện và sự công bằng” (giả định khác đi, có nghĩa là tạo khả năng tùy tiện chủ quan, không thể chấp nhận được đối với một nhà báo chính trực, còn về những người không chính trực thì chẳng còn gì để nói), thì kết quả của mỗi lần bàn bạc, tranh cãi, thảo luận chỉ có thể đi đến một cách nhìn thống nhất, một kết luận duy nhất. Chân lý chỉ có một, cho dù con đường tới đó rất xa. Nhưng kết luận về một chân lý duy nhất (và sự cố gắng tiến tới nó) là đúng đắn, nếu như ở đây chỉ muốn nói về phương diện nhận thức luận của vấn đề. Trong phương diện

thuần túy nhận thức luận quả thực cần phải tồn tại một nhận định duy nhất đúng, mà còn phải tiến tới được nó.

Còn vấn đề tồn tại quan điểm duy nhất trong phương diện xã hội cần phải được giải quyết hoàn toàn theo cách khác. Chính trong các cuộc tranh luận giữa các thế lực xã hội khác nhau (giữa các cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các sắc tộc, các khu vực, các nước...) không thể có nổi giải pháp thống nhất, hoàn toàn thỏa mãn cho tất cả, lý do chính là sự khác biệt xã hội trong thực trạng khách quan.

Hơn nữa, trong các cách tiếp cận, các quan niệm, các tham vọng phản ánh thực trạng và quyền lợi của mỗi thế lực xã hội, có thể sẽ ổn thỏa với người này, nhưng không được chấp nhận đầy đủ đối với người khác, và hoàn toàn không được chấp nhận đối với cả người khác nữa (đó là kể cả những nguyên tắc cổ phần hóa, và những sự công bằng trong việc đảm bảo lương hưu, và giải quyết những vấn đề lãnh thổ...). Có nghĩa là đối với mỗi nhà báo khi xuất hiện một vấn đề quan trọng mang tính nguyên tắc thì phải đứng trên quan điểm nào về những vấn đề xã hội, đứng về phía nào và hành động như nào để nếu như không tuyệt đối, thì ít nhất, những đánh giá và các kiến nghị của anh ta cũng đáp ứng tối đa những yêu cầu của “chân, thiện và công bằng”.

SỰ HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM XÃ HỘI

Sự ảnh hưởng của báo chí như một “quyền lực thứ tư” càng lan rộng và tích cực của nó trong xã hội ngày càng cao, thì nó càng chịu nhiều sự phê bình từ phía các lực lượng xã hội khác. Tất nhiên, thường có những hạch sách đối với những ý kiến của các nhà báo, cả sự buộc tội các nhà báo không nắm hết các sự kiện, về việc trình bày sự kiện không khách quan, về quan niệm phiến diện, thiên lệch bảo vệ cho những quan điểm không đúng... kiểu chê trách như vậy thường xảy ra trong những điều kiện tự do hoạt động của các thế lực xã hội khác nhau, nhất là trong các giai đoạn tranh cãi gay gắt, trong giai đoạn đùng độ tư tưởng và tham vọng.

Nếu như những hạch sách tư tưởng kiểu đó đối với nhà báo về các ấn phẩm và chương trình quả thực có cơ sở (nắm bắt không đầy đủ tư liệu thực tiễn, quan niệm không đầy đủ và sai lệch về các cách tiếp cận của các thế lực này, hay thế lực khác, sự thiếu hụt trong nhận thức hoặc nhận thức thiếu chính xác, sai lầm khi trình bày các sự kiện...) thì phản ứng chân thực duy nhất của nhà báo (các ấn phẩm và các chương trình) đối với sự phê bình là đồng ý với những nhận xét và sẽ đưa ra cải chính trong số báo (chương trình phát sóng) tiếp theo sau đó.

Sự việc sẽ khác đi khi mà những sự phê phán đi theo hướng không chấp thuận với quan điểm

mà nhà báo (ấn phẩm và chương trình) đã thừa nhận. Tất nhiên, quan điểm có thể được đưa ra một cách có lôgic, toàn diện và bao quát, có hệ thống toàn bộ những vấn đề xã hội, hoặc ngược lại, có thể là mơ hồ, chưa đủ cơ sở, không hợp lý, non sót trong thể hiện. Nó có thể biểu hiện công khai trong các văn bản khi nhà báo kiên quyết bảo vệ tầng lớp xã hội này hay tầng lớp xã hội khác, ủng hộ các đảng của chúng, hoặc có thể che giấu dưới hình thức thể hiện không rõ ràng, đồng thời công bố như là “sự tuân thủ các sự kiện”, “theo lương tri”, dưới danh nghĩa “không phụ thuộc” vào bất kỳ trường hợp nào, quan điểm về sự bày tỏ, thể hiện và bảo vệ các quyền lợi của những thế lực xã hội nhất định (khách quan là của giai cấp, dân tộc, khu vực và các tập đoàn xã hội khác, chủ quan - là của các đảng, các hiệp hội và khối). Nhà báo phải xác định cách tiếp cận đối với các hiện tượng của cuộc sống, tự nhận thức và đánh giá chúng, xác định tính chất của các giải pháp đề ra trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp luật (như đã chỉ rõ, trong các chương trình và các ấn phẩm - nhạc, thể thao, giáo dục, nữ công gia chánh, quảng cáo... cũng có “lập trường riêng”, tất nhiên nó mang tính nội dung tương ứng).

Cần phải bảo vệ lập trường, quan điểm của mình trong các vấn đề chính trị hoặc các vấn

đề thể thao, còn trong những trường hợp cần thiết, phải làm sáng tỏ, điều chỉnh và phát triển. Tuy vậy, một trong số những tình huống phản ứng đối với sự bác bỏ của những “người không đồng thuận” được liệt kê dưới đây sẽ là không thích hợp:

Thứ nhất - không để ý đến những lời phản đối và buộc tội có cảm giác là không công bằng mà vẫn tiếp tục “theo ý mình”, mở rộng, bổ sung và tăng cường lập luận của mình. Trong trường hợp điều đó là đúng xét từ lập trường quan điểm mà nhà báo tuân thủ, cũng không được coi là “bất đồng”, có nghĩa là sự bất đồng không nằm trên bình diện nhận thức luận, mà trên bình diện xã hội. Bởi vậy “nặng nề theo ý mình” chỉ có thể gây ra sự phản đối ngày càng gay gắt hơn, thậm chí dẫn thêm đến sự bất đồng.

Thứ hai - đáp lại những phản đối và luận đề của những “người bất đồng”, xuất phát từ quan niệm của họ về “chân, thiện và công bằng”, sẽ làm giảm bớt, đồng thời xoa dịu những gay gắt để tránh sự xung đột. Biểu hiện cao độ là cố gắng loại bỏ những nhận định và những kết luận có giá trị ra khỏi tác phẩm của mình. Người ta thường nghĩ rằng, “tính thông tin thuần khiết” chỉ là thông báo các sự kiện, tạo khả năng cho những người chứng kiến các sự kiện, loại trừ việc thể hiện những cách nhìn

nhận của riêng mình. Tuy vậy, dù dưới hình thức tiềm ẩn, thì quan điểm cũng sẽ phải lộ ra trong việc lựa chọn người đối thoại và tác giả, trong việc lựa chọn tư liệu, xây dựng văn bản, thậm chí cả trong việc sử dụng từ điển. “Tính thông tin thuần khiết” là ảo giác, đồng thời thường rất có hại, nếu cản trở việc tạo ra những quan điểm đúng đắn trong công chúng.

Tinh hướng thứ ba – đưa ra cho công chúng tất cả sự đa dạng của các quan điểm, nhận định, cách tiếp cận, đồng thời đưa ra thông tin “kiểu con lắc”, đưa ra tất cả các cách nhìn nhận, nhưng không bày tỏ quan điểm của mình. Nhà báo, tất nhiên, đơn thuần có trách nhiệm thông báo tất cả sự đa dạng phong phú của các sự kiện, quan điểm để công chúng tiếp cận với tất cả các quan niệm được tạo ra trong các tầng lớp xã hội khác nhau. Nếu khác đi sẽ không tránh khỏi sự phiến diện, một chiều, gây khó khăn cho việc tìm kiếm những giải pháp có thể chấp nhận được. Nhưng liệu nhà báo có khả năng giới hạn trong vai trò của người “đưa tin” thụ động trong toàn bộ các quan điểm mà không có sự tuyên bố và khẳng định tích cực về cách nhìn nhận của mình chẳng?

Mỗi một hình thức trong số những hình thức bày tỏ quan điểm của báo đều có “lý của mình”. Trong trường hợp thứ nhất - đó là sự thẳng thắn và kiên định với lập trường của mình:

trong trường hợp thứ hai - cố gắng nhân nhượng, tôn trọng chính kiến người khác; trong trường hợp thứ ba - là sự quan tâm đến việc trình bày một cách vô tư tất cả các nhận định. Như trường hợp bộc lộ (hoặc ẩn giấu) quan điểm riêng biệt trong mỗi tác phẩm, bất kể hình thức nào đều có thể và được thể hiện. Tuy nhiên sự tuyệt đối hóa, sự tuân thủ các tình huống nêu trên thường gây những thiệt hại đối với báo chí, bởi vì không cho phép thể hiện đầy đủ bản chất đích thực của nó như là một nhân tố định hướng xã hội toàn diện và đạt được tính phổ cập thông tin.

Do đó, với tư cách là cơ sở cực kỳ quan trọng đối với bất kể phương tiện thông tin đại chúng nào đòi hỏi phải có hình thức bày tỏ quan điểm “thứ tư”, dù nó chỉ bao gồm những bộ phận cấu thành của ba lĩnh vực đã nêu. Bản chất của nó, rõ ràng, rất biện chứng, bởi vì nó đòi hỏi sự kết hợp tính kiên định trong khi bày tỏ lập trường quan điểm của mình đồng thời phải có thái độ dung nạp đối với các thế lực xã hội khác và đối với những quan niệm của chúng, nên cần phải thể hiện trong nỗ lực hiểu và cân nhắc đến những nhu cầu đích thực của “những người không đồng chính kiến”. Bởi vậy, cái cốt lõi trong hình thức thứ tư (hiện nay - là duy nhất đúng) của sự bày tỏ quan điểm xã hội, đó là sự tìm kiếm các cách tiếp cận chung nhất dựa trên

cơ sở “nhất trí” (tiếng Latinh - consensue là “sự thỏa thuận”, “đồng cảm”) giải quyết vấn đề có ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội gây nhiều bất đồng ý kiến hoặc cho dù đó là sự thỏa hiệp dựa trên cơ sở nhượng bộ lẫn nhau.

Mẫu số chung của việc giải quyết tất cả các vấn đề xã hội trong xã hội hiện đại được tổ chức phức tạp và cấu thành từ nhiều phe nhóm khác nhau, dĩ nhiên, là những giá trị nhân văn được tạo ra trong quá trình phát triển của nhân loại, tập hợp tất cả mọi người và tạo ra nền tảng cho những ứng xử của mỗi người trong những lĩnh vực tồn tại khác nhau: trong chính trị và kinh tế, trong đời sống của quốc gia và cuộc sống riêng, trong các mối quan hệ giữa các nước và giữa những con người riêng biệt... Những giá trị nhân văn chung của nhân loại đối với báo chí có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành cộng đồng thế giới thống nhất liên kết chặt chẽ với nhau, khi mà sự đụng độ và tham vọng đưa cuộc chiến “tới thắng lợi” của các thế lực khác nhau sẽ đe dọa chính sự tồn tại của loài người.

“Toàn bộ” những giá trị chung của toàn nhân loại là rất rộng lớn. Trong đó còn bao gồm những lời răn của Kinh thánh (“đừng giết người”, “đừng ăn trộm”, “hãy ngoan đạo”, “hãy từ bỏ tội lỗi”, “đừng bắt tay với cái ác”...) và những tư tưởng và những đòi hỏi có giá trị chung của

những tôn giáo khác và cả những khẩu hiệu nhân đạo của cách mạng Pháp (“tự do, công bằng, bác ái”) và những tư tưởng vĩnh hằng phục vụ cho “chân, thiện và công bằng”. Trong số những “cái đã tạo ra được” này của nhân loại, là những giá trị thuộc cấp độ rất khác nhau, từ toàn cầu (sự hợp tác quốc tế, láng giềng thân thiện, sự khoan dung, sự ngự trị của luật pháp và phi bạo lực trong quan hệ của con người, của các dân tộc, các chủng tộc, và của các nước...) đến cá nhân (tính trung thực, tình bằng hữu, lòng nhân từ, tính cao thượng, đứng đắn, quan tâm đến kẻ yếu...). Những giá trị chung nhân loại làm cơ sở cho đời sống của con người và đại diện của loài người, hơn nữa theo mức độ vận động tới nền văn minh thế giới mới của thế kỷ XXI, tầm vóc của chúng ngày càng trở nên rộng hơn, và vai trò của nó ngày một trở nên có giá trị hơn, bao quát toàn bộ phạm vi ảnh hưởng ngày càng rộng hơn đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đĩ nhiên, đối với báo chí những giá trị chung nhân loại cũng tạo thành cơ sở cho lập trường xã hội của nó. Tuy nhiên, việc tranh thủ vô điều kiện toàn bộ những giá trị chung nhân loại trong quá trình nhận thức, đánh giá, đưa ra những bản tuyên cáo đối với các hiện tượng của cuộc sống sẽ vấp phải một loạt những khó khăn:

Thứ nhất, “hiệu lực” của chúng trong phạm vi lập trường xã hội của nhà báo cần phải cụ thể và dựa trên những đặc điểm cơ bản của tình huống mà chúng “áp sát”. Những lời răn của Kinh thánh “không giết người” hoặc “hãy từ bỏ tội lỗi” phải chăng trong tất cả mọi tình huống của cuộc sống đều được áp dụng hoàn toàn và vô điều kiện. Cũng cần phải cụ thể hóa một cách rõ ràng cả đối với những yêu cầu của tự do và công bằng “vĩnh hằng” mà con người hiểu theo nhiều cách khác nhau.

Thứ hai, cũng không kém phần quan trọng, đó là sử dụng những giá trị chung toàn nhân loại này không phải là con người trừu tượng, và chúng được áp dụng không phải cho “con người nói chung”. Mỗi một cá nhân cụ thể được tham dự vào nhân loại như là một đại diện của những đặc điểm tập đoàn khác nhau. Không tồn tại “con người nói chung”, chỉ có cá nhân (nhà báo, hoặc người mà nhà báo nói đến, hoặc người hướng tới) hội nhập một cách khách quan vào tổng thể rộng lớn của các tập đoàn người. Mỗi con người đều thuộc về một giai cấp, một dân tộc, một khu vực, một đất nước nhất định, nó mang những nét đặc thù về độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, trình độ và những đặc tính khác. Còn ở mỗi tập đoàn người lại gắn với vị trí mà tập đoàn đó có trong đời sống xã hội, và tính chất quan hệ với các tập đoàn khác để cấu

thành những quyền lợi và giá trị của tập đoàn mình và bởi vậy, cả những kiến giải độc đáo những tư tưởng dường như đã được chấp thuận (“công bằng”, “bình đẳng”, “bác ái”...).

Nhà báo cũng tự hội nhập vào cuộc sống, vào hoạt động chuyên môn của mình như là một đại diện cho đặc điểm của những tập đoàn xã hội nhất định và phù hợp với vai trò đó, thể hiện như một đại biểu, người bày tỏ, bảo vệ những quyền lợi và các giá trị của tập đoàn này hay tập đoàn khác. Có thể hình dung nhà báo là người quan tâm đến hoàn cảnh và thể hiện những nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, các cụ hưu trí hoặc thanh niên, của những người thuộc ngành đường sắt hoặc giáo dân - Thiên chúa giáo, của những người Nga tại vùng Pribantích hoặc các dân tộc ít người ở phía Bắc và lập trường quan điểm đứng về phía một tập đoàn xã hội cụ thể không chỉ không đáng chê trách, mà còn được thực hiện mà không vi phạm phạm luật pháp, rất cần thiết và cao cả về mặt xã hội, bởi vì cơ sở của nó là sự quan tâm đến con người, cho dù chỉ trong địa vị riêng của nó.

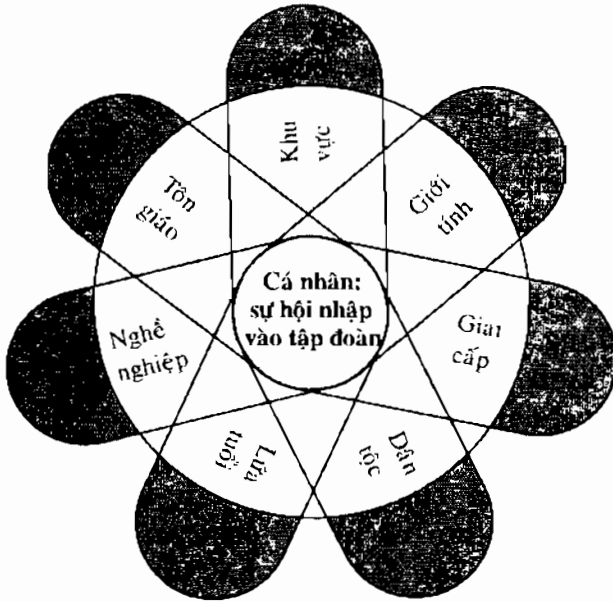
Nhưng cần phối hợp như thế nào mong muốn thực hiện những giá trị chung toàn nhân loại với việc bảo vệ những nhu cầu của các tập đoàn xã hội nhất định cùng với những quan điểm riêng của họ là cần thiết và đúng đắn.

Tất nhiên, nhà báo có thể nói: “Tôi đứng về

phía bảo vệ quyền lợi của tập đoàn mình, tập đoàn cử tôi đại diện bảo vệ những nhu cầu của mình, và thường là không thể kết hợp chúng với những cái chung toàn nhân loại". Người khác lại tuyên bố "tôi sẽ bảo vệ và bênh vực những giá trị chung toàn nhân loại, đứng trên quan điểm chung toàn nhân loại, chứ không theo các tập đoàn riêng biệt (giai cấp, dân tộc, nghề nghiệp...) và hãy để cho những quyền lợi riêng phục tùng theo cái chung". Và mỗi người trong số những người có những cách nhìn nhận đối lập nhau này mỗi người sẽ có cái đúng của họ. Nhưng nhìn chung sự tồn tại của các đối sách lựa chọn "hoặc là cái chung, hoặc là cái riêng" chỉ là ảo ảnh, bởi vì cái chung toàn nhân loại và cái riêng của tập đoàn bên trong liên hệ chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau. Bởi vậy, điều cực kỳ quan trọng đối với mỗi nhà báo là phải hiểu được sự tương quan giữa cái riêng của tập đoàn xã hội và cái chung của nhân loại trong các mối liên kết và quan hệ phức tạp của chúng (khách quan và chủ quan) được biểu hiện thực tiễn của cuộc sống. Cá nhân không thể nằm ngoài xã hội, vả lại nó không trực tiếp hội nhập vào nhân loại mà thông qua sự hội tụ của nhiều tập đoàn khác nhau cùng một lúc (mỗi nhà báo, chẳng hạn, liên quan đến lứa tuổi, giới tính, dân tộc, trình độ, xã hội, nghề nghiệp, khu vực và nhiều tập

đoàn khác). Hơn nữa (nếu như không xem xét các hình thức lịch sử - cụ thể của các mối quan hệ giữa các tập đoàn người khác nhau, đặc biệt là giữa các giai cấp) sự thỏa hiệp hay thậm chí là nhượng bộ giữa các phe nhóm trên cơ sở những giá trị chung toàn nhân loại có thể tìm được chỉ khi “cắt bỏ” những yêu cầu và những mưu toan ích kỷ hẹp hòi của các tập đoàn. Và lại, ai “được nhiều” do những đòi hỏi của chủ nghĩa nhân đạo thì đơn giản phải có nghĩa vụ giúp đỡ những ai “được ít”: người giàu giúp người nghèo, kẻ mạnh giúp kẻ yếu, người khỏe giúp người bệnh... Đối với cách tiếp cận chung toàn nhân loại được đặc trưng bởi nhận định “tất cả mọi người đều là anh em” và tương ứng với nó là “đối với tôi không phải thiên sứ, cũng không phải tín đồ Do Thái” mà là đại diện của chân lý cao siêu nhờ đó mà có thể xuất hiện những giải pháp thỏa hiệp thậm chí đối với cả những vấn đề tranh cãi, như “Những nguồn tài nguyên nằm sâu dưới lòng đất vùng Iacút thuộc về ai”, hoặc “Ai là người phải quan tâm đến việc bình thường hóa tình trạng môi trường của các đại dương trên thế giới” hay “Vì sao các nước giàu cần phải giúp đỡ các quốc gia nghèo”.

Sự tương quan của cá nhân, toàn nhân loại và tập đoàn người (bao gồm cả các thành viên không đồng thuận với cái chung toàn nhân loại) có thể được trình bày theo sơ đồ sau:



Dù rằng mỗi người hòa nhập vào nhân loại thông qua nhiều tập đoàn xã hội khác nhau, sự nhận thức “trực tiếp” này đề ra cho mỗi người những chuẩn mực được thừa nhận trong xã hội về cách ứng xử thích hợp (hay tuân thủ phép lịch sự), được quy định trong mối quan hệ đối với sở hữu của người khác (không ăn cắp), như đối với trẻ em, người bệnh và người già cả (hãy giúp đỡ kẻ yếu), cũng như việc tổ chức sinh hoạt (tuân thủ trật tự và vệ sinh)..., việc vi phạm những chuẩn mực đó bị lên án.

Tất nhiên, thực tế các tình huống cụ thể

(chẳng hạn như cuộc sống của người thất nghiệp) hay địa vị trong hệ thống các mối quan hệ xã hội (ví dụ như của mối quan hệ “chủ - thợ”) được phản ánh trong tính chất nhận thức và hình thức thực hiện những chuẩn mực chung đó. Nhưng luật pháp, quyền hạn, chuẩn mực đạo đức được chấp nhận trong xã hội như là những cái duy nhất, sẽ hạn chế bớt những sai lệch có thể có. Còn báo chí (và các hình thức tác động mang tính chất giáo dục khác) tạo điều kiện cho sự công nhận và khẳng định những chuẩn mực đó.

Tình hình sẽ khác xa khi nhận thức của con người về bản chất chung nhân loại gắn với những quyền lợi “cá nhân” được ấn định bởi sự phụ thuộc vào tập đoàn này hay tập đoàn khác - thuộc giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, khu vực, lứa tuổi... Trong tình huống này những giá trị và các tiêu chuẩn chung của toàn nhân loại (“bình đẳng”, “công bằng”, “tự do”, “lương tâm”, “tôn trọng pháp luật”...) được giữ vững (dù có một số người có thể không muốn tuân thủ chúng) nhưng mang tính chất nhận thức đặc biệt, “một đặc tính” được qui định nghiêm ngặt bằng địa vị khách quan của tập đoàn trong hệ thống các mối quan hệ xã hội.

Chẳng hạn như, khái niệm “công bằng” đối với người chủ nô và kẻ nô lệ, đối với chủ nhà máy và công dân làm thuê, đối với đại diện của

các chủng tộc và các dân tộc khác nhau, với người trong cuộc sống đang khởi sắc và đối với những người tàn tật, những nông dân sống ở vùng sâu vùng xa hay gần với thành phố lớn, đều mang ý nghĩa đặc biệt phụ thuộc vào địa vị của họ. Hơn nữa do sự bất đồng không lớn lắm và vì vậy có thể xích lại trên con đường thỏa thuận, nhưng cũng có thể dẫn đến sự đối lập nhau. Làm thế nào để phân phối công bằng những phúc lợi vật chất theo lao động, theo công lao từ trước, theo tài năng, theo thừa kế, theo vốn đầu tư? Những câu trả lời của các tập đoàn người khác nhau sẽ khác nhau. Chẳng hạn tư tưởng chung của toàn nhân loại có ý nghĩa và sự bổ sung ý nghĩa khác nhau đối với các tập đoàn người khác nhau. Trong những điều kiện, khi mà “thắng lợi” của một tập đoàn này gây nguy hại cho toàn nhân loại, cần phải vứt bỏ những toan tính cực kỳ ích kỷ nhỏ nhen, tìm biện pháp thỏa thuận quyền lợi của tất cả các tập đoàn.

Như vậy, mối tương quan chung của nhân loại và tập đoàn sẽ không thích hợp với việc phân tích từ quan điểm lựa chọn “hoặc là cái chung, hoặc là cái riêng”, mà mang tính chất biện chứng phức tạp hơn, được hội nhập khách quan rất nhiều vào các tập đoàn cấu thành nó cùng với tính chất phức tạp của những giá trị của chúng. Hơn nữa, hiện trạng khách quan của sự vật bằng cách nào đó (đầy đủ hoặc từng bộ phận, một cách

hệ thống bằng phân tích, đúng hoặc không đúng) đều được cá nhân nhận thức và gắn với nhận thức đó, mà lập trường quan điểm của nó được hình thành. Trong lập trường quan điểm đó, dưới hình thức cá nhân thì phép biện chứng của cái chung toàn nhân loại và cái riêng được thực hiện. Đồng thời, đối với một số người thì những giá trị nhân văn chung toàn nhân loại đứng vị trí hàng đầu, đối với một số khác thì coi hàng đầu là những cái riêng của tập đoàn (người ta nói về chúng như là “quyền lợi sát sườn”), còn đối với số khác nữa là tìm kiếm một cách khó khăn trạng thái cân bằng (quan tâm đến bản thân, nhưng không làm hại đến người khác, quan điểm này thường được gọi là “chủ nghĩa vị kỷ khôn khéo”).

Trong mỗi quan hệ này, nhà báo chẳng có gì khác với những người làm nghề nghiệp khác. Chỉ khác nhau ở chỗ sự hình thành lập trường quan điểm của nhà báo mang tính chất chuyên môn và có ý nghĩa quan trọng hơn là vì từ quan điểm này anh ta “trình làng” trước đông đảo công chúng, và cũng chính bằng cách đó xác định thái độ của anh ta đối với những hiện tượng quan trọng của đời sống và cố gắng áp dụng thái độ đó của anh ta vào ý thức của công chúng, đồng thời xác định cách ứng xử của mình. Bởi vậy, nhà báo trong bất cứ trường hợp nào cũng đều không được phép thay đổi quan điểm “theo tình huống” (phụ thuộc vào “vị trí công tác”...). Ở đây còn có một ý nghĩa

quan trọng đó là việc đào sâu suy nghĩ và nhận thức thấu đáo quan điểm của mình và gắn nó với những quy luật của đời sống xã hội, mà trong đó “cái chung” và “cái riêng” bổ sung cho nhau. Do đó, đặc biệt là nhà báo xuất phát từ “ưu tiên hàng đầu” của toàn nhân loại không thể không nhận thấy những quyền lợi và những giá trị, những tham vọng và lý tưởng của riêng tập đoàn trên nền chung của toàn nhân loại và dốc mọi nỗ lực để tách ra trong những nhu cầu riêng của tập đoàn những gì phù hợp với nhu cầu chung của toàn nhân loại, và đấu tranh để thực hiện chúng, đồng thời chỉ ra sự không thể dung hòa của những yêu cầu, không tương đồng với cái chung toàn nhân loại.

Do đó nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà báo là làm thế nào đó để có thể hiểu rõ hơn về thế giới hiện đại, định hướng toàn diện trong hệ thống các mối quan hệ xã hội của thời đại (tất nhiên là trong mối quan hệ với quá khứ và tương lai gần) và nhận thức được những giá trị “thiết thực” đối với anh ta về các thể chế kinh tế, chính trị, luật pháp, nghệ thuật, lao động sinh hoạt... Ở đó những cách tiếp cận mang tính chất khái niệm không đồng nhất (chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa xã hội, tôn giáo hoặc chủ thuyết nào đó nữa) nhất thiết phải nằm trong mối quan hệ đặc thù của các tầng lớp xã hội khác nhau và những quan điểm của chúng. Bởi vậy, nhờ sự giúp đỡ của các nhà

kinh tế và các chính trị gia, các nhà luật học và các nhà văn hóa, nhà báo cần phải nhận thức thế giới của đời sống xã hội, để thích ứng nhiều hơn đối với các yêu cầu của sự tiến bộ nhân đạo.

Nhiệm vụ thứ hai của nhà báo, gắn liền với nhiệm vụ thứ nhất, là xác định vị trí của mình trong cơ cấu của xã hội mà nhà báo đang sống. Trong những quan điểm xã hội khác nhau sẽ tồn tại sự khác nhau trong những cách tiếp cận đối với cơ cấu hóa hệ thống xã hội. Tất nhiên, chúng không đụng chạm đến những quan niệm đã được mọi người công nhận về việc phân chia theo giới hoặc trình độ học vấn, dân tộc hoặc khu vực, độ tuổi hoặc nghề nghiệp. Sự khác nhau liên quan đến những vấn đề riêng (với phạm vi độ tuổi như thế nào để xác định là trẻ em, thiếu niên, thanh niên; phải phân loại các dấu hiệu nghề nghiệp như thế nào...). Vấn đề các giai cấp và những dấu hiệu mà dựa vào đó để xác định thuộc tính giai cấp là những vấn đề hết sức phức tạp. Liệu có còn tồn tại giai cấp công nhân và giai cấp tư sản theo như đã nói về chúng ở thế kỷ XIX hay không? Thế nào là “giai cấp trung gian” và liệu nó có tồn tại thực tế như một chỉnh thể? Các nhân viên thương mại và dịch vụ được liệt vào giai cấp nào? Có thể gọi giới quan chức hoặc trí thức sáng tạo và văn nghệ sĩ là giai cấp được không? Phức tạp hơn nữa là vấn đề vai trò của giai cấp này hay giai

cấp khác trong đời sống của xã hội hiện đại.

Nhiệm vụ thứ ba khi hình thành quan điểm xã hội là nhất thiết phải hiểu được tính chất phức tạp của các mối quan hệ giữa “các bộ phận” khác nhau của cộng đồng người. Hiện tồn tại những mâu thuẫn sâu sắc giữa “phương Tây” và “phương Đông”, giữa “Bắc” và “Nam”, giữa các nước “giàu” và “nghèo”, giữa các khu vực tồn tại những cơ sở văn minh khác nhau (“Đạo giáo”, “Hồi giáo”, “Nho giáo”...) đặc biệt mang trong tất cả các nước giữa các lực lượng giai cấp - xã hội và những đại diện tư tưởng của chúng trong các tổ chức đảng phái tồn tại nhiều mâu thuẫn diễn ra muôn màu muôn vẻ. Và trước đây những mâu thuẫn này đã được “giải quyết” bằng các hình thức đấu tranh khác nhau (trong đó có chiến tranh “nóng” và chiến tranh “lạnh”) mà kết quả của cuộc đấu tranh đó là một nước hay một khối quốc gia liên minh có ý nghĩa thống trị ra đời. Điều đó đòi hỏi nhà báo có cách nhìn nhận mới đối với các tiến trình chung của thế giới và gắn liền với chúng là tất cả những gì nằm trong phạm vi quan tâm trực tiếp của nhà báo.

Nhà báo cần phải hiểu rõ rằng, từ nửa sau thế kỷ XX đã bắt đầu xuất hiện và phát triển những nét đặc biệt của đời sống xã hội, mà nó đặt nhân loại trước những thực tế mới và tương ứng với điều đó là đòi hỏi tất yếu phải thay đổi tư duy về tính chất của thời kỳ hiện đại, của các

thế lực hiện hành và định hướng lại quỹ đạo phát triển tiếp theo của xã hội.

Khi hình thành lập trường quan điểm xã hội của mình, nhà báo cần phải tính đến ít nhất là hai yếu tố lịch sử.

Thứ nhất: trong thế giới, nơi đã từng có ba thế lực (theo nhận định chung): Chủ nghĩa đế quốc thế giới (“phương Tây”, “thế giới tự do”) các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa và thế giới thứ ba, họ chủ động tuyên bố mình là phong trào không liên kết, đã xuất hiện cái gọi là “những vấn đề toàn cầu”. Về phương diện quân sự đó là nguy cơ hủy diệt toàn bộ sự sống do kết quả của thảm họa hạt nhân. Về phương diện kinh tế có nguy cơ chấn động tài chính thế giới do sự phát triển bất cân đối của Bắc và Nam, do những khó khăn tài chính của nhiều nước tạo ra những món nợ nước ngoài lớn. Phương diện môi trường gắn với việc sử dụng bất hợp lý các nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt và sự ô nhiễm môi trường tự nhiên một cách nguy hại gây ra những biến đổi không thể phục hồi được ở những nơi cư trú của con người.

“Những vấn đề toàn cầu” đó và cả những vấn đề khác nữa (thông tin, nhân đạo, dân số, lương thực, y tế...) dường như không thể giải quyết được trong phạm vi một quốc gia riêng biệt hoặc một khối các nước, chúng đòi hỏi sự nỗ lực phối hợp chặt chẽ của toàn thế giới.

Trong những điều kiện đó các quan điểm xã

hội của nhà báo được hình thành trên cơ sở tư tưởng “phi tư tưởng hóa các mối quan hệ quốc tế”, có nghĩa là họ có trách nhiệm phải nhấn mạnh trọng tâm vào quyền lợi chung toàn nhân loại, đồng thời quan tâm đến quyền lợi riêng của tập đoàn (dân tộc, khu vực, khối...). Cần phải nhìn nhận những vấn đề liên quan tới quyền lợi của đất nước trên các nền quyền lợi của toàn thế giới và học cách tìm những hình thức thỏa thuận này hay hình thức thỏa thuận khác của cái chung và cái riêng. Có thể có nhiều sắc thái và dị biệt trong cách nhìn nhận và cách tiếp cận với các hiện tượng xã hội, thậm chí khả năng có sự xung đột gay gắt, và chính vì vậy mà các nhà báo “buộc” phải tìm sự tiệm cận của những quan điểm đánh giá và các giải pháp.

Yếu tố thứ hai tác động đến việc hình thành quan điểm xã hội của nhà báo gắn với những thay đổi nghiêm trọng (về kinh tế, chính trị, xã hội) mà đời sống xã hội đã phải trải qua.

Dựa vào cơ sở nhận thức thực tiễn, trong giới báo chí đã xuất hiện nhiều lập trường quan điểm khác nhau: một số coi ý tưởng của chủ nghĩa xã hội là sai lầm và hoàn toàn đứng về phía quan điểm của tư duy tư sản, kêu gọi quay trở lại với “con đường phát triển bình thường”, “quay trở lại với xã hội văn minh”, số khác công nhận sự hội tụ cần thiết của hai hệ thống xã hội. Số thứ ba bảo vệ mô hình của chủ nghĩa xã hội mới mà

kêu gọi đấu tranh để thực hiện nó, số thứ tư, công nhận những thay đổi quan trọng trong thế giới tư bản dưới ảnh hưởng những tư tưởng xã hội chủ nghĩa dưới sự hối thúc của phong trào nhân dân lao động và dưới tác động của việc nắm bắt những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật và những hậu quả xã hội của nó, họ cho rằng sẽ xuất hiện một xã hội mới hậu công nghiệp, rằng đã bắt đầu kỷ nguyên công nghệ điện tử, nền văn minh thông tin đã tới, mà trong phạm vi của nó và ở mức độ ngày càng cao những giá trị nhân đạo được thực hiện.

Cách nhìn nhận đó và quan điểm xã hội tương ứng của nhà báo hình thành trên cơ sở của nó, tỏ ra có triển vọng hơn cả, vì rằng nó đang hướng tới tương lai. Tương lai này người ta thường gọi là nền văn minh mới. Nền văn minh đầu tiên là nền văn minh cổ đại, trong đó nguồn của cải xã hội chủ yếu là thiên nhiên, thứ hai là nền văn minh kinh tế gắn liền với lao động như là một nguồn tài sản chủ yếu, còn thứ ba là văn minh hậu công nghiệp, hay là nền văn minh thông tin, đối với nền văn minh này đặc trưng là sự ngự trị của hoạt động sáng tạo và trí tuệ trên cơ sở nhận thức sâu sắc những quy luật của thế giới, nắm bắt thông tin và công nghệ thông tin, sử dụng toàn diện những thành tựu khoa học cho lợi ích của con người.

Lập trường quan điểm xã hội xác định khả

năng tiên đoán “tương lai mong đợi”, những biện pháp và con đường đạt tới đó, tình trạng hoạt động sống tối ưu của xã hội, sự độc đáo của sự nhận định và đánh giá tình hình công việc hiện thời và tính chất của những bước đi thực tiễn đã đề ra. Nói cách khác, lập trường quan điểm xã hội xác định đặc điểm hoạt động thông tin - đại chúng của nhà báo, những nét đặc thù của các tác phẩm của anh ta theo toàn bộ nội dung khép kín của chúng (d, v, n, p). Do đó, xác lập tính chất kết hợp của nhà báo với dư luận xã hội, ý thức lịch sử, thế giới quan và nhân sinh quan, có nghĩa là xác định tính chất thực thi những chức năng của báo chí.

Quan điểm xã hội là sự đấu tranh vì quyền lợi của những tầng lớp này hay tầng lớp khác đồng thời đại diện quyền lợi của toàn xã hội, xác định tính chất của hoạt động thông tin đại chúng một cách hoàn toàn không đồng nhất. Nhà báo thể hiện những quyền lợi này theo nhiều cách khác nhau, tương đối đúng trong mọi “phương diện” và không đúng hoặc có thể là hoàn toàn không đúng trong các lĩnh vực khác... Điều đó phụ thuộc vào mức độ đúng đắn và tính hệ thống của nhận thức các nhu cầu hiện thực của những người mà quyền lợi của họ được nhà báo thể hiện. Về phần mình, nó gắn liền với sự sâu sắc và đúng đắn của định hướng thế giới quan của nhà báo, cùng với quan niệm lịch sử - xã hội

mà anh ta tán thành, cùng với những quan niệm về quy luật, định hướng đối với các thế lực hiện hành và các biện pháp giải quyết những vấn đề lịch sử đặt ra trước nhân loại.

Sự khác nhau trong nhận thức về tính chất, tình trạng và quyền lợi của những tập đoàn xã hội và những quy luật hoạt động và phát triển của xã hội nói chung dẫn đến việc hình thành trong các đại diện của tập đoàn xã hội này hay khác những cách nhìn nhận khác nhau đối với cùng một vấn đề. Việc bày tỏ lập trường tư tưởng, và tiến đến là quan điểm chính trị - thực tiễn của những nhà hoạt động xã hội ít nhiều gần nhau về cách nhìn nhận (trong số đó có cả các nhà báo), chính là các cương lĩnh chính trị và các giải pháp chiến lược của các đảng chính trị khác nhau (các liên minh, hiệp hội, mặt trận...) giống như là của các nhóm, các hiệp hội của những người đồng tư tưởng. Trong phạm vi các tổ chức chính trị này diễn ra sự phát triển tiếp theo, làm sáng tỏ, biến đổi những quyết định tư tưởng và chiến lược. Khi hoạt động trong phạm vi của các tổ chức này, nhà báo nhận được sự ủng hộ vật chất, sáng kiến và tổ chức trong hoạt động của mình. Tuy nhiên, đồng thời cũng xuất hiện vấn đề về tính độc lập trong quan điểm và hoạt động của anh ta. Và quan trọng là phải hiểu: tính độc lập đó ở đâu và không phụ thuộc vào ai (vào cái gì).

Vấn đề đầu tiên cảm thấy có vẻ dễ giải quyết, đó là tính độc lập trong việc xác định những người mà nhà báo sẽ thể hiện quyền lợi của họ, bày tỏ chúng như thế nào về mặt tư tưởng và thực tiễn, bằng cách nào để truyền tin tức tới đông đảo công chúng mà không bị áp lực từ bên ngoài. Tính độc lập theo nghĩa này là khả năng tự tiếp nhận những giải pháp và hành động theo sự thuyết phục của bản thân. Tuy nhiên, đó là tính độc lập, những ảnh hưởng từ bên ngoài, không được chấp nhận đối với cá nhân, chứ không phải độc lập với những tư tưởng và những mong muốn của riêng nó. Tính độc lập với bên ngoài, nhưng bên trong lại biến thành sự phụ thuộc vào những quyền lợi của các thế lực mà nhà báo đại diện, trên quan điểm của chúng mà anh ta thuyết phục, quyền lợi và nhu cầu của chúng mà anh ta quyết định bảo vệ, cũng như cách nhìn nhận đã được hình thành dựa trên cơ sở nhận thức của chúng. Tuy nhiên, “sự phụ thuộc” được nhà báo tiếp nhận một cách tự nguyện phù hợp với sự tin tưởng của anh ta, nên sự phụ thuộc đó khó nhận thấy.

Vả lại, nếu niềm tin của bản thân bị xao nhãng hay thậm chí là không được trau dồi, nhất là trong trường hợp khi nhà báo coi mình là “tự do” đối với những quan điểm nhất định sẽ xuất hiện sự lệ thuộc vào những niềm tin “xa lạ” của những người và của các phương tiện thông

tin đại chúng mà anh ta làm việc cho họ. Sự “độc lập” với những niềm tin này chính là sự lệ thuộc tồi tệ nhất. Vì vậy mà tên gọi của nó là tính vô nguyên tắc.

Vấn đề thứ hai có liên quan tới tình huống khi nhà báo là cộng tác viên của phương tiện thông tin đại chúng, mà anh ta không nhất trí với quan điểm của nó ở mức độ này khác. Ở đây có 3 giải pháp. Một là gắn với việc điều chỉnh đối thoại trong nội bộ ban biên tập. Nếu sự đối thoại này dẫn đến sự nhất trí quan điểm nói chung, thì những “sự chỉnh lý” trong cách nhìn nhận của những người tham dự đối thoại không phải là sự mất tính độc lập, mà ngược lại, để việc làm sáng tỏ quan điểm độc lập. Tất nhiên, giống như trong toàn bộ cơ thể sống trong ban biên tập cũng có xu hướng đối thoại nội bộ, duy trì những nét đặc thù cá nhân mà chúng là những “mầm mống” của những cách giải quyết độc lập trong tương lai để làm sáng tỏ quan điểm trong cách tiếp cận những tình huống luôn bị thay đổi của hiện thực. Giải pháp thứ hai - nếu như không đi đến được sự thỏa thuận, thì mọi cố gắng để giữ được tính độc lập tất nhiên nhà báo phải rời bỏ phương tiện thông tin đại chúng này, để đi tìm một nơi khác mà ở đó có những người đồng chính kiến, hay thậm chí anh ta có thể thành lập phương tiện thông tin đại chúng của riêng mình (hoặc trở thành nhà báo “độc lập”, đưa tác phẩm của mình

cho các phương tiện thông tin đại chúng, mà họ sẵn sàng dâng tãi nó). Giải pháp thứ ba cũng có thể: đó là sự từ bỏ quan điểm của mình theo hướng “có lợi” cho giới lãnh đạo của phương tiện thông tin đại chúng. Và ở đây tự nó bộc lộ tính vô nguyên tắc.

Bởi vậy cái chính là phải duy trì tính độc lập đối với những thế lực và những ảnh hưởng, mà buộc nhà báo phải từ bỏ lập trường quan điểm¹.

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

Quan điểm xã hội, có nghĩa là sự ủng hộ của thế lực xã hội này hay thế lực xã hội khác, đứng về phía họ, bày tỏ và bảo vệ quyền lợi của chúng, được nhà báo nhận thức và thể hiện trong hoạt động sáng tạo của mình dưới các hình thức khác nhau. Quan điểm xã hội có thể không được nhận thức mà hình thành theo bản tính. Nó cũng có thể được nhận thức chưa sâu sắc, khi mà mối dây liên hệ của nó với những quyền lợi của các thế lực xã hội nhất định được nhìn nhận như là sự trùng khớp ngẫu nhiên và không thường xuyên của những cố gắng và định hướng hành động. Mối dây liên hệ giữa quan điểm xã hội của nhà báo với nhu cầu và khát

¹ Phần này, tác giả liên hệ đến nền báo chí Nga trong lập luận và dẫn chứng (B.T).

vọng của các thế lực xã hội nhất định có thể được nhận thức cho dù sự hiểu biết vị trí của những tập đoàn này trong cơ cấu xã hội của xã hội và vai trò của chúng trong tiến trình lịch sử có thể là chưa rõ ràng và thậm chí còn sai lệch. Thế nhưng sự hiểu biết không đúng dẫn những thay đổi diễn ra vào cuối thế kỷ XX trong cơ cấu xã hội, những thay đổi về vai trò và ý nghĩa của các tầng lớp xã hội khác nhau trong lịch sử xuất hiện những tập đoàn xã hội mới, dẫn tới việc những ưu tiên hàng đầu trước đây ở mức độ này hay khác có những thay đổi nhất định. Trong thực tiễn báo chí, việc thể hiện những quan điểm xã hội như vậy có thể dẫn đến việc thực hiện chức năng báo chí mà kết quả là sự định hướng không đúng trong thời đại hiện nay.

Thế nên cần phải làm thế nào để quan điểm xã hội của nhà báo được nhận thức sâu sắc và phản ánh đúng những quyền lợi mà có khả năng thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xã hội.

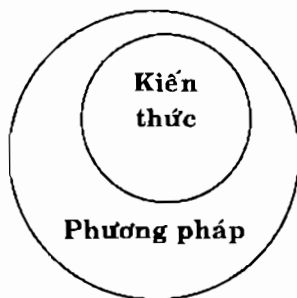
Vì vậy thông qua việc nhận thức rõ ràng quan điểm xã hội của mình và đưa nó vào cuộc sống một cách triệt để và nhất quán sẽ hình thành những *nguyên tắc* (tiếng Latinh - principium là “cơ sở quy tắc”) của hoạt động báo chí.

Những nguyên tắc này liên quan đến quy tắc và chuẩn mực hoạt động xác định tính chất chung của nó. Việc xây dựng tác phẩm bắt nguồn từ sự am hiểu thể loại, bằng những khả

năng thu thập các tin tức ban đầu, và bằng những yêu cầu của các quy luật bố cục... Những nguyên tắc luôn là cơ sở của một lĩnh vực thực tiễn nhất định nào đó của con người: chẳng hạn, nguyên tắc của chuyển động phản lực được lấy làm cơ sở cấu tạo tên lửa; nguyên tắc bảo tồn năng lượng - làm cơ sở cho vật lý, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ - làm cơ sở cho các mối quan hệ giữa các quốc gia...

Dựa theo những nguyên tắc này, người ta thực hiện chúng bằng cách lựa chọn và thực hiện những quy tắc và tiêu chuẩn cụ thể hơn, những biện pháp hành động các giải pháp kỹ thuật...

Như vậy, những nguyên tắc được xây dựng trên *nền tảng tri thức cấp cao*, trước hết là những hiểu biết các quy luật chung của lĩnh vực thực tiễn xã hội này, cấu thành cơ sở mang tính nguyên tắc, đóng vai trò là khởi điểm điều chỉnh, nhờ đó mà xác định những *phương pháp tiếp cận* và *các biện pháp hành động*. Nguyên tắc chung là kết hợp tri thức “tổng hợp” cấp cao (theo kiểu quy luật) và tri thức “hiện hành”, dựa vào việc áp dụng các quy luật để đưa ra góc nhìn và phương thức hành động trong thực tiễn. Nguyên tắc có thể được hình dung một cách hình tượng như là sự thống nhất của “hạt nhân” - là tri thức, và “vỏ bọc” - là phương pháp (tiếng Hy Lạp - *methodos* nghĩa là “cách thức nghiên cứu”).



Bởi vậy, chủ nghĩa nhân đạo cũng như là một nguyên tắc đối với nhà báo, thể hiện không chỉ ở việc công nhận con người là thước đo của mọi sự vật, trong nhận thức bản chất của nó, trong sự hiểu biết các mối quan hệ qua lại của con người với đồng loại và cả với thế giới tự nhiên..., mà còn trong cả định hướng hoạt động của mình đối với việc hiện thực hóa những giá trị nhân văn, đối với sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ quyền và quyền lợi của cá nhân, tính nhân văn của tất cả mọi lĩnh vực đời sống, điều hòa các mối quan hệ với thế giới chung quanh...

Tất nhiên, việc tuân thủ những nguyên tắc này sẽ có kết quả tốt đẹp (và đặc biệt trong triển vọng lịch sử), nếu như cơ sở của nó là tri thức đúng đắn. Quả thực, trong một loạt các khái niệm nguyên tắc đơn thuần đã bị luận giải hay “chứng minh” một cách sai lầm (chẳng hạn như nguyên tắc phân biệt chủng tộc mà chủ nghĩa phát xít muốn tiến hành trong thực tiễn

tư tưởng và chính trị). Nhưng sự tồn tại của những “nguyên tắc đó” không thể dài lâu, vì việc áp dụng chúng đặc biệt mang lại những mối nguy hại lớn. Có nghĩa là, có thể khẳng định rằng, *các nguyên tắc chỉ đúng chừng nào mà nó dựa vào tri thức đúng đắn*. Nhưng cũng không kém phần quan trọng để có thể chuyển tải từ tri thức thành “phương pháp” cũng phải được tiến hành một cách *tận tâm và chuẩn xác*, còn việc thực hiện nó phải *nhật thành và sáng tạo*.

Yếu tố khai sinh việc hình thành hệ thống các nguyên tắc đó là nhận thức của nhà báo về những quy luật “hiện hành” của thế giới chung quanh, trong quá trình hình thành các nguyên tắc nhóm các quy luật nền tảng của căn nguyên, hình thành và phát triển của thế giới nói chung và của những yếu tố cơ cấu quan trọng của đời sống xã hội. Tiêu chuẩn để lựa chọn các quy luật cần thiết để hình thành hệ thống các nguyên tắc, là tính phổ biến của chúng, dựa vào mỗi quy luật trong số đó, nguyên tắc cần phải được áp dụng cho bất kỳ hiện tượng nào mà báo chí xem xét và bộc lộ trong bất kể lĩnh vực và phương diện nào của hoạt động báo chí. Chẳng hạn, tính khách quan không thể không trở thành nguyên tắc của báo chí, bởi vì mọi phương diện của đời sống (từ đánh giá những hoạt động chính trị đến nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật, từ nhận định về những lợi ích kinh tế và xã hội của chính

sách thuế đến việc phân tích tình trạng văn hóa và giáo dục) và tất cả những bước đi sáng tạo của nhà báo (từ việc đề ra nhiệm vụ, và hình thành các câu hỏi đối với người đối thoại đến những giải pháp nội dung - quan điểm và những hậu quả tiền định của việc công bố) đều được kiểm soát “về tính khách quan”. Tất nhiên, những quyết định và hành vi của nhà báo có thể là không khách quan, hơn nữa, mang tính chất chủ quan - vô đoán, điều đó chỉ có nghĩa là anh ta đã vi phạm nguyên tắc và đáng bị lên án (hay thậm chí là “rút phép thông công” khỏi nghề nghiệp). Một vấn đề khác là nội dung của nguyên tắc khách quan (cũng như của những nguyên tắc khác), do các nhà báo thuộc các định hướng khác nhau có thể đưa ra những ý nghĩa khác nhau, kể cả những ý nghĩa trái ngược nhau (ví dụ, đối với đại diện của các thế lực khác nhau: phái tự do, bảo thủ hay xã hội chủ nghĩa, tất yếu khách quan của những giải pháp kinh tế của chính phủ “phái giữa” hầu như được đánh giá rất khác nhau).

Vậy những quy luật nào làm cho các nguyên tắc xuất hiện một cách khách quan? Chúng ta có thể hình dung các bước như sau: trước tiên xuất hiện các quy luật của tự nhiên và đời sống nhân loại trên trái đất, sau đó là các quy luật hình thành và phát triển của dân tộc như là một tổng thể lớn của các tập đoàn xã hội khác nhau (trước hết là giai cấp), các nước cùng

với những hình thức quản lý nhà nước của chúng, với đông đảo nhân dân, (của toàn đất nước, của các khu vực, của nghề nghiệp, lứa tuổi...), của các dân tộc và của các cộng đồng quốc tế, cuối cùng là của con người, một chủ thể của mọi mối quan hệ xã hội. Từ việc nhà báo tiếp cận với từng đối tượng trong số đó như thế nào, có quan điểm như thế nào đối với những nhận định về các sự kiện cụ thể, các tiến trình và các xu hướng của đời sống có tính đến nét đặc thù “cấu thành” nền tảng hiện thực, hình thành cơ sở quan điểm của anh ta đối với cuộc sống, cơ sở phương pháp luận của sự sáng tạo.

Thực tế, nếu nhà báo không công nhận những quy luật của đời sống xã hội, anh ta sẽ sa vào quan điểm chủ quan chủ nghĩa, nếu như anh ta không tin vào vai trò dân chủ - trong chính kiến của riêng anh ta đó là bắt đầu của chủ nghĩa quyền uy theo các nghĩa khác nhau (quý tộc chủ nghĩa, chủ nghĩa tài phiệt, chủ nghĩa trọng công trạng có nghĩa là ưa chuộng quyền lực, “huyết thống”, “giàu có” và “địa vị”...), nếu anh ta coi một chủng tộc hay một dân tộc nào đó có khả năng đóng vai trò chủ đạo trong xã hội thì quan điểm của anh ta nhất định đã thấm đượm những nét chủ nghĩa sô vanh hoặc chủ nghĩa dân tộc. Và ngược lại, sự cố gắng đi sâu tìm hiểu quy luật của đời sống xã hội sẽ dẫn anh ta đến cách nhìn nhận

khách quan đối với thực tiễn, niềm tin vào dân chủ - dẫn anh ta tới chủ nghĩa dân chủ, tin tưởng vào sự bình đẳng của tất cả mọi người khi nhận thức những nét đặc thù và vai trò của mỗi dân tộc trong đời sống nhân loại - sẽ dẫn tới chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế.

Sự lựa chọn lập trường quan điểm của nhà báo phụ thuộc trước hết vào quan điểm xã hội đã được chấp nhận, đồng thời phụ thuộc vào sự hiểu biết và “sự khai thác” nó dựa vào việc sử dụng những quan điểm triết học - xã hội này hay xã hội khác.

Để phù hợp với nhận thức quan điểm của mình, với sự lựa chọn cho mình những ưu tiên hàng đầu đại diện cho quyền lợi của các tập đoàn này hay tập đoàn khác (hoặc của toàn bộ nhân loại như là một tập đoàn lớn tốt bậc) đã hình thành tư tưởng *tính đảng*.

Thuật ngữ “tính đảng” dựa vào gốc từ Latinh - *pars, partis* có nghĩa là “một bộ phận”. Cơ sở quan điểm của đảng là đại diện quyền lợi của một bộ phận xã hội nào đó, mà nếu không có nó thì hoạt động của nhà báo trở thành vô nghĩa bởi vì nhà báo là người luôn bảo vệ quyền lợi của một tập đoàn người riêng biệt (về mặt xã hội - tập đoàn của các nhà báo đồng nghiệp hoặc của công nhân, về nghề nghiệp - của thợ mỏ hay của giáo viên. Về độ tuổi - của trẻ em hay những người hưu trí...) hoặc là quyền lợi của cả một tập đoàn

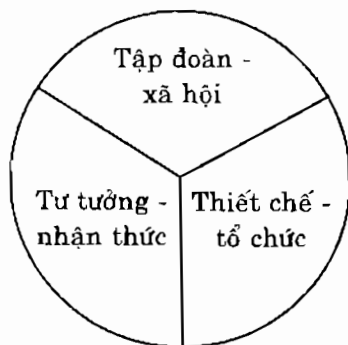
tổng thể, của dân tộc, của toàn nhân loại (bởi vậy tư tưởng “cộng đồng chung” hay “toàn nhân loại” đó cũng là tư tưởng tính đảng). Nhưng đồng thời, trong xã hội dân chủ mở rộng, tính đảng không thể không được định hướng nhân văn, nghĩa là hoặc đứng trên quan điểm của một “tập đoàn riêng biệt” khi nhìn nhận sự quan tâm và những yêu cầu của những tập đoàn khác, có nghĩa là trên cái nền của toàn nhân loại, hoặc là đứng trên quan điểm của toàn nhân loại, nhưng phải biết phân biệt “những nhu cầu và quyền lợi của các tập đoàn riêng biệt” như là những bộ phận cấu thành của nhân loại. Những cách tiếp cận khác sẽ là khiếm khuyết và kém hiệu quả.

Trong xã hội cùng với một hệ thống xã hội cụ thể, trong đó có sự thể hiện của những tập đoàn khác nhau, quan điểm xã hội của nhà báo có suy nghĩ, mong muốn hiểu sâu sắc sự thật được bộc lộ là sự thể hiện rõ ràng quyền lợi của các tập đoàn này hay tập đoàn khác. Tính đảng trong ý nghĩa “khởi nguồn” của nó là sự xác định rõ ràng và chính xác vị trí của mình cũng như quan điểm về một tập đoàn nhất định (tất nhiên, đó có thể là cả một tổng thể các tập đoàn, một xã hội trọn vẹn). Do đó, nhà báo trở thành “người đại diện” của tập đoàn này, thêm vào đó còn là người đứng về phía tập đoàn đó.

Nhận thức được vị trí của mình về phía tập đoàn này hay tập đoàn khác (hoặc một, hoặc tất

cả) và sự bảo vệ lý lẽ một cách có hiệu quả đòi hỏi phải tạo dựng được lập trường tư tưởng (hay là liên kết với hệ tư tưởng đã đề ra) và thành lập đảng như một tổ chức chính trị của những người đồng chính kiến (hoặc tham gia vào một đảng được thành lập). Thế nên hình thành hai phương diện khác nữa của tính đảng: tư tưởng - nhận thức và thiết chế tổ chức¹.

Như vậy, dưới dạng đầy đủ, tính đảng bao gồm các mặt tập đoàn - xã hội, tư tưởng - nhận thức và thiết chế - tổ chức. Do đó, nguyên tắc tính đảng có thể hình dung bằng hình tượng sau:



Tất nhiên, trong ý thức và cách ứng xử thực tế của một nhà báo cụ thể, quan điểm xã hội có thể không được bộc lộ và vì vậy không có khả năng biến thành quan điểm của đảng. Nhưng

¹ Tác giả liên hệ với nền báo chí Nga trong lập luận và dẫn chứng (B.T).

ngay cả khi nhận thức được, tính đảng vẫn có thể còn chưa hoàn chỉnh, khi mà chỉ mới hình thành một trong ba phương diện, nên hiển nhiên có thể giải thích được trong từng trường hợp cụ thể (hơn nữa trong những thời điểm cụ thể điều đó là thiết yếu và thậm chí là được biện minh), điều đó là nghịch lý, trong những tình huống bước ngoặt, khi còn nhiều điều chưa được sáng tỏ trong phương diện xã hội, phương diện tư tưởng, lẫn tổ chức, thì chính trong những tình huống đó việc làm sáng tỏ quan điểm là cực kỳ cần thiết, bởi vì tính đảng “được trình bày” một cách toàn diện sẽ cho phép thực hiện đường lối báo chí có hiệu quả hơn.

Đặc biệt quan trọng là những vấn đề về nội dung của tính đảng, đó là sự phù hợp (hay không phù hợp) giữa đường lối của đảng với nhu cầu thực tiễn của sự phát triển xã hội, về mức độ thể hiện những nhu cầu thực tế của dân tộc, của các tập đoàn xã hội nhất định và của toàn nhân loại. Trong những điều kiện khi mà xã hội cấu thành từ nhiều tập đoàn cùng với những quyền lợi của mình thể hiện những giá trị chung toàn nhân loại theo cách khác nhau, khi mà tính đa dạng khách quan của những quyền lợi sinh ra một tổng thể rộng lớn những quan điểm chính trị - tư tưởng, cạnh tranh nhau về ảnh hưởng đối với quần chúng, khi mà, trong điều kiện có một số phe nhóm chính trị

(các đảng, các liên minh, các khối, các mặt trận...) hoạt động, thì nhiệm vụ quan trọng đề ra trước mỗi nhà báo là xác định lập trường, quan điểm của mình, “chuyển” những thiện cảm và ác cảm, thiên kiến và sự ưa chuộng của mình, được hình thành một cách chưa có ý thức dưới tác động của hoàn cảnh cuộc sống thành những quan điểm bênh vực nhất quán và được lựa chọn có ý thức. Đặc biệt cần phải tránh sự cứng nhắc giáo điều theo đường lối cư xử đã được thừa nhận, cũng như sự lệch lạc trong quan điểm của mình do hoàn cảnh gây ra, do việc chạy theo một chính trị thời thượng.

Nhà báo cần phải phát triển hoạt động của mình theo hai hướng: thứ nhất, mở rộng quan hệ với những hiện tượng cuộc sống đang được nhận biết, thâm nhập ngày càng sâu hơn vào các quy luật của nó. Thứ hai, theo dõi sát sao những thay đổi căn bản đang diễn ra đòi hỏi điều chỉnh đường lối ứng xử trước đây đã được thừa nhận. Những phương hướng hoạt động này định rõ đặc tính sáng tạo, nội dung quan điểm đảng phái của nhà báo.

Phương diện tập đoàn - xã hội của tính đảng, như đã nêu, thể hiện trong việc nhà báo bày tỏ có ý thức về những quyền lợi của những tầng lớp và tập đoàn xã hội (giai cấp, dân tộc, khu vực, nghề nghiệp, lứa tuổi...) mà anh ta là đại diện cho những xu hướng tiến bộ trong sự phát triển xã

hội, hay quyền lợi của những người cần được bảo vệ do bị xâm phạm quyền hạn và tự do, hay những quyền lợi của những người mà do những nguyên nhân nào đó, theo cách nhìn của nhà báo, cần phải hiểu biết sâu sắc tới đa về bản chất tập đoàn xã hội này hay tập đoàn xã hội khác mà nhà báo đại diện, cần phải hiểu biết sâu sắc tới đa về bản chất xã hội, vị trí, vai trò và ý nghĩa của những tập đoàn này trong đời sống xã hội hiện đại, thường xuyên phát triển và hoàn thiện sự hiểu biết đó. Trong quá trình trình bày những quyền lợi của các tập đoàn có thể phân biệt một số trong số những quyền lợi đó trên thực tế cần phải bành vực, số khác cần phải “điều chỉnh” và số khác nữa nói chung là phải phản đối. Ví dụ, từ tổng thể to lớn những quyền lợi của công nhân lành nghề, những nỗ lực nâng cao tay nghề, phát triển trình độ kỹ thuật và văn hóa nói chung đều xứng đáng nhận được mọi sự ủng hộ, nhưng đồng thời ý đồ của công nhân xa cách các tầng lớp khác đòi hỏi phải có sự “điều chỉnh” và sự đối đầu căng thẳng của họ với các nhà quản lý và các doanh nghiệp là không thể chấp nhận được, cần phải phản đối. Đồng thời nên nhớ rằng trên quan điểm nhân văn chung, việc bành vực những quyền lợi “riêng” cần phải tính đến quyền lợi “chung”, cố gắng gắn cái riêng với cái chung của cộng đồng, toàn nhân loại. Và để làm được điều đó cần phải có kiến thức, ý chí và tài năng.

Trong quá trình tự xác định, xã hội được phân tách thành vô số các tập đoàn tác động qua lại với nhau rất phức tạp, nhà báo phải tiếp xúc với các tổ chức chính trị khác nhau, đại diện cho quyền lợi của tập đoàn này hay tập đoàn khác, và trước hết là với các đảng chính trị mà tên gọi của nó thường hàm chứa những chỉ đạo trực tiếp đối với định hướng giai cấp - xã hội (đảng của nông dân, công nhân, của các tiểu chủ...) hoặc thường được xác định theo những nền tảng tư tưởng (tự do, hay Thiên chúa giáo...) hay tính chất nào khác nữa (dân chủ, nhân dân, cộng hòa...)¹.

Trong sự tìm kiếm quan điểm xã hội đúng đắn và phù hợp với lập trường tư tưởng, nhà báo, giống như tất cả những con người tích cực về mặt chính trị, tìm kiếm những liên minh và những người đồng chính kiến, để dẫn đến sự thống nhất. Nhà báo giống như một nhà hoạt động xã hội cần phải được xác nhận vị trí của mình trong những phe nhóm, các đảng phái, các hiệp hội các liên minh, các mặt trận và các tổ chức khác được hiện diện trên diễn đàn cuộc sống cùng với chương trình hành động, cương lĩnh và lập trường tư tưởng của mình. Thường anh ta phải làm việc với thế giới đa dạng của các thế lực chính trị, mà

¹ Trong phần này, nhà báo lập luận và dẫn chứng theo thực tế nền báo chí nước Nga (B.T).

mỗi thế lực trong số đó phản ánh theo cách của mình quyền lợi của những tập đoàn xã hội này hay tập đoàn xã hội khác. Anh ta phải tiếp xúc với vô số những ấn phẩm, chương trình, gắn liền với các phe nhóm đảng phái theo nhiều cách khác nhau. Một số công khai phát ngôn như những cơ quan của các tổ chức khác nhau (của nhà nước, của đảng, của công đoàn, của hội các nhà doanh nghiệp, các hợp tác xã...) đó là những đại diện chính thức của chúng trong lĩnh vực hoạt động thông tin đại chúng, một số khác là những sách báo bán chính thức có quan điểm gần với tổ chức này hay tổ chức khác, số khác, độc lập không có những dấu hiệu rõ ràng liên quan với bất kể một tổ chức xã hội nào. Thông thường những ấn phẩm và các chương trình như thế vốn có tầm nhìn rộng rãi, không bị bó buộc trong phạm vi của một quan điểm đảng phái nào đã được thừa nhận. Tuy nhiên, khi không thuộc về một cơ quan chính thức hay báo chính thức nào, những ấn phẩm và các chương trình đó “tự thân cũng là một đảng phái”.

Không phải ngẫu nhiên trong đời sống xã hội chính cơ quan báo chí là “ngọn cờ” tập hợp chung quanh nó những người ủng hộ các quan điểm nhất định, còn cuộc đấu tranh của các thế lực khác nhau cũng thường được bộc lộ rất rõ trên báo chí, đôi khi rất thành công và có sức lôi cuốn đối với một số người này, đồng thời lại

gây phản ứng tiêu cực đối với số người khác. Đó chính là hoạt động của các nhà xuất bản và các chương trình cố gắng chiếm lĩnh và bảo vệ quan điểm tư tưởng đúng đắn.

Do đó, nhà báo là một nhà hoạt động tư tưởng, là đại diện và nhà tuyên truyền cổ súy cho những tư tưởng xã hội nhất định. Tính tư tưởng của anh ta được thể hiện trong việc tuân thủ nghiêm ngặt đối với hệ thống những quan điểm đã được thừa nhận, liên quan đến việc hiểu biết tính chất của các động lực phát triển xã hội, của các lý tưởng xã hội và tương xứng với chúng là những mục đích và những con đường đạt được mục đích. Đồng thời tính tư tưởng đòi hỏi sự thống nhất quan điểm, sự cố gắng tiến tới tính minh bạch và nhất quán khi thể hiện những quan điểm, nên loại trừ chủ nghĩa triết chung và mâu thuẫn nội bộ của những thành phần cấu thành của chúng. Tính tư tưởng là nền tảng của sự sáng tạo nên cần loại trừ chủ nghĩa khống luận giáo điều, cũng như sự vô đoán chủ quan.

Tính tư tưởng thực sự của nhà hoạt động sáng tác của báo chí được bộc lộ trong khả năng nhìn nhận có phê phán của anh ta xuất phát từ quan điểm riêng của mình và khả năng thực hiện, cũng như khả năng đổi mới tư duy đối với cuộc sống và đưa ra những giải pháp mới trong tình thế đang thay đổi, đồng thời công khai từ bỏ những cái đã lỗi thời không còn đáp ứng được

thực tiễn cuộc sống. Do đó điều kiện thiết yếu là sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa những quan điểm nội tâm với tính chất hoạt động sáng tác. Tính tư tưởng không tương đồng với sự cuồng tín, với sự tuân thủ mù quáng những định đề đã được thừa nhận và tất nhiên không tương đồng với sự mị dân dựa vào việc sử dụng không chân thực những tư tưởng và những khẩu hiệu cao siêu thu hút quần chúng, che đậy những mục đích vụ lợi xa lạ đối với những quyền lợi đích thực của dân tộc.

Đó là lý do vì sao đối với nhà báo, tính khách quan sẽ thức tỉnh anh ta đứng về phía những quan điểm tiến bộ (phù hợp với những quyền lợi của sự phát triển nhân văn của xã hội) và tìm (thừa nhận, khám phá và thay đổi khi cần thiết) lập trường tư tưởng phản ánh đúng đắn quyền lợi của tất cả các thế lực xã hội cũng như những qui luật thực hiện chức năng nhân đạo và phát triển của xã hội.

HỆ THỐNG NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA BÁO CHÍ¹

Quan điểm đảng phái của nhà báo là sự thống nhất của các tập đoàn xã hội, thiết chế tổ chức và nhận thức, tư tưởng, xác định tính chất hoạt động sáng tác của nhà báo trong mọi lĩnh vực và

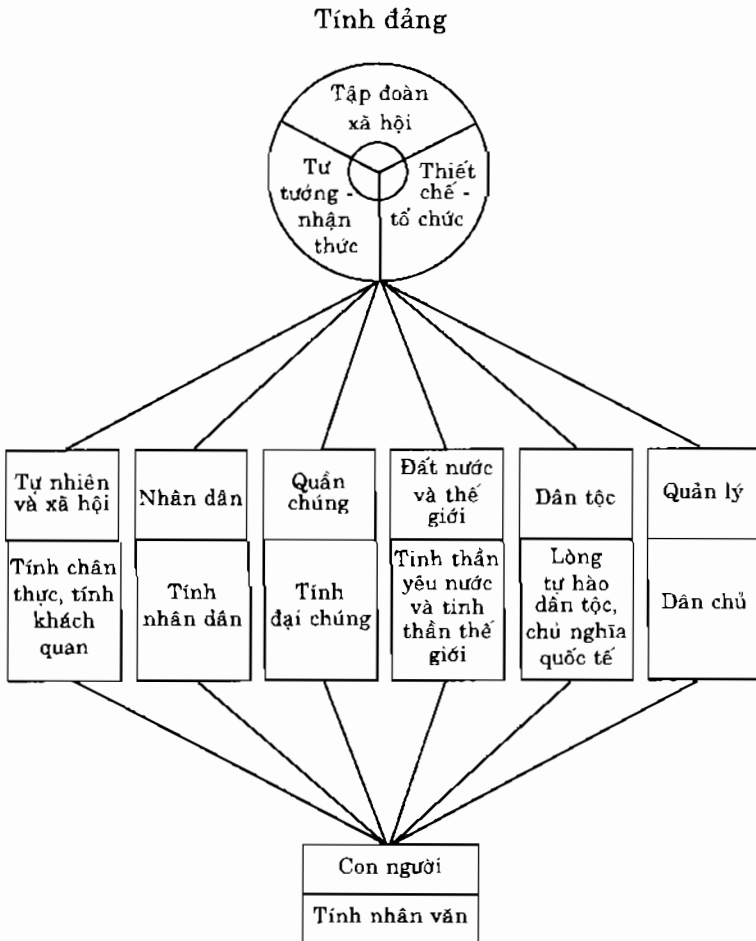
¹ Phần này tác giả lập luận và dẫn chứng theo thực tế nền báo chí Nga (B.T).

mọi xu hướng của nó. Nội dung quan điểm đảng phái trực tiếp phụ thuộc vào mức độ phát triển và tính chất của phương tiện nhận thức tư tưởng.

Mức độ phát triển quan điểm đảng phái được xác định bằng việc “chuyển tải” đầy đủ toàn bộ hệ thống các quy luật hiện hành trong xã hội hiện đại thành ngôn ngữ của các nguyên tắc. Nên nhớ rằng, đó là những quy luật của tự nhiên và cuộc sống nhân loại trên trái đất, của sự hình thành và phát triển của dân tộc như tổng thể các tập đoàn xã hội, của các nước cùng với những hình thức nhà nước của chúng, với quần chúng nhân dân, với dân tộc và các cộng đồng quốc tế cũng như của con người trong vai trò chủ thể của tất cả các mối quan hệ xã hội. Tính chất nội dung của các nguyên tắc phụ thuộc vào đặc điểm nhận thức của người đại diện quan điểm của đảng về những quy luật khách quan và biện pháp “chuyển tải” nó vào nội dung của nguyên tắc. Ví dụ, nếu nhận thức cho rằng trong xã hội loài người tồn tại nhiều chủng tộc, dân tộc, thì nhà báo cần phải xác định quan điểm của mình trong mối quan hệ với những điều đó, tính chất của quan điểm có thể khác nhau: tính chất phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sô vanh (bá quyền), chủ nghĩa quốc tế.

Quan điểm đảng phái, nếu như được khai thác sâu rộng và đầy đủ những cơ sở tư tưởng - nhận thức, thì tự nó đã hàm chứa, dù dưới dạng “thu

hợp”, những cơ sở của các lập trường quan điểm đảng phái đối với toàn bộ các quy luật làm cơ sở cho các nguyên tắc. Hệ thống các nguyên tắc có thể hình dung qua sơ đồ sau đây:



Tùy thuộc vào những cơ sở tư tưởng của quan điểm đảng phái được hoàn thiện đến mức nào, mà tổng thể các nguyên tắc sẽ có những mối liên hệ hệ thống chặt chẽ và có sự phụ thuộc lẫn nhau. Chẳng hạn, lập trường dân tộc đích thực không thể là dân tộc chủ nghĩa, còn chủ nghĩa yêu nước, không thể là chủ nghĩa bá quyền (sôvanh). Còn nếu nhà báo thuộc định hướng sôvanh (có nghĩa là đặt dân tộc mình cao hơn các dân tộc khác) và coi mình là người yêu nước, thì là điều tự lừa dối (không thể là người yêu nước khi phủ nhận tình cảm yêu nước và ý nghĩ của người khác). Chính nhà báo như thế trong những đánh giá của mình đối đầu với các dân tộc khác và hành động vì quyền lợi chỉ của một dân tộc (và còn nữa là những quyền lợi đó còn được hiểu không đúng đắn).

Bởi vậy, khi xác định kế hoạch về mặt nguyên tắc hoạt động của mình, nhà báo cần phải am hiểu như nhau về từng nguyên tắc, nhìn thấy mối liên hệ có hệ thống của chúng, tính chế định của một nguyên tắc này đối với nguyên tắc khác. Đồng thời, bố trí trong sơ đồ các nguyên tắc tính đảng và tính nhân văn có những nguyên nhân sâu xa. Tính nhân đạo chứa đựng trong mình những nét đặc trưng của các nguyên tắc khác. Và nếu như tính chân thực sâu sắc, tính dân tộc chân chính và tinh thần quốc tế cao cả tạo khả năng cho chủ nghĩa nhân đạo

được bộc lộ rõ trong ý nghĩ thực sự, thì chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa sô vanh và tính cậy quyền sẽ dẫn đến sự biến dạng một cách sâu sắc mất đi ý nghĩa toàn nhân loại.

Có thể đưa ra một quan niệm khác, gần như là ngược lại, với hệ thống các nguyên tắc, được rút ra với tư cách là nguyên tắc khởi nguồn của chủ nghĩa nhân đạo. Và khi triển khai nó một cách hợp lý trong mối quan hệ với các quy luật của thực tiễn có thể đưa đến nét đặc trưng của quan điểm đảng phái. Trong cách tiếp cận này, những giá trị toàn nhân loại được xem xét trên cái nền của các tập đoàn - xã hội, trở thành điểm tựa. Tuy nhiên dưới bất kể hình thức “mở rộng” nào của các nguyên tắc hướng vào việc thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của xã hội, nếu như không phải là tuyệt đối duy nhất, thì trong mọi trường hợp nội dung chúng sẽ trở nên gần gũi với nhau. Tính chất và tiêu chuẩn nhân văn chủ nghĩa là sự thể hiện rõ những nét đặc thù về nội dung của quan điểm đảng phái của nhà báo. Ngược lại, chủ nghĩa nhân đạo là “sự tồn tại khác” của tính đảng, bởi vì trong nội dung của chủ nghĩa nhân đạo bộc lộ rõ quan niệm rằng cá nhân với tư cách là chủ thể của xã hội, vị trí và vai trò của nó trong các mối quan hệ xã hội, quyền hạn và nghĩa vụ, cách thức đáp ứng những nhu cầu của nó... được nhìn nhận như thế nào từ góc độ quan điểm đảng phái này.

Trong sự ràng buộc lẫn nhau và tự điều chỉnh lẫn nhau của tính đảng và tính nhân văn (giống như tất cả các nguyên tắc khác) là khả năng quan trọng để xác định tính chất đúng đắn của các nguyên tắc: sự phù hợp của chúng với các quy luật phát triển xã hội và những nhu cầu của nhân loại, của các tập đoàn cấu thành nó, và trước hết của những ai đại diện quyền lợi của sự phát triển xã hội. Tính đúng đắn của các nguyên tắc phụ thuộc vào thực tiễn, những quy luật cụ thể của nó được phản ánh phù hợp với quan điểm đảng phái, và việc thực hiện những tất yếu xã hội sẽ “có lợi” cho những đại diện của nó, và cuối cùng, những đại diện của nó có khả năng hiểu được tới mức độ nào, về mặt tư tưởng và lý luận, nội dung của mỗi nguyên tắc và hệ thống của chúng nói chung, áp dụng chúng như thế nào vào mỗi giai đoạn cụ thể của sự phát triển xã hội. Nhà báo trong tiến trình này không phải là người thực hiện máy móc những yêu cầu của các nguyên tắc, tính đúng đắn mà anh ta có được phụ thuộc vào sự am hiểu, kiến thức, kỹ năng, khả năng của anh ta trong tư duy sáng tạo và áp dụng những điều kiện cụ thể có tính đến tình hình thực tế.

Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của hoạt động báo chí là nguyên tắc *chân thực và khách quan*. Không có một nhà báo hay các nhà lãnh đạo các phương tiện thông tin đại

chúng nào, mà lại không tuyên bố về lòng trung thành của mình đối với nguyên tắc này, bởi vì tất cả “người tiêu dùng” của thông tin đại chúng đòi hỏi những thông tin và các bình luận mô tả đúng sự thật bức tranh của cuộc sống.

Tuy nhiên những lời tuyên bố, thậm chí là rất chân thành và việc đạt được bức tranh tương xứng với hiện thực hoàn toàn không đồng nhất vì những khái niệm “chân thực” và “khách quan” được những người khác nhau đưa vào những nội dung khác nhau. Trong thực tiễn cụ thể của hoạt động báo chí thì quan điểm báo chí và quyền lợi xã hội đặt ra trước báo chí có ảnh hưởng đến tính chân thực và khách quan của thông tin và bình luận này hay khác. Nhưng ngay cả trong phương diện nhận thức (có những khó khăn, trở ngại) lẫn trong phương diện xã hội (ảnh hưởng của quan điểm) cũng không thể thực hiện được nguyên tắc này một cách tuyệt đối, chỉ có những đòi hỏi chung là nhà báo cần phải tiếp cận gần hơn đến việc tạo ra bức tranh tương xứng của đời sống.

Tính chân thực đòi hỏi thể hiện một cách chính xác tối đa những sự kiện của đời sống. Sự kiện (tiếng Latinh - *factum* có nghĩa “đã được thực hiện”) là tri thức đã được kiểm nghiệm đúng đắn về những gì đã và đang diễn ra trong thực tiễn. Đồng thời có những tin tức mà nhà báo nhận được trực tiếp từ cuộc sống có một ý

nghĩa cực kỳ quan trọng (sự kiện “chính mắt trông thấy”, nhà báo hiện diện khi nhân vật tuyên bố và đọc văn bản...” và trở thành tài liệu (tiếng Latinh - documentum là “minh chứng”) có nghĩa là những tin tức đã được khẳng định, và được ghi chép lại dưới hình thức văn viết, ghi bằng hình, ghi âm cùng với những minh chứng rõ ràng về nguyên bản. Những sự kiện đặc biệt là những sự kiện, hành động, tuyên bố... nhận được từ “tay người thứ hai”, người cấp thông tin cho nhà báo. Trong trường hợp này nhất định phải viện dẫn theo nguồn tin nào và tốt nhất là có sự hiện diện của tài liệu xác nhận đã nhận được chúng.

Đối với những sự kiện “cấp độ ba” là những tin tức chưa được xác nhận, các loại tin đồn đủ kiểu, phỏng đoán có cơ sở, nhưng không được viện dẫn tài liệu, tất nhiên, quyết định đăng tải những tin này đòi hỏi phải cực kỳ thận trọng và phải có chỉ dẫn về tính chất giả định của cái được thông báo. Một nhà báo lớn chia sẻ những tin tức như: “Tự tôi đã nhìn thấy”, “đã nghe thấy”, “giả định”.

Phạm vi của các tin tức thực tế là rất rộng lớn. Đối với nhà báo hoạt động trong công chúng nói tiếng Anh thì phạm vi tin tức phải đạt được “5W” nghĩa là: What (cái gì), Who (ai), Where (ở đâu), When (khi nào), Why (tại sao). Những từ này trong tiếng Anh đều bắt đầu

bằng chữ W, trong đó từ “Why” (tại sao?) không phải là nhận định của nhà báo, mà là ý kiến của những người tham gia hay chứng kiến các sự kiện. Điều đó không có nghĩa là trong mỗi tác phẩm đều trình bày đầy đủ tất cả các loại thành phần thông tin đó. Nhưng để làm cho ý thức của công chúng hình thành bức tranh đầy đủ của cuộc sống, toàn bộ các tác phẩm báo chí cần phải đáp ứng nhu cầu của công chúng theo toàn bộ phạm vi của chúng.

Tuy nhiên, không phải tất cả tin tức đã được xác nhận có thể làm điểm tựa trong các tác phẩm, bởi vì trong cuộc sống bên cạnh những sự kiện hệ trọng còn bắt gặp nhiều sự kiện ngẫu nhiên không đáng kể và không quan trọng. Bởi vậy, cần phân biệt những hiện tượng căn bản có ý nghĩa chung và “những hiện tượng nhất thời” xuất hiện trên bề mặt của dòng đời cuộn cuộn. Vì trách nhiệm của mình nhà báo cần phải phân tách các sự kiện lớn với các sự kiện nhỏ, đặc biệt là những sự kiện hệ trọng và đặc trưng (đồng thời hiểu bản chất và vị trí trong đời sống của các sự kiện nhỏ).

Việc tách các sự kiện lớn khỏi các sự kiện nhỏ, đó là việc tiếp cận với vấn đề tính khách quan của báo chí. Tính khách quan xuất hiện ngay cả trong lĩnh vực lựa chọn và lược thuật các tin tức liên quan tới sự kiện, bởi vì cái đang tồn tại dù được trình bày như thế nào thì cũng

vẫn sẽ bộc lộ ý kiến của người đưa tin, cho dù thể hiện dưới dạng không rõ ràng.

Bản thân vấn đề tính khách quan là tính chính xác và đầy đủ của các sự kiện được xem xét khi phán đoán tình hình, tình huống, tính chất, nghĩa là phạm vi đề tài, nằm trong vùng quan sát của nhà báo, và đó còn là vấn đề lý giải đúng đắn mỗi một sự kiện đã được lựa chọn, việc diễn giải các mối liên hệ và tương quan của chúng; đó còn là vấn đề minh chứng và sức thuyết phục của những kết luận, nhận định và đề nghị được nêu ra, dựa trên việc phân tích những sự kiện.

Một khi lập trường quan điểm càng xác định, thì càng cần phải phân biệt những tin tức (về sự kiện, quan điểm, đánh giá, đề nghị, ý đồ...) những bình luận, trình bày những quan niệm và nhận định của riêng mình về điều đang được đưa tin. Vấn đề mối tương quan của tính khách quan giữa những tin tức và những bình luận là cực kỳ phức tạp. Tính khách quan của sự lựa chọn và việc trình bày các sự kiện và những đánh giá của chúng lại phụ thuộc vào quan điểm riêng và các cách nhìn nhận. Bởi vậy, một thông tin sẽ là khách quan tối đa chỉ trong trường hợp, nếu như nhà báo thực sự quan tâm đến tính khách quan của thông tin, cũng như của bình luận, và điều đó, chỉ có thể thực hiện được khi mà những quyền lợi mà nhà báo thể

hiện phù hợp với nhu cầu phát triển lịch sử.

Đạt được tính khách quan của cách tiếp cận trong việc phản ánh hiện thực và kết quả nghiên cứu các hiện tượng của đời sống còn phức tạp hơn cả việc đạt được tính chân thực của các sự kiện được thông báo. Vấn đề ở đây không chỉ là nói đến những khó khăn của việc phân tích những hiện tượng xã hội đòi hỏi nhà báo phải được trang bị phương pháp luận sâu sắc và toàn diện, và ở mức độ nhất định đòi hỏi nhà báo phải có quan điểm xã hội, quan điểm đảng phái đúng đắn. Nếu như quan điểm sống đòi hỏi phải bảo vệ những quyền lợi chính đáng của xã hội, thì quan điểm này sẽ đáp ứng những đòi hỏi của tính khách quan. Những thế lực theo phái bảo thủ và theo những quan điểm phản động, mà sự phát triển tiến bộ của xã hội sẽ “không có lợi lộc gì” cho chúng, thì nhất định (không phụ thuộc vào việc chúng có hiểu được điều này hay không) sẽ sa vào con đường vi phạm những yêu cầu của tính khách quan.

Về phương diện nhận thức luận sự vi phạm này được bộc lộ ở một trong hai hình thức. Chủ nghĩa chủ quan cho phép tiếp xúc tùy tiện với các sự kiện, bỏ qua một số sự kiện này và thổi phồng một số sự kiện khác, “tính tùy tiện” trong việc lựa chọn và kiến giải, vi phạm những yêu cầu của lôgic, sử dụng sự “chứng minh” ngụy biện và các biện pháp khác phục vụ cho việc áp đặt các hiện

tượng đời sống vào quan điểm chủ quan.

Chủ nghĩa khách quan đối lập với chủ nghĩa chủ quan bằng sự theo dõi nghiêm ngặt cái đang diễn ra trong cuộc sống bằng sự thận trọng, và thường là không có sự bình luận trực tiếp. Tuy nhiên, đối với người khách quan không có sự khác nhau giữa sự kiện lớn và sự kiện nhỏ và anh ta tránh những nhận định đơn phương từ phía quan điểm xã hội nào đó, đồng thời tránh được sự cào bằng giữa cái chính yếu với cái phụ, giữa cái tất yếu với cái ngẫu nhiên. Nhưng kết quả cũng tạo ra một bức tranh không tương thích của cuộc sống, dù rằng trong từng trường hợp riêng biệt thường không có “việc vi phạm” “sự thực cuộc sống”. Và cho dù chủ nghĩa khách quan là mặt sau của chủ nghĩa chủ quan, nhưng dù sao nó vẫn “tốt hơn” bởi sự cố gắng xác nhận chính xác của mình. Cả người chủ quan, lẫn người khách quan đều hiểu và lý giải câu châm ngôn “sự kiện thiên liêng, bình luận tự do” theo cách khác nhau, nhưng cả người chủ quan lẫn người khách quan đều không thực hiện nó một cách đúng đắn.

Về phương diện xã hội việc vi phạm những yêu cầu của tính khách quan, đặc biệt là của những người theo phái chủ quan, được bộc lộ như là sự bợ đỡ mị dân, như là chủ nghĩa dân túy theo nghĩa xấu - đứng trên danh nghĩa của nhân dân, cho dù trên thực tế, được che đậy dưới tấm

bình phong “bảo vệ những nhu cầu của nhân dân” (trong thực tế chỉ là đôi chút và thực hiện một cách méo mó) nhưng thực tế là để bảo vệ quyền lợi của tập đoàn riêng.

Thậm chí ngay cả trong những trường hợp, không có những nguyên nhân nhận thức xã hội rõ ràng để tạo ra bức tranh đời sống không tương thích, thì trong thực tiễn báo chí vẫn xuất hiện những sai lầm ở cấp độ lựa chọn sự kiện cũng như lý giải chúng, ở các kết luận và kiến nghị. Rất tiếc là trên các trang báo và tạp chí, trong các chương trình phát thanh và truyền hình vẫn để lọt những tin tức chưa được kiểm tra vì do sự nhầm lẫn mà chúng được gọi là “những sự kiện”, những nhận định sai lầm mà nguồn gốc của chúng thường là không đầy đủ, những sự kiện không đáng tin cậy, và việc phân tích chúng một cách toàn diện gặp nhiều khó khăn...

Những sai sót cần được phân biệt với sự bịa đặt có chủ ý đó là sự vi phạm cố ý nguyên tắc chân thực và khách quan. Khi phát hiện ra sai sót đòi hỏi phải thừa nhận một cách trung thực và sửa lại những sai lầm đã mắc phải trong các sự kiện trong các lý giải, các kết luận và các kiến nghị. Việc bỏ qua những sai lầm, và hơn nữa là sự xem thường những chỉ huấn đối với chúng sẽ làm cho độc giả mất phương hướng, cản trở việc tìm ra chân lý trong quá trình đối

thoại giữa các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau, làm tổn hại lòng tin của công chúng đối với các nhà báo, và đó là sự vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp, sự bịa đặt sẽ bị truy tố.

Tính chân thực và khách quan trực tiếp liên quan đến tính nhân đạo của quan điểm xã hội, khi đó cả chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa khách quan ít nhất cũng làm biến dạng các cách tiếp cận nhân văn đối với việc cung cấp thông tin cho chúng (thậm chí cả “sai lầm thiên liêng” chỉ trong những trường hợp cực kỳ nhân đạo, ngày càng trở nên phi nhân đạo).

Khi xác định thái độ của mình đối với dòng chảy các hiện tượng xã hội trong mối liên hệ với hành động chính của các mối quan hệ xã hội là nhân dân, các nhà báo trong thế giới hiện nay hoặc trực tiếp tuyên bố tính nhân dân của mình, hoặc đối với những án phẩm và các chương trình nào đó đặt những quyền lợi của các tập đoàn lên vị trí hàng đầu không phù hợp với những nhu cầu thiết yếu của nhân dân thì ít nhất không trực tiếp chống lại tư tưởng nhân dân, đồng thời cố gắng gắn quan điểm của mình với những quan niệm về nhu cầu của nhân dân.

Điều đó rõ ràng rằng đối với những nước có hình thức lãnh đạo dân chủ thì việc công khai chống lại những quyền lợi của nhân dân hay coi thường chúng là không thể chấp nhận được.

Ngay cả ở những nước mà sự lãnh đạo mang tính chất chính thể thần quyền, cũng không được xem nhẹ nhu cầu của nhân dân, bởi vì đối với đa số các tôn giáo một trong những vấn đề quan trọng nhất là việc khẳng định “tất cả mọi người đều là anh em”. Do đó, dù có những quan điểm rất khác nhau (kể cả những quan điểm cực quyền) bằng cách nào đó các nhà đại diện thực thi nhiệm vụ phải thể hiện được nhu cầu của nhân dân.

Bởi vậy vấn đề tính nhân dân là nguyên lý hoạt động báo chí, trước hết đòi hỏi phải nhận thức rõ thế nào là “nhân dân”. Cái khó của việc nhận thức hiện tượng này là do tính đa nghĩa của từ này, và điều đó cho phép các thế lực khác nhau đưa vào khái niệm “tính nhân dân” những ý nghĩa khác nhau. Người ta gọi chủng tộc là nhân dân (dân Nga, dân Ucraina...), là dân chúng của một đất nước, thậm chí được cấu thành từ đại diện của nhiều sắc tộc khác nhau (nhân dân Mỹ, nhân dân Nam Phi...). Từ “nhân dân” được sử dụng để diễn tả những dân chúng đủ quyền bầu cử gọi là “các cử tri”.

Nếu quan niệm cho rằng tính nhân dân xuất phát từ những ý nghĩa đã nêu trên của từ “nhân dân”, thì quan điểm “nhân dân” có thể là quan điểm dân tộc trung tâm hay là chủ nghĩa dân tộc, là quan điểm dựa trên tư tưởng về tính vượt trội và quan trọng hàng đầu của một nước nào

đó, và là quan điểm thực hiện những ý tưởng thu hút các cử tri (chúng ta nhớ rằng Hitle đã có được chính quyền bằng con đường dân chủ), và quan điểm của đám đông xuống đường. Tất nhiên tất cả những tính “nhân dân đó” không tương xứng với nhau xét về cơ sở cấu thành của chúng, và quan trọng hơn, không phù hợp với cách hiểu chính đối với thuật ngữ “nhân dân” trong thực tiễn chính trị xã hội của các thế lực tiến bộ.

Đối với một nhà báo dân chủ, ý nghĩa chính của từ “nhân dân” là quan niệm toàn diện về các giai cấp, các tập đoàn, các tầng lớp xã hội mà theo địa vị khách quan của mình trong hệ thống xã hội quan tâm đến những thay đổi tiến bộ thiết yếu của lịch sử và có thể thúc đẩy phát triển của toàn xã hội. Nhà báo cần phải quan tâm đến những lợi ích của nhân dân cũng như là của toàn bộ các thế lực có khả năng đóng vai trò quyết định trong sự phát triển tiến bộ của đất nước.

Ở mỗi giai đoạn phát triển lịch sử khái niệm “nhân dân” bao gồm những tập đoàn xã hội cụ thể. Bởi vậy khoa học xã hội và các nhà báo phải thường xuyên theo dõi xem những biến đổi gì đang diễn ra trong cơ cấu xã hội của xã hội, chính những tầng lớp nào trong mối tương quan nào của xã hội cấu thành nhân dân trong giai đoạn này của sự phát triển lịch sử, nhiệm vụ

thực tiễn nào được đề ra trước nhân dân và trong những điều kiện như thế nào và bằng cách nào để có thể thực hiện chúng một cách tốt nhất. Nếu thiếu cái đó, việc thừa nhận nguyên tắc tính nhân dân chỉ là sự tuyên bố chung chung. Hơn nữa, việc hiểu không đúng bản chất của khái niệm nhân dân, những tầng lớp nào bao hàm trong đó, và chính chúng đóng vai trò là một lực lượng xã hội như thế nào, sẽ dẫn nhà báo tới những quan điểm sai lầm, cho dù có được tuyên bố đó là quan điểm “nhân dân”.

Nếu coi khái niệm “nhân dân” được cấu thành từ vô số các tập đoàn, mà quyền lợi của chúng có thể phần nào đó trùng hợp, hay có thể khác nhau, hoặc thực sự đối lập nhau, thì nhà báo nhân dân, hay thậm chí nếu anh ta làm việc ở phương tiện thông tin đại chúng được định hướng theo một trong số các tập đoàn, cũng cần phải đấu tranh vì quyền lợi chung của toàn dân, đồng thời không quên những quyền lợi đặc thù của tập đoàn mình, bên vực những quyền lợi trong số đó bằng cách thông qua hoạt động của anh ta thúc đẩy sự nhất trí và thống nhất của nhân dân. Để làm được việc đó đòi hỏi phải hành động hết sức tinh tế nhằm gắn kết những quyền lợi đối lập nhau, đồng thời tìm sự nhượng bộ trong những trường hợp gay gắt... Nói cách khác quan điểm nhân dân đòi hỏi những sự tìm tòi và các giải pháp sáng tạo, trong điều kiện khó

khăn, phức tạp đòi hỏi làm việc phải linh hoạt, năng động.

Trong đó, cần phải nhận rõ một số yếu tố phức tạp: Thứ nhất, ý thức đại chúng của các tập đoàn này hay tập đoàn khác thường là không tương thích với quan điểm thực sự và những nhu cầu khách quan của chúng. Do đó, nhà báo không chỉ thể hiện một cách máy móc những tính chất này hay tính chất khác của ý thức đại chúng, của tập đoàn, mà trong quá trình hoạt động của mình cần phải “điều chỉnh” cho phù hợp với chúng. Điều đó đặt ra cho anh ta trách nhiệm lớn lao về tính đúng đắn của sự can thiệp, về tính chuẩn xác của sự lý giải những nhu cầu của tập đoàn, những quyền lợi mà anh ta thể hiện trên phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ hai, nếu xảy ra tình huống, khi mà một nhóm dân cư nào đó và các đại diện tư tưởng của nó là các nhà báo coi mình là người thể hiện độc quyền những nhu cầu của nhân dân, điều đó tất yếu sẽ cho thấy rằng tham vọng đối với sự độc tôn là không đúng đắn và có hại, rằng sẽ dẫn tới sự đối đầu không cần thiết và nguy hại, mà kết quả của nó có thể sẽ xuất hiện cuộc xung đột nguy hiểm vô vọng của lịch sử, thể hiện trong áp lực của một số thế lực này đối với các thế lực khác (mặc dù về mặt khách quan những thế lực này là những đồng minh).

Thứ ba, nhà báo cần phải biết thể hiện nội

dung đúng đắn trong một hình thức thích hợp. Từ đó đòi hỏi tiến hành đối thoại với công chúng một cách thường xuyên, rõ ràng, dễ hiểu trên cơ sở tư liệu tốt và quan trọng là thu hút được sự chú ý. Tính phổ cập ngoài sự đơn giản và dễ hiểu khi trình bày, còn đòi hỏi phải biết cách đạt được sự nhất trí với những nhận định, đánh giá và đề nghị mà nhà báo đưa ra, và điều đó sẽ đạt được bằng sự lập luận rõ ràng, có sức thuyết phục đối với chính độc giả này. Dĩ nhiên cần phải tính đến những ảnh hưởng có thể có đến công chúng của các nguồn thông tin theo quan điểm khác (cả đại chúng, lẫn giữa các cá nhân) để tìm các biện pháp đối phó với chúng trong tiến trình đối thoại.

Bên cạnh nguyên tắc “tính nhân dân” là nguyên tắc *tính đại chúng*. Về mặt số lượng, tính đại chúng đòi hỏi phổ biến ảnh hưởng qua ấn phẩm hay của chương trình tới đông đảo quần chúng nhân dân, có nghĩa là một bộ phận đáng kể về số lượng của tầng lớp, giai cấp, tập đoàn mà họ tính đến. Và bởi vậy không chỉ có những tác phẩm xuất bản hàng triệu cuốn có thể coi là đại chúng, mà cả đài phát thanh quận, huyện với số thuê bao 20-30 ngàn người trên số dân 5-6 triệu người. Theo nghĩa này thì dễ trở thành một ấn phẩm đại chúng không đơn giản như thế, chính quần chúng của tầng lớp hay tập đoàn mà phương tiện thông tin đại chúng hướng

tới, hoàn toàn không thuần nhất, và đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn ví dụ như báo nông nghiệp đã thu hút sự chú ý của những nông dân trẻ và già, các kỹ sư và các giáo viên, trẻ em và thiếu niên sống trong khu vực.

Còn có một loạt những khó khăn khi làm việc với những tập đoàn người thuần nhất hơn (ví dụ như với thanh niên hay với các cựu chiến binh) nhưng lại khác nhau về thành phần. Đó là vì sao xuất hiện sự ham mê làm ấn phẩm hay chương trình “dành cho số ít”, cho những người “đã được tuyển lựa”. Những phương tiện thông tin đại chúng này vốn mang những dấu hiệu của tính cao cấp. Tính cao cấp không mâu thuẫn với tính đại chúng nếu chủ ý dành cho một tầng lớp nhỏ một tỷ lệ thích đáng (các chuyên gia, các nhà hâm mộ, các nhà chuyên nghiệp...) nếu như tầng lớp này không đối lập với các tầng lớp khác của dân tộc như là một tầng lớp cao hơn và nếu đối với các tầng lớp khác có khá đủ các nguồn tin mà chúng có thể được đáp ứng. Đồng thời, nên làm cho các tầng lớp khác gia nhập vào “giới thượng lưu”, chứ không nên chặn đường đến với nó.

Yêu cầu của tính đại chúng là điều hòa các mối quan hệ bền chặt của phương tiện thông tin đại chúng với công chúng của mình và với các đại diện của các tầng lớp và các tập đoàn mà chúng dự tính. Vả lại, quan trọng là việc nhận

được những lời phê bình (quan hệ phản hồi), cũng như việc thu thập các tư liệu thông tin về những ý kiến, tâm trạng và niềm tin của con người, những kiến nghị, mong muốn và yêu cầu của họ. Những tư liệu này, rất cần thiết để dựa trên cơ sở của chúng chuẩn bị các bài đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng cho phù hợp.

Ngoài những tư liệu được cung cấp “theo dòng tự nguyện” (đó thường là thư tín như là một hình thức liên hệ đơn giản nhất với tòa soạn), tòa soạn tiến hành tìm kiếm chúng có chủ đích qua sự giúp đỡ của cộng tác viên, của phóng viên tự nguyện, các chuyên gia - tư vấn, các giám định viên, và các người trợ giúp khác tạo thành đội ngũ cốt cán của tòa soạn. Việc thành lập xung quanh tòa soạn một đội ngũ cộng tác viên tự nguyện với số lượng lớn nhỏ khác nhau, hoạt động thường xuyên sẽ giải quyết được một số nhiệm vụ. Xuất hiện khả năng hiểu biết nhất định dư luận xã hội (chính xác hơn - thông qua những nghiên cứu xã hội học), những nhận định về các bài đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, và tất nhiên khả năng nhận được tư liệu để đăng tải, phát sóng trên đài phát thanh và truyền hình (các phóng sự, bài báo, các bài phát biểu, hội thoại, bình luận, tranh ảnh, các chuyên mục dành cho biếm họa...). Như vậy, xung quanh cơ quan báo chí hình thành một đội

ngũ người “viết”, đặc biệt là từ số các độc giả, thính giả, khán giả tích cực trong mối quan hệ với hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng tương ứng, ủng hộ và tích cực tác động tới đường lối tư tưởng sáng tác của nó. Ngoài ra, “giới lân cận” - cũng là một trong những nguồn bổ sung của tập thể những cộng tác viên thuộc biên chế của tòa soạn.

Tính nhân dân và tính đại chúng của báo chí thể hiện nguyên tắc của tinh thần yêu nước.

Trong những điều kiện thực tiễn của lịch sử, nhân dân là tổng thể các tầng lớp xã hội có khả năng sáng tạo lịch sử, được phân chia thành nhiều tập đoàn người sống trong các quốc gia khác (nhân dân Pháp, nhân dân Nga...). Sự tồn tại khách quan của các nước là những tổ quốc đối với những dân tộc sinh sống ở đó và như là những tổ chức nhà nước được hình thành từ nhiều chủng tộc khác nhau, các nhà báo cần phải vạch ra đường lối ứng xử khác nhau dựa vào việc nhận thức những nguồn gốc lịch sử của mình, những hình thức sinh hoạt văn hóa - xã hội truyền thống và các mối quan hệ qua lại của con người, dựa vào sự hiểu biết ngôn ngữ và môi trường thiên nhiên. Kết quả là đối với nhà báo của mỗi nước nhất thiết phải trau dồi tinh thần yêu nước, dựa vào nó mà hình thành nguyên tắc tương xứng.

Hiện nay trên bản đồ chính trị thế giới ghi

nhận hơn 200 nước, mỗi nhà báo không chỉ cần coi trọng những tình cảm yêu nước và quan điểm của nước này hay nước khác, mà còn tự mình phải đứng trên quan điểm yêu nước, phục vụ sự phồn thịnh và tiến bộ của tổ quốc mình.

Tinh thần yêu nước (tiếng Hy Lạp - patris nghĩa là “Tổ quốc”, “quê hương”) thường được xác định như là tình yêu và sự trung thành với tổ quốc, mong muốn phục vụ quyền lợi của nó, giữ gìn, phát triển và bảo vệ văn hóa dân tộc, ngôn ngữ, truyền thống và những bản sắc tốt đẹp của dân tộc, những di sản lịch sử, những nét đặc thù của tâm lý và nếp sống dân tộc... Trong lĩnh vực chính trị - tinh thần yêu nước đòi hỏi trách nhiệm công dân cao hướng tới sự tiến bộ về kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, trách nhiệm vì tương lai và vì số phận con người của đất nước.

Việc hình thành ý thức yêu nước và trau dồi quan điểm yêu nước của nhà báo trong hoạt động chuyên môn của mình có thể diễn ra theo nhiều hướng khác nhau và thu được kết quả dưới các hình thức nội dung khác nhau. Một trong số đó gọi là “tinh thần yêu nước cực đoan”. Cơ sở của “tinh thần yêu nước cực đoan” là tư tưởng tuyệt đối hóa những quyền lợi của đất nước mình và không muốn coi trọng những quyền lợi hợp pháp của các nước khác. Đối với “tinh thần yêu nước cực đoan” đặc trưng cái gọi là chủ

nghĩa cứu rỗi “messiasom” là quan niệm cho rằng, cơ cấu chính trị, cơ chế thực hiện quyền lực, các tiêu chuẩn hiến pháp, các tính chất văn hóa, khoa học, tổ chức sản xuất, nếp sống, tâm lý và những nét hoạt động khác nhau của cơ chế xã hội của đất nước mình là tốt nhất trong số tất cả các nước khác đang hiện có, và do đó “sự cứu rỗi nhân loại” là ở chỗ các nước khác phải tiếp nhận những giá trị, những lý tưởng, tiêu chuẩn của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - tư tưởng của đất nước này. Còn bất kể những nhận định phê phán nào đối với họ “các nhà yêu nước cực đoan” đều xem như là cực kỳ nhúc nhối và kiên quyết khước từ không chấp nhận. Đối với các nước khác chẳng những không tiếp thu mà còn cất xén tất cả những gì không phù hợp với hình mẫu đã thừa nhận, không phù hợp với tư tưởng đã được lựa chọn của đất nước họ. Từ đó chẳng những quan điểm kiểu “Pax Americana” (“thế giới theo kiểu Mỹ” hay sự thuyết minh kiểu chủ nghĩa nước lớn như lời quốc ca của nước Đức: Deutschland, Deutschland uber alles” (“Nước Đức, nước Đức trên tất cả mọi nước”).

“Tinh thần yêu nước cực đoan” vốn có của một bộ phận dân cư và các nhà hoạt động xã hội của nước phát triển vượt trội các nước khác, nhưng nó vẫn phát triển ngay cả vào những thời kỳ khủng hoảng của sự phát triển của các quốc gia, “sự kiêu ngạo” của chúng đã thuộc về quá khứ

(chẳng hạn như ở Đức, sau Chiến tranh thế giới thứ hai hay ở Nga sau sự sụp đổ của Liên Xô). Đối với những người theo “chủ nghĩa yêu nước cực đoan” kiểu này là những quan niệm ảo tưởng, lý tưởng hóa về quá khứ của đất nước, còn những đòi hỏi phục hồi sự “hoành tráng” của nó không đếm xỉa đến hiện thực, mang tính chất không tưởng, nên định sẵn cả việc đưa ra những khẩu hiệu và những con đường đạt tới mục đích không đúng đắn.

Tinh thần yêu nước đích thực không chấp nhận tư tưởng coi đất nước mình là nhất và tư tưởng độc tôn về vai trò của nó trong lịch sử, không tương đồng với ý đồ hạ thấp các nước khác, coi thường những lợi ích của họ, với sự thờ ơ đối với những hoạn nạn, khó khăn, lạc hậu của họ. Ý thức yêu nước, trong đó có cả của nhà báo đối với nước mình, cũng như đối với các nước khác mang tính chất đặc biệt, đồng thời rất phức tạp. Cũng cần lên án ngay cả tinh thần yêu nước của những người vì sự phồn thịnh và phát triển của đất nước mình mà xem thường tinh thần yêu nước của các dân tộc khác, đấu tranh vì sự bình yên của mình dựa trên sự bất bình yên của các nước khác.

Nguyên tắc yêu nước đòi hỏi nhà báo phải phân biệt rõ trong hoạt động của con người và của các tập đoàn xã hội, trong chính sách của đảng, trong hệ tư tưởng và văn hóa, lịch sử và

truyền thống, trong mong muốn và hành động, có nghĩa là trong thế giới tinh thần và đời sống thực tiễn của con người cái gì thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và tinh thần, và cái gì kìm hãm tiến trình lịch sử. Việc ủng hộ và tạo điều kiện cho tất cả những gì giúp cho sự phát triển cũng là yêu nước. Do đó, việc khước từ, phủ nhận, phê phán toàn bộ những gì kìm hãm tiến bộ, như là những nét tiêu cực của tính dân tộc, các hành động chính trị phản động, chính sách kinh tế không thích hợp... trong quá khứ và tương lai, đều mang tính chất yêu nước.

Ý thức yêu nước và khuynh hướng yêu nước trong hoạt động của nhà báo đặc biệt quan trọng vào những thời điểm khủng hoảng và khó khăn đối với nhân dân của đất nước. Vào những lúc khó khăn, chính tinh thần yêu nước có khả năng bất chấp những dự báo bi quan và những khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi để vực dậy những sức mạnh tiềm tàng, thậm chí cả đối với những người minh mẫn sáng suốt, đó là sức mạnh quyết định của sự phục hồi đất nước. Lịch sử thế giới đã cho thấy nhiều tấm gương chói ngời nhân cách, khi mà ý thức yêu nước của nhân dân đứng đầu là những nhân cách chói sáng, hết lòng trung thành với Tổ quốc là lực lượng quyết định việc khắc phục khó khăn. Đồng thời tinh thần yêu nước hy sinh quên thân mình đáng được tôn trọng, nhưng cao cả hơn là tình

thần yêu nước mang tính hành động tích cực, làm cho con người trở thành những người hợp sức và đứng đầu phong trào dân tộc vì sự phồn thịnh của Tổ quốc.

Đối tượng đặc biệt của lòng tự hào yêu nước và sự quan tâm thường xuyên của nhà báo chính là kho tàng mà đất nước của anh ta đã đóng góp cho tiến bộ lịch sử của toàn thế giới, vào kho tàng những thành tựu của toàn nhân loại. Bởi vậy, khi suy xét mỗi hiện tượng đang được nghiên cứu nhà báo phải đánh giá nó từ góc độ mà nó có nghĩa đối với sự phát triển không chỉ của nước mình, mà còn cho cả các nước khác. Trong mối quan hệ này xuất hiện những vấn đề khá phức tạp như: liệu có thể tự hào về một xí nghiệp tạo ra sản phẩm thiết yếu cho cả nước không nếu những chất thải độc hại của nó theo “biểu đồ gió” bay vào khí quyển của các quốc gia khác? Hay bởi sự phát triển kinh tế đạt được nhờ vào việc bóc lột nguồn lực con người và nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước thuộc châu lục khác?

Do đó tư tưởng và quan điểm của “*thần quốc tế*” (tiếng Hy Lạp – kosmopolites là “công dân thế giới”) đòi hỏi phải đặc biệt chú ý và đổi mới tư duy cho phù hợp với thực tại (và tương lai). Nếu từ bỏ quan niệm tầm thường trước đây về con người, bị tước bỏ những tình cảm và ý thức yêu nước tuân thủ theo tư tưởng “ubi bene

ibi partia” (“ở đâu tốt, ở đó là Tổ quốc”) - những quan niệm và các hình thức ứng xử như thế đã và đang có vị trí của mình trong cuộc sống hiện thực, thì tinh thần quốc tế đích thực là “mặt sau” của tinh thần yêu nước. Điều đó sẽ dẫn đến sai lầm cả với những người tư duy sai lầm về tinh thần quốc tế, những người coi chủ nghĩa yêu nước là “nơi nương náu quốc tế cuối cùng của những kẻ vô lại”. Bởi chính tư duy yêu nước là hành động phục vụ Tổ quốc như là phục vụ một thành viên của cộng đồng thế giới, khi đó quan niệm tinh thần quốc tế đích thực mang “tính toàn cầu” xuất phát từ sự cần thiết phục vụ những nhu cầu của toàn nhân loại. Nhận thức của nhà báo về các mối quan hệ nội tại của các khái niệm “tinh thần yêu nước” - “tinh thần quốc tế” là sự thể hiện đặc biệt tính thống nhất trong quan điểm cái riêng của tập đoàn và cái chung của toàn nhân loại.

Tinh thần yêu nước không được trau dồi thêm tư tưởng tinh thần quốc tế “toàn cầu”, tất yếu sẽ thoái hóa thành chủ nghĩa yêu nước cực đoan, còn tinh thần quốc tế không có chỗ dựa là tinh thần yêu nước sẽ thành phản yêu nước, thành sự coi thường Tổ quốc, nếu nó không đáp ứng những nhu cầu của con người, mà lại đòi hỏi sự hy sinh (mà chỉ có thể đem lại sự bình yên cho thế hệ sau).

Nếu nguyên tắc yêu nước nhất định được sinh

ra bởi sự phân chia thế giới mang tính lịch sử thành các quốc gia có chủ quyền, bởi mối dây liên hệ “nguồn cội” của cuộc sống con người với đất nước - Tổ quốc, thì quốc tịch (chủng tộc) của con người cũng không thể không được phản ánh trong đường lối ứng xử cơ bản của nhà báo. Việc trau dồi quan điểm cho phù hợp với sự phân chia thế giới thành các dân tộc (Nga, Trung Quốc, Ả-rập, Pháp...) là đặc biệt quan trọng trong điều kiện toàn cầu hóa, mà nó đi kèm theo sự căng thẳng về ý thức giác ngộ dân tộc và đôi khi dẫn đến các cuộc xung đột sắc tộc. Đối với các nước đa sắc tộc, nơi mà chủ yếu là những người cùng một cội nguồn dân tộc, thì nguyên tắc tương xứng thực tế sẽ hòa nhập với tinh thần yêu nước. Sự việc sẽ khác đi ở những nước đa sắc tộc, có đại diện của nhiều chủng tộc người sinh sống.

Nếu đối với các nhà báo, cái cốt yếu là những quyền lợi dân tộc mà anh ta có liên quan tới hay đại diện cho nó, nếu anh ta cho rằng dân tộc này cao hơn dân tộc khác và đòi hỏi sự quan tâm và chú ý nhiều hơn các dân tộc khác thì khi bảo vệ những quyền lợi của dân tộc mình, có thể xem thường quyền lợi của các dân tộc khác vì hơn thế nữa, nhờ vào chúng mà đáp ứng những quyền lợi của mình, thì đó là nhà báo theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Chẳng có gì xấu xa trong lòng tràn đầy *niềm*

tự hào dân tộc, trong tình yêu đối với dân tộc mình, trong thái độ gìn giữ di sản, truyền thống và tập quán dân tộc, trong nhận thức vai trò chủng tộc trong lịch sử nhân loại. Hơn nữa, mối quan tâm đến sự phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ, văn hóa và truyền thống, đến sự ổn định kinh tế, xã hội của dân tộc như là biểu hiện của ý thức tự giác dân tộc và tự tôn dân tộc - đó là mục đích cao cả của mỗi đại diện dân tộc và tất nhiên, là trách nhiệm của những nhà báo nhận về mình vai trò của người thể hiện những quyền lợi dân tộc.

Tuy nhiên (cũng như trong trường hợp của “tinh thần yêu nước cực đoan”) vẫn còn tồn tại một ranh giới, dù là rất khó phân biệt, giữa “chuẩn mực” - là tình cảm cao cả của tinh thần tự hào dân tộc về di sản độc đáo “được tích lũy hàng thế kỷ và sự vi phạm dưới hình thức chủ nghĩa dân tộc, đem đối lập của một dân tộc này với các dân tộc khác, chủ nghĩa dân tộc tập trung, ý đồ cô lập chủ nghĩa bảo thủ dân tộc (nên đòi hỏi cả thái độ tiêu cực đối với cuộc đấu tranh với cái “ác”, với những truyền thống và tập quán kéo lùi lại, không muốn “gia nhập” vào thế giới hiện đại).

Tính tự hào dân tộc không loại trừ, mà ngược lại, đòi hỏi phải phù hợp với *tinh thần quốc tế*, trong đó quan niệm về các quyền hạn và về sự tôn vinh dân tộc được kết hợp một cách biện

chúng với ý thức bình đẳng của tất cả các dân tộc và mong muốn đạt được các mối quan hệ bằng hữu, sự phối hợp hữu cơ giữa tất cả các chủng tộc (dân tộc) và sự giúp đỡ lẫn nhau của chúng. Những tư tưởng dân tộc đích thực luôn là tinh thần quốc tế đích thực, và do đó cách ứng xử của nhà báo vì quyền lợi của một dân tộc không thể dẫn đến sự bóp nghẹt quyền lợi của các nước khác. Tinh thần quốc tế đích thực đòi hỏi các nhà báo, khi dựa vào sự phân tích kỹ lưỡng đời sống con người của các dân tộc khác nhau, thực hiện được những yêu cầu của họ, tạo điều kiện để mỗi dân tộc nhận được khả năng phát triển của mình, các dân tộc còn lại - nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ từ phía các dân tộc khác dựa vào tư tưởng hữu ái quốc tế. Đồng thời cần phải loại trừ mọi sự hạn chế lòng tự tôn dân tộc, gò ép các dân tộc khác theo tính chất và hình thức tổ chức đời sống trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của dân tộc mình. Sự tôn trọng bản sắc dân tộc, tôn trọng những đặc thù của nó sẽ tạo khả năng phát triển đồng thời cần phải chú ý đến sự ngăn cản việc phát triển của nó (những tập tục lạc hậu bảo thủ, sự không dung thứ, biệt lập).

Khi tuân thủ theo nguyên tắc của tinh thần quốc tế, nhà báo cần có sự tinh tế đặc biệt và cân nhắc trong những nhận xét đáng giá. Điều này đặc biệt quan trọng trong thời kỳ nâng cao

ý thức tự tôn dân tộc và những cản trở đang xuất hiện, nhất là khi có các cuộc xung đột giữa các quốc gia.

Do mỗi một nước đều được đặc trưng bởi hình thức quản lý, cơ cấu nhà nước nhất định, nên xuất hiện vấn đề về quan hệ của nhà báo đối với tính chất trong mỗi tổ chức quyền lực và việc thực hiện nó trong cơ chế nhà nước. Nếu như đối với nhà báo nguyên tắc tính nhân dân là quan trọng, thì nhất định trong hoạt động của anh ta sẽ hình thành nguyên tắc *dân chủ* (tiếng Hy Lạp - *democratia* là “quyền lực nhân dân”). Tiếng Latinh - đó là chế độ cộng hòa (tiếng Latinh - *respublica* là “công việc chung”).

Báo chí do bản chất thông tin của mình, như đã biết, có những khả năng quyền lực và điều hành. Và có thể thực hiện “quyền lực” khi tuân thủ những quan niệm khác nhau về phương thức quản lý: quý tộc (thông qua dòng dõi quý tộc), chế độ quân chủ (thông qua quyền lực của quốc vương), chế độ tài phiệt (dưới sự cầm đầu của lớp người giàu có), chế độ quân phiệt (nhờ vào sức mạnh), chế độ quyền uy (người đứng đầu được công nhận)... Phù hợp với tính chất căn bản của quyền lực sẽ xuất hiện một loại báo chí tương ứng, ví dụ như báo chí quân chủ hoặc báo chí của xã hội quân phiệt. Và thậm chí nếu những loại quyền lực này được che đậy bằng kiểu dân chủ mới (nguyên lão viện dưới chế độ Sa hoàng, nghị

viện trong tay kẻ độc tài), dân chủ quyền lực và báo chí ủng hộ nó sẽ là ảo tưởng, là thứ đồ trang điểm, trong trường hợp tốt nhất - là bằng sự nhượng bộ phần nào những đòi hỏi của một chính quyền nhân dân và có thể thực hiện được chỉ nhờ vẻ bề ngoài, cùng với những khó khăn lớn, và trong những phạm vi có giới hạn nhất định.

Với tư cách là “quyền lực thứ tư” trong xã hội dân chủ (trong điều kiện của những hệ thống kinh tế - xã hội khác nhau, trong sự khác nhau của các hình thức nghị viện và tổng thống của thiết chế nhà nước và chế độ cai trị) báo chí thực hiện nguyên tắc dân chủ bằng cách tham gia vào các công việc của nhà nước, thông qua những ý kiến của mình góp phần vào việc tiếp nhận những giải pháp chính trị quan trọng.

Nguyên tắc dân chủ được thể hiện trong công tác quản lý các công việc xã hội như một phương thức thực hiện những khả năng dân chủ trực tiếp. Nếu dân chủ đại diện được thực hiện thông qua các cuộc bầu cử vào các cơ quan quyền lực, thì dân chủ trực tiếp là sự tham gia của tất cả các công dân vào công việc của nhà nước (thông qua các cuộc trưng cầu dân ý, mít tinh, điều hành, thu thập chữ ký của quần chúng dưới các bản thỉnh cầu... trong đó có cả thông qua báo chí). Là công cụ của dân chủ trực tiếp, báo chí, trong khi thực hiện các chức năng tư tưởng (hình thành ý thức đại chúng, trong đó có cả dư

luận xã hội, và chức năng tổ chức - trực tiếp, giám sát) còn thường xuyên gây áp lực đối với các cơ quan quyền lực dưới danh nghĩa nhân dân, thường trên danh nghĩa là ý kiến của quần chúng (vox politi). Tiếng nói này của quần chúng nhân dân được bổ sung cho việc bỏ phiếu trong nghị viện, cho tiếng nói của chính quyền dân cử.

Tất nhiên, những ấn phẩm và các chương trình khác nhau có thể trình bày những quyền lợi và nhu cầu không phải của toàn dân, mà của các tầng lớp riêng và các tập đoàn riêng của nó (rằng cần phải công khai tuyên bố để những yêu cầu và kiến nghị phù hợp với nhu cầu của tầng lớp riêng), nhưng không được phản lại những nhu cầu của toàn dân, và trong trường hợp đó hệ thống báo chí cần mở rộng diện phổ biến các ý kiến, mong muốn, nhu cầu và đòi hỏi của tất cả các tầng lớp và của toàn dân. Xét về bản chất báo chí có khả năng theo sát những thành phần luôn thay đổi, cấu thành ý thức của toàn dân và của các tầng lớp của nó, trong lúc đó thì những người được bầu vào các cơ quan quyền lực đại diện cho ý kiến của dân (và đó đôi khi cũng chỉ là bề ngoài) chỉ vào thời điểm bầu cử và hoàn toàn không thay đổi quan điểm của mình cho phù hợp với những thay đổi trong tâm trạng và yêu cầu của những cử tri.

Báo chí thực hiện tính dân chủ, là sự tham gia vào đời sống của nhà nước dưới một số hình thức:

Thứ nhất, khi phát biểu nhân danh nhân dân (hay nhân danh những tầng lớp riêng biệt) như là người thể hiện những quyền lợi và nhu cầu, mà các nhà báo tích lũy được trong những cuộc tiếp xúc trực tiếp với mọi người, nhận được từ những nghiên cứu xã hội học, từ việc phân tích qua thư và từ các nguồn thông tin tin cậy khác về tình trạng và nhu cầu của những người mà ấn phẩm hay chương trình này đại diện. Như vậy, bản thân nhà báo là người thể hiện nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, là người đại diện của nhân dân trước các chính quyền được bầu ra.

Đó là sứ mệnh rất cao cả, nhưng cũng rất khó khăn, bởi vì khi nhân danh nhân dân, cần phải suy xét đúng đắn cái đã nghe và đã thấy. Nhà báo không phải là người chuyển tải máy móc những yêu cầu đệ trình cho các chính quyền, mà là người thuyết minh một cách có phân tích, nên đòi hỏi có những điều chỉnh khác nhau (đưa ra những giải thích rõ thêm, những bổ sung và những thay đổi quan niệm về thực tiễn và sự cần thiết, lĩnh hội được từ việc tiếp xúc trực tiếp với dân), dựa vào việc nghiên cứu nghiêm túc (thường là sự giúp đỡ của các chuyên gia am hiểu) những vấn đề làm nhân dân đang xôn xao. Tất nhiên, kết quả của việc nghiên cứu này và những điều chỉnh của báo chí cần phải được thông báo tới công chúng, đồng thời thể hiện chính xác tới đa những nhu cầu thực tế của nhân dân.

Thứ hai, báo chí thực hiện nguyên tắc dân chủ thông qua việc tạo điều kiện cho những người mong muốn bày tỏ ý kiến của mình từ diễn đàn xã hội rộng khắp và đưa ra những kiến nghị của mình. Chính bằng cách đó báo chí thực hiện việc hiện thực hóa quyền công dân do hiến pháp quy định đối với việc tham gia quản lý các công việc của nhà nước. Việc tích cực thực hiện nguyên tắc dân chủ đòi hỏi các nhà báo phải thường xuyên thu hút công chúng với tư cách là các tác giả, những đại diện của các quan điểm và các cách nhìn khác nhau, những giới và các tập đoàn xã hội khác nhau. Điều đó tạo khả năng hiểu biết được những phương hướng và những biện pháp tìm kiếm các giải pháp cho những vấn đề xã hội quan trọng đòi hỏi có sự can thiệp của nhà nước. Để làm được việc đó đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ lưỡng nguồn thư từ gửi đến tòa soạn và những đề nghị cá nhân của công dân, đó là nguồn nhận định, kiến nghị đáng được công bố và được các nhà báo cân nhắc xử lý mỗi khi tiến hành công việc. Tất nhiên không phải mọi lúc, và với tất cả mọi ý kiến đưa đến, tòa soạn đều có thể nhất trí, và không phải tất cả đều có thể “đưa ra” công chúng. Bởi thế nên thường xuyên phải có những bình luận của tòa soạn, những phân tích tổng quan thư bạn đọc, tổ chức các buổi thảo luận và bàn bạc các vấn đề và các cách thức giải quyết chúng với sự

giúp đỡ của các cơ quan chính quyền. Các phương tiện thông tin đại chúng theo một loạt các thiết chế dân chủ trực tiếp cần phải đem đến cho mỗi công dân khả năng gây ảnh hưởng đến việc thảo ra những quy định pháp lý, giám sát việc thực hiện những phương sách đã được đề ra, nhận được thông tin về hoạt động của những người mà hoạt động của họ thuộc về lĩnh vực quản lý.

Thứ ba, để có thể thực hiện đầy đủ nguyên tắc dân chủ, báo chí cần tổ chức việc “học tập” cho đông đảo nhân dân về công tác quản lý. Điều đó không có nghĩa là cần tổ chức một “trường học dân chủ” chuyên đề nào đó trong các nhà xuất bản hay trong các chương trình (dù trong điều kiện thiếu thốn những kỹ năng và trình độ tương đương điều đó cũng không chống lại chỉ định của các phương tiện thông tin đại chúng, mà thậm chí còn rất có lợi). Bởi lẽ chính ngay những hoạt động tích cực, chủ động của nhà báo trong việc thực hiện nguyên tắc dân chủ (theo hai phương hướng đầu) cũng mang tính “thúc đẩy học tập”. Việc trình bày những hình thức dân chủ thực tiễn của hoạt động báo chí (đặc biệt là những hoạt động thường xuyên, kiên trì và có hiệu quả) cũng là “trường học dân chủ”. Trong đó mang ý nghĩa quan trọng là sự quan tâm của các phương tiện thông tin đại chúng tới việc phát hiện ra những hành động dân chủ trực

tiếp (mít tinh, tuần hành, các chiến dịch thu thập chữ ký, các hoạt động của báo chí) cùng với việc phân tích tính chất của chúng, với việc thảo luận những nguyên nhân thành công và thất bại, chỉ ra những hình thức thực tế hơn trong việc thực hiện các điều khoản dân chủ trực tiếp, đặc biệt là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ tư, là mức độ hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc dân chủ theo cả ba phương hướng trên ý thức tự giác công dân và tính chủ động của người công dân trong việc thực hiện các quyền và tự do của mình, trong việc sử dụng quyền tự chủ dân tộc được hình thành một cách tích cực. Để dân chủ trở thành hiện thực, cần phải có trình độ học vấn chung ở mức độ cao và sự am hiểu của công dân. Vấn đề dân chủ không thể thiếu cái gọi là “công dân tương xứng”. Người công dân tương xứng là người có định hướng tốt cùng với sự tự hòa nhập đúng đắn trong xã hội, đồng thời tích cực tham gia hoạt động xã hội, có cân nhắc đến hoàn cảnh của anh ta và những triển vọng mang tính nhân văn rõ ràng dựa vào những quyết định đã được tính toán kỹ càng. Và nếu như trong những nền dân chủ già cỗi “thể hiện” sự hạn chế tầm hiểu biết của người công dân, thì trong các nền dân chủ “non trẻ” việc giải quyết vấn đề thiếu hiểu biết có ý nghĩa hàng đầu, và toàn

bộ hệ thống các định hướng sẽ không thể đạt được nếu thiếu sự tham gia tích cực và có mục đích rõ ràng của các phương tiện thông tin đại chúng, vả lại chính các phương tiện thông tin đại chúng cần phải nhận về mình gánh nặng cơ bản của việc hình thành đội ngũ “đồng đảo công dân trưởng thành” này. Dưới dạng hình thành “công luận” đồng thời là hạt nhân ổn định của xã hội công dân, đem lại cho nó sự ổn định và hoạt động như là một lực lượng liên kết. Theo quan sát của các nhà khoa học, ngay từ thời kỳ cách mạng Pháp đã định hình hiện tượng công luận thế giới, nhưng đến ngày nay mới trở thành thực tiễn chính trị trong cộng đồng thế giới. Sự hình thành và phát triển công luận là một quá trình lâu dài và không đơn giản, hơn nữa được xem là, đầu tiên xuất hiện “đám đông”, sau đó là “công chúng” và, cuối cùng là “công luận”. Báo chí là một nhân tố phát triển công luận cần phải tính đến sự cần thiết hành động theo toàn bộ “mặt trận” của những nhiệm vụ hình thành những “công dân tương xứng” và kết hợp họ vào “công luận”, đồng thời tiến dần từng bước và không được nóng vội. Đó là nội dung đầy đủ của nguyên tắc dân chủ.

Nếu như tất cả những nguyên tắc hoạt động của báo chí đã được xem xét phát triển từ nguyên tắc tính đảng, trong chừng mực nào đó

dưới dạng khái niệm hàm chứa trong đó từ lúc phôi thai, thì “sự tổng hợp thứ hai” của các nguyên tắc, sự thể hiện phối kết hợp có hiệu quả của chúng là nguyên tắc tính *nhân văn* (tiếng Latinh - *humanus* là “nhân bản”).

Hơn nữa, nguyên tắc tính nhân văn, nếu như những yêu cầu của nó “chông lên” những hình thức tác động thực tiễn của các nguyên tắc khác, mang tính kiểm soát. Nó cho phép đánh giá được chuẩn xác các cơ sở và tính chất của công việc thực hiện những nguyên tắc khác. Ngay cả nguyên tắc xuất phát điểm là tính đảng trong nội dung và trong những sự thể hiện của mình trong thực tiễn có thể và cần phải được kiểm nghiệm về “tính nhân văn”. Nhiều tuyên bố âm ỉ và những đòi hỏi “chân lý, cái thiện và công bằng” mà các nhà báo cần phải bác bỏ cả về mặt lý luận, lẫn trong hoạt động thực tiễn, nếu như không chịu được sự phán xét nghiêm ngặt từ quan điểm tính nhân văn chân chính. Vì thế điều rất quan trọng đối với mỗi nhà báo là cần phải thấm nhuần tư tưởng nhân văn và hiểu được nội dung đích thực của nó. Tất cả mọi hoạt động của anh ta cần phải tuân thủ theo quyền lợi của con người và của nhân loại.

Ở dưới dạng chung nhất, tính nhân văn trong tất cả mọi nhận định và đánh giá đòi hỏi phải xuất phát từ việc tuân thủ những quyền lợi không thể tước đoạt và quyền tự do của cá nhân,

từ những quyền lợi của sự phát triển con người như một cá nhân độc nhất trong viễn cảnh phát triển tiến bộ của toàn nhân loại.

Cách tiếp cận nhân văn, mà cơ sở của nó là quan niệm về con người như là thước đo của mọi sự vật, đòi hỏi tạo ra những điều kiện sống phù hợp với bản chất con người. Nhưng khi lý giải, cách tiếp cận nói chung đã được thừa nhận đó, xuất phát từ những giá trị chung toàn nhân loại, xuất hiện vô số những biến dạng của quan điểm nhân văn. Ở đây có cả nhân văn tôn giáo, kêu gọi tình yêu thương đối với những người thân, từ bỏ những tội lỗi và tìm kiếm sự hoan lạc vĩnh hằng vì những điều thiện ở một thế giới khác, sự nhấn nhin chịu đựng, sự không hoàn thiện của điều đó, và quan điểm nhân văn chủng tộc, xuất phát từ sự bất bình đẳng của con người về những tính chất gen tự nhiên và sự công nhận ưu thế của một chủng tộc đã được lựa chọn hay của một dân tộc (sự thống trị của người “ariens”, “apathai”, của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc...) và chủ nghĩa nhân văn “công nghệ” coi việc giải quyết những vấn đề của con người là nằm trong tiến bộ kỹ thuật, chứ không phải trong những biến đổi xã hội, và chủ nghĩa nhân đạo bác ái, mà cơ sở của nó là tư tưởng của sự thiết yếu phải mang tính người, biết chia sẻ với những người khó, tàn tật, ốm đau... Ở mỗi một biến thái của chủ nghĩa nhân đạo (ngoài chủ nghĩa

phân biệt chủng tộc thể hiện là hệ tư tưởng phản nhân văn) còn có những nét và những tính chất bổ sung thực tiễn cho chủ nghĩa nhân văn (sự giúp đỡ thực tế cho con người, sự trợ giúp về vật chất hay tinh thần đối với con người trong thế giới còn chưa hoàn thiện).

Niềm mong ước nhân văn ngàn đời của con người đã tạo ra những điều kiện của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và tinh thần, mà trong đó chỉ có những người yếu, đau ốm và già cả mới phải cần đến sự viện trợ nhân đạo “bề ngoài”. Quan điểm nhân đạo đích thực buộc nhà báo phải có những nỗ lực thường xuyên và toàn diện để tạo ra những điều kiện của đời sống xã hội phù hợp với bản chất của con người. Chủ nghĩa nhân văn như thế, đòi hỏi phải thường xuyên tham gia vào các cuộc biến đổi toàn diện của đời sống xã hội, chính là chủ nghĩa nhân văn hành động. Bởi vậy, cho dù là đề tài nào mà tác phẩm của nhà báo tạo ra đề cập đến cơ cấu chính trị hay những điều kiện kinh tế của đời sống xã hội, mối quan hệ của các tập đoàn xã hội, văn hóa hay nghệ thuật, thể thao hay sinh hoạt ở mọi nơi không chỉ có “chân trời mở rộng”, mà còn có cả sự đòi hỏi những cách tiếp cận nhân văn bắt buộc. Tuy nhiên, việc phân tích “tính nhân văn” cũng cần phải có sự nghiên cứu những thông số kỹ thuật của máy móc mới, chất lượng của hàng tiêu dùng, quy hoạch dân cư và nhà cửa, thậm chí cả phong

trào mốt, quảng cáo, có nghĩa là tất cả những gì gắn với đời sống con người, với sự “tồn tại” tự nhiên, xã hội và kỹ thuật của nó. Tính kinh tế và tính công nghệ của máy móc mới là tuyệt vời, nhưng đồng thời cũng đặt ra những vấn đề: con người, nhân công sẽ làm việc và phục vụ như thế nào với những máy móc này, nó có đáp ứng được những yêu cầu (môi trường, mỹ quan...) hay không? Nói cách khác, nhà báo cần phải phân tích “tính nhân văn” và thẩm định tính nhân văn đối với tất cả những gì mà anh ta bắt gặp trong hoạt động chuyên môn.

Như vậy, tất cả hoạt động của nhà báo cần thấm nhuần tư tưởng nhân văn một cách nhất quán, tích cực, hướng tới tương lai và đòi hỏi chú ý đến con người của hiện tại. Và điều rất quan trọng là cần phải kết hợp được mối quan tâm đến nhân loại với mối quan tâm đến từng con người riêng biệt. Khi đó đối với mỗi cá nhân cụ thể không thể áp dụng chỉ những chuẩn mực chung mà cần phải xuất phát từ đặc tính cá nhân của nó. Chỉ trong trường hợp đó sự ủng hộ và phê phán, tính chất của sự trợ giúp và quan tâm sẽ phù hợp với tính chất của con người như là một cá nhân, và bởi vậy sẽ là công bằng ở mức độ cao nhất.

Điều kiện thiết yếu của quan điểm nhân văn đích thực, đó còn là khả năng nhìn nhận con người riêng biệt trong phạm vi của cộng đồng,

nơi mà cuộc sống của con người diễn ra là tập thể lao động, gia đình, giới giao tiếp... Kể cả nếu như sự tự do của mỗi người là điều kiện cho tất cả mọi người thì tính chất của cộng đồng nơi mà cuộc sống của cá nhân con người diễn ra có ảnh hưởng nghiêm trọng đến những đặc điểm, tính chất, các quan hệ, đồng thời với sự trợ giúp, kiểm chế hay làm đôi bại sự hình thành những phẩm chất con người đích thực trong nó. Thế nên trong cách tiếp cận báo chí nhân văn xuất hiện vấn đề tinh thần tập thể đích thực và giả tạo, cách thức ủng hộ cái thiện và chống lại cái tiêu cực trong mỗi cá nhân con người.

Tất cả những gì mà nhà báo bắt gặp trong cuộc sống, đều là “thước đo con người”, và biết cách nhìn nhận các hiện tượng của cuộc sống dưới ánh sáng của các lý tưởng nhân văn - trong đó ý nghĩa hiện thời và cả trong viễn cảnh lịch sử là nét đặc thù của hoạt động báo chí.

Cùng với sự vận động tiến đến nền văn minh mới của thế kỷ XXI, nơi mà những tư tưởng nhân văn (trong các tình huống khác nhau) trở thành điểm tựa đối với các tư duy báo chí, quan niệm về hệ thống các nguyên tắc báo chí buộc phải “thay đổi hẳn”: quan điểm xã hội của nhà báo sẽ trực tiếp “trở thành” nguyên tắc nhân văn, còn nguyên tắc tính đảng sẽ là “sự tổng hợp thứ hai” của hệ thống các nguyên tắc, là sự thể hiện thực tiễn của chúng.

VẤN ĐỀ TÍNH NGUYÊN TẮC CỦA NHÀ BÁO

Dù rằng hệ thống các nguyên tắc và toàn bộ những yêu cầu của chúng đối với nhà báo được thảo ra đầy đủ như thế nào (mà ở đó cần phải thường xuyên có sự “sản sinh ra” - cuộc sống và lý luận không dừng chân tại chỗ), thì vấn đề *đúng đắn của các nguyên tắc* luôn đi kèm với vấn đề *trung thành với các nguyên tắc*.

Một trong số những vấn đề liên quan là sự hoàn hảo của hệ thống các nguyên tắc do các nhà lý luận hoặc chính các nhà báo soạn thảo ra, công tác lý luận đó vừa sức với họ. Nếu như hệ thống các nguyên tắc chưa được hoàn hảo hoặc được soạn thảo về mặt lý luận, mà chưa được các nhà báo cảm nhận một cách đầy đủ, thì khi đó người ta nói về sự *chưa đủ tính nguyên tắc*, về sự sơ suất của báo chí trong một lĩnh vực thể hiện và bộc lộ lập trường quan điểm xã hội, về việc nhà báo còn “chưa đủ độ chín” để đạt tới lập trường, quan điểm. Khi đó anh ta có thể hoàn toàn chân thành và trung thực hướng tới “cái thiện, chân lý, công bằng”. Tuy nhiên, tính chưa hoàn hảo của đường lối quan điểm sáng tác của nhà báo nhất định sẽ dẫn đến việc tiếp nhận theo cảm tính những quyết định, ảnh hưởng đến những yếu tố tình huống ngẫu nhiên, đến tính thiếu chuẩn xác của những nhận định, lệ thuộc (thường là vô ý thức) vào những ý kiến đã phổ biến (chủ nghĩa tuân thủ) hoặc, ngược lại, sẽ dẫn

đến việc cố ý nêu ra nhận định đó là đúng đắn, thì cũng không thể gọi chúng là đã được hình thành dựa trên nền tảng vững chắc của những niềm tin sâu sắc. Cái đúng theo cảm tính là ngẫu nhiên thôi. Đó là tình trạng của những người “chưa đủ độ chín” về nguyên tắc và quan điểm.

Sự chưa đầy đủ tính nguyên tắc ở những ai mà còn “chưa đủ độ chín” để xác định lập trường của mình, cần phải phân biệt với tính *vô nguyên tắc* đó là sự cự tuyệt đối với bất kể nguyên tắc nào. Tính vô nguyên tắc có thể được bộc lộ dưới những hình thức khác nhau. Hình thức nhẹ, là muốn lảng tránh những vấn đề gay go, tránh đưa ra những ý kiến nhận định và những kết luận. Thông thường đó là kết quả của sự thiếu tin tưởng và thiếu kiến thức, nắm bắt không tốt những phương pháp phân tích xã hội, hoặc là cố tình tránh sai sót. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được biện bạch cho tính vô nguyên tắc, dù là dưới thể nhẹ, cũng như là sự cự tuyệt nguyên tắc. Tính vô nguyên tắc cứng rắn là quan điểm có ý thức của con quay chính trị, không phải tìm kiếm sự thật và sự công bằng, mà là tìm kiếm những món lợi. Không phải ngẫu nhiên mà trong cấu trúc ngữ nghĩa của từ “vô nguyên tắc” có ý tiêu cực.

Tính vô nguyên tắc đặc biệt liên kết “tính nguyên tắc” cứng nhắc, *giáo điều* sẽ để ra việc áp dụng một cách thẳng thừng, thiếu sự phê

phán và không linh hoạt những quan điểm đã lỗi thời với cuộc sống, không phù hợp với những tình thế đã thay đổi và những quy luật hiện thực. “Tính nguyên tắc” như thế chỉ có thể đem lại những liên kết quá ngu ngốc, bởi đó là hiện tượng của cuộc sống luôn “bị áp đặt” những tiêu chuẩn lỗi thời, đưa ra những nhận định, những kết luận và kiến nghị không đúng đắn. Chính vì vậy mà “tính nguyên tắc” kiểu đó cũng có họ hàng với tính vô nguyên tắc - kể cả trong trường hợp này lẫn trường hợp kia thì kết quả đều không thích ứng với thực tiễn.

Tính nguyên tắc đích thực không có cái gì chung với tính giáo điều và giả tạo, với “sự tùy cơ ứng biến” (theo cách thể hiện hình tượng của một nhà chính luận) và với ý đồ thu lợi lộc về chính trị. Tính nguyên tắc đích thực là sự hợp nhất giữa lòng tin tưởng sâu sắc với nhận thức đúng đắn những quy luật hiện hành của đời sống xã hội và kỹ năng sáng tạo, áp dụng một cách linh hoạt và nhất quán chúng với tư cách là công cụ nhận thức hiện thực. Cả *nhuệ khí* cũng đóng vai trò trong việc bộc lộ tính nguyên tắc đích thực, sẵn sàng chịu trách nhiệm về những nhận định và tuyên cáo của mình, nhẫn nại để vượt qua sự không chấp nhận và thái độ hoài nghi, cũng như sự tấn công.

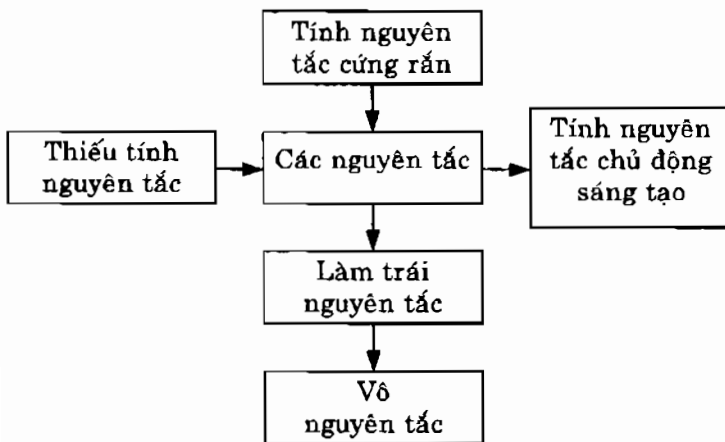
Tính nguyên tắc đòi hỏi thái độ quan tâm đến cả những sự phản đối, thậm chí được thể hiện

dưới những hình thức chương tai gai mắt, biết cách tiến hành đối thoại, tranh cãi, bàn luận để mỗi lần tính đến những phản đối, sẽ tìm ra những giải pháp đúng đắn. Thậm chí, kể cả khi xuất phát từ những nguyên tắc đúng đắn, vẫn có thể mắc sai lầm, có thể thiếu chính xác trong những tuyên cáo của mình đối với hiện tượng này hay hiện tượng khác của đời sống, bởi lẽ có những khó khăn rất lớn trong việc nhận thức những hiện tượng phức tạp. Tuy nhiên, sự thiếu chính xác và những sai lầm cần phải được phân biệt với việc sử dụng những cách tiếp cận không đúng đắn và hơn thế nữa là với tính vô nguyên tắc. Nhà báo có tính nguyên tắc, khi phát hiện thấy những sai sót trước hoặc trong quá trình tranh luận, không chỉ cần phải thừa nhận một cách trung thực và sửa chữa, mà còn phải biết rút ra bài học từ những sai lầm của mình.

Đồng thời trong những cuộc tranh luận với những người bất đồng chính kiến vì quyền lợi của sự nhất trí toàn xã hội, việc hình thành những quan điểm thống nhất đối với những vấn đề đang được đánh giá khác nhau, nhà báo nguyên tắc không chỉ có thể mà còn có trách nhiệm phải bằng cách nhượng bộ để tìm ra “phạm vi nhất trí”. Trong trường hợp này không phải đề cập việc làm sao để hành động theo nguyên tắc, mà là việc áp dụng những nguyên tắc cần phải linh hoạt, tính đến những tình

huống cụ thể trong xã hội, nơi mà có nhiều thể lực cùng với những lập trường quan điểm khác nhau đang hoạt động. Tất nhiên, cũng tồn tại những ranh giới mà không thể vượt qua được. Chẳng hạn sự nhượng bộ tối đa trong điều kiện căng thẳng giữa các dân tộc không thể thiếu sự thay đổi đối với nguyên tắc tinh thần quốc tế, biến thành quan điểm chỉ bảo vệ có một phe trong cuộc xung đột. Điều đó cũng chính là biểu hiện quan điểm dân tộc chủ nghĩa. Hay ví như, những yêu cầu của tính chân thực không mâu thuẫn với tính tất yếu trong những trường hợp riêng biệt phải vi phạm tính chính xác tư liệu của việc trần thuật (thay đổi tên họ của nhân vật, tên của thành phố hay người nhận thư...).

Những hình thức khác nhau của tính nguyên tắc có thể hình dung theo sơ đồ sau:



Việc áp dụng linh hoạt các nguyên tắc có thể và nên kết hợp với tính linh hoạt của chính các nguyên tắc, với khả năng thay đổi và cải biến chúng. Nếu quả thực những nguyên tắc không phải từ trên ban xuống cho con người và không có sự bổ sung toàn diện “từ hàng thế kỷ”, mà gắn nội tại với những quy luật của đời sống xã hội, thì rõ ràng *sự thay đổi những quy luật sẽ dẫn đến sự thay đổi toàn bộ, cả cơ cấu, cả sự bổ sung thêm những nguyên tắc*. Vì thế, nếu như trong thời kỳ trước đây tinh thần quốc tế, gắn chặt một cách bất biến với sự khước từ những tình cảm yêu nước và thường được sử dụng với tính ngữ “không có Tổ quốc”, thì thời nay đòi hỏi những “bổ sung và thay đổi” cần thiết. Trong những điều kiện khi mà nhận thấy một cách rõ ràng mối quan hệ qua lại và sự lệ thuộc lẫn nhau của tất cả mọi người sống trên hành tinh, khi mà rõ ràng “những vấn đề toàn cầu” cần phải giải quyết bằng những nỗ lực nhất trí chung của toàn nhân loại, khi mà thường xuyên phải tính đến sự tương trợ lẫn nhau và sự phối hợp của các nước và của các dân tộc, thậm chí ngay cả khi giải quyết những vấn đề của các nước riêng biệt, tư duy thế giới, toàn cầu trở nên cực kỳ quan trọng đối với bất kể một chính trị gia có trách nhiệm nào (tất nhiên là cả đối với nhà báo). Và điều đó hoàn toàn không có nghĩa là khước từ hay thoát ly khỏi tinh thần yêu nước

- mà ngược lại cách tiếp cận mang tinh thần yêu nước sẽ gắn chặt với số phận của nhân loại, với sự biết nhìn nhận đất nước mình trong phạm vi cộng đồng toàn thế giới.

Chính vì thế mà biến thái của đời sống xã hội buộc phải hiểu nguyên tắc quốc tế theo cách khác: nhà báo cần phải tác động đến sự phối hợp và ảnh hưởng lẫn nhau của dân tộc mà dưới những tác động đó những bản sắc dân tộc độc đáo - tích cực không bị xóa bỏ, mà lại được phát triển phồn thịnh, và sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc sẽ thúc đẩy không phải sự xóa bỏ những đặc thù dân tộc, mà là sự phát triển của “sự thống nhất trong đa dạng”.

Biến thái lịch sử của các nguyên tắc, như đã nói, có thể đụng chạm tới “khung cảnh” chung của chúng. Chính sự thay đổi vị trí của tính đảng và tính nhân văn dẫn đến cách nhìn nhận và hành động của nhà báo, cách tiếp cận chung của nhân loại được đưa lên hàng đầu, và dẫn đến việc “rà soát” có phê phán những quyền lợi và những giá trị của tập đoàn “sát sườn” đối với nhà báo và phương tiện thông tin đại chúng của anh ta... Nếu như trước đây quá trình vận động tư tưởng của nhà báo đi từ (cho đến nay nhiều khi vẫn thế) “cái riêng” đến “cái chung”, hơn nữa “cái chung” không phải lúc nào cũng được tính đến một cách đầy đủ, thì cuộc sống ngày càng đòi hỏi khẩn thiết hơn “tiến trình ngược lại” (từ “cái chung”

đến “cái riêng”). Tất nhiên, vào những thời kỳ khác nhau đã từng có các nhà đại diện tiêu biểu cho quan điểm này. Còn trong thế kỷ XXI hệ thống các nguyên tắc, khi cấu thành trên cơ sở nhân văn, có lẽ, sẽ trở thành “phổ biến”¹.

Như vậy, khi đưa ra những kết luận, có thể nói rằng tính nguyên tắc đích thực đòi hỏi nhà báo phải có tính linh hoạt, trình độ khám phá, khả năng sáng tạo trong việc áp dụng cũng như trong việc thay đổi các nguyên tắc phụ thuộc vào đặc điểm mà anh ta bắt gặp, và trong mối liên quan đến sự phát triển năng động của xã hội, đến những thay đổi trong các quy luật hoạt động của nó như là của một hệ thống các mối liên hệ xã hội.

Gắn trực tiếp với tính chất của những nguyên tắc đã được thừa nhận và mức độ thực hiện những yêu cầu của tính nguyên tắc (tính chuẩn xác của các nguyên tắc và sự trung thành với các nguyên tắc) - là tính chất và sự thể hiện trình độ văn hóa chính trị của nhà báo.

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA NHÀ BÁO. PHÂN TÍCH CHÍNH TRỊ

Văn hóa (tiếng Latinh - cultura là “trồng trọt, phát triển, trình độ, văn hóa) - là lĩnh vực vô cùng rộng lớn của những thành tựu mà nhân

¹ Phần này, tác giả lập luận và dẫn chứng theo thực tế nền báo chí Nga (B.T).

loại đã đạt được trong quá trình phát triển. Bởi vậy, ai là người nắm bắt và biết sử dụng được những di sản tích lũy được trong lĩnh vực hoạt động của mình, người đó sẽ trở thành một cá nhân sáng tạo đích thực, sẽ tạo ra những sản phẩm mới, và cũng chính vì thế mà dự tính được con đường hướng tới tương lai không gian văn hóa bao gồm văn hóa nghệ thuật, và văn hóa sinh hoạt, văn hóa nông nghiệp và văn hóa giao tiếp, văn hóa tư duy và văn hóa ứng xử... Do vai trò của mình trong đời sống xã hội nhà báo, chỉ làm việc có kết quả khi có trình độ văn hóa cao, đóng vai trò là người đưa văn hóa đến công chúng, hơn nữa là người sáng tạo, tạo dựng ra những giá trị văn hóa.

Lĩnh vực quan tâm của báo chí - là tất cả “không gian” văn hóa. Điều đó đòi hỏi nhà báo có nhiệm vụ định hướng xã hội toàn diện cho công chúng và phát triển đầy đủ ý thức đại chúng. Tất nhiên, mỗi nhà báo được chuyên sâu vào những lĩnh vực văn hóa nhất định và chỉ có số ít cố gắng tiến tới nắm được toàn diện không gian văn hóa. Nhưng trong bất kể trường hợp nào đối với “quyền lực thứ tư” trong xã hội thì văn hóa chính trị của chủ thể - các nhà báo của nó vẫn đứng ở vị trí hàng đầu, một vị trí đã được xác định.

Chính trị (tiếng Hy Lạp - polis là “nhà nước”; politike “nghệ thuật điều hành của nhà nước”) -

là một lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội gắn liền với việc soạn thảo và hiện thực hóa những quyết định của chính quyền nhà nước. Chính trị được xem như là một lĩnh vực của mối quan hệ xã hội, trước hết là *những mối quan hệ tồn tại khác nhau giữa các tập đoàn xã hội* (giai cấp, dân tộc, khu vực, tôn giáo...) trong nội bộ của từng nước và giữa các nước về việc tiếp nhận, duy trì, tổ chức và sử dụng quyền lực để thực hiện những nhu cầu, quyền lợi và lý tưởng của mình. Cơ sở của các mối quan hệ chính trị là tham vọng nắm bắt được “đòn bẩy” của quyền lực, tham gia vào những công việc của nhà nước, xác định và tiến hành chính sách đối nội và đối ngoại trong các phạm vi này hay phạm vi khác của nó.

Bất kỳ một vấn đề nào xuất hiện trong tiến trình đời sống xã hội đều mang tính chất chính trị, nếu như nó đụng chạm đến quyền lợi của các tập đoàn xã hội lớn và nếu việc giải quyết nó đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước ở cấp tổng thống, nghị viện, chính phủ và các cơ quan nhà nước khác hoặc các thiết chế chính trị - xã hội. Khi đó cần phải phân biệt các cấp độ của các mối quan hệ chính trị: “chính trị cấp cao” là những vấn đề quyền lực, thể chế và quản lý nhà nước (tiếng Anh- politics) và “chính trị phổ thông” - là đường lối ứng xử trong các lĩnh vực không liên quan đến những vấn đề thuộc về

nguyên tắc của quyền lực (tiếng Anh-policy).

Đối với “*chính trị cấp cao*” ở cấp độ toàn quốc gồm những hoạt động của nghị viện trong việc điều tiết pháp luật của những lĩnh vực đời sống khác nhau và các mối quan hệ trong nhà nước hoặc hoạt động của chính phủ về việc thực hiện những quy định của quyền lực luật pháp. Tuy nhiên ở đây cần phải phân biệt, thí dụ giữa việc giải quyết những vấn đề của thể chế kinh tế, trước hết là về các hình thức sở hữu, với việc xác định đường lối hành động của quyền lực trong lĩnh vực hoạt động của các thiết chế thể thao. Trong trường hợp thứ nhất - đó là vấn đề cốt yếu của đời sống xã hội, trong trường hợp thứ hai - là vấn đề “thuộc hàng thứ yếu”.

Chẳng hạn, khi chỉ nói đến “ghi bàn, điểm thi đấu, giây phút kỷ lục”, trong đó không có gì của “*chính trị cấp cao*” (theo ý nghĩa đó thì thể thao nằm ngoài chính trị). Nhưng khi giải quyết những vấn đề về cơ sở tổ chức hoạt động thể thao, về các mối quan hệ thể thao quốc tế, về các mối quan hệ kinh tế, về cơ sở vật chất (trong đó có cả hoạt động thể dục - thể thao đại chúng)... lại mang tính chất chính trị, đòi hỏi có sự can thiệp của nhà nước. Bởi vậy có thể nói về “*chính sách thể thao*”, “*chính sách văn hóa*”, “*chính sách thanh niên*”, “*chính sách khoa học*”, “*chính sách dân số*”... và nhà báo, phụ trách chuyên mục thể thao, tất cả các tình huống của

đời sống thể thao: luyện tập, thi đấu, đời sống của các vận động viên... (hoàn toàn không mang tính chính trị), cần phải xem đó như là sự thể hiện (thành công hoặc thất bại) đường lối lãnh đạo của đoàn và của hội thể thao. Tất nhiên, những sự đối chiếu và phân tích tương ứng không nhất thiết phải có trong mỗi tư liệu, nhưng những quan niệm về “chính sách thể thao” là rất cần thiết trên cơ sở cách nhìn của nhà báo đối với những biểu hiện cụ thể của lĩnh vực chuyên môn này.

Những mối quan hệ chính trị, được hình thành một cách khách quan, có tính đến những nhu cầu cốt tử của các tập đoàn xã hội, được con người nhận thức thế này hay thế khác (bởi vì trong đó có tác động của con người) - đúng hoặc sai, khoa học hay nông cạn, thống nhất hoặc mâu thuẫn... Do đó, chính trị là hệ thống *các quan điểm chính trị, hệ tư tưởng chính trị*. Để sự can thiệp của nhà báo vào các mối quan hệ chính trị không xuất phát từ những cảm giác hời hợt nông cạn và những kết luận vội vàng, có thể tránh được tính ngẫu hứng tùy tiện và không thực hiện bằng biện pháp “thử nghiệm và sai lầm” đòi hỏi nhà báo cũng như bất kể nhà hoạt động chính trị phải nhận thức cực kỳ sâu sắc và cực kỳ đúng đắn những mối quan hệ chính trị trong tính quy luật của chúng, gắn với những quyền lợi và nhu cầu của những “thế lực hiện hành” tham dự trong đó là các tập đoàn xã hội

lớn, các quốc gia, các phe nhóm chính trị.

Hệ tư tưởng chính trị bao gồm hệ thống các quan điểm về quyền lực và sự quản lý của nhà nước đối với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và bao gồm cả các “tri thức”, “những nhận định”, “tiêu chuẩn”, “lý tưởng” có nghĩa là tồn tại trong tất cả các lát cắt thông tin (d, v, n, p).

Trong cuộc sống hiện thực, trong ý thức đại chúng của con người (trong số đó cả của các nhà báo), thậm chí cả những nhà chính trị chuyên nghiệp cũng thường có “khoảng trống” trong hệ thống các quan niệm tư tưởng do nghiên cứu chưa sâu, chưa rõ ràng hoặc thậm chí thiếu một cái gì đó trong số những thành tố đó. Đôi khi những đánh giá và tiêu chí, những phương sách cụ thể được nhà báo đưa ra không dựa trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng hiện thực cuộc sống, không được tiến hành trên sự lập luận khoa học về “tương lai mong đợi” (và đạt tới), mà dựa vào quan niệm chủ quan về “cái tốt” (và đôi khi là cả theo lôgic “không thể như thế được”), trên cơ sở phủ định một cách thiếu bán lĩnh tích cực và sự kiến giải. Những “tư tưởng bất đồng” như thế thường có sức lôi cuốn bởi khuynh hướng phê phán của mình, những điểm yếu của phương diện tích cực này lại hạn chế chương trình của nó bởi những khuôn khổ bị phá vỡ. Một nhà tư tưởng có trách nhiệm trước xã hội cần phải dự định một chương trình hành động có hiệu quả.

Tất nhiên “dự án tương lai” không phải khi nào cũng đúng đắn và hoàn toàn khả thi. Bởi vậy trong hoạt động tư tưởng các nhà chính trị, những cố vấn và các chuyên gia của họ cần phải nắm chắc, “nhịp điệu cuộc sống” và thường xuyên đưa ra những hiệu chỉnh đối với những đánh giá và những phương sách đã đề ra. Trong tiến trình thường xuyên hiệu chỉnh những quan điểm tư tưởng và những giải pháp chính trị cho phù hợp với tình hình thực tế còn cần phải bộc lộ tài năng chính trị của nhà báo khi đưa ra những đánh giá chính trị, dự báo và các kiến nghị trước công luận xã hội và các thiết chế xã hội.

Tất nhiên, tùy thuộc vào những ai mà quyền lợi của họ được các nhà tư tưởng, trong đó có nhà báo, đại diện và vào việc anh ta hiểu và đối chiếu chúng với những nhu cầu của sự phát triển xã hội như thế nào, với những nhu cầu chung của nhân loại, mà những hiện tượng và các quy luật của đời sống xã hội của “tương lai mong đợi” cũng như con đường tới đó được nhìn nhận dưới luồng ánh sáng nào, trong cách đánh giá cụ thể như thế này hay như thế khác về thực tại và những biện pháp cải tiến nó. Do sự khác nhau trong cách nhìn nhận hiện tại và tương lai, xuất hiện những quan điểm chính trị khác nhau, được thể hiện bằng các khái niệm trong cương lĩnh của các thế lực chính trị khác nhau (của nhà

nước, các đảng chính trị, các công đoàn, hiệp hội các nhà doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội) và trong sản phẩm của các phương tiện thông tin đại chúng.

Những quan điểm chính trị, các lập trường tư tưởng được đưa ra nhằm mục đích bày tỏ và bảo vệ quyền lợi của các tập đoàn xã hội khác nhau hoặc của toàn dân tộc, sẽ có hiệu lực khi mà những người tán đồng, họ hợp nhất lại thành đảng phái, các liên đoàn, các hiệp hội... có nghĩa là khi đời sống chính trị diễn ra *dưới các hình thức thiết chế*, đó là hoạt động của *các tổ chức chính trị*. Dưới các chế độ chính trị khác nhau (thông thường chia ra làm ba loại thể hiện rõ nhất: dân chủ, chuyên quyền và cực quyền), thì khả năng tạo dựng các hình thức tổ chức hoạt động của các tổ chức chính trị cũng khác nhau.

Trong xã hội dân chủ những khả năng tổ chức của các thế lực chính trị là rất rộng lớn. Trong một số nước (giống như ở nước Nga hiện nay) tồn tại hàng chục phe nhóm chính trị, nhưng thường có từ ba đến năm phe nhóm cơ bản đại diện cho các thế lực xã hội cầm đầu. Và sự khác nhau của các cách nhìn nhận phù hợp với sự bố trí của chúng. Do đó theo từng vấn đề cụ thể sẽ đưa ra một số tư tưởng mà lập trường chính trị của chúng thường được định hình trong dải tần “cánh hữu” - “cánh tả” (những quy ước này xuất hiện trong thực tiễn nghị trường, khi mà đại

diện của các xu hướng chính trị khác nhau được phân ngòì riêng trong phòng họp tương ứng với bên phải, bên trái và chính giữa so với chủ tọa). Theo truyền thống “những người cánh hữu” đó là những thế lực bảo thủ (hiện nay - là những người bảo vệ quyền lợi tư bản, đặc biệt là đại tư sản), còn “cánh tả” - là đại diện quyền lợi của những người nghèo khó, của những người làm thuê sống chủ yếu dựa vào tiền công lao động (hiện nay - là những người bảo vệ quyền lợi của công nhân, nông dân, cũng như của những người lao động không có gì ngoài sức lao động của mình). Những người “phái giữa” - là những người thể hiện quan điểm và nhu cầu của một bộ phận dân chúng cơ bản của các nước phát triển (cả về kinh tế, văn hóa, xã hội) mà thường được gọi là tầng lớp bậc trung hay “giai cấp trung gian”. Thuật ngữ “tầng lớp trung lưu” được ưa chuộng hơn cả bởi vì nó chuyển tải chính xác tính chất của bộ phận dân cư, mà nó được cấu thành từ những người có thu nhập khá cao (từ lao động, kinh doanh, từ trái phiếu...) thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau - trí thức, văn nghệ sĩ, các công nhân lành nghề, các chủ trang trại, các nhân viên nhà nước, các nhà quản lý những lĩnh vực thương mại khác nhau, các nhà doanh nghiệp vừa và nhỏ... vị trí “trung gian” của họ, về nguyên tắc, xác định mong muốn đại diện quyền lợi của các thế lực có quan điểm trung lập,

mà cơ sở của nó là tìm kiếm các giải pháp hòa giải dựa vào các thông số dân chủ.

Hoàn cảnh cụ thể sản sinh ra vô số các phe nhóm bao gồm “phái cực hữu”, “phái tả cực đoan”, hay “trung lập cánh tả”, “trung lập cánh hữu”... Và tất cả sự phân hóa quan điểm đều có những giới hạn tự nhiên của mình, ngay cả về vấn đề này hay vấn đề khác (chẳng hạn, về thái độ đối với những người lưu vong từ những thuộc địa trước đây ở Pháp, hay với “những người tị nạn” ở Đức, về các hình thức chiếm hữu đất đai hay về thái độ đối với các hình thức sở hữu khác nhau ở các nước SNG, không thể có số quan điểm nhiều vô hạn định. Bởi vậy kết quả sau khi suy xét, phân tích và thảo luận của các thế lực khác nhau theo từng vấn đề chỉ có thể đưa ra hai, hãn hữu là ba, bốn quan điểm. Và xung quanh các quan điểm này tập hợp những người đồng chính kiến lại với nhau, thường là lập ra các khối liên minh gồm các đảng phái và các phe nhóm khác nhau tập hợp theo vấn đề cụ thể để bênh vực và đưa ra những quan điểm mà họ cùng chia sẻ trong cuộc sống.

Các tổ chức chính trị (trong đó có các tổ chức báo chí) được hình thành trên cơ sở những quyền lợi và nhu cầu của các tập đoàn xã hội với mục đích đưa đường lối chính trị của mình vào cuộc sống và thường xuyên tham gia vào hoạt động chính trị diễn ra trong các lĩnh vực khác

nhau của đời sống. Đó còn là hoạt động của các đảng chính trị, là sự tham gia vào các chiến dịch vận động bầu cử, cả công việc trong nghị viện, trong các cơ quan hành pháp... trong hoạt động chính trị có sự tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng. Cơ sở của nó là tiếp nhận, xử lý, phổ biến thông tin nhiều mặt (thông tin, mô tả, ấn định, đánh giá, đưa ra tiêu chí) dựa vào việc phân tích về mặt chính trị các tình huống cụ thể của đời sống xã hội. Trên cơ sở những kết quả không trùng khớp nhận được trong quá trình nghiên cứu các hiện tượng thực tiễn, hình thành những cách nhìn nhận trái ngược nhau đối với hiện thực, những đánh giá, và những khuynh hướng khác nhau và các phương thức hoạt động để đạt được những mục đích chính trị do các thế lực khác nhau đề ra. Và điều đó nhất định dẫn tới việc tranh luận những vấn đề mới trong nội bộ các thế lực chính trị và giữa họ với nhau một cách bí mật cũng như công khai đối với công luận.

Thông thường sự tham gia của công luận được bắt đầu trên các phương tiện thông tin đại chúng, được đưa ra thảo luận tại các cuộc họp của đảng, tại các cuộc mít tinh trong tiến trình của các chiến dịch vận động trước khi bầu cử, đồng thời được tiếp tục trong các cuộc thảo luận và các nghị quyết của nghị viện và chính phủ. Và các *nghị quyết chính trị* được hình thành như

thế. Những nghị quyết này có thể là kết quả thắng lợi của một trong số những quan điểm (có thể, có sự sửa đổi và bổ sung ít nhiều, trên cơ sở có tính toán đến những ý kiến khác) hoặc là hậu quả của sự thỏa hiệp giữa các thế lực khác nhau. Vả lại, trong một xã hội dân chủ đích thực, các giải pháp chính trị nhằm mục đích đạt được sự nhất trí xã hội cao độ và sự công bằng lớn lao có thể bao gồm cả ý kiến thiểu số. Giai đoạn kết thúc là *hiện thực hóa các quyết nghị* đã được thông qua, đưa chúng vào cuộc sống, nên cũng đòi hỏi nghệ thuật và khí phách chính trị. Báo chí khi đó đóng vai trò là kiểm soát viên của xã hội, theo dõi tiến trình thực hiện các nghị quyết, người kiểm chứng các thành công, những thất bại và những vấn đề phát sinh đòi hỏi những giải pháp mới.

Do các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động trong mọi phương diện của đời sống chính trị, đòi hỏi các nhân viên của các phương tiện thông tin đại chúng phải có trình độ chính trị cao (văn hóa chính trị cao).

Văn hóa chính trị của nhà báo và mức độ hiểu biết của anh ta trong lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội, và hệ thống các quan niệm mà anh ta có được về vị trí của báo chí trong đời sống chính trị, cả trình độ nắm bắt “quy tắc ứng xử” của anh ta trong đường lối chính trị, toàn bộ các chuẩn mực của hoạt động chính trị.

Nền tảng của văn hóa chính trị là hệ thống các quan niệm (mong rằng được lập luận một cách khoa học) về bản chất xã hội của các quy luật hiện hành trong đó, mở ra những nguyên nhân và các yếu tố hình thành và phát triển các cơ cấu xã hội riêng biệt và của cả xã hội nói chung. Trung tâm của những quan niệm chính trị là nhận thức bản chất của nhà nước và của các mối quan hệ quyền lực trong xã hội. Những quan niệm cơ bản đó có thể mang tính chất rất khác nhau - tính chất duy vật hoặc duy tâm, bảo thủ cánh hữu hoặc cấp tiến cánh tả, cực quyền hoặc dân chủ. Điều quan trọng là làm sao để chúng được xác định một cách cực kỳ nghiêm túc, còn các nhà báo phải nhận thức rõ mình đứng trên danh nghĩa của thể chế nhà nước nào và thể chế nhà nước ấy có thể thực sự phục vụ cho quyền lợi của toàn nhân loại hoặc có phù hợp với những giá trị nhân văn, được tích lũy hàng ngàn năm trong văn hóa chính trị hay không.

Trước hết, cần quyền lực để thực hiện những quyền lợi và nhu cầu kinh tế của các tập đoàn riêng biệt hoặc của toàn xã hội, thực hiện những lý tưởng xã hội, những quan niệm về công bằng, tự do và nhân quyền... Bởi vậy văn hóa chính trị đòi hỏi trình độ am hiểu nhất định (kiến thức, quan niệm, cảm nhận) những nhu cầu phát triển kinh tế, hiểu biết những phương cách thực hiện chúng và chính bằng cách đó phát triển xã hội,

như nó được nhìn nhận trong hệ thống các tọa độ chính trị được nhà báo thừa nhận. Trong trường hợp ngược lại - dứt khoát chỉ còn hy vọng hoặc vào sự tự phát triển của nền kinh tế tự điều tiết, hoặc vào ý chí chính trị của thế lực điều hành. Biết đoán đúng được việc sử dụng quyền lực ra sao để phát triển kinh tế (còn tiếp theo là để phát triển xã hội và tinh thần) - đó là dấu hiệu của sự nắm bắt được cơ sở văn hóa chính trị.

Trên cái nền văn hóa chính trị đó xây tiếp những tầng khác là quan niệm về *hệ thống các giá trị chính trị* trong phạm vi của các hình thức tổ chức nhà nước, độc lập dân tộc, an ninh, đảm bảo quyền tự do của công dân, trật tự luật pháp... các hình thức cụ thể của cuộc sống lý tưởng và cuộc sống hiện thực của các giá trị đó được chuyển thành quan niệm tương đối trọn vẹn về “chế độ chính trị” hiện tồn và chế độ cần phải hướng tới.

Còn có một bộ phận cấu thành của văn hóa chính trị là những quan niệm về *các thế lực chính trị khác nhau*, về các chủ thể chính trị là các tập đoàn, các tổ chức và các cá nhân riêng biệt. Chủ thể chính trị cơ bản là các tập đoàn người lớn và các giai cấp, tầng lớp, đảng cấp, dân tộc, các tập đoàn tôn giáo, các cộng đồng khác, cũng như cả các tổ chức ngoài lề xã hội (trong số đó có cả tầng lớp lưu manh). Những

người đại diện đúng thể thức tổ chức và thực hiện ý chí của chúng là các thiết chế chính trị, các tổ chức chính trị (các đảng, các phong trào, các liên đoàn...) các tổ chức giáo hội và các tổ chức khác, tất nhiên còn có cả các phương tiện thông tin đại chúng như là các cơ quan của các thiết chế đó hoặc là các nhà xuất bản và các chương trình độc lập. Những chủ thể trực tiếp của chính trị còn là những nhân vật cụ thể, *những thủ lĩnh chính trị*, các nhà hoạt động nhà nước và xã hội từ tầng lớp thượng lưu chính trị hoặc từ các giới cầm quyền, các nhà hoạt động chính trị bậc trung, đại diện quần chúng tích cực trong hoạt động chính trị của giai cấp, tầng lớp, tập đoàn này hay khác...

Như vậy, những yêu cầu cơ bản đối với văn hóa chính trị của nhà báo là sự hiểu biết cơ cấu xã hội mà những đặc điểm tính chất và quy luật tác động qua lại nội tại trong đó được xác định bởi phạm trù triết học - xã hội được nhà báo thừa nhận; là việc đề ra những quan niệm trước hết về những quyền lợi và nhu cầu của các tập đoàn cấu thành xã hội và của xã hội nói chung; là việc xác định cơ cấu và thứ bậc các giá trị chính trị, sự hiểu biết tính chất và sự bố trí các thể lực chủ chốt đang hoạt động trên chính trường, hình thành *các quan niệm tương ứng về các tiêu chí hoạt động chính trị*, "*quy cách ứng xử*" trong đời sống xã hội.

Trên cơ sở của văn hóa chính trị đó còn diễn ra hoạt động của nhà báo về việc thu thập, xử lý, sắp xếp và chuyển tải thông tin, mà đối với mỗi bước đi vốn mang đặc tính của cách tiếp cận chính trị có ý thức và minh bạch hoặc ngược lại là không rõ ràng, thiếu nhất quán thể hiện trong việc phân tích thường xuyên về mặt chính trị đối với các hiện tượng của thực tiễn.

Phân tích chính trị - là một bài viết trong đó trình bày nhiều sự kiện, nêu lên nét đặc trưng của hiện tượng, chỉ ra nguyên nhân và con đường phát triển của nó, nêu ra những đánh giá và xác định những phương sách cần thiết để cho tiến trình vận động của sự kiện đi theo xu hướng đáp ứng những quyền lợi của các thế lực xã hội mà nhà báo đại diện. Những tác phẩm như thế là cực kỳ quan trọng, chúng là những bài “đỉnh” trong các số báo và các chương trình của các phương tiện thông tin đại chúng. Hơn nữa, quan điểm chính trị còn có mặt trong việc xác nhận sự kiện một cách đơn thuần. Ở đây nó được thể hiện trong việc lựa chọn sự kiện (để có thể tạo ra quan điểm chính trị cho công chúng một cách thiết thực và có ý nghĩa), trong việc lựa chọn các chi tiết và bố cục trình bày chúng trước bạn đọc, trong việc tìm kiếm từ ngữ cần thiết để có thể chuyển tải cách nhìn chính trị của nhà báo đối với sự kiện, nếu như không đưa ra những nhận xét và đánh giá công khai.

Bước thứ nhất của việc phân tích chính trị đòi hỏi phải “nắm được” sự kiện hay hiện tượng, biến cố hay lời tuyên bố trong khuôn khổ của cơ chế xã hội nhất định (tất nhiên các nhà báo khác nhau nhận thức khác nhau). Điều đó đòi hỏi mỗi nhà báo, đặc biệt là trong những thời kỳ quá độ của sự phát triển xã hội, khi mà trong các mối quan hệ xã hội còn có nhiều điều chưa rõ ràng, phải cố gắng xác định: “Chúng ta đang sống trong xã hội nào?”. Để trả lời câu hỏi này - cần phải kiến giải những giá trị như “tự do”, “công bằng”, “bình đẳng” và các giá trị khác áp dụng cho các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, mà hình thành những quan niệm về các tiêu chuẩn đánh giá các hiện tượng cụ thể mà nhà báo gặp phải trong đời sống thường nhật. Phù hợp với quan niệm về công bằng của nhà báo sẽ hình thành những đánh giá thực trạng sự việc, những yêu sách do các phe nhóm xã hội khác nhau đề ra, những quan điểm lý luận, các chương trình hoạt động của chính phủ, của các đảng...

Tất nhiên, tùy thuộc vào hệ thống các giá trị đã được tán đồng và trở thành cơ sở cho cách tiếp cận đối với các hiện tượng của cuộc sống (và nó còn gắn với những quan niệm về các quy luật của đời sống xã hội và về những con đường của tiến bộ xã hội), mà nhà báo đứng về phe của tập đoàn xã hội này hay tập đoàn xã hội khác và đưa ra những đánh giá chính trị của mình dựa

trên những nhu cầu và quyền lợi của tập đoàn đó. Và cũng từ đó việc xác định ý nghĩa và những hậu quả của bất kể sự kiện, tiến trình, tư tưởng, hành vi, và giải pháp nào... đối với địa vị kinh tế và chính trị và đối với các quyền lợi của các thế lực được đại diện.

Bước thứ hai của phân tích chính trị là xác định hệ thống các yếu sách được đưa ra đối với các thiết chế chính trị và các thế lực xã hội khác nhau. Trên cơ sở những yếu sách đó đòi hỏi nỗ lực làm thay đổi đường lối chính trị hiện hành, những giải pháp cho tình hình đang được xem xét, thực trạng công việc trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác của cuộc sống (ví dụ như thay đổi tình hình kinh tế của xí nghiệp, tình cảm vật chất và xã hội của những nhân viên đó, mối quan hệ giữa các chủ xưởng, hành chính và công đoàn...).

Để cho những yếu sách không bị “vô hiệu hóa”, không trở thành những dự thảo vô bổ, cần phải nhận rõ sự bố trí lực lượng của các phe nhóm chính trị, sức mạnh thực sự, tính tổ chức và tính sẵn sàng hành động của các tập đoàn và quyền lợi của chúng được các nhà báo và ấn phẩm hay chương trình nào đại diện. Nhưng thậm chí ngay cả trong trường hợp, nếu như việc phân tích chỉ ra rằng, đứng sau phương sách nêu ra là cả một sự hưởng ứng mạnh mẽ của xã hội và tồn tại khả năng thực thi của nó, thì cũng

nên “cân nhắc” xem điều đó sẽ được biểu lộ như thế nào trong tình hình kinh tế - xã hội và chính trị nói chung, liệu thành tích cục bộ trong một lĩnh vực có dẫn tới những hậu quả tiêu cực trong các lĩnh vực khác hay không, nên thành tích đạt được cũng chẳng mang lại điều gì cả. Chính trong cuộc sống tất cả mọi hiện tượng đều có liên quan và phụ thuộc lẫn nhau, còn trong xã hội hiện đại đang đi trên con đường của nền văn minh mới, việc biết cách hành động nhất trí, tính đến quyền lợi và nhu cầu của tất cả các thế lực xã hội có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng chưa từng được biết đến vào những thời kỳ thù địch gay gắt của các tập đoàn giai cấp, dân tộc, khu vực và tôn giáo. Sự việc sẽ khác đi khi mà thành tựu của những nhiệm vụ đề ra nằm trong tiến trình xung đột với các phe nhóm phản động muốn kéo lùi sự phát triển xã hội, và với các phe nhóm cánh tả - cánh hữu cấp tiến, những kẻ kế tục những tư tưởng của bè lũ độc tài, phát xít về trật tự trong đời sống xã hội.

Bước thứ ba của phân tích chính trị là việc đưa ra những quan niệm về hệ thống các hành vi chính trị để đạt được mục đích đã đề ra. Tùy thuộc vào “thực trạng công việc” và “thực trạng trí tuệ” đó có thể là bài phát biểu một lần trên các phương tiện thông tin đại chúng, và có thể là cả một chiến dịch lâu dài bao gồm nhiều các bài phát biểu mang tính chất khác nhau, các cuộc

bàn cãi, tranh luận, đối thoại giữa các tập đoàn xã hội đứng trên các lập trường chính trị khác nhau. Phương hướng chung của các hành động đó là sự chuẩn bị cho việc hình thành những cách tiếp cận chính trị thống nhất và những đòi hỏi của các thế lực tiên tiến của xã hội, tập hợp lại chung quanh tư tưởng đã được thảo ra và được đa số người ủng hộ, hướng chúng vào những hành động chính trị cụ thể, tham gia vào các cuộc bầu cử ủng hộ đảng này hay đảng khác, hoặc phe khối, tham gia vào các cuộc biểu tình, tuần hành, bãi công. Như thế báo chí thúc đẩy việc chuẩn bị tư tưởng cho các hành vi chính trị đại chúng kiểu “nghị trường” và “ngoài nghị trường”.

Tất nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, hoàn toàn không phải tất cả những gì trở thành đối tượng chú ý của nhà báo đều nhất thiết phải chịu sự phân tích chính trị gắt gao. Bởi vì bản chất của các hiện tượng cuộc sống là khác nhau và một trong số chúng liên quan đến lĩnh vực của “những vấn đề chính trị lớn lao”, một số lại liên quan đến vấn đề chính trị “nhỏ” (chính trị “sinh hoạt”, “thường nhật”), số khác nói chung không liên quan tới chính trị, do vậy cách tiếp cận với chúng, tính chất và phương pháp phân tích chính trị cần phải khác nhau. Phân tích đời sống nghị viện, hoạt động của các chính quyền, các chính đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, ở vấn đề khác thì kiến giải quan niệm của độc giả

về các hiện tượng trong giới văn học nghệ thuật, đời sống văn hóa, hoặc làm sáng tỏ các vấn đề về thể thao, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, ngôn ngữ... Có trường hợp sự phân tích chính trị được thể hiện từng phần, cũng có trường hợp sự phân tích chính trị lại thể hiện bằng cách gián tiếp. Tuy nhiên do phần lớn các ấn phẩm và các chương trình đều hướng trước hết vào những vấn đề chính trị, còn trong việc trình bày những vấn đề khác thì bằng cách này hay cách khác cũng xuất phát từ quan điểm chính trị, do vậy, đối với một nhà báo thực thụ, việc nắm bắt văn hóa chính trị, hiểu biết về việc phân tích chính trị cần phải trở thành phẩm chất tự nhiên, coi sự phát triển thường xuyên tư duy chính trị của mình là nhiệm vụ sáng tạo chuyên môn hàng đầu.

Và vấn đề cực kỳ quan trọng là làm sao để tất cả những nhận định và các giải pháp đề ra phải là kết quả của hoạt động tự do sáng tạo của nhà báo.

CHƯƠNG IV

TỰ DO BÁO CHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

Khi xác định tính chất hoạt động chuyên môn dựa vào lập trường xã hội của mình, khi lựa chọn hay phát hành ấn phẩm (chương trình) thuộc định hướng tư tưởng - sáng tạo nhất định, nhà báo bằng cách này hay cách khác không thể tránh khỏi phải giải quyết vấn đề tự do hoạt động của mình. Vấn đề tự do tiếp nhận và thực hiện quyết định này hay quyết định khác trong hoạt động báo chí cũng như trong bất kể lĩnh vực hoạt động nào, đều cực kỳ phức tạp. Rất phức tạp ngay cả trong trường hợp, nếu như nhà báo cảm nhận rằng, tự do là khả năng làm những gì anh muốn, và làm theo cách anh ta muốn làm. Chính những ý đồ thực hiện tự do hành động như cách hiểu này ngay lập tức sẽ vấp phải vô số những trở ngại. Và có thể nói là khó có thể vượt qua được. Ở đó có cả

những “khuôn khổ” luật pháp và đạo đức (khi tiếp cận đúng chúng có thể là sự thống nhất trong phạm vi xã hội của quyền hạn và nghĩa vụ của các tập thể, các tập đoàn, các thiết chế xã hội khác nhau), cả những trở ngại từ phía khả năng thể lực (không thể, chẳng hạn, cùng một lúc có mặt trong hai cuộc họp) và cả sự cần thiết phải tuân thủ theo các quy tắc tổ chức sáng tạo ở tòa soạn. Không kém phần quan trọng là những khó khăn tạo dựng tác phẩm mà nội dung cần thiết của nó vượt quá khả năng hiểu biết của nhà báo, còn mức độ mong muốn là trình độ khả năng của anh ta.

Và cũng không kém phần quan trọng là sự không thống nhất khi thông báo các sự kiện, khi luận giải, đánh giá kết luận và khuyến nghị chúng. Ngay cả khi cho rằng, trong đó thể hiện tự do sáng tạo. Nhưng ở đây cũng có những giới hạn (trong tự do thông báo, đánh giá, kiến nghị) bởi vì xuất hiện vấn đề liệu có thể (liệu nhà báo có được tự do) thông báo những sự kiện thiếu chính xác và có thiên hướng đã bị sàng lọc, có thể giải thích chúng một cách tùy tiện (theo ý muốn), có thể kêu gọi hành động khi lường trước được hậu quả và còn có thể dẫn đến hậu quả chết người... được hay không? Có nghĩa là liệu nhà báo có thể tự do “đen” thành “trắng” và ngược lại được không?

Trong vấn đề tự do có nhiều vấn đề rất nan

giải (trong đó cả về mặt tâm lý) nên buộc phải có thái độ nghiêm túc. Hơn nữa cũng cần phải nhắc lại rằng, tự do báo chí, và các cuộc tranh luận về bản chất khái niệm “tự do báo chí” cũng như cuộc đấu tranh của các nhà báo, vì sự tự do thực hiện những tư tưởng chính trị và những ý đồ sáng tạo của mình, vẫn thường xuyên diễn ra trong suốt hàng thế kỷ. Trong bất kỳ giai đoạn phát triển xã hội nào, thì thế lực xã hội này hay thế lực xã hội khác (mà báo chí đại diện cho nó) luôn đòi hỏi tối đa sự tự do cho mình và phản ứng gay gắt đối với sự chèn ép và lấn át nó. Mặt khác còn có sự giám sát gắt gao hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng và các nhà báo thuộc lập trường, quan điểm trái với ý đồ phát hiện ra những chứng cứ (xác đáng hoặc giả dối) của sự lạm dụng tự do báo chí và vi phạm những quy định của nó.

Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng, vấn đề tự do báo chí và hoạt động báo chí là một trong những vấn đề quan trọng nhất về phương diện lý luận, cũng như về phương diện thực tiễn. Khát vọng tự do là quyền không thể tước đoạt được của mỗi nhà báo, và vấn đề chỉ là ở chỗ hiểu và thực hiện nó như thế nào.

Việc giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải nhận thức rõ ràng rằng ở đây, phải hiểu sự tự do như thế nào. Tất nhiên, cần phải có *những đảm bảo về mặt pháp luật*, đảm bảo quyền tự do, và sự bảo

vệ nó khỏi sự xâm hại của các thế lực chính trị này hay thế lực chính trị khác. Nhưng thậm chí, nếu như các phương tiện thông tin đại chúng có quyền hạn luật pháp về tự do hoạt động thì điều đó vẫn còn chưa đủ, cần phải có cả *tự do kinh tế* - đó là sự hiện diện của các phương tiện kỹ thuật và những khả năng vật chất, tài chính để thực thi các quyền hạn luật pháp.

Tuy nhiên cả quyền hạn pháp lý và khả năng kinh tế cũng hoàn toàn chưa phải là sự đảm bảo cho hoạt động tự do đích thực của báo chí, xét từ góc độ sự phù hợp của nó đối với các nhu cầu của con người, sự thực hiện sáng tạo những chức năng của nó trên danh nghĩa hình thành ý thức đại chúng mà sự hình thành đó sẽ góp phần thúc đẩy sự hoàn thiện con người và nhân loại. Có thể không tán thành: Lẽ nào tự do lại bị giới hạn trong phạm vi nội dung tác phẩm báo chí? Lẽ nào khi có các quyền hạn pháp lý và những khả năng kinh tế cho hoạt động báo chí lại chưa đủ để coi mình tự do? Và tồn tại chính ở đây là *vấn đề sáng tạo - xã hội của tự do hoạt động*. Do đó khi nói về tự do cần phải phân biệt chính xác trong từng trường hợp cụ thể đang đề cập phương diện nào trong ba phương diện của nó: phương diện kinh tế, pháp lý, hay sáng tạo - xã hội. Nếu khác đi nhất định sẽ không tránh khỏi sự khó hiểu, sai lầm, thủ đoạn.

NHỮNG YẾU TỐ TRONG TỰ DO SÁNG TẠO - XÃ HỘI CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG (TỰ DO - TẤT YẾU - TRÁCH NHIỆM)

Khái niệm “tự do” trong tiếng Nga, cũng như trong nhiều ngôn ngữ khác có rất nhiều nghĩa. Chẳng hạn, trong cuộc sống thường ngày nó có thể được sử dụng theo nghĩa “phóng khoáng” “không có trở ngại, không có sự chèn ép”, “không lệ thuộc”, “không phải chịu trách nhiệm”, thậm chí người ta còn nói đến cả “giày dép, ăn mặc tự do”... Trong đời sống xã hội, đó là “không bị giam giữ”, “không bị lệ thuộc kiểu nô lệ”, “không có bất kể áp lực nào”. Trong khoa học “khả năng bày tỏ quan điểm cá nhân”, “nắm vững tri thức và các kỹ năng cho phép giải quyết được các nhiệm vụ”... Tổng hợp tất cả các ý nghĩa đó, có thể nói rằng bộ phận cấu thành chính của tự do là “không bị chèn ép” - là không có sự giới hạn bởi bên trong và bên ngoài, về thể lực và tâm lý, về “tri thức” và ngôn ngữ, và những cái khác, có nghĩa là không có bất kỳ cản trở nào đối với hoạt động sống của cá nhân, tập đoàn và xã hội nói chung.

Cơ sở nền tảng của hoạt động tự do trong bất kỳ lĩnh vực nào là *khả năng tự tiếp nhận giải pháp, không có sự ép buộc* trong việc lựa chọn định hướng và phương thức hành động. Không có điều đó thì không thể nói đến sự tự do. Con người, nằm trong sự lệ thuộc tối tở (nô lệ, tài

chính...) thì không thể tự do. Chính xác hơn, anh ta được tự do chỉ trong phạm vi nơi mà anh ta được phép tự ý hành động. Những ranh giới được xác định trong tự do ứng xử xuất hiện ở con người sau khi lập gia đình, nhưng những khuôn khổ đó được tiếp nhận một cách tự nguyện. “Cuộc sống” của người làm nghề lái xe ô tô trên các đường phố cũng bị giới hạn nghiêm ngặt bằng các luật lệ giao thông đường bộ. Tuy nhiên sự “tự do” vi phạm thường có thể sẽ dẫn đến những thảm họa. Đối với lĩnh vực quan hệ của con người đối với tự nhiên cũng thế, ở đó “tự do” hành động sẽ dẫn đến những thảm họa môi trường. Trong báo chí sự mô tả “tự do” như nhạo báng, chế giễu bất công đối với con người, cũng có thể dẫn đến những hậu quả bi thảm. Và các nhà báo không ít lần phải từ bỏ công khai những nhận định sai lầm được bày tỏ một cách tự do, một cách tự nguyện, theo yêu cầu của đồng nghiệp, theo quyết định của tòa án. Có thể đưa ra vô số các ví dụ, nhưng không có trường hợp nào mà khi thực hiện quan niệm tự do như là khả năng giải quyết một cách tùy tiện, lại không dẫn đến những hậu quả tiêu cực, “phi tự do”.

Việc giải nghĩa tự do một cách chủ quan, theo quan niệm “làm cái mình muốn”, hoặc đeo đuổi những mục đích vị kỷ, không tính đến quyền lợi của những người khác, đến các quy luật và tình cảm cuộc sống... sẽ lâm vào ngõ cụt lý luận và

tiếp tục hành động không được minh bạch. Trong thực tế, theo cách hiểu tự do như là nhà nước “tự do” sử dụng sức mạnh quân sự để áp đặt “trật tự” ở một nước có chủ quyền khác, người “tự do” tiến hành tội ác hình sự, người “tự do” phân biệt chủng tộc vi phạm nhân quyền của người khác chủng tộc, nhà báo “tự do” vu cáo những đối thủ chính trị của mình - tất cả họ đều hành động như họ muốn. Không có sự giải thích nào, chính những sự biện bạch lệch lạc về “tự do” này đặc biệt là sự áp dụng “tiêu chuẩn kép” (khi “với danh nghĩa của những mục đích cao cả” một số được phép lựa chọn nhiều hơn những người khác) trong xã hội văn minh không thể và cũng không được phép đặt ra. Nhân loại là một thể thống nhất, và cơ sở hoạt động tự do cần phải là những cơ sở thống nhất.

Những cơ sở này đòi hỏi hành động khách quan trong khuôn khổ *tất yếu*, có nghĩa là “không phạm pháp”. Vấn đề là, con người trong thực tiễn của mình (cả hoạt động báo chí không phải là ngoại lệ) vấp phải những rào cản tự nhiên mà anh ta không được phép tùy tiện xóa bỏ. Trước hết đó là các quy luật của tự nhiên và xã hội - là những khuôn khổ thể lực, tâm lý chung và những giới hạn tồn tại khác của con người và của nhân loại trên trái đất.

Còn có cả những rào cản do ý chí của con người tạo ra, đó là những khuôn khổ pháp luật,

những quy định chính trị, những trật tự kinh tế... chế định hoạt động của con người, trong đó cả trong lĩnh vực báo chí. Cuối cùng, còn có cả những rào cản của bản thân cá nhân con người - là sự thiếu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, thiếu khả năng và những phẩm chất (trí tuệ, thể lực, tâm lý, sáng tạo, đạo đức, thẩm mỹ...).

Tất cả những giới hạn (tự nhiên, xã hội, cá nhân) của hoạt động tự do đều gắn với sự hiện diện và sự “can thiệp” thường xuyên của sự cần thiết khách quan và chủ quan. Bởi vậy sai lầm cụ thể khi giải quyết vấn đề: tự do là gì, những điều kiện và khuôn khổ hoạt động tự do là như thế nào, chính là việc hiểu tự do như một cái gì đó đối lập với *tất yếu*, có nghĩa là quan niệm một cách sai lầm rằng người tự do là người bị *tất yếu* giới hạn.

Tự do là cần thiết và cần được xem xét không như những phạm trù phủ định lẫn nhau, mà là tương quan (như là ngày - đêm, trên - dưới, bản chất - hiện tượng, hình thức - nội dung...) khi mà bản chất của một phạm trù này có thể hiểu được trong mối tương quan với bản chất của phạm trù kia. Không có trên hay có ngày, nếu như không có dưới hay có đêm, bản chất không thể được bộc lộ bằng cách nào khác ngoài việc thông qua hiện tượng, còn nội dung không trở thành hình thức. Thế nên tự do có thể được hiểu chỉ trong mối quan hệ và sự tương quan với *tất*

yếu (cũng như với trách nhiệm đối với quyết định thông qua và tính chất thực hiện nó).

Tính *tất yếu* phản ánh những mối liên hệ và quan hệ nội tại, ổn định, mang tính quy luật của các sự vật và hiện tượng, quyết định hành vi, được xác định bởi những nguyên nhân sâu xa, của chúng mà không thể xóa bỏ được. Liệu có thể gạt bỏ được quy luật lực hấp dẫn hoặc những nhu cầu của cơ thể con người đối với ôxy, nước và thức ăn? Trong hoạt động của con người cũng thế (trong đó có cả hoạt động báo chí) không thể xem thường tính *tất yếu* trong sự biểu hiện đa dạng nhất của nó, và trước hết là toàn bộ các quy luật của thế giới chung quanh và *các quy luật hoạt động và phát triển của xã hội*. Việc xem thường các quy luật này là sự vi phạm trực tiếp kết quả sẽ dẫn đến hàng loạt các biểu hiện tiêu cực và thảm họa: từ những thất bại đơn thuần nghĩa là không có khả năng đạt được kết quả như mong muốn (chẳng hạn như là bay như chim, có thể quay về quá khứ hay có mặt ở tương lai về mặt vật lý) đến những hậu quả chết người - như là việc đi ra ngoài không vũ trụ không có áo phi công.

Nếu hiểu rằng mối tương quan giữa tự do như là khả năng lựa chọn và *tất yếu* như là *giới hạn ban đầu của nó dẫn đến việc định nghĩa tự do như là tất yếu đã được nhận thức*. Điều đó có nghĩa là con người, khi chính phục được

những tất yếu của thế giới, trong hoạt động của những quy luật thực tiễn sẽ được tự do tuân thủ theo chúng, phục tùng những đòi hỏi của chúng. Nhưng quan niệm thiển cận về tự do như thế sẽ dẫn đến thuyết định mệnh. Khi hiểu tự do như thế thì những khả năng sáng tạo của nhà báo bị giới hạn chỉ bằng tự do xác nhận hiện trạng sự việc, thậm chí mô tả rất tài tình, nhưng cũng chỉ là mô tả đơn thuần hiện thực, còn việc giải thích được quy vào việc tập hợp hiện tượng dưới tính tất yếu. Những đánh giá, thậm chí cả việc đưa ra những phán đoán mang tính chất khuyến cáo và dự báo có thể xuất hiện trong khuôn khổ hạn hẹp của những đề nghị đơn thuần tuân thủ theo những yêu cầu của tính tất yếu. Sự “mô tả” sáng tạo, sự cao hứng trong trường hợp này sẽ là chống chỉ định đối với nhà báo.

Nhưng toàn bộ định nghĩa “tự do là tất yếu đã được nhận thức” cần phải được coi là “cơ sở đầu tiên”, bởi vì tồn tại mối quan hệ khăng khít giữa tất yếu và tự do, và *điều kiện quan trọng nhất của sự sáng tạo tự do thực thụ là “sự thâm nhập” vào tính tất yếu*. Sự nhận thức được tính tất yếu đó đạt được hoặc bằng con đường cảm tính thuần túy (trong bất kỳ hình thức sáng tạo nào, đóng vai trò lớn và không thay thế được), hoặc thông qua việc hiểu biết hệ thống các quy luật cấu thành tất yếu, hoặc (tốt hơn hết) là sự kết hợp của cảm tính và tri thức.

Tuy nhiên, nên nhớ rằng cảm tính xuất hiện không phải ở những nơi trống rỗng, mà cơ sở của nó là hệ thống các kiến thức, là các thông tin được tích lũy (thông tin - là mẹ của cảm tính). Bởi vậy, những ai muốn tự do, nhất định phải nắm bắt tối đa kiến thức và thâm nhập cực kỳ sâu sắc (tùy thuộc vào khả năng và ý chí) vào lĩnh vực những tất yếu của tự nhiên và xã hội. Từ đó có một mệnh đề rất nổi tiếng: “Mỗi bước tiến của nhận thức là một bước tiến trên con đường đến tự do” (như câu danh ngôn của Kinh thánh “Hãy nhận thức chân lý, và chân lý sẽ làm người trở thành kẻ tự do”). Và không có tri thức nào về các quy luật của thực tiễn đối với nhà báo lại trở nên thừa - chính báo chí đưa ra định hướng toàn diện trong thế giới hiện thực. Hơn nữa, mỗi nhà báo, đặc biệt nhà báo hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực cụ thể nào đó (chính sách quốc tế, hoặc kinh tế nông nghiệp, môi trường hoặc nghệ thuật) tất nhiên, trước tiên sẽ đào sâu vào những quy luật của lĩnh vực đó. Nhưng đó chỉ là yếu tố trước tiên chứ không phải là yếu tố độc nhất, bởi vì, nếu anh ta là một nhà báo, anh ta không thể không nhìn nhận lĩnh vực “của mình” trong những mối quan hệ rộng khắp và đa dạng với các lĩnh vực khác. Một nhà báo tốt ở mức độ này hay mức độ khác được định hướng sâu rộng trong hiện thực.

Tuy vậy, nếu đơn thuần chỉ có tính định

hướng toàn diện cũng chưa đủ để tự do hoạt động hoàn toàn, bởi vì quan niệm tự do là tất yếu đã được nhận thức cũng là chưa đầy đủ.

Hành vi tự do đích thực được xác định là việc sử dụng một cách *sáng tạo* kiến thức về tất yếu, *biết cách hành động trong khuôn khổ của tất yếu*, khi đó sẽ đạt được những kết quả mà tất yếu thực sự không định trước. Chính toàn bộ những phát minh của con người, ví dụ trong lĩnh vực kỹ thuật thông tin (từ chữ viết đến máy vi tính, từ điện tín đến liên lạc vệ tinh) là kết quả của việc sử dụng sáng tạo tri thức về các quy luật, là kết quả của hoạt động sáng tạo trong lòng tất yếu. Đó chính là lý do vì sao người ta thường định nghĩa tự do là việc con người đạt được những mục đích đề ra, trong khi thực hiện chúng có tính đến việc sử dụng sáng tạo khái niệm tất yếu (biến hóa một cách cực kỳ sáng tạo). Như vậy mối liên hệ của tự do và tất yếu được nhận định như sau: tự do mang trong mình tất yếu đã được “tháo gỡ”.

Đối với nhà báo không gian của hoạt động tự do đích thực (được hạn định bởi *tất yếu* không quá khắt khe, nhưng không phải là tùy tiện gạt bỏ tất yếu) được mở ra trong việc sử dụng sáng tạo tri thức về các quy luật thực tiễn để hiểu và đánh giá những hiện tượng của nó, để vạch ra những biện pháp hành động nhằm đạt được những lý tưởng “chân, thiện và công bằng”.

Chẳng hạn, trong lĩnh vực sáng tạo khoa học - kỹ thuật mức độ tối ưu của các giải pháp phụ thuộc vào khối lượng các tri thức hiện đang được sử dụng và nhờ vào khả năng khám phá sáng tạo của con người. Vì vậy trong những điều kiện như nhau các tập thể sáng tạo khác nhau sẽ đi đến những giải pháp gần giống nhau, có khi còn hoàn toàn đồng nhất (giả sử, khi sản xuất những chiếc máy bay mới nhất, các thiết bị điện tử, kỹ thuật phản lực...), nếu xét trên bình diện nguyên tắc. Tuy nhiên, trong lĩnh vực đời sống xã hội, đụng chạm đến những quyền lợi kinh tế và chính trị của tập đoàn này hay tập đoàn khác và thêm vào đó, sẽ xuất hiện một loạt những nét đặc thù.

Thứ nhất, chúng có tính phức tạp lớn và tính không xác định, còn tính quyết định của các quy luật thì lại không quá khắt khe mà chỉ thể hiện dưới dạng xu hướng, đang còn tìm kiếm cho mình con đường vượt qua (trong đó phải vượt qua ý chí của con người đeo đuổi mục đích của mình).

Thứ hai, bên cạnh tính phức tạp của chính những quy luật và hiệu lực của chúng, thì việc nhận thức của con người về những quy luật đó cũng mang tính chất đặc biệt. Những tập đoàn người khác nhau và các nhà tư tưởng của chúng phù hợp với những quyền lợi và những cách tiếp cận nhất định của mình đối với thế giới các hiện tượng của đời sống đã đưa ra rất nhiều quan điểm triết học - xã hội, kinh tế, chính trị, luật pháp,

đạo đức và những quan điểm khác, khác nhau tới mức đối lập hoàn toàn. Chẳng hạn như, quan điểm bình đẳng của con người đối lập với những quan điểm phân biệt chủng tộc và dân tộc chủ nghĩa, tư tưởng đặt quyền con người lên vị trí hàng đầu, đối lập với tư tưởng đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết... Hiện còn tồn tại những quan niệm duy tâm và duy vật về lịch sử nhân loại. Và những vấn đề cụ thể trong lĩnh vực nhận thức về những điều kiện cơ bản của sự tồn tại con người (tự do, bình đẳng, công bằng, bác ái, lương tâm, danh dự...) được luận giải trong những học thuyết khác nhau theo cách khác nhau.

Từ đó, *trách nhiệm lớn của nhà báo* đối với khối lượng cũng như chân lý trong hành trang tư tưởng của mình, với mức độ và tính chất hiểu biết các quy luật đời sống xã hội, tất nhiên cũng như với phương thức, sự toàn diện, tính hiệu quả của việc sử dụng chúng trong thực tiễn. Trong xã hội độc tài, trách nhiệm này, giống như là đòi hỏi bắt buộc phải tuân thủ theo hệ tư tưởng nhất định và những tiêu chuẩn áp dụng chúng, mang tính chất chủ yếu là cưỡng chế từ bên ngoài (thậm chí nếu như nó được áp dụng một cách tự nguyện do áp lực của những chính kiến khác và sự ràng buộc tư tưởng) và dành rất ít không gian cho sáng tạo tự do, cho dù nó không “khép lại” hoàn toàn. Trong xã hội dân chủ, sự cho phép có những

quan điểm khác nhau đã tạo ra nhiều khả năng sử dụng tri thức, và do đó trách nhiệm của nhà báo, giống như mọi nhà hoạt động xã hội, cũng tăng lên và trở thành nhu cầu nội tại chủ yếu của anh ta. Điều đó có nghĩa là cần phải có sự lựa chọn tự nguyện cho phép tự xác định lập trường tư tưởng sáng tạo của mình, chịu trách nhiệm trước bản thân mình, trước công chúng và trước tương lai (và chính thế có thể cảm nhận rằng những cách nhìn nhận, đánh giá và dự báo được đưa ra không chuẩn xác, thì thế hệ sau sẽ phán xét hoặc cười nhạo nhà báo, mỉa mai và công phần về di sản sáng tạo của anh ta).

Do đó vấn đề tự do sáng tạo liên quan tới lập trường quan điểm xã hội của nhà báo: *mức độ tự do phụ thuộc vào tình đúng đắn của quan điểm xã hội*, bởi lẽ bề ngoài tự do được cảm nhận như là khả năng tiếp nhận bất kỳ các giải pháp nào, đưa ra những đánh giá đầu tiên, và đề ra những giải pháp về mặt chủ quan có vẻ khả thi. Còn, trong xã hội dân chủ được phép đưa ra những quan niệm khác nhau nhằm xây dựng những mô hình khác nhau của “tương lai mong đợi” và những con đường tiến tới đó. Tuy nhiên tất yếu lịch sử, được xác định bởi sức mạnh của các quy luật phát triển, “đang dẫn” nhân loại đi theo một hướng, mặc dù những đặc điểm văn minh chung được bộc lộ tùy theo ở mỗi dân tộc khác nhau và ở các nước khác nhau. Còn vấn đề tìm

tòi trong báo chí, thường không có một thể lực nào có “độc quyền” đối với chân lý, những giải pháp tốt nhất được hình thành trong tiến trình đối thoại là kết quả đối chiếu các quan điểm và tìm ra những cách tiếp cận đúng đắn nhất bằng những nỗ lực chung của các thể lực khác nhau trong giới báo chí.

Nhận thức về trách nhiệm trước xã hội đòi hỏi nhà báo phải thường xuyên tìm kiếm giải pháp tối ưu (từ việc xác nhận sự kiện đến việc đề ra những yêu sách xã hội). Việc tìm tòi những lời giải đáp đúng đắn đối với những vấn đề cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn nhưng cuối cùng có thể đưa các nhà báo thuộc các quan điểm khác nhau tới những giải pháp gần nhau hoặc giống nhau. *Mức độ đúng đắn của chúng sẽ là mức độ của tự do sáng tác*, tất nhiên, đó cũng là trách nhiệm của việc tìm kiếm và thực thi các quan điểm. Như vậy sự tự do tìm tòi trong khuôn khổ của tất yếu và được nhận thức như thế nào và không trực tiếp, nhưng sẽ dẫn tới những giải pháp gần đồng nhất. Tất nhiên đó không có nghĩa là tất cả các tác phẩm là giống nhau: hình thức của các giải pháp sáng tác có thể là vô cùng khác nhau khi có sự gần giống nhau căn bản về tư tưởng nội dung.

Để báo chí có thể tự do tìm tòi các giải pháp đòi hỏi phải có không gian dành cho hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng thuộc các

định hướng khác nhau đối với tất yếu lịch sử (ít nhất là tồn tại bốn quan điểm có thể có, khi đề ra cách nhìn nhận đối với những hiện tượng của thời đại: “quay trở lại với văn minh hoang dã”, “xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình mới”, “Hội tụ - Chủ nghĩa xã hội tư bản hay chủ nghĩa tư bản xã hội chủ nghĩa”, “hình thành xã hội thông tin hậu công nghiệp”). Chỉ trong quá trình so sánh, phân tích giữa những cách nhìn nhận và tư tưởng được đưa ra bàn cãi và thảo luận, còn sau đó là những kiểm nghiệm bằng thực tiễn, sẽ xác định được mức độ đúng đắn của một số giải pháp này và sai lầm của một số giải pháp khác. Và không ai được giành lấy độc quyền đại diện cho chân lý - “tự do văn hóa” cần phải kết hợp với “văn hóa tự do”. Hơn nữa đối với nhà báo còn đòi hỏi “văn hóa tự do” đặc biệt cao.

Còn hiện thời không gian dành cho tự do sáng tạo được xuất hiện khi mà những mục đích của nhà báo trùng hợp với những “mục đích” của lịch sử, khi mà hoạt động của anh ta được phân kích bằng những ý tưởng tiến bộ xã hội, và tuân thủ theo nó. Bởi vậy báo chí được coi là tiến bộ, là hoạt động vì lợi ích của tất yếu lịch sử đồng thời cũng bị coi là phản động, là tìm cách cản trở tiến bộ lịch sử. Vậy nên những thành phần cấu thành của khái niệm “văn hóa tự do” đối với nhà báo là: 1) Tính chất tiến bộ của quan điểm, 2) Hiểu biết toàn diện, uyên bác,

3) Tính nhân văn, có nguyện vọng hướng tới “cái thiện, chân lý và sự công bằng”, 4) Nắm bắt được phương pháp luận phân tích xã hội, 5) Khả năng đối xử rộng lượng đối với những người khác chính kiến, biết cách đánh giá bình tĩnh và có tính chất xây dựng đối với những quan niệm và những đề nghị của họ, 6) Tiến hành đối thoại thiện ý và không có ý xúc phạm để tìm tòi và khám phá ra những giải pháp chung gần với chân lý. Không có sự kết hợp toàn diện và thực hiện một cách sáng tạo những đòi hỏi này không thể có “văn hóa tự do” trong hoạt động báo chí.

Chính vì vậy mà tự do là khả năng lựa chọn trong khuôn khổ của *tất yếu*, là khả năng sử dụng sáng tạo những quy luật của đời sống xã hội vì quyền lợi của nhân dân, vì mục đích hiện thực hóa những giá trị nhân loại và không bao giờ có tự do bên ngoài những khuôn khổ đó. *Hoạt động của nhà báo không được tự do nếu như mục đích và kết quả của hoạt động đó vi phạm những đòi hỏi của tất yếu, dẫn đến suy đồi nhân cách, đẩy lùi tiến bộ xã hội dẫn đến thắng lợi của các thế lực phản nhân loại, phản nhân văn.*

Lịch sử chứng minh rằng, trong bất kỳ giai đoạn nào của đời sống xã hội những thế lực tự do có thể bị thất bại, còn các thế lực không tự do sẽ giành được thắng lợi. Tuy nhiên nhờ tính chất rộng lớn mệnh mông của tất yếu lịch sử báo chí

tự do bảo đảm sự phát triển của xã hội. Đồng thời cần nhớ rằng không có tự do tuyệt đối, song do nhận thức ngày càng sâu rộng về *tất yếu* lịch sử, lựa chọn các quan điểm xã hội ngày một đúng đắn hơn, sự phát triển các kỹ năng, kiến thức, khả năng nghề nghiệp “không gian” tự do hoạt động trong báo chí ngày càng trở nên rộng hơn.

Mặt khác, cùng với thời gian vẫn duy trì và phát triển tính tích cực và các quy mô hoạt động báo chí của các thế lực phản động, nên vẫn còn nguy cơ thiếu hiểu biết và khả năng nghề nghiệp thấp kém của các nhà báo để giải quyết thích hợp những nhiệm vụ sáng tác. Do đó, nhà báo, các tập thể báo chí, các nhà tổ chức hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng phải liên tục đấu tranh vì sự tự do hoạt động sáng tạo xã hội của mình. Gắn với những thay đổi của đời sống xã hội, buộc các nhà báo phải trả lời đi trả lời lại câu hỏi: “tự do cho ai?”, “cho cái gì?”, “tự do vì cái gì?”, “tự do bởi ai?”, “bởi cái gì?”. Những câu hỏi đó luôn cấp thiết và được giải đáp tùy thuộc vào những đặc thù của giai đoạn lịch sử, vào quan điểm xã hội của nhà báo, sự hiểu biết và khả năng của anh ta trong việc giải quyết những vấn đề đó cho phù hợp với thực tế thời đại.

Tất nhiên, tùy thuộc vào những yếu tố đã chỉ ra mà những lời giải đáp có thể rất khác nhau, thậm chí dẫn đến đối lập. Đặc biệt, đối với câu hỏi tự do “cho ai”? có thể dành cho “tất cả những

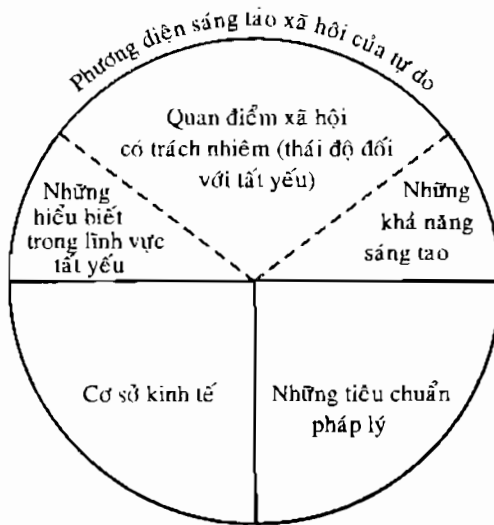
ai hành động trong khuôn khổ pháp luật” và cho “tất cả những ai phục vụ cho tiến bộ” và đơn giản là “dành cho tất cả”. Trả lời cho câu hỏi tự do “bởi cái gì”? có thể biến từ “không bởi cái gì cả” đến “thành tất cả những gì ngăn cản” những yêu cầu của tất yếu lịch sử.

Thế nên, việc giải quyết những vấn đề thuộc về công việc của mỗi nhà báo, là mức độ thể hiện cao nhất của tự do trong báo chí (theo nghĩa có khả năng lựa chọn chủ quan giải pháp này hay giải pháp khác). Tuy nhiên, trong từng trường hợp cụ thể nên tìm hiểu xem giải pháp đó có quả thực là tự do hay không (có nghĩa là nó được thông qua với sự cân nhắc và trong khuôn khổ tất yếu lịch sử) hay là “tùy tiện”, không tính “đến tính tất yếu”. Tất nhiên ngay cả khi biết được sự khác nhau giữa tự do và tùy tiện về mặt lý thuyết, nhưng trong thực tế nhà báo vẫn có thể lựa chọn những giải pháp sáng tác không đúng đắn. Bởi vậy cần phải thường xuyên có sự tự kiểm soát, chú ý đến nhận xét của những phần biện, những sự điều chỉnh tương xứng trong quan điểm và trong hoạt động của mình. Con đường dẫn tới tự do sáng tạo đích thực là rất gian nan và khám phá con đường này buộc phải sử dụng tất cả mọi khả năng, kiến thức của mình, tiến hành lựa chọn có trách nhiệm con đường phục vụ nhân loại, trong sự kết hợp hài hòa với các quy luật phát triển xã hội đã được nhận thức.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ VÀ CÁC YẾU TỐ TỰ DO CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Vấn đề sáng tạo xã hội của tự do báo chí có tính chất cơ bản, và trên cái nền của nó cần phải giải quyết mọi cái còn lại. Kể cả để thực hiện những phương thức và giải pháp sáng tạo - xã hội đã được cấu thành đúng đắn, cũng rất cần đến cơ sở kinh tế (tài chính, kỹ thuật...) của việc hiện thực hóa tự do được đảm bảo hợp pháp bằng các điều khoản pháp luật.

Trước khi chuyển sang xem xét những vấn đề này của tự do, chúng ta trình bày cơ cấu các khái niệm mô tả nó trong sơ đồ:



Những vấn đề kinh tế của tự do hoạt động báo chí ít phức tạp về mặt lý luận, nhưng lại có những khó khăn rất lớn khi giải quyết trong thực tiễn.

Về mặt lý luận rõ ràng là để thực hiện được tự do sáng tạo về mặt xã hội của mình, cần phải có những khả năng kinh tế để tổ chức hoạt động. Ngay từ giai đoạn đầu, khi chuẩn bị phát hành số báo hay tạp chí, các tổ chức phát thanh - truyền hình, các nhà xuất bản, các hãng thông tấn phải cần đến những chi phí ban đầu “rất đáng kể” - nhà cửa, thiết bị, thuê bao các kênh liên lạc, trả lương cho nhân viên... Bởi vậy những nhà sáng lập các phương tiện thông tin đại chúng cần phải tạo ra những điều kiện và các phương tiện tương ứng, hoặc nhận vay tín dụng cần thiết (tất nhiên, nếu các tổ chức sáng lập quốc doanh, xã hội, thương mại hay tổ chức khác, hoặc cá nhân có được tín nhiệm của các cơ sở tài chính). Nếu các tổ chức hay các cá nhân muốn sáng lập ra một phương tiện thông tin đại chúng nào đó, không có những điều kiện vật chất cần thiết để hoạt động, thì nhất định phải tìm kiếm người đồng sáng lập khá giả hoặc các nhà tài trợ (tiếng Anh - sponsor là “nhà tài trợ”, “người xây dựng”, “người cung cấp tài chính không vụ lợi hoặc vì những quyền lợi tinh thần hoặc vật chất của họ”). Và như vậy một bộ phận của phương tiện thông tin đại chúng nằm trong quyền sở hữu của các cơ cấu thương

mại, đề ra chính sách thông tin của mình.

Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong điều kiện nền kinh tế thị trường đồng thời diễn ra trong những điều kiện tất yếu có một số nguồn thu nhập của các phương tiện thông tin đại chúng phải thu nhập cao hơn mức chi phí. Trước hết, đó là những thu nhập nhận được từ “những người tiêu dùng thông tin” (mua báo và tạp chí, trả thuê bao, đăng ký). Tuy nhiên những món tiền đó thường không đủ để trang trải các chi phí, bởi vì trong điều kiện trượt giá và cạnh tranh giữa các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc chiến giành độc giả, khán giả và thính giả buộc các nhà sản xuất phải cố gắng hạ giá tới mức tối đa đối với sản phẩm thông tin. Hơn nữa, còn có một thực tế là các phương tiện thông tin đại chúng bán sản phẩm thấp hơn mức giá thành của chúng và thậm chí còn có cả việc phát hành miễn phí các báo và các chương trình phát thanh và truyền hình. Trong điều kiện đó thì quảng cáo có một ý nghĩa lớn: số tiền nhận được từ các nhà quảng cáo gồm một khoản thu nhập đáng kể của các phương tiện thông tin đại chúng (tới 80%, còn đối với các báo và các chương trình phát thanh truyền hình miễn phí - đó là tất cả mọi khoản tiền cần thiết, nếu như không có các nguồn thu nhập khác). Nếu những khoản tiền này còn chưa đủ, nhà sáng lập hoặc phải trợ giúp kinh phí cho

phương tiện thông tin đại chúng do mình sáng lập ra, hoặc là đóng cửa chúng. Các phương tiện thông tin đại chúng được các thiết chế nhà nước phát hành có thể sử dụng các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước như là người đóng thuế. Nhưng trong trường hợp này các phương tiện thông tin đại chúng được thành lập nhờ vào nguồn vốn của nhà nước cần phải thể hiện một cách khách quan nhất tất cả những quan điểm cơ bản, còn hoạt động văn hóa - giải trí cũng phải thực hiện vì quyền lợi của tất cả mọi giai cấp xã hội.

Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo kinh tế cho các phương tiện thông tin đại chúng (không chỉ đối với các phương tiện do các cơ quan nhà nước sáng lập ra). Nhà nước tạo ra nhiều khả năng khác nhau để tác động đến tình trạng kinh tế của chúng: đó là chính sách thuế (tạo ra những điều kiện ưu tiên về thuế cho các phương tiện thông tin đại chúng bằng cách này hay cách khác); và cho phép cải biến thuế ưu đãi đối với việc mua các vật liệu cần thiết, đối với dịch vụ giao thông và liên lạc, cả sự phân bố quảng cáo của nhà nước; việc sử dụng các đòn bẩy khác nằm trong tay nhà nước.

Toàn bộ sự đa dạng của hình thức can thiệp nhà nước và của các cơ cấu doanh nghiệp vào tình trạng kinh tế trong lĩnh vực thông tin đại chúng đều được bỏ phiếu. Tính chất và mức độ

ứng hộ phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng này hay phương tiện thông tin đại chúng khác đã đáp ứng chừng nào các “quyền lợi” của các thiết chế nhà nước và các giới kinh doanh. Tất nhiên, tất cả những thành viên của các mối quan hệ này buộc phải thận trọng tránh sự lên án có thể về việc ăn hối lộ và thậm chí cả trong việc ưa chuộng một số phương tiện thông tin đại chúng này hơn số phương tiện thông tin đại chúng khác. Tuy nhiên luôn có những lý do chính đáng để tạo lợi thế cho những phương tiện thông tin đại chúng nào, mà quan điểm của nó đáp ứng nhiều hơn quyền lợi về mặt chính trị và kinh tế của các thế lực chính trị.

Những điều kiện của các mối quan hệ thị trường và sự tự do rộng lớn trong lĩnh vực kinh tế cho phép các phương tiện thông tin đại chúng gần gũi các thế lực cầm quyền về chính trị và các thế lực kinh tế, thực hiện đầy đủ tới mức tối đa tiềm năng sáng tạo của mình. Trong thể chế dân chủ xã hội (và đúng mức dân chủ của nó) có những khả năng san đều những điều kiện nhận sự ưu đãi kinh tế, đồng thời làm cho chúng trở nên công bằng hơn. Tuy nhiên do cách nhìn nhận khác nhau về việc như thế nào là công bằng, cái gì là không công bằng vẫn còn là “lĩnh vực” dành cho các “thủ đoạn kinh tế”. Chẳng hạn, những khoản tài trợ của nhà nước có thể

được phân phối tùy thuộc vào số lượng phát hành, vào mức độ thua lỗ, hay vào độ tín nhiệm trong công luận, vào “giá trị xã hội”... Sự lựa chọn thuộc về người nào phân phối khoản tiền, và do đó thường không phải những người khác chính kiến nhận được sự tự do về kinh tế.

Các phương tiện thông tin đại chúng có thể chống lại áp lực kinh tế không mong muốn, khi sử dụng những nguồn kinh phí khác, huy động những “nguồn nội lực” để mở rộng tự do hoạt động của mình về mặt kinh tế. Chính sách kinh tế của báo, tạp chí của các đài phát thanh và truyền hình có thể tiến hành bằng cách dựa vào các thiết chế kinh tế - xã hội mà quan điểm của chúng gắn gũi với phương tiện thông tin đại chúng này. Chính các thiết chế kinh tế - xã hội này có thể sẽ đóng vai trò là các nhà tài trợ và các nhà quảng cáo. Điều đó còn liên quan đến cả sự ủng hộ của nhà nước khi mà phương tiện thông tin đại chúng tán thành đường lối chính trị của chính phủ và của các cơ cấu nhà nước khác. Trong trường hợp này ảnh hưởng không mong muốn đến chính sách thông tin của chúng sẽ bị giảm thiểu, nhưng không bị xóa bỏ hoàn toàn, bởi vì rất khó có thể trình bày sự thống nhất quan điểm một cách tuyệt đối của các phương tiện thông tin đại chúng và của các thể lực ủng hộ chúng về mặt kinh tế, với bất kỳ lý do gì và trong bất kể lĩnh vực nào. Còn những

sự bất đồng phát sinh, cho dù là không lớn của các đối thủ gây ảnh hưởng dù là dân chủ hay độc tài thì bằng cách này hay cách khác cũng ảnh hưởng đến hành động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Những nguồn “nội lực” để mở rộng tự do kinh tế sẽ có tầm quan trọng lớn hơn khi mà những vấn đề kinh tế của các phương tiện thông tin đại chúng được giải quyết không có sự can thiệp từ bên ngoài. Thứ nhất, điều đó diễn ra trong trường hợp nếu như thu nhập từ việc bán các sản phẩm thông tin (dăng ký, bán lẻ, thuê bao) cao hơn những chi phí để sản xuất và phân phối chúng. Tuy nhiên những ấn phẩm và những chương trình hiện đại có chất lượng và được xuất bản với số lượng lớn (nếu loại trừ thu nhập do quảng cáo và do các ưu đãi kinh tế được nhận) cũng không đủ khả năng đạt được sự dư dật kinh tế như thế. Bởi vậy, thứ hai, con đường dẫn đến sự độc lập kinh tế (nếu như không phải là tuyệt đối, thì cũng là đáng kể) là thông qua việc thành lập các hội liên hiệp trước hết là của các công ty hay của các chủ sở hữu tập trung một loạt các thiết chế thông tin (thông thường không chỉ là các cơ quan thông tin dưới cùng một “mái nhà”).

Một trong số những ưu thế quan trọng nhất của các công ty đó là việc sử dụng thông tin một cách đa dạng. Trên cơ sở những tư liệu nhận

được và được công bố trên báo chí sẽ tạo ra những phim video, những cơ sở dữ liệu vi tính (mà việc cập nhật chúng phải trả tiền). Những bài báo của các nhà báo chủ chốt cùng lúc xuất hiện trên trang báo của mình có thể được đăng tải ở các ấn phẩm khác (được gọi là những tư liệu sản xuất của hãng), các dịch vụ thông tin - thời sự (thuộc các ban thời sự) bắt đầu làm việc theo chế độ của các cơ quan thông tấn, phân phát cho các thuê bao, đặt hàng những bản tin... Có thể đưa ra ví dụ như dịch vụ "Ogonec - Video" (Video - Ngọn lửa nhỏ) hay Hãng thông tấn "Nheva" được thành lập, trên cơ sở của báo "*Tin tức*". Còn các tài liệu của các nhà báo Mỹ chủ chốt được đăng tải trên hàng trăm ấn phẩm của các tỉnh. Xu hướng đặc trưng của các công ty là xuất bản một loạt các báo và tạp chí, các phụ trương khác nhau, tổ chức việc xuất bản sách và thậm chí là cả các đài phát thanh và truyền hình. Ngoài hoạt động thông tin của riêng mình các công ty còn thâm nhập vào các lĩnh vực có liên quan như là sản xuất giấy, in ấn, vô tuyến điện tử, lĩnh vực giao thông liên lạc. Thường diễn ra sự kết hợp của các công ty với các lĩnh vực kinh doanh khác.

Sự hình thành và hoạt động của các công ty trong lĩnh vực thông tin đem lại những lợi ích kinh tế, tạo điều kiện cho chúng trở nên khá độc lập trong môi quan hệ kinh tế, thậm chí có thể

phát hành những sản phẩm và các chương trình thua lỗ, nhờ vào lãi suất cao của các lĩnh vực hoạt động khác của mình. Hơn nữa, có thể bảo đảm việc thi hành chính sách thông tin do ấn phẩm hay các chương trình đề ra phù hợp với mục đích của chúng. Tuy nhiên, việc kết hợp với các lĩnh vực kinh doanh khác sẽ đưa đến tình trạng lệ thuộc của các phương tiện thông tin đại chúng vào các mối lợi kinh tế trong các cơ cấu kinh tế đa ngành, có thể sẽ dẫn đến chuyện làm mất (hoặc ít nhất là cũng hạn chế) tính độc lập thông tin.

Cuộc đấu tranh chống độc quyền trong lĩnh vực hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng cũng là sự đảm bảo nào đó cho điều này. Điều luật chống độc quyền dưới hình thức tạo ra quy chế, khi mà công chúng có khả năng lựa chọn giữa các sản phẩm cạnh tranh nhau, tạo điều kiện hạn chế khả năng dùng thủ thuật mảnh khóc đối với ý thức đại chúng. Trong những điều kiện cạnh tranh và cuộc chiến giành khán, thính, độc giả, một mặt các ấn phẩm và các chương trình, trong khi tiến hành chính sách thông tin của mình, rất lo ngại sự “xa rời” tình hình thực tiễn và cố gắng tiến tới sự đầy đủ và đa dạng của thông tin thời sự, nhưng mặt khác lại có được khả năng trình bày (từ phía các phương tiện thông tin đại chúng) và lựa chọn (từ phía cử tọa) những cách tiếp cận, quan điểm và

cách nhìn nhận, nhờ đó nâng cao khả năng cho công chúng nhận được bức tranh thông tin khách quan, tương xứng với thời đại.

Những biện pháp chống độc quyền là cần thiết cả ở trong các lĩnh vực khác thuộc kết cấu hạ tầng của các phương tiện thông tin đại chúng, trong các phương tiện liên lạc (mặt đất và vệ tinh), trong lĩnh vực in ấn, cơ sở kỹ thuật của sản xuất Audio-video, vận chuyển và phân phối các sản phẩm thông tin. Sự độc quyền trong các lĩnh vực này dẫn đến những quyết định tùy tiện của nhà độc quyền trong các lĩnh vực chính trị (muốn thu hẹp hoặc nói chung là tước bỏ khả năng đến với cử tọa của các phương tiện thông tin đại chúng khác) cũng như trong lĩnh vực kinh tế, khi mà nhà độc quyền không có những kích thích giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu suất hoạt động, tăng cường tính văn hóa trong phục vụ của phương tiện thông tin đại chúng đối với công chúng.

PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ CỦA TỰ DO BÁO CHÍ

Trong điều kiện tồn tại nhà nước hoạt động dựa trên hệ thống các chế ước luật pháp, thì *tính chất, mức độ và các hình thức thể hiện tự do về mặt sáng tạo xã hội và kinh tế được ấn định bằng luật pháp*. Nói đúng ra những khuôn khổ pháp luật của hoạt động báo chí cần phải tạo không gian đầy đủ cho tự do hoạt động về

phương diện sáng tạo - xã hội, được hiểu một cách đúng đắn, và tạo cơ sở pháp lý cho việc đảm bảo kinh tế của nó. Bởi vậy mức độ tự do thực sự mà báo chí, phát thanh và truyền hình có được trong xã hội thể hiện rõ trong việc quyền tự do hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ghi thành điều luật của luật pháp.

Về mặt lịch sử đã hình thành ba quan điểm khi nói về phương diện pháp lý của tự do báo chí và hoạt động báo chí: quyền uy, tự do hoàn toàn, tự do có trách nhiệm.

Quan niệm quyền uy (tiếng Latinh - autocratas là “quyền lực, ảnh hưởng”) mà biểu hiện cao nhất của nó là độc tài. Quan niệm này xuất phát từ cách nghĩ rằng chỉ có những người nắm quyền lực mới có thể được hưởng quyền tự do hoạt động thông tin. Tất nhiên quyền lực này xuất phát từ những quyền lợi của các thế lực thống trị về kinh tế, chính trị và tư tưởng mà nó đại diện. Do đó các phương tiện thông tin đại chúng do các thế lực đó quản lý hoặc bảo trợ, trên thực tế được hưởng tự do không hạn định (trong đó có cả tự do đối với thông tin không thích ứng và thậm chí là sai lệch). Những người khác, chính kiến khác nhất thiết không được thâm nhập vào lĩnh vực báo chí, hoặc là những ấn phẩm và chương trình của họ phải chịu sự kiểm duyệt gắt gao, bị hạn chế đủ kiểu về kinh

tế với mục đích loại bỏ hay hạn chế tối đa, đồng thời tạo thuận lợi cho việc gây ảnh hưởng tối đa ở mức có thể đối với công chúng vì quyền lợi của các cơ cấu quyền lực.

Quan điểm quyền uy về báo chí thuộc về thế lực thống trị, bởi vì đối với thế lực thống trị đặc trưng nhất là quan điểm về tính đúng đắn, nếu như không phải là tuyệt đối thì ít nhất cũng là vượt trội hơn so với các thế lực khác trong việc giải quyết các vấn đề cơ bản của đời sống xã hội. Xu hướng quyền uy được bộc lộ trong cả các xã hội dân chủ, khi mà trong những điều kiện dân chủ còn ở mức khởi phát, “non trẻ”, các thế lực chiến thắng trong cuộc bầu cử muốn làm thế nào đó để khẳng định nhanh chóng và mở rộng đều những mục đích mang tính cương lĩnh của mình, mà để làm được điều đó cần phải “áp chế” đối với phe đối lập, thu hẹp khả năng ảnh hưởng của nó đối với công luận, ngăn cản sự công kích vào hoạt động của các nhà cầm quyền không phụ thuộc vào mức độ công bằng của chúng.

Trong quan niệm quyền uy còn có khái niệm về chủ nghĩa quyền uy “dạng nhẹ” và chủ nghĩa uy quyền thô bạo.

Chủ nghĩa quyền uy “dạng nhẹ” như là hiện thân của sự thiếu dân chủ hoặc làm trái với nguyên tắc dân chủ, cần phải phân biệt với chủ nghĩa quyền uy “thô bạo”, mà tiêu chí để phân biệt là xuất phát từ những phương châm dân

chủ. Chủ nghĩa quyền uy “thô bạo” vốn có ý đồ bằng mọi cách giành được và duy trì quyền lực đối với các thế lực khác, bằng cách truy lùng, kiểm duyệt gắt gao, kể cả việc dùng sức mạnh áp chế đối phương (đặc biệt là đối với những đối thủ có khả năng tiềm tàng đã gây được ảnh hưởng đến đông đảo công chúng), không cho phép các thế lực khác có ảnh hưởng đến những quyết định của các thiết chế nhà nước.

Trong cuộc đấu tranh của mình với các thế lực thống trị thực thi quan điểm quyền uy, những giới tiến bộ (như tất cả những người đấu tranh chống các thế lực thống trị, trong số đó có cả những người thuộc phái bảo thủ, nếu như hoạt động của họ bị hạn định theo pháp luật) đã vạch ra và cố gắng thực hiện *đầy đủ tư tưởng tự do báo chí*. Về mặt lịch sử của cuộc đấu tranh này có sự đòi hỏi luật pháp tương ứng – đó là khẩu hiệu tự do báo chí - được hình thành vào thế kỷ XVII và trở thành một trong những yêu sách cơ bản của các thế lực dân chủ cách mạng thế kỷ thứ XVIII đấu tranh chống lại chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến đang thực thi tư tưởng quyền uy trong lĩnh vực báo chí. Ở các nước mà phong trào chống phong kiến đã được triển khai vào thế kỷ XIX và thế kỷ XX cũng đã vang lên khẩu hiệu tự do báo chí như thế (không phải ngẫu nhiên là lần đầu tiên vào năm 1644 đã xuất bản cuốn sách bằng tiếng Anh “Areopagitica” của

G.Millton bảo vệ tư tưởng tự do báo chí, nó được dịch sang tiếng Nga vào năm 1907).

Khẩu hiệu tự do báo chí được những thế lực đấu tranh chống chủ nghĩa phong kiến đề ra, về thực chất, đòi hỏi tự do tư tưởng. Vả lại, trong những điều kiện khi mà báo chí quân chủ phong kiến đã được tự do, khẩu hiệu này đòi hỏi các quyền bình đẳng của tất cả các “đội quân” báo chí. Báo chí tự do của phe cách mạng chống phong kiến về phương diện sáng tạo - xã hội đòi cho mình tự do, để có được khả năng tối đa hành động vì quyền lợi của tiến bộ xã hội. Tất nhiên, các thế lực thủ cựu hiểu rất rõ ý nghĩa của khẩu hiệu và bằng mọi cách chống lại việc thực hiện khẩu hiệu đó, đồng thời chỉ nhượng bộ phần nào về mức độ gây sức ép của các tầng lớp tiến bộ của xã hội. Khẩu hiệu đó có thể thực hiện được hoàn toàn sau khi họ giành được thắng lợi.

Hơn nữa, nội dung ý nghĩa của khẩu hiệu tự do báo chí có thể nói là “thuần khiết”... Những người bảo vệ này trước hết và chủ yếu đã tìm những khả năng đối lập các quan điểm của mình với các thế lực thống trị. Luận điểm của các nhà tư tưởng rất đơn giản và rõ ràng. Thứ nhất, họ cho rằng cần có tự do để công bố tất cả các quan điểm và ý kiến để những tư tưởng đa dạng được đưa ra trên trường tư tưởng. Thứ hai, “những luồng gió của các học thuyết đủ loại” cần phải

được tất cả mọi thành viên của đời sống xã hội, được đến với những người thuộc các thế lực chính trị hiện hành. Thứ ba, nếu công luận có thể làm quen được với phạm vi rộng lớn của các quan điểm, với sự luận giải của chúng và sẽ tham dự vào cuộc đấu tranh của các luận đề và phản đề, nhờ thế mà chân lý tự thân sẽ trở nên có sức mạnh, công chúng sẽ tán đồng với quan điểm đúng đắn, còn sai lầm và bất công sẽ bị loại bỏ, thất bại.

Quan điểm này xuất phát từ những ý định trong sáng và những quan niệm về bản chất trí tuệ con người, từ những quan niệm loại trừ khả năng đồng nhất những tư tưởng bất chính, nêu như sự thật công khai chống lại sự giả dối, và còn từ những quan niệm cho rằng khả năng tự nhiên của trí tuệ con người có thể phân biệt được thiện và ác, lựa chọn được những tư tưởng đúng đắn và loại bỏ những tư tưởng sai lệch. Cũng từ đó được các đại biểu khác nhau của các thế lực tiên tiến đã nhắc đến nhiều lần, ý tưởng cho rằng họ sẵn sàng cống hiến cuộc đời mình để những đôi phương có thể nêu những tư tưởng khác, theo chính kiến (cho dù là những tư tưởng mà giới tiên tiến căm ghét). Thế nên, yêu sách đòi tự do báo chí là một đầu mối bền vững gắn liền với niềm tin tưởng, rằng trên mặt trận tự do tư tưởng thắng lợi của “chân lý, cái thiện và sự công bằng” được bảo đảm bằng chính bản

chất của con người. Ý tưởng cho rằng có thể lợi dụng tự do một cách khôn khéo để làm thủ đoạn lừa dối quần chúng, áp dụng những tư tưởng và những ý định sai trái để hỗ trợ cho những ham muốn đê tiện và hạ thấp con người, những chuẩn mực ứng xử phản nhân đạo, không hề xuất hiện trong tâm trí các nhà tư tưởng của phong trào cách mạng dân chủ phản đế.

Cần nhớ rằng, tự do báo chí hoàn toàn theo quan niệm đó là đem lại lợi ích tuyệt đối, thắng lợi của nó còn được củng cố hơn nữa trước các thế lực phản động - phong kiến, tạo tiền đề cho việc thiết lập chế độ dân chủ tư sản. Và tiêu chí hiến pháp của xã hội được xây dựng sau sự sụp đổ của chế độ độc tài là sự giải phóng báo chí khỏi toàn bộ sự giám sát từ phía nhà nước. Điều đó được thể hiện trong lần sửa đổi đầu tiên của Hiến pháp Mỹ, mà theo đó “Nghị viện không phải ban bố một đạo luật nào hạn chế tự do ngôn luận và báo chí”. Và trong hiến pháp của các nhà nước tư sản được thông qua sau này, vào thế kỷ XIX và XX, thể chế dân chủ, tự do đối với các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã được ấn định một cách khá rõ ràng. Chẳng hạn như trong Hiến pháp của Cộng hòa Liên bang Đức viết rằng: “Mỗi người đều có quyền tự do thể hiện và phổ biến ý kiến của mình bằng lời nói, bằng chữ viết, thông qua hình ảnh... Tự do báo chí và tự do thông tin bằng vô tuyến và điện ảnh

cũng được đảm bảo. Không có kiểm duyệt”.

Tuy nhiên, khi xét về mức độ phát triển của xã hội công dân và nhà nước pháp quyền người ta đã bắt đầu nhận thấy rằng nếu muốn duy trì những cơ sở mang tính nguyên tắc của tự do hoạt động thông tin đại chúng cần phải có sự điều tiết hoạt động báo chí bằng pháp luật, và điều đó dẫn đến việc hình thành *quan điểm tự do có trách nhiệm của các phương tiện thông tin đại chúng*. Không phải ngẫu nhiên là ngay sau khi tuyên bố tự do thông tin và tuyên cáo về sự không có kiểm duyệt, Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức xác nhận rằng phạm vi của những quyền hạn đó được chỉ rõ bằng những quy định của các điều luật chung. Điều đó có nghĩa là, cơ quan lập pháp có quyền ban bố các điều luật và bằng cách đó chế định những khuôn khổ hoạt động tự do của các phương tiện thông tin đại chúng, để đấu tranh chống việc lạm dụng tự do ngôn luận trong lĩnh vực này.

Ở Mỹ, mọi sự diễn ra đúng như thế. Mặc dù hiến pháp cấm ban bố các điều luật hạn chế tự do báo chí và ngôn luận, tại nước này vẫn tồn tại nhiều văn kiện xác định giới hạn sử dụng tự do ngôn luận và những khả năng lạm dụng, viện cơ vào lần sửa đổi đầu tiên đối với Hiến pháp.

Những văn kiện quốc tế hiện đại đã liên kết một cách hữu cơ tự do và trách nhiệm. Công ước châu Âu về quyền con người tuyên bố: “1) Mỗi

người đều có quyền tự do thể hiện ý kiến của mình. Quyền này bao gồm tự do bảo lưu ý kiến của mình, tự do nhận và truyền tin hoặc tư tưởng không có sự can thiệp của chính quyền và không phụ thuộc vào giới hạn. Điều khoản này không ngăn cản các quốc gia đòi hỏi giấy phép đối với các đài phát thanh, truyền hình và các hãng phim. 2) Việc thi hành những sự tự do này, gắn với những cam kết và trách nhiệm, nên có thể trở thành đối tượng của các thủ tục, điều kiện, của những hạn định và những chế tài được điều luật lường trước và rất cần đến trong xã hội dân chủ, cũng là đòi hỏi của quyền lợi an ninh quốc gia, sự toàn vẹn lãnh thổ, sự ổn định xã hội, vì mục đích ngăn chặn tình trạng mất trật tự và tội phạm, bảo vệ sức khỏe và tinh thần, bảo vệ danh dự hay quyền của những người khác, ngăn chặn việc tiết lộ thông tin bí mật, hoặc đảm bảo uy tín và tính công bằng của công lý?

Ở Liên bang Nga để phát triển các điều khoản của Hiến pháp đã thông qua một loạt các điều luật, trực tiếp hoặc gián tiếp điều tiết hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Trước hết phải kể đến điều luật về các phương tiện thông tin đại chúng, về thông tin, thông tin hóa và bảo vệ thông tin, về quyền tác giả và các quyền liên đới, về bí mật quốc gia, về quy định trình bày hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước trong sản phẩm của các phương tiện

thông tin đại chúng thuộc nhà nước, về quảng cáo, về việc tham gia trao đổi thông tin quốc tế, đồng thời với những điều khoản khác nữa cũng đã được soạn thảo (Điều luật về phát thanh và truyền hình, Điều luật về hoạt động xuất bản, về quyền đối với thông tin..., trong đó có cả điều luật về các phương tiện thông tin đại chúng của các nước Cộng hòa thuộc Liên bang Nga); những mục tương ứng của Bộ luật dân sự và Bộ luật hình sự cũng liên quan tới hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Theo Hiến pháp Liên bang Nga (mục 29) “mỗi người đều có quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, chuyển tải, sản xuất và phổ biến thông tin bằng bất kể biện pháp hợp pháp nào. Việc kê khai những tin tức cấu thành bí mật quốc gia do luật Liên bang xác định”. Đồng thời “đảm bảo tự do thông tin đại chúng. Cấm sự kiểm duyệt”.

Theo luật về các phương tiện thông tin đại chúng:

- “Tìm kiếm, tiếp nhận, sản xuất và phổ biến thông tin đại chúng,
- Thành lập các phương tiện thông tin đại chúng, sở hữu, sử dụng và điều hành chúng;
- Chế tạo, mua sắm, duy trì và bảo dưỡng các trang thiết bị kỹ thuật, nhiên liệu và vật liệu dùng để sản xuất và phân phối sản phẩm của các phương tiện thông tin đại chúng không bị giới hạn, ngoại trừ những quy định của luật

pháp Liên bang Nga về các phương tiện thông tin đại chúng”.

Ngoài ra còn đưa ra một số quy định về hoạt động của báo chí:

Tất cả các mối quan hệ nội tại của các phương tiện thông tin đại chúng đều chịu sự chế định của luật pháp như là cơ chế hoạt động: “Nhà nước với các phương tiện thông tin đại chúng”, “Nhà sáng lập với nhà báo”, “Nhà báo với hiện thực”, “Nhà báo với công chúng”, “Nhà báo với các thiết chế xã hội”, “Nhà báo với cơ sở hạ tầng của phương tiện thông tin đại chúng”... Những cơ sở luật pháp của hoạt động các phương tiện thông tin đại chúng được xem xét riêng (chương I – tập 2). Gắn với vấn đề tự do hoạt động báo chí luật pháp còn đề ra cấm những hành vi lạm dụng tự do của các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể:

Thứ nhất, đó là *bảo vệ quyền lợi quốc gia*. Trong Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức đã ghi: “Những ai mà sử dụng quyền tự do bày tỏ ý kiến... để đấu tranh chống lại những cơ sở của thể chế tự do dân chủ sẽ bị tước đoạt những quyền này” Việc tước bỏ những quyền cơ bản nêu trên và mức độ của nó do Tòa án Hiến pháp liên bang quy định: “Tòa án tối cao Mỹ, khi chú giải Hiến pháp, cho rằng có thể phải áp dụng chế tài đối với báo chí khi mà trong các phương tiện thông tin đại chúng, theo ý kiến của các thẩm

phán, đang tiến hành “hoạt động phá hoại”, có sự “hiện diện rõ ràng về nguy cơ” và “sự đe dọa tức thì và rõ ràng” đối với quốc gia, có “xu hướng độc hại”, “xúc xiểm”... Ở Anh, những bài phát biểu bằng lời nói và chữ viết được coi là phạm tội khi đề ra mục đích “làm mất uy tín hoặc gây ra phản ứng chống lại chủ quyền, chính phủ, Hiến pháp Vương quốc, nghị viện hay của các cơ chế tòa án, gây “kích động sự bất mãn trong dân chúng gây sự hằn học và thù hận giữa các giai cấp khác nhau của những công dân”, cũng như xúc phạm người đứng đầu nhà nước... Ở Anh còn có hệ thống cái gọi là “cáo thị” (tiếng Anh - defence là “phòng thủ”) cấm việc phổ biến những tin tức đe dọa an ninh quốc gia. Khắp nơi đều có điều luật về giữ gìn bí mật quân sự và quốc gia. Vào thời kỳ chiến tranh vẫn thực hiện việc kiểm duyệt. Các cục bưu điện (đặc biệt là ở Mỹ và Anh) có quyền từ chối không vận chuyển những ấn phẩm, cũng như cấm (ở Anh) các chương trình phát thanh và truyền hình “không hợp lý”.

Thứ hai, đó là việc *bảo vệ các quyền và quyền lợi hợp pháp của cá nhân*. Theo “Tuyên bố chung về quyền con người” và các văn kiện khác được Liên hợp quốc thông qua, các quốc gia nhất thiết phải ghi nhận trong luật pháp của mình các quyền chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, các quyền khác nữa của cá nhân và bảo vệ chúng

trước mọi sự vi phạm, trong đó có cả từ phía các phương tiện thông tin đại chúng. Bí mật thư từ và quyền bất khả xâm phạm nhà ở, và loại trừ sự kỳ thị giới tính, dân tộc, chủng tộc, quyền bất khả xâm phạm cá nhân và nghĩa vụ đáp ứng những nhu cầu của nó, trong đó có nhu cầu về thông tin, quyền tự do chính kiến, bày tỏ các quan điểm và ý kiến, tiếp nhận và phổ biến thông tin và những quyền khác - các nhà báo cần phải biết rõ những quyền hạn đó và phải tuân thủ một cách cẩn trọng. Theo luật pháp, sự vu cáo và xúc phạm, nhen nhóm hận thù giai cấp, dân tộc, chủng tộc sẽ bị truy tố. Ở một số nước còn truy tố cả sự phỉ báng, phổ biến các thông tin lăng mạ con người, cho dù nó dựa vào những sự kiện có thực. Thông thường việc truyền bá những tin tức như thế sẽ bị trừng phạt nếu như tòa án thẩm tra có sự hiện diện của sự “ác ý”. Cả những quyền lợi kinh tế của con người và của các cơ cấu tổ chức khác nhau (những bí mật kỹ thuật, công nghệ, bí mật thương mại, bí mật tiền gửi và di chúc...) cũng được bảo vệ. Trong khi những tin tức về các nhân vật quan trọng trong xã hội và của nhà nước có vẻ “công khai hơn” và ít được bảo vệ hơn, thì các cá nhân lại tận dụng sự bảo vệ cao.

Thứ ba, *những giới hạn tự do (quyền hạn và nghĩa vụ) của nhà báo* được xác định bằng các chuẩn mực pháp lý được ghi trong hiến pháp và

các điều khoản pháp luật khác. Đồng thời cũng không cho phép các nhà báo và các phương tiện thông tin đại chúng có những hành vi “*lạm dụng tự do*” thông tin đại chúng: “không cho phép sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng vì mục đích cấu thành hành vi phạm tội hình sự, để tiết lộ tin tức bí mật của nhà nước được luật pháp bảo vệ, nhằm đưa ra những kêu gọi khiến chính quyền thay đổi chế độ, pháp luật và sự toàn vẹn của nhà nước, nhen nhúm các hành vi chống tôn giáo, xã hội, giai cấp, dân tộc hoặc là phao tin đồn để tuyên truyền chiến tranh”.

Trong khi đó, Hiến pháp Liên bang Nga lại dự tính giải phóng trách nhiệm đối với những trường hợp đưa ra những tin tức không phù hợp với hiện thực và bôi nhọ danh dự và phẩm hạnh của công dân và của các tổ chức, hoặc xâm phạm tới các quyền và những quyền lợi hợp pháp của công dân, hoặc là sự lạm dụng tự do thông tin đại chúng, nếu như những tin tức đó đã được hàm chứa trong những tài liệu chính thức buộc phải công bố theo nguồn của các hãng thông tấn báo chí và các tổ chức khác, trong các bài phát biểu của các nhân vật có trách nhiệm chính và các phương tiện thông tin đại chúng khác, cũng như được trích dẫn trực tiếp từ các bài diễn văn của tác giả.

Mặt khác, Điều luật về các phương tiện thông tin đại chúng xác định trách nhiệm cả về việc

xâm phạm tự do hoạt động báo chí được thể hiện trong các sự việc: “thực hiện sự kiểm duyệt, can thiệp vào hoạt động của tòa soạn, đình chỉ bất hợp pháp hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, vi phạm quyền chất vấn và thu nhận thông tin của các tòa soạn, thu hồi và hủy bỏ số lượng phát hành một cách bất hợp pháp, cưỡng chế nhà báo trong lĩnh vực chuyên môn, hạn chế sự giao tiếp hợp pháp nhằm thu nhận thông tin của nhà báo, cũng như việc vi phạm các quyền khác của nhà báo?”

Việc lạm dụng thông tin bóp nghẹt tự do hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng phải chịu trách nhiệm xử phạt hành chính, hình sự, mà tính chất và mức độ của nó được quy định bằng luật pháp. Theo Điều luật của Liên bang Nga về các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga, cơ quan đăng ký hoặc cấp giấy phép là Bộ báo chí, truyền hình và thông tin đại chúng, có thể cảnh báo về sự vi phạm luật pháp. Mức độ trách nhiệm hình sự và các trách nhiệm khác đối với việc tạm ngừng và đình chỉ bất hợp pháp hoạt động của phương tiện thông tin đại chúng, do tòa án xét xử. Tính pháp chế của các hành vi liên quan đến các phương tiện thông tin đại chúng của chính quyền nhà nước do Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga ấn định.

Việc soạn thảo và thẩm định các hành vi luật pháp đã được chuẩn bị do các ủy ban và

các hội đồng của nghị viện, cũng như các cơ quan nhà nước tiến hành. Hiện mới chỉ thông qua Điều luật Liên bang Nga về các phương tiện thông tin đại chúng, chiếu theo đó các điều kiện khác cũng được thảo ra (điều luật về phát thanh và truyền hình, luật về hoạt động xuất bản, luật về các phương tiện thông tin đại chúng của các nước Cộng hòa nằm trong thành phần của Liên bang Nga).

Vấn đề tự do báo chí và hoạt động báo chí là vấn đề trung tâm trong lĩnh vực tri thức khoa học và đồng thời đụng chạm đến toàn bộ các vấn đề phức tạp của thực tiễn báo chí. Có lẽ, bất kể một vấn đề nào cũng có sự xung đột ý kiến một cách sâu sắc, bởi lẽ giải pháp chính trị và lý luận này hay lý luận khác trong lĩnh vực này động chạm đến những quyền lợi cốt yếu của các thế lực chính trị khác nhau. Không phải ngẫu nhiên chỉ đưa ra một phương sách (ví như, thành lập các hội đồng quan sát để phân phối kinh phí công bằng và cho phép về diện tích mặt báo và thời lượng phát sóng ở các phương tiện thông tin đại chúng của nhà nước cho các phe nhóm khác nhau có mặt trong nghị viện, trong đó có cả nhóm đối thủ), cũng gây ra những đánh giá, gần như là đối lập nhau từ việc tán thành đến việc buộc tội trong việc áp dụng kiểm duyệt và “bóp nghẹt tự do”.

Do đó, các tổ chức báo chí và các tổ chức xã hội thành lập ra các ủy ban và các tổ chức khác

để giải thích các vấn đề tự do báo chí, để kiểm định và đánh giá các hành vi của các thiết chế xã hội khác nhau trong lĩnh vực này, để đưa ra các kiến nghị về luật pháp và các hoạt động của chính phủ trong lĩnh vực tự do hoạt động thuộc phạm vi của các phương tiện thông tin đại chúng. Thế nên, Liên đoàn các nhà báo Nga đã thành lập Ủy ban bảo vệ tự do ngôn luận và quyền của các nhà báo. Còn có cả các tổ chức khác nữa của các nhà báo cũng nghiên cứu những vấn đề phù hợp với lĩnh vực hoạt động của mình (đặc biệt là Quỹ bảo vệ công khai, Ủy ban về tự do tiếp cận thông tin...).

Còn có các tổ chức quốc tế nghiên cứu những vấn đề tự do ngôn luận và quyền của các nhà báo. Đã xuất hiện ở Mỹ và ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động của nó, trong đó có cả ở Nga, là tổ chức Diễn đàn tự do (Freedom forum) - đó là quỹ xã hội độc lập được thành lập để truyền bá tư tưởng tự do, thu thập tin tức về thực trạng công việc trong lĩnh vực này, vạch ra những bước đi cần thiết và những biện pháp thiết thực để phát triển hoạt động tự do trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Cơ quan báo chí quốc tế tập hợp các nhà xuất bản và các chủ bút của các phương tiện thông tin đại chúng của gần 100 nước trên thế giới, ngoài những hoạt động thường xuyên, hàng năm còn xuất bản cuốn "Tổng quan tự do báo chí trên thế giới",

trong đó đưa ra đặc điểm, đánh giá thực trạng và những thay đổi trong lĩnh vực này xét theo quan điểm của các chuyên gia của tổ chức này. Trong lĩnh vực này còn có tổ chức “Những tường thuật viên không biên giới”...

Bất kỳ một vấn đề nào được tích cực thảo luận sẽ tạo điều kiện hiểu vấn đề đó một cách sâu sắc hơn, tiếp nhận được những giải pháp một cách dân chủ hơn và thực thi chúng một cách thực tế hơn. “Tiêu chuẩn” thế giới trong lĩnh vực này nhận thức rằng báo chí cần phải mở rộng đáng kể những khuôn khổ tự do của hoạt động vì mục đích đa dạng hóa quan niệm về các sự kiện và các ý kiến, báo chí cần phải có những giải pháp có trách nhiệm vì lợi ích của xã hội.

Việc ghi nhận về mặt pháp luật các quyền và nghĩa vụ của các phương tiện thông tin đại chúng là cực kỳ quan trọng bởi vì báo chí là một thiết chế xã hội hùng hậu ngày càng phân nhánh và thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

NHỮNG LOẠI HÌNH LỊCH SỬ CỦA BÁO CHÍ. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ CỦA SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Hoạt động thông tin đại chúng, hoạt động của hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng trong các thời kỳ lịch sử khác nhau được xác định bằng hai nhóm quy luật. Nhóm thứ nhất

gắn với những quy luật xã hội chung, với vai trò chức năng chung đối với báo chí là thống nhất thực hiện vai trò giao tiếp, tích cực tham gia vào việc hình thành ý thức đại chúng, gây ảnh hưởng đến việc phê duyệt các quyết định quản lý, là yếu tố phát triển văn hóa, là phương tiện truyền thông tin quảng cáo - tư vấn... nên tính chất sáng tạo chuyên môn của “báo chí” thuộc các thời đại, các dân tộc khác nhau cùng với sự khác nhau về mặt hình thức thể hiện của nó gắn liền với những truyền thống dân tộc, khu vực, với những khả năng kỹ thuật, và những tập quán đã được thừa nhận... về mặt nguyên tắc cũng là thống nhất. Thế nên, những tờ báo đầu tiên của thế kỷ XVII-XVIII và các tờ báo thế kỷ XX mọi sự khác nhau thường là rất tiêu biểu, nhưng dù sao cũng vẫn là những tờ báo, là những phương tiện liên kết thông tin đại chúng với những độc giả cực kỳ đa dạng của mình.

Những bức tranh toàn cảnh sẽ thay đổi nhiều nếu chú ý đến các hiện tượng của báo chí không chỉ từ khía cạnh chức năng sáng tạo, chuyên môn, mà từ khía cạnh nội dung hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, từ góc độ tính chất đường lối chính trị - xã hội của chúng khi thực hiện một hệ thống các chức năng. Do sự khác nhau về vị trí xã hội, trong nhu cầu và quyền lợi, trong những ý đồ và quan điểm của các tập đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội đại

diện cho chúng (các đảng chính trị, các công đoàn, tổ chức các doanh nghiệp, các liên đoàn sáng tạo...) đã xuất hiện một tập hợp lớn các ấn phẩm và các chương trình có quan điểm khác nhau và thường là đối lập nhau.

Tất nhiên, những khác nhau căn bản quả thực liên quan đến những vấn đề chính trị, những lập trường quan điểm, và những quan điểm về thể chế xã hội, ít nhất là những quan điểm xã hội đối lập nhau trong những vấn đề không riêng gì về chính trị (chẳng hạn như trong văn hóa, nghệ thuật), còn trong những vấn đề phi chính trị (kỹ thuật, thể thao, khoa học tự nhiên) thì những quan điểm của các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau có thể sẽ giống nhau hoặc thậm chí còn đồng nhất với nhau. Tuy nhiên, khi đưa ra đặc điểm chung nhất mang tính nguyên tắc của quan điểm trong báo chí trước hết cần phải chú ý đến những quan điểm chính trị - tư tưởng để lại dấu ấn đối với đường lối hoạt động đã lựa chọn của cơ quan báo chí này hay cơ quan báo chí khác, bởi vì đường lối chính trị - tư tưởng - là tầm danh thiếp đặc biệt tạo ra nét đặc trưng bản chất của ấn phẩm hay của chương trình, tầm quan trọng hàng đầu của những quan điểm của chúng về những vấn đề chính trị đối với các phương tiện thông tin đại chúng.

Theo tất cả nét đặc thù của mỗi cơ quan báo chí ở thời đại này hay thời đại khác, ở nước này

hay nước khác, giữa các lực lượng chính trị này hay lực lượng chính trị khác cần phải phân ra những loại hình lịch sử cơ bản của báo chí, xuất phát từ những định hướng giai cấp - xã hội căn bản của chúng, từ những quan điểm tư tưởng và những giá trị truyền thống thích hợp của chúng. Việc quy nạp một tạp chí hay một tờ báo cụ thể, một chương truyền hình hay phát thanh vào một trong số những loại hình lịch sử - là kết quả của sự tổng hợp cao dựa vào việc xác định "hạt nhân" của quan điểm và vai trò của nó trong xã hội, vào định hướng xã hội chủ đạo.

Tính từ thời kỳ xuất hiện báo chí vào thế kỷ XVII, theo tiến trình này thì báo chí có thể phân ra thành báo chí quân chủ - phong kiến, tăng lữ - tôn giáo, tư sản, báo chí xã hội chủ nghĩa với triển vọng hình thành một nền báo chí tích cực trong nền văn minh mới.

Cần nói rằng, trong các ấn phẩm và các chương trình cụ thể có thể kết hợp các nét của các loại hình lịch sử cụ thể, còn nội tại mỗi loại hình lịch sử có những biến dạng rất khác nhau, rất cuộc, tùy thuộc vào sự thay đổi vai trò của tập đoàn này hay tập đoàn khác mà báo chí đại diện cho quyền lợi của nó nên tính chất của báo chí cũng thay đổi (báo chí quân chủ - phong kiến thời kỳ hình thành chế độ chuyên chế khác hẳn với báo chí của chính những thế lực này trong thời kỳ cực thịnh của tư sản và đặc

biệt là trong thời kỳ cách mạng tư sản).

Báo chí quân chủ - phong kiến đã hình thành ngay sau khi xuất hiện những tờ báo đầu tiên. Nó bắt nguồn từ thời kỳ Hồng y giáo chủ Rechelieu, khi mà T.Renodo vào năm 1631 đã lập ra tờ báo “*La Gazette*”. Ở Nga, tờ báo đầu tiên là “*Vedomost*” do Pie Đê nhất sáng lập vào năm 1702. Ngày 13 tháng Giêng được các nhà báo kỷ niệm (là ngày ra số báo đầu tiên). Đặc biệt là, loại hình báo chí này đã xuất hiện theo ý chí của quyền lực tối cao, vào thời kỳ hình thành chế độ quân chủ chuyên chế vì mục đích, có thể nói bằng ngôn ngữ hiện đại, củng cố tư tưởng - tổ chức của chính quyền quân chủ chuyên chế khi hình thành nhà nước tập quyền hùng mạnh.

Nền tảng tư tưởng của chính sách thông tin là những quan niệm về sự lựa chọn đức vua một cách thần thánh, đó là quan niệm tôn giáo tuyên truyền và quan niệm về tính chất tự nhiên của sự phân chia đẳng cấp xã hội (ở Pháp - tầng lớp quý tộc đứng đầu là đức vua, giới tăng lữ, “đẳng cấp thứ ba”) và tương ứng là sự phân phối trách nhiệm hoạt động xã hội.

Trong giai đoạn hình thành các nhà nước tập quyền, hình thành cơ chế chính trị thống nhất và không gian kinh tế, phát triển văn hóa dân tộc, báo chí trong khi thúc đẩy sự phát triển của nhà nước, tuyên truyền những tư tưởng khai

sáng của chế độ chuyên chế và đấu tranh để thực hiện được những tư tưởng đó, đã đóng một vai trò tương đối tiến bộ. Do trong lòng của nó đã tồn tại những xu hướng khác nhau - từ việc bảo vệ những tư tưởng bảo thủ - thủ cựu, chống lại những đòi hỏi đáp ứng những thay đổi của cuộc sống, đến việc phản ánh những tư tưởng của các nhà cách mạng quý tộc, đang chủ động chuẩn bị các cuộc cải tổ tư sản, bảo vệ nền quân chủ lập hiến và đôi khi còn cả vì chế độ cộng hòa, nên cần phải chú ý đến những biểu hiện của báo chí của những thời kỳ đó và lưu lại những di sản sinh động của quá khứ (đặc biệt là, quan tâm đến những chuẩn mực đạo đức của hoạt động của các nhà báo mà M.V.Lômônôxốp đã nêu ra khi luận bàn về “cương vị của các nhà báo”).

Tuy nhiên, do chế độ quân chủ - phong kiến biến thành vật cản của sự phát triển xã hội, báo chí thủ cựu vì muốn duy trì những nền tảng cũ đã công khai bộc lộ bản chất bảo thủ, về sau trở thành một thế lực phản động. Quyền lực tối thượng trong chính sách thông tin đang được thực hiện đã cố gắng duy trì toàn quyền hoạt động báo chí cho báo chí “của mình”, đồng thời hạn chế báo chí của đối phương thông qua những cấm đoán trực tiếp và kiểm duyệt gắt gao. Báo chí dân chủ - tư sản đặc biệt bị truy xét.

Lịch sử đã chứng tỏ rằng vào thời kỳ thống trị của các mối quan hệ tư sản, ở nhiều nước

vẫn còn duy trì các thiết chế dân chủ: hoặc là mang tính truyền thống - hình thức (như ở Anh), hoặc là thực hiện các chức năng của mình ở một mức độ nhất định (Tây Ban Nha), hoặc đóng vai trò lãnh đạo nhà nước thực sự (như ở một loạt các nước Ả-rập). Tuy vậy, vẫn tồn tại cả báo chí ủng hộ và tuyên truyền những tư tưởng quân chủ - không theo định nghĩa đòi quay trở lại với quá khứ, mà giống như là thể hiện mong muốn nhìn thấy người đứng đầu nhà nước là người “theo huyết thống” (mà vai trò này có thể được thực hiện từ việc “lĩnh hội cao nhất” những quyền lợi của dân tộc không thường xuyên cần nhắc đến ý kiến của các cử tri hay bị dao động khó lường trước được). Không phải ngẫu nhiên tồn tại câu châm ngôn rằng mỗi chế độ quân chủ đều cố tiến tới dân chủ, còn dân chủ cố tiến tới quân chủ.

Báo chí tăng lữ - tôn giáo trong thời kỳ phong kiến thể hiện như là một đại biểu và nhà cổ súy hệ tư tưởng thống trị dựa trên thế giới quan tôn giáo (tiếng Latinh - religio là “thánh thiện, thiêng liêng, tôn sùng vật tối cao”) (Cơ đốc giáo dưới các hình thức đạo Tin lành, đạo Thiên chúa và đạo chính thống, đạo Hồi, đạo Do Thái, đạo Phật...), và đã từng là liên minh và “bổ sung” cho báo chí quân chủ - phong kiến. Khi thần thánh hóa những trật tự tôn giáo hiện hành, nó khêu gợi ý nghĩ về nguồn gốc siêu nhân (“sự

sáng tạo của thần thánh”) và về những sự trừng phạt khủng khiếp (sự hành hạ dai dẳng ở địa ngục) vì sự xâm phạm chúng dù chỉ trong ý nghĩ. Đôi khi các nhà hoạt động tôn giáo còn có kỳ vọng tham gia vào quản lý các công việc hàng ngày. Vì thế đã hình thành quan điểm chính trị của chủ nghĩa tăng lữ (tiếng Latinh clericalis nghĩa là “giáo hội”). Theo quan điểm này, khi tuân thủ thuyết lý tôn giáo, cần phải đóng vai trò đầu đàn của mình trong quản lý chính trị, trong đời sống xã hội, văn hóa trực tiếp thông qua các đảng cấp giáo hội (chính thể tôn giáo) hoặc thông qua các tín đồ của các thuyết lý tôn giáo trong số các nhà hoạt động chính trị (đối với những người theo tín ngưỡng Hồi giáo - sống theo Bộ luật Sharia).

Sau khi thiết lập chế độ tư sản, báo chí quân chủ - phong kiến và đặc biệt là báo chí tôn giáo - tăng lữ vẫn tiếp tục tồn tại, cho dù trong đa số trường hợp người ta đã thay đổi tính chất hoạt động để hòa hợp với xã hội tư sản. Có thể giải thích điều này rằng giai cấp tư sản đã đấu tranh với nền quân chủ và tôn giáo một cách không triệt để, mà đôi khi còn núp dưới những khẩu hiệu quân chủ (“vì một đức vua minh quân”, “vì một nền quân chủ lập hiến”) hoặc các khẩu hiệu tôn giáo (tà giáo, thuyết giáo Tin lành, và một số giáo lý đạo chính thống...). Chính tính chất thiêng liêng của quyền lực và nguồn gốc thần

thánh của các trật tự xã hội (hiện nay đã là trật tự tư sản) không chỉ thích hợp với giai cấp tư sản, mà còn cần thiết cho nó như là một trong số những định đề tư tưởng. Hơn nữa ở các quốc gia tư sản sau khi củng cố các trật tự tư bản chủ nghĩa, tôn giáo và giáo hội bị tước mất vai trò đặc biệt quan trọng. Nhưng vì sự tồn tại của mình giai cấp tư sản liên kết với tính kiên định của hệ tư tưởng tôn giáo (chẳng hạn trên khóa những chiếc thắt lưng của các binh sĩ của quân đội phát xít Đức có đề dòng chữ: "Gott vait uns" - "Chúa che chở cho chúng ta").

Vào cuối thế kỷ XX do cuộc khủng hoảng của các hệ tư tưởng truyền thống và những khó khăn của thời kỳ chuyển tiếp sang trạng thái văn minh nhân loại mới, khi cần phải có những điểm tựa bền vững và có tầm quan trọng về mặt giá trị, đã xuất hiện sự "phục hồi" của tôn giáo và giáo hội và cùng với điều đó là sự phục hồi của báo chí tôn giáo - tăng lữ. Sau mấy chục năm xua đuổi tôn giáo và nhà thờ ở Nga cũng đã diễn ra như thế. Vào những thời kỳ cải tổ và hậu cải tổ đã xuất hiện những giáo xứ mới, phục hồi các nhà thờ (trong đó có Nhà thờ Đấng cứu thế ở Mátxcova) và các tu viện, vai trò của giới tăng lữ trong đời sống xã hội cũng đã được nâng lên, hoạt động thông tin của các tổ chức tôn giáo cũng tăng mạnh. Loại báo chí này cũng tồn tại dưới dạng các ấn phẩm độc lập và các kênh phát

thanh - truyền hình do các tổ chức tôn giáo và tầng lớp sáng lập ra, cũng như dưới dạng các chuyên mục và các buổi phát sóng chuyên mục trên các trang báo, trong cơ cấu của mạng lưới phát thanh và truyền hình. Còn xuất hiện cả chuyên ngành dẫn chương trình phát thanh và truyền hình về tôn giáo, mà những buổi phát sóng của họ thu hút được đông đảo công chúng.

Giống như trong báo chí phi tôn giáo, trong các phương tiện thông tin đại chúng của giới tầng lớp - tôn giáo cũng tồn tại các “phái hữu”, “phái giữa” và “phái tả” của mình. Trong dòng Thiên Chúa giáo chẳng hạn, đã xuất hiện cái gọi là “Thần học giải phóng”, đã có được ảnh hưởng rất lớn ở châu Mỹ Latinh. Trong lúc đó “thuyết Hồi giáo chính thống” thì ngược lại, cố quay trở lại với những tiêu chuẩn cuộc sống của quá khứ xa xưa (cho dù trong thuyết lý đạo Hồi có thể tìm thấy cả sự lập luận cho mối quan hệ khác đối với thời đại). Núp dưới vỏ bọc tôn giáo đại diện của nhiều phe phái khác nhau và những người tán đồng chúng đang tiến hành đấu tranh vì công bằng xã hội, bình đẳng, vì sự đồng nhất của cái thiện và nhân tính.

Báo chí tư sản đã xuất hiện theo làn sóng đấu tranh chống phong kiến. Nó chuẩn bị cho chiến thắng về mặt tư tưởng của các cuộc cách mạng tư sản. Thế lực phong kiến phản động đã truy lùng những nhà hoạt động kiệt xuất của nó. Nhà

chính luận nổi tiếng của cách mạng Anh J.Lillbern đã bị dày dọạ rất lâu trong tù, người theo phái bảo hoàng Ch.Corday đã bị giết. Nhà báo sáng giá của cách mạng Pháp, Jean Paul Marat, người sáng lập ra tờ báo "*L'Ami du peuple*" (người bạn dân) đã tuyên bố mình là một lực lượng tiến bộ đối lập chính. Báo chí tư sản đã tiến hành đấu tranh chống chế độ quân chủ, vì sự giải phóng về kinh tế và chính trị của "đẳng cấp thứ ba" dưới những khẩu hiệu tự do, công bằng và bác ái. Chính các nhà tư tưởng của giai cấp đang lên đã tuyên bố tư tưởng tự do báo chí và sau khi lật đổ sự thống trị của chế độ chuyên chế đã ghi nhận nó trong Hiến pháp và các điều khoản pháp luật khác.

Báo chí tư sản đã trải qua một con đường phức tạp, đồng thời phản ánh tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản như một hệ thống kinh tế và xã hội cùng với những quan điểm tư tưởng của nó. Do là chế độ tư sản ở các nước khác nhau và trong các thời kỳ khác nhau có những nét khác biệt (từ dân chủ cách mạng đến độc tài - phát xít) nên các ấn phẩm và các chương trình cũng rất đa dạng. Nếu như ở phái cực tả - là những ấn phẩm cách mạng - dân chủ, ở phái cực hữu - là phản động - bảo thủ (từ phát xít và phân biệt chủng tộc đến tư sản - thủ cựu), thì ở "phái giữa" có rất nhiều ấn phẩm và các chương trình thuộc nhiều sắc thái khác nhau của quan điểm tự do - dân

chủ, trong đó có cả “những kẻ rác rưởi”, cả những nhà cải cách - tự do, và cả sự phê phán gay gắt những thói hư tật xấu của cơ chế...

Ý định thâm nhập vào những tầng lớp xã hội khác nhau đã sản sinh ra vô số những ấn phẩm và các chương trình đến với các loại công chúng khác nhau, mà các phương tiện thông tin đại chúng hướng tới. Ở đây có sự phân biệt giữa các ấn phẩm và các chương trình “cao cấp” dành cho giới lãnh đạo, cho các nhà doanh nghiệp, các nhà quản lý, các quan chức cấp cao, các nhà quân sự, giới thượng lưu, những người trí thức, và các phương tiện thông tin “mang tính đại chúng” dành cho đông đảo các tầng lớp nhân dân. Việc hình thành những cơ cấu mới trong xã hội dẫn tới việc xuất hiện ngày càng nhiều những hình thái mới của các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó thường có sự đan xen những đặc tính của báo chí “cao cấp” và báo chí đại chúng, tuân theo mức tăng của các tầng lớp trung gian khác nhau.

Trong mọi cố gắng tương chừng như là trở thành “quyền lực thứ tư”, báo chí tư sản phải chịu áp lực rất lớn của giai cấp tư bản (thông qua việc sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng, quảng cáo, hiệp hội các nhà doanh nghiệp) và cả của nhà nước, mà những thiết chế của nó có khả năng gây ảnh hưởng đến báo chí qua “thông tin định hướng”, bao gồm cả việc

“tiết lộ bí mật thông tin” một cách có tổ chức, hoạt động phục vụ các quan hệ với công luận (“public relation”)...

Vào thời kỳ “Chiến tranh lạnh” của những năm 1950 - đầu những năm 1980 giữa báo chí tư sản và các phương tiện thông tin đại chúng của các nước thuộc Cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã hình thành các mối quan hệ đối địch gay gắt. Báo chí tư sản đã cố hướng công chúng đông đảo vào những giá trị tư sản và vào quan niệm về xã hội tư bản chủ nghĩa như là một “xã hội của các khả năng ngang nhau” công bằng, phù hợp với bản chất của con người, mà ở đó mỗi người hoàn toàn có thể thể hiện được những khả năng của riêng mình, nơi mà người ta có thể sẽ đạt được mức cao nhất của các chuẩn mực tiêu dùng. Cùng lúc đó, tạo ra hình ảnh công kích của kẻ thù, là đối thủ tạo ra “bức màn sắt” và đe dọa “thế giới tự do”. Hai khuynh hướng hoạt động chủ yếu là bảo vệ những giá trị tư sản và “đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản”, bổ sung thêm một khuynh hướng thứ ba - thoát ly khỏi thực tại bằng các trò giải trí, khi đó đã gieo rắc các trò tiêu khiển, thế giới mộng tưởng và hoang đường, những tin tức giật gân từ cuộc đời của giới tội phạm, của “giới cao cấp” của các ngôi sao điện ảnh, ca nhạc, thể thao, cũng như những khoa học thần bí, tình dục...

Những thông tin rộng khắp và được phân tích

kỹ càng từ phía quan điểm tư sản trong các ấn phẩm “cao cấp” và các chương trình phát thanh - truyền hình nghiêm túc được bố trí ngay cạnh những tài liệu của các ấn phẩm “đại chúng”, thường mang tính chất thủ đoạn và dành cho việc tạo ra bức tranh thế giới méo mó nhờ vào thông tin, nửa vời sai trái, tạo ra sự âm ỉ chung quanh những sự kiện không mấy quan trọng, và lờ đi những sự kiện quan trọng. Trong khi đó, sự cạnh tranh giữa các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau trong những điều kiện tự do thông tin ở các nước tư bản dân chủ đã cố kìm nén sự bộc lộ thái quá những hành động thủ đoạn để đối thủ cạnh tranh không vạch mặt và tránh khả năng truy xét của tòa án.

Cùng với sự kết thúc giai đoạn “Chiến tranh lạnh” và thế giới bước vào giai đoạn phát triển mới trong báo chí tư sản, cũng như trong báo chí của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã có được những tiến trình phát triển mới, đáp ứng những nhu cầu của thời kỳ hình thành nền văn minh mới.

Báo chí xã hội chủ nghĩa, sự xuất hiện của nó gắn với sự phát triển tư tưởng xã hội và phong trào chính trị của các tập đoàn và các tổ chức bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, đã thể hiện được mình trong thời kỳ các cuộc xung đột đầu tiên của các thế lực giai cấp khác nhau trong xã hội tư sản, và ngay cả khi mà ở một số

nước diễn ra cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phong kiến. Điều đó được thể hiện đặc biệt rõ nét ở Đức và Nga là những nước đang ở trong giai đoạn phát triển của phong trào dân chủ tư sản, phong trào công nhân đã nổi lên như một phong trào tự lập tuyên truyền hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và đã có những ấn phẩm của mình. Chẳng hạn, ở Đức vào năm 1848-1849, dưới sự chủ trì của C.Mác và có sự tham gia của Ph.Ăngghen và những người tán đồng tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã xuất bản tờ báo: “New Rheinische Zeitung” (Báo sông Ranh mới), ở Nga những tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã được đưa lên các trang của các ấn phẩm dân chủ - xã hội và ở báo chí phái dân túy từ nửa sau thế kỷ XIX.

Cùng với sự phát triển của phong trào dân chủ xã hội, thực tế ở tất cả các cường quốc Tây Âu đã xuất hiện các tác phẩm xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của các khuynh hướng khác nhau trong quá trình khám phá hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và xác định con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội, đã dẫn đến sự phân chia trong phong trào xã hội chủ nghĩa, đến sự xuất hiện xu hướng dân chủ xã hội và khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa.

Nhánh dân chủ - xã hội của phong trào (dù thực chất là không đồng nhất, nhưng hoạt động trong khuôn khổ của quốc tế xã hội chủ nghĩa) và báo chí của nó đã tiếp nhận những nguyên

tắc dân chủ, cố gắng dần dần, bằng con đường cải cách, tiến hành những cải tiến theo hướng xã hội chủ nghĩa. Khi đã đạt được những kết quả đáng kể (hình thành ở nhiều nước có nền kinh tế thị trường) vào cuối thế kỷ XX phong trào dân chủ - xã hội, do một loạt những hậu quả của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, đã vấp phải những khó khăn, với sự phán quyết về cơ sở xã hội của mình và đứng trước sự tất yếu phải hiện đại hóa hệ tư tưởng và chính trị của mình. Xu hướng của những biến đổi gắn liền với việc nhận thức thường xuyên con đường phát triển nền văn minh của thiên niên kỷ mới, trong đó có cả sự thay đổi cơ cấu xã hội của xã hội, mối quan hệ qua lại giữa các tập đoàn xã hội khác nhau và các phương tiện giải quyết những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước nhân loại thông qua nỗ lực đối thoại với phong trào độc tài để đi đến sự thỏa thuận chung.

Nhánh cộng sản chủ nghĩa của phong trào bắt đầu hình thành dựa vào một bộ phận những người Bôn-sê-vích của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga và đặc biệt nhanh chóng phát triển trên nền của cuộc khủng hoảng trong phong trào dân chủ - xã hội vào thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất và sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai ở Nga. Hoạt động về mặt tư tưởng của nó do báo chí Cộng sản (Bôn-sê-vích) đảm nhiệm, vị trí trung tâm của nó là báo "Sự

thật" (vào những năm 1912-1914, và được sự đổi mới sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 và cho đến nay vẫn đang được phát hành). Tuy nhiên, với điều kiện hoạt động trong những khuôn khổ cho phép đã xuất hiện những ấn phẩm (chẳng hạn như "Thế giới mới" của Nhà xuất bản Trardôvski) và một loạt các khuynh hướng xuất hiện trong báo chí (trong báo chí "Tin tức", "Sự thật đoàn viên", "Lao động"...) mà trong các tài liệu của chúng đã bùng phát lên sự thật của cuộc sống, đặt ra những vấn đề sắc bén của thời đại.

Như vậy báo chí cộng sản chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã trải qua một lịch sử đầy phức tạp. Một mặt, khi dựa vào những mong ước về hạnh phúc của toàn nhân loại và tư tưởng lựa chọn chủ nghĩa xã hội, nó đã kêu gọi các dân tộc đấu tranh cách mạng chống lại thế giới cũ và tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, mặt khác, các phương tiện thông tin đại chúng đã vi phạm những nguyên tắc chính mình đề ra, phần nào đó đã để mất niềm tin của công chúng.

Thời kỳ quá độ trong quá trình phát triển của xã hội, cũng như trong lĩnh vực báo chí, đã bắt đầu một cách công khai vào năm 1985, sau khi ở Liên Xô cũ tuyên bố chính sách "Cải tổ" để phục hồi các tiêu chí dân chủ của cuộc sống, phát huy dân chủ, mở rộng tự do hoạt động báo chí, thiết

lập các phương tiện thông tin đại chúng độc lập của xã hội công dân... Đồng thời, trong điều kiện bùng nổ kinh tế thị trường tự phát, nhiều phương tiện thông tin đại chúng đã rơi vào quyền lực của tư bản, điều đó được phản ánh trong chính sách thông tin của chúng. Trên con đường tiến tới một cơ chế thông tin đích thực đã xuất hiện những khó khăn đòi hỏi phải khắc phục vì lợi ích đảm bảo dân chủ thông tin.

Tuy nhiên, thời kỳ quá độ mang tính chất đặc trưng không chỉ đối với xã hội Nga hay với các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa trước đây, đó còn là tiến trình toàn thế giới. Ngay từ những năm 1960-1970 đã xuất hiện những tiền đề cho sự hình thành “nền văn minh mới” cùng với sự tăng nhanh rất nhiều những nguy cơ đe dọa toàn nhân loại dưới dạng một loạt “Những vấn đề toàn cầu”, mà chỉ có toàn bộ cộng đồng thế giới nói chung mới có thể giải quyết được bằng con đường chuyển sang quỹ đạo phát triển bền vững.

Sự phát triển thành công dựa vào cơ sở mới phần lớn phụ thuộc vào báo chí. Không phải ngẫu nhiên nền văn minh của thế kỷ XXI được nhận định là xã hội thông tin. Hiện nay đã có thể nói rằng, thế giới là một “không gian thông tin” rộng lớn và phần lớn là thống nhất. Nhờ có “những xa lộ” thông tin và những công nghệ thông tin, giao tiếp mới đã có thể trao đổi thông tin rộng khắp, mở ra khả năng tiếp cận đối với

các nguồn thông tin ngoài tầm quan sát mà hoàn toàn không phải “bước ra khỏi nhà”.

Thoát khỏi tình thần đối địch, việc trao đổi thông tin quốc tế là một dấu hiệu quan trọng của sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc, hình thành môi trường mới trong “không gian thông tin” thế giới, là yếu tố cấu thành trật tự thế giới giữa các dân tộc, mở đầu cho một giai đoạn mới trong lịch sử nhân loại. Trên con đường này có nhiều khó khăn, và thậm chí không thể tránh khỏi “sự thất bại” và “tụt lùi” lại phía sau. Nhưng tiến trình lịch sử về nguyên tắc là không thể đảo ngược, và nhiệm vụ của các nhà báo là tăng cường các mối dây liên lạc thông tin thế giới và toàn bộ hoạt động của mình vì lợi ích của toàn nhân loại có tính đến sự đa dạng của các tập đoàn xã hội, các dân tộc, các chủng tộc, các nước, các hệ thống xã hội cấu thành nhân loại - do đó, dựa trên những lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Chương I	
BÁO CHÍ - MỘT LĨNH VỰC CỦA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG	7
• Các hiện tượng tiền báo chí. Sự xuất hiện của ngành báo chí	8
• Bản chất thông tin đại chúng của các phương tiện thông tin đại chúng	22
• Ngành báo chí là một thành tố của quản lý xã hội	46
Chương II	
CHỨC NĂNG CỦA BÁO CHÍ	54
• Khái niệm và đặc điểm chung của chức năng báo chí	55
• Chức năng tư tưởng	64
• Các chức năng trau dồi văn hóa, hướng dẫn - quảng cáo, giải trí	94
• Chức năng tổ chức – trực tiếp	105
• Các chức năng của báo chí: hệ thống và sự phối hợp	113

Chương III

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI CỦA NHÀ BÁO	116
• Sự hình thành quan điểm xã hội	118
• Quan điểm xã hội và những nguyên tắc của hoạt động báo chí	143
• Hệ thống những nguyên tắc của báo chí	159
• Vấn đề tính nguyên tắc của nhà báo	203
• Văn hóa chính trị của nhà báo. Phân tích chính trị	210

Chương IV

TỰ DO BÁO CHÍ	
VÀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ	231
• Những yếu tố trong tự do sáng tạo - xã hội của các phương tiện thông tin đại chúng (Tự do - tất yếu - trách nhiệm)	235
• Những điều kiện kinh tế và các yếu tố tự do của các phương tiện thông tin đại chúng	251
• Phương diện pháp lý của tự do báo chí	260
• Những loại hình lịch sử của báo chí. Các phương tiện thông tin đại chúng trong thời kỳ quá độ của sự phát triển xã hội	277

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BÁO CHÍ

(Tập 1)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Vũ Quốc Khánh

Biên tập:

Nguyễn Cường Dũng

Vũ Kim Hải

Trình bày bìa:

Nguyễn Tuấn

Sửa bản in:

Trịnh Lê Nam

Văn Chiến Thắng

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19 cm.

Giấy ĐKKHXB số 204/XBTT/421/XB-QLXB cấp ngày
7/4/2004. In tại Công ty in Giao thông.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2004.

BỘ SÁCH NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ
Xuất bản đợt II

- Báo chí hiện đại nước ngoài:
những quy tắc và nghịch lý
- Công nghệ phỏng vấn
- Chúng tôi làm tin
- Báo chí điều tra
- Các thể loại báo chí
- Báo chí truyền hình
- Giao tiếp trên truyền hình:
Trước ống kính và sau ống kính camera
- Nghề quảng cáo
- Các thể loại báo chí phát thanh
- Nghệ thuật thông tin
- Cơ sở lý luận của báo chí
- Nghiệp vụ báo chí: Lý luận và Thực tiễn
- Phóng sự báo chí hiện đại

CƠ SỞ LÝ LUẬN
của báo chí
(Tập 1)



Cơ sở lý luận của báo chí (1) (1)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN: 11 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9332278 / 9332279 * Fax: (04) 9332276
CHI NHÁNH PHÍA NAM: 120 Nguyễn Thị Minh Khai - Q3 - TP HCM
Điện thoại: (08) 9302826 * Fax: (08) 9306471



8935069200318

33,000

Cơ sở lý luận của báo chí (1) (1)

Giá 33.000đ